

1
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ- KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ



DANH MỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7340101

Tỉnh Bình Dương, năm 2021

2
MỤC LỤC

ĐCCT HP 1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN	4
ĐCCT HP 2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN.....	14
ĐCCT HP 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	26
ĐCCT HP 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	37
ĐCCT HP 5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	48
ĐCCT HP 6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	59
ĐCCT HP 7. TOÁN CAO CẤP C (C1 VÀ C2)	72
ĐCCT HP 8. TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH	83
ĐCCT HP 9. ANH VĂN 1(AV1)	95
ĐCCT HP 10. ANH VĂN 2 (AV2)	108
ĐCCT HP 11. ANH VĂN 3 (AV3)	122
ĐCCT HP 12. ANH VĂN 4 (AV4)	137
ĐCCT HP 13. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	150
ĐCCT HP 14.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 1	161
ĐCCT HP 14.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2.....	169
ĐCCT HP 14.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 3.....	179
ĐCCT HP 14.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2.....	184
ĐCCT HP 15.1. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1	190
ĐCCT HP 15.2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2.....	196
ĐCCT HP 16. TƯ DUY PHẢN BIỆN	204
ĐCCT HP 17. KỸ NĂNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ	217
ĐCCT HP 18. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH VÀ LÀM VIỆC NHÓM.....	229
ĐCCT HP 19. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN	238
ĐCCT HP 20. QUẢN TRỊ HỌC	248
ĐCCT HP 21. KINH TẾ VI MÔ	265
ĐCCT HP 22. KINH TẾ VĨ MÔ	278
ĐCCT HP 23. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VHDN.....	290
ĐCCT HP 24. LUẬT KINH TẾ	299
ĐCCT HP 25. MARKETING CĂN BẢN	312
ĐCCT HP 26. NHẬP MÔN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ.....	325
ĐCCT HP 27. NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ	335
ĐCCT HP 28. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH	346
ĐCCT HP 29. KINH DOANH QUỐC TẾ	360
ĐCCT HP 30. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	372
ĐCCT HP 31. HÀNH VI TỔ CHỨC	384

ĐCCT HP 32. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC.....	400
ĐCCT HP 33. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	412
ĐCCT HP 34. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC.....	422
ĐCCT HP 35. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH.....	442
ĐCCT HP 36. KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH.....	454
ĐCCT HP 37. TÂM LÝ HỌC TRONG KINH DOANH.....	474
ĐCCT HP 38. QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ	486
ĐCCT HP 39. QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG TỔ CHỨC.....	496
ĐCCT HP 40. QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	512
ĐCCT HP 41. QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP	522
ĐCCT HP 42. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG.....	533
ĐCCT HP 43. NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO	546
ĐCCT HP 44. ĐỀ ÁN HỌC PHẦN	557
ĐCCT HP 45. AV CHUYÊN NGÀNH QTKD.....	565
ĐCCT HP 46. KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP	575
ĐCCT HP 47. QUẢN TRỊ DỰ ÁN	587
ĐCCT HP 48. QUẢN TRỊ MARKETING.....	598
ĐCCT HP 49. QUẢN LÝ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ	608
ĐCCT HP 50. QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	619
ĐCCT HP 51. THỰC TẬP CUỐI KHÓA.....	630
ĐCCT HP 52. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP.....	639
ĐCCT HP 53. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	646
ĐCCT HP 54. TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ SỰ KIỆN	658
ĐCCT HP 55. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	672

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81088 - Triết học Mác – Lênin]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 40
- Giờ học lý thuyết trực tuyến: 05
- Giờ tự học của sinh viên: 135

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không có

1.5. Học phần học trước: không yêu cầu

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy bằng tiếng Việt: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Triết học
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị An. ĐT: 0984636292. Mail: an.lt@kkt.edu.vn.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: PGS, TS. Nguyễn Thanh. ĐT: 0903908585. Mail:

nthanh@kkt.edu.vn.

2. Mô tả học phần

Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm có 3 chương. Trong đó, chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bao gồm vấn đề vật chất, ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm những vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trang bị những kiến thức cơ bản về điều kiện ra đời, phát triển và vai trò triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng.

- Hiểu được những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng: về vật chất và ý thức, về phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội, những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của xã hội loài người, về vai trò của đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội, về mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại, tồn tại xã hội - ý thức xã hội, về vai trò của lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong cách mạng xã hội,...

Về kỹ năng:

- Biết vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nhận thức và thực tiễn.

- Biết vận dụng những nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để hiểu được đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong các lĩnh vực cụ thể.

- Khả năng vận dụng kiến thức môn học bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy, các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

Về thái độ và phẩm chất đạo đức:

- Củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng.

- Có thế giới quan và phương pháp luận khoa học, có ý thức đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật siêu hình trong nhận thức và thực tiễn.

- Bồi dưỡng lập trường mácxít, tin tưởng vào đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tự giác, tích cực đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, tư tưởng chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được các khái niệm, phạm trù, quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Từ đó, xây dựng thế giới quan và phương pháp nhận thức khoa học, cách mạng, đúng đắn.	2
CELO2	Giải thích được sự vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung và Việt Nam nói riêng qua các giai đoạn lịch sử.	4
Kỹ năng		
CELO3	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, khai thác học liệu, tìm kiếm thông tin dưới sự hướng dẫn của giảng viên	3

CELO4	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, các xu hướng phát triển của loài người.	5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai.	3
CELO6	Củng cố niềm tin vào sự nghiệp xây dựng CNXH, có ý thức đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	5

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được các khái niệm, phạm trù, quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Từ đó, xây dựng thế giới quan và phương pháp nhận thức khoa học, cách mạng, đúng đắn.	ELO1 ELO2
CELO2	Giải thích được sự vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung và Việt Nam nói riêng qua các giai đoạn lịch sử.	ELO1
Kỹ năng		
CELO3	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, khai thác học liệu, tìm kiếm thông tin dưới sự hướng dẫn của giảng viên	ELO5 ELO8
CELO4	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, các xu hướng phát triển của loài người.	ELO1 ELO2
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai.	ELO11, 12
CELO6	Củng cố niềm tin vào sự nghiệp xây dựng CNXH, có ý thức đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081088	Triết học Mác - Lênin	H	S	N	N	H	N	N	H	N	H	H	S

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp.
- Hướng dẫn sinh viên tự học.
- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.
- Tổ chức các Hội thi hoặc hướng dẫn sinh viên tham gia các Hội thi (nếu có).

7.2 Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, đặt câu hỏi liên quan.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận (nếu có) để đạt các yêu cầu do giảng viên đặt ra.
- Sinh viên khai thác học liệu: xem các video bài giảng, tự đọc tài liệu và làm các bài tập.
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đáp ứng mục tiêu môn học.
- Tham gia các Hội thi có nội dung tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin do giảng viên, nhà trường, các cấp bộ Đoàn tổ chức (nếu có).

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra, thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của nhà trường, quy định của giảng viên.
- Ngồi theo nhóm, lớp để thuận lợi cho quá trình học tập.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần:

CELO	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập cá nhân	Bài tập nhóm	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ

CELO 2	X	x	x	x	- Bài tập tiểu luận nhóm, bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x		- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Bài kiểm tra giữa kỳ	Từng buổi học
CELO 4		x	x	x	- Bài tập tiểu luận nhóm, bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 5	x	x	x	x	- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 6	x	x	x		- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận - Bài kiểm tra giữa kỳ	Từng buổi học

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Bài tập cá nhân	10%	
2	Bài tập nhóm	10%	
3	Thi giữa học kỳ	20%	
4	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tập cá nhân

Kết thúc mỗi chương, giảng viên sẽ gửi cho sinh viên hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm. Sinh viên làm theo kế hoạch của giảng viên và nộp lại đúng thời gian quy định.

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Trắc nghiệm	5%	Nộp bài đúng thời gian, trả lời chính xác được trên 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Nộp bài đúng thời gian, trả lời chính xác được từ 50% đến 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Không nộp bài hoặc trả lời chính xác dưới 50% số câu hỏi trắc nghiệm

Xây dựng bài	5%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời chính xác nhiều câu hỏi	Có tham gia xây dựng bài nhưng số lượng câu trả lời còn hạn chế	Không trả lời đúng các câu hỏi hoặc không tham gia xây dựng bài
--------------	----	---	---	---

- Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Tiểu luận	5%	Nộp bài tiểu luận đúng thời gian, bảo đảm đầy đủ các quy định của bài tiểu luận về nội dung và hình thức, có tính sáng tạo.	Nộp bài tiểu luận đúng thời gian, việc bảo đảm các quy định của bài tiểu luận về nội dung và hình thức còn hạn chế, chưa có tính sáng tạo.	Nộp bài tiểu luận không đúng thời gian, nội dung và hình thức tiểu luận không đảm bảo. Không nộp bài
Thuyết trình, thảo luận	5%	Chuẩn bị bài thuyết trình chu đáo, đảm bảo các yêu cầu; thuyết trình rõ ràng, thu hút; tương tác với các nhóm khác nhiều.	Công tác chuẩn bị và thuyết trình có đầu tư, nhưng chưa bảo đảm các yêu cầu. Khả năng trả lời câu hỏi và xử lý tình huống còn hạn chế	Không chuẩn bị bài thuyết trình Không trả lời được các câu hỏi liên quan

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		Từ 10-8	Từ 8-5	Dưới 4
Tự luận	20%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề, kiến thức trong một tình huống cho trước.	Không nhớ và vận dụng được các kiến thức đã học.

- Thi cuối kỳ (kết hợp trắc nghiệm và tự luận)

Gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm (tối đa 8 điểm) và 01 câu hỏi tự luận (tối đa 2 điểm)

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
Câu hỏi trắc nghiệm (80%)	Từ 6,5-8 Trả lời chính xác được từ 80% số câu hỏi trắc nghiệm trở lên	Từ 4-6,5 Trả lời chính xác được từ 50% đến 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Dưới 4 Số câu trắc nghiệm trả lời chính xác dưới 50%
Câu hỏi tự luận (20%)	Từ 1,5-2 Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết các kiến thức đầy đủ,	Từ 1-1,5 Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết các kiến thức	Dưới 1 Không trả lời được câu hỏi; không kết hợp,

logic, chặt chẽ, có khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo các kiến thức	tương đối đầy đủ nhưng chưa logic, chặt chẽ. Khả năng tổng hợp, phân tích vấn đề còn hạn chế, ít sáng tạo	phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2017.

- TS. Phạm Văn Sinh, Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2015.

10.3. Học liệu khác

Các video, tài liệu đọc có liên quan đến nội dung môn học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1. Khái luận về Triết học và triết học Mác - Lênin</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</i></p> <p>1.1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.1. Lịch sử triết học phương Đông</p> <p>1.2. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO5</p>
2	<p>Chương 1. Khái luận về Triết học và triết học Mác - Lênin (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p><i>1.2. Triết học Mác - Lênin vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội</i></p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>	<p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	
3	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.1. <i>Vật chất và ý thức</i></p> <p>2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất</p> <p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1 CELO3 CELO5 CELO6</p>
4	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.2. <i>Phép biện chứng duy vật</i></p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.2. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6</p>
5	<p>Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.3. <i>Lý luận nhận thức</i></p> <p>2.3.1. Quan điểm về nhận thức trong lịch sử triết học</p> <p>2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.3. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>	<p>CELO1 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2	
6	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.1. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển của các HTKTXH là một quá trình lịch sử tự nhiên</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.1. Vận dụng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam</p> <p>3.2. Vận dụng quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
7	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.2. Giai cấp và dân tộc</p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.1.1. Nhà nước</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.3. Vai trò đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
8	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội (tt)</p> <p>3.1.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý thức xã hội</p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội</p> <p>3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.4. Từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về vai trò của cách mạng xã hội, liên hệ đến Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2, rubric 3.</p>	
9	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.5. <i>Triết học về con người</i></p> <p>3.5.1. Con người và bản chất con người</p> <p>3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</p> <p>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>3.5. Vai trò của chủ tịch Hồ Chí Minh và quần chúng nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6</p>
	Ôn tập, trả kết quả điểm quá trình, giải đáp thắc mắc, ...	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng lý thuyết thoáng mát.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, phấn, máy chiếu (màn hình chiếu), hệ thống âm thanh, có kết nối wifi.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2022 - 2023.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: không.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: không.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị An

ĐCCT HP 2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81089 - Kinh tế chính trị Mác – Lênin]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập: 30 giờ trong đó:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 25.
- Giờ học lý thuyết trực tuyến: 05.
- Giờ tự học của sinh viên: 90.

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin.

1.5. Học phần học trước: Sau khi học xong môn Triết học Mác - Lênin.

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1 năm thứ 2.

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy bằng tiếng Việt: Giáo trình, các học liệu (video, tài liệu đọc).

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/ngành: Triết học
- Khoa: Khoa đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị An. ĐT: 0984636292. Mail: an.lt@kttk.edu.vn.
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Văn Đông. ĐT: 0971637878. Mail: dong.nv@kttk.edu.vn.

2. Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương 2, 3, 4 tập trung nghiên cứu những quan điểm về kinh tế chính trị Mác - Lênin: lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương 5,6 trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển các hoạt động kinh tế trong lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là về hàng hóa và các loại thị trường.
- Giúp người học hiểu được bản chất và các giai đoạn hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản, học thuyết giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản.
- Trang bị những kiến thức cơ bản về nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Nắm vững chủ trương về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về kỹ năng

- Khả năng vận dụng kiến thức môn học để đánh giá, bình luận các vấn đề kinh tế chính trị trong nước và quốc tế, các quy luật kinh tế và xu hướng vận động phát triển của Việt Nam, thế giới.
- Khả năng vận dụng kiến thức môn học để học tập tốt các môn học chuyên ngành.
- Hình thành và phát triển khả năng lập luận, tư duy logic, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình.

Về thái độ và phẩm chất đạo đức

- Tin tưởng và đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Từ đó, phấn đấu học tập, rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có lập trường, chính kiến, ý thức tự giác phấn đấu cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày những lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá; giá trị thặng dư, xác định các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN.	1
CELO2	Nhận ra sự khác biệt giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, đánh giá sự hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	2
CELO3	Xác định được sự cần thiết và vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhận ra sự tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam.	4

Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng rèn luyện năng lực tư duy độc lập trong nghiên cứu, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong cuộc sống	3
CELO5	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế trong nước và quốc tế.	5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, ý thức tự giác nghiên cứu, học tập vận dụng môn học vào nghiên cứu chuyên ngành và hướng đến tương lai.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày những lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá; giá trị thặng dư, xác định các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN.	ELO1 ELO2
CELO2	Nhận ra sự khác biệt giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, đánh giá sự hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	ELO1 ELO2
CELO3	Xác định được sự cần thiết và vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhận ra sự tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam.	ELO1, 2
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng rèn luyện năng lực tư duy độc lập trong nghiên cứu, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong cuộc sống.	ELO5 ELO8
CELO5	Giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế trong nước và quốc tế.	ELO1 ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Động cơ, thái độ học tập đúng đắn, ý thức tự giác nghiên cứu, học tập vận dụng môn học vào	ELO11, 12

	nghiên cứu chuyên ngành và hướng đến tương lai.	
--	---	--

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
08108 9	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H	S	N	N	S	N	N	H	N	N	H	S

N: Không đóng góp (none supported)

S: Có đóng góp (supported)

H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp.
- Hướng dẫn sinh viên tự học.
- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.
- Tổ chức các Hội thi hoặc hướng dẫn sinh viên tham gia các Hội thi (nếu có).

7.2 Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, đặt câu hỏi liên quan.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận (nếu có) để đạt các yêu cầu do giảng viên đặt ra.
- Sinh viên khai thác học liệu: xem các video bài giảng, tự đọc tài liệu và làm các bài tập.
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đáp ứng mục tiêu môn học.
- Tham gia các Hội thi có nội dung tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin do giảng viên, nhà trường, các cấp bộ Đoàn tổ chức (nếu có).

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự các buổi thuyết giảng đúng giờ, đầy đủ.
- Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên.
- Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- Sinh viên phải khai thác học liệu: xem các video bài giảng, đọc các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra, thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của nhà trường, quy định của giảng viên.
- Ngồi theo nhóm, lớp để thuận lợi cho quá trình học tập.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần:

CELO	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập cá nhân	Bài tập nhóm	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 2		x	x	x	- Bài tập tiểu luận nhóm, bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 3	x	x	x		- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Bài kiểm tra giữa kỳ	Từng buổi học
CELO 4		x	x	x	- Bài tập tiểu luận nhóm, bài tập nhóm - Bài kiểm tra giữa kỳ - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 5	x	x	x	x	- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ - trắc nghiệm và tự luận	Từng buổi học Cuối kỳ
CELO 6	x	x	x		- Bài tập cá nhân thường xuyên (trắc nghiệm), bài tập nhóm, bài tiểu luận - Bài kiểm tra giữa kỳ	Từng buổi học

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Bài tập cá nhân	10%	

2	Bài tập nhóm	10%	
3	Thi giữa học kỳ	20%	
4	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá bài tập cá nhân

Kết thúc mỗi chương, giảng viên sẽ gửi cho sinh viên hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm. Sinh viên làm theo kế hoạch của giảng viên và nộp lại đúng thời gian quy định.

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Trắc nghiệm	5%	Nộp bài đúng thời gian, trả lời chính xác được trên 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Nộp bài đúng thời gian, trả lời chính xác được từ 50% đến 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Không nộp bài hoặc trả lời chính xác dưới 50% số câu hỏi trắc nghiệm
Xây dựng bài	5%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời chính xác nhiều câu hỏi	Có tham gia xây dựng bài nhưng số lượng câu trả lời còn hạn chế	Không trả lời đúng các câu hỏi hoặc không tham gia xây dựng bài

- Đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Tiểu luận	5%	Nộp bài tiểu luận đúng thời gian, bảo đảm đầy đủ các quy định của bài tiểu luận về nội dung và hình thức, có tính sáng tạo.	Nộp bài tiểu luận đúng thời gian, việc bảo đảm các quy định của bài tiểu luận về nội dung và hình thức còn hạn chế, chưa có tính sáng tạo.	Nộp bài tiểu luận không đúng thời gian, nội dung và hình thức tiểu luận không đảm bảo. Không nộp bài
Thuyết trình, thảo luận	5%	Chuẩn bị bài thuyết trình chu đáo, đảm bảo các yêu cầu; thuyết trình rõ ràng, thu hút; tương tác với các nhóm khác nhiều.	Công tác chuẩn bị và thuyết trình có đầu tư, nhưng chưa bảo đảm các yêu cầu. Khả năng trả lời câu hỏi và xử lý tình huống còn hạn chế	Không chuẩn bị bài thuyết trình Không trả lời được các câu hỏi liên quan

- Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
		Từ 10-8	Từ 8-5	Dưới 4
Tự luận	20%	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề, kiến thức trong một tình huống cho trước.	Không nhớ và vận dụng được các kiến thức đã học.

- Thi cuối kỳ (kết hợp trắc nghiệm và tự luận)

Gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm (tối đa 8 điểm) và 01 câu hỏi tự luận (tối đa 2 điểm)

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
Câu hỏi trắc nghiệm (80%)	Từ 6,5-8 Trả lời chính xác được từ 80% số câu hỏi trắc nghiệm trở lên	Từ 4-6,5 Trả lời chính xác được từ 50% đến 80% số câu hỏi trắc nghiệm	Dưới 4 Số câu trắc nghiệm trả lời chính xác dưới 50%
Câu hỏi tự luận (20%)	Từ 1,5-2 Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết các kiến thức đầy đủ, logic, chặt chẽ, có khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo các kiến thức	Từ 1-1,5 Câu trả lời thể hiện sự hiểu biết các kiến thức tương đối đầy đủ nhưng chưa logic, chặt chẽ. Khả năng tổng hợp, phân tích vấn đề còn hạn chế, ít sáng tạo	Dưới 1 Không trả lời được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2017.

10.3. Học liệu khác

Các video, tài liệu đọc có liên quan đến nội dung môn học

11. Nội dung chi tiết của học phần

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	<p>Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn</p> <p>1.3.3. Chức năng tư tưởng</p> <p>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>1.1. Sự ra đời và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p> <p>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa</p> <p>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</p> <p>2.1.2. Hàng hóa</p> <p>2.1.3. Tiền tệ</p> <p>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>2.1. Dịch vụ và một số thị trường hàng hóa đặc biệt ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1 CELO4 CELO6</p> <p>CELO1 CELO5 CELO6</p>
2	<p>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường</p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường</p> <p>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường</p> <p>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường</p>	<p>CELO1</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2.3.1. Người sản xuất 2.3.2. Người tiêu dùng 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 2.3.4. Nhà nước</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận: 2.2. Biểu hiện và tác động của các quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p> <p>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận: 3.1. Bản chất bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO2 CELO5 CELO6</p> <p>CELO1 CELO4 CELO5 CELO6</p>
3	<p>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản</p> <p>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần tăng quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.1.1. Lợi nhuận 3.1.2. Lợi tức 3.1.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận: 3.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.3. Đời sống của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO1 CELO4 CELO5 CELO6</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
4	<p>Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong kinh tế thị trường</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền</p> <p>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền</p> <p>4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền</p> <p>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền</p> <p>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>4.1. Mối quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản độc quyền và sự ra đời của hệ thống các quốc gia thuộc địa</p> <p>4.2. Vai trò và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO2</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
5	<p>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>5.3.1. Lợi ích kinh tế và các quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2. Vai trò Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích</p>	<p>CELO2</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>

Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>5.1. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>5.2. Vấn đề đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2, rubric 3</p>	
6	<p>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>A. Nội dung giảng dạy</p> <p>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p> <p>B. Nội dung hướng dẫn tự học: sinh viên làm bài tập trắc nghiệm của chương 1 trong bộ ngân hàng câu hỏi. Các nhóm nghiên cứu nội dung để thảo luận:</p> <p>6.1. Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế với các vấn đề chính trị xã hội</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, rubric 2</p>	<p>CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6</p>
	Ôn tập, trả kết quả điểm quá trình, giải đáp thắc mắc, ...	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng lý thuyết thoáng mát.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, phấn, máy chiếu (màn hình chiếu), hệ thống âm thanh, có kết nối wifi.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2022 - 2023.
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ: không.
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: không.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị An

ĐCCT HP 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81090– Chủ nghĩa xã hội khoa học]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 26 tiết
- Giờ học thảo luận, kiểm tra: 4 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: III

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Việt, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Triết học
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Doãn Thị Huệ, 0385091343, hue.dt@kttk.edu.vn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Lê Thị An, 0984636292, an.lt@kttk.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có 7 chương trình bày về những quy luật cơ bản của sự ra đời, vận động và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, chương 1 trình bày khái quát về môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Chương 2 nói về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chương 3 đi vào phân tích về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ở các chương 4, chương 5, chương 6, chương 7 trình bày về những vấn đề chính trị xã hội có tính chất quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng ở Việt Nam, bao gồm: dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó, sinh viên nhận thức được các vấn đề của thực tiễn xã hội trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.

Về kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy biện chứng, tư duy phản biện cho sinh viên, giải quyết các vấn đề trong học tập, công việc, thực tiễn cuộc sống.

Về thái độ:

Thái độ tích cực về lý tưởng và con đường đi lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức lối sống tốt và có tinh thần học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học	2
CELO2	Hiểu và giải thích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung và giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng-là giai cấp có sứ mệnh xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa, một xã hội phát triển và tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực	2
CELO3	Biết, hiểu và giải thích về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và học tập	3
CELO5	Có tư duy phản biện, tư duy biện chứng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, khai thác học liệu và tìm kiếm thông tin	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, rèn luyện và thực hiện vai trò xung kích của tuổi trẻ, đấu tranh chống những quan điểm sai trái. Có tinh thần học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học	ELO1
CELO2	Hiểu và giải thích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung và giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng-là giai cấp có sứ mệnh xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa, một xã hội phát triển và tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực	ELO1

CELO3	Biết, hiểu và giải thích về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	ELO1
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và học tập	ELO5 ELO8
CELO5	Có tư duy phản biện, tư duy biện chứng, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, khai thác học liệu và tìm kiếm thông tin	ELO7, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, rèn luyện và thực hiện vai trò xung kích của tuổi trẻ, đấu tranh chống những quan điểm sai trái. Có tinh thần học tập suốt đời	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081090	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	N	N	N	S	N	S	H	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Trò chơi ô chữ

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự ít nhất ...50..% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan.
- + Sinh viên phải lập các nhóm học tập và cử 1 nhóm trưởng theo hướng dẫn của giảng viên (nếu giảng viên yêu cầu).
- + Sinh viên phải làm các bài tập đúng hạn. Nếu quá hạn quy định sinh viên sẽ không được làm lại và bài đó không có điểm.
- + Sinh viên phải tham dự kỳ thi cuối kỳ theo kế hoạch.
- + Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi; tích cực thảo luận nhóm..

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELO	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x		x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 2	x	x		x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 3	x	x		x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Giữa kỳ - Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x	x		- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Giữa kỳ - Cuối kỳ.
CELO 5	x	x			x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.
CELO 6	x	x	x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, bài luận, bài nhóm). - Thi tự luận cuối kỳ - đề mở.	- Hàng tuần. - Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	

2	Thảo luận	5%	
4	Thuyết trình	5%	
5	Thi giữa học kỳ	30%	
6	Thi cuối học kỳ	$\geq 50\%$	
7	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp, sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi tự luận

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Làm bài kiểm tra câu hỏi tự luận ở trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong quá trình học với bài kiểm tra	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập**10.1 Giáo trình**

- GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) *Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.

- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn;
www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn

11. Nội dung chi tiết của học phần**11.1 Phần lý thuyết**

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
Tuần 1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	
	A- Các nội dung chính (4,5 tiết)	CELO1
	I. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học	CELO2
	1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH	CELO3
2. Vai trò của Các Mác và Ăngghen	CELO4	
II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH	CELO5	
1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH	CELO6	
2. Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới		
3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi Lênin qua đời đến nay		
III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học		
1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH		
2. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH		
3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH		
	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
	I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân	
	1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	
	2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
	3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
	Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)	
	- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)	
	- Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên.	
	Giáo trình	

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
Tuần 2	<p>Chương 2 : (tiếp theo)</p> <p>A-Các nội dung chính (4.5 tiết)</p> <p>I.Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân</p> <p>2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>1. Giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2. Nội dung sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I.Chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Chủ xã hội chủ nghĩa, giai đoạn đầu của hình thái KT - XH Cộng sản chủ nghĩa</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <p>- Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>- Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	
Tuần 3	Chương 3 : (tiếp theo)	
Tuần 3	<p>A-Các nội dung chính (4.5 tiết)</p> <p>I.Chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH <p>II. Thời kỳ quá độ lên chủ xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <p>III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở VN hiện nay <p>Chương 4: Dân chủ Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Xã hội chủ nghĩa</p> <p>I. Dân chủ Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên. <p>Giáo trình</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
Tuần 4	Chương 4: (Tiếp theo)	
	<p>A- Các nội dung chính (3.5 tiết)</p> <p>I. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.Dân chủ xã hội chủ nghĩa 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
Tuần 4	<p>II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của NN xã hội chủ nghĩa 2. Mọi quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN <p>III. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam 2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay <p>Chương 5: Cơ cấu xã hội, giao cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>I. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. <p>Kiểm tra quá trình: 1 tiết</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên. - SV sẽ chuẩn bị các nội dung dưới dạng powerpoint theo mỗi nhóm dưới sự hướng dẫn của GV nhằm phục vụ cho buổi học online của tuần thứ 5 kế tiếp. <p>Giáo trình</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
Tuần 5	<p>Học online - Chương 5: (Tiếp theo)</p>	
	<p>A-Các nội dung chính (5 tiết)</p> <p>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>III. Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
Tuần 5	<p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc 2. Xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc <p>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay <p>Nội dung học online 5 tiết:</p> <p>GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở tuần thứ 4).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học theo hướng dẫn của giảng viên. <p>Giáo trình</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchiconsan.org.vn; www.chinhphu.vn <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO5</p> <p>CELO6</p>
Tuần 6	Chương 6: (Tiếp theo)	
	<p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm gia đình 2. Vị trí của gia đình trong xã hội 3. Chức năng cơ bản của gia đình <p>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2. Cơ sở chính trị - xã hội 3. Cơ sở văn hóa 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình</p> <p>3. Biến đổi các mối quan hệ gia đình</p> <p>4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình VN trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>- Hệ thống lại nội dung cơ bản của môn học: 1 tiết</p> <p>- Công bố điểm quá trình</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ)</p> <p>- Sinh viên tự ôn tập nội dung môn học theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Giáo trình GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021</p> <p>Giáo trình và tài liệu tham khảo khác GS.TS.Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc Đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2021.</p> <p>- Một số website chính thống phục vụ cho môn học: www.dangcongsan.vn; www.tapchicongsan.org.vn; www.chinhphu.vn</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: <i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3.</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Máy chiếu hoặc ti vi, loa, âm thanh, ánh sáng đầy đủ và đảm bảo sử dụng được
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Doãn Thị Huệ

ĐCCT HP 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -
KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [081003 – Tư tưởng Hồ Chí Minh]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
- Giờ học thảo luận, kiểm tra: 5 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: IV

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Việt, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Triết học
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS.Doãn Thị Huệ, 0385091343, hue.dt@kttk.edu.vn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS.Lê Thị Hiền, 0913859759, hien.lt@kttk.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Sinh viên trình bày khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

Về kỹ năng:

Sinh viên thực hiện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, khai thác học liệu, tư duy độc lập, phân tích, đánh giá; Vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh để đưa ra những lập luận và giải pháp cho một số vấn đề về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa trong phạm vi ngành nghề.

Về thái độ:

Thể hiện thái độ tích cực về lý tưởng, con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, có phẩm chất đạo đức và lối sống tốt, tinh thần học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm, cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích được nguồn gốc quan trọng nhất hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.	2
CELO2	Hiểu và giải thích được nội dung thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa; nêu được tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc; nêu được quan điểm vận dụng của Đảng về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Phân tích được quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.	3
CELO3	Hiểu và giải thích được tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về mục tiêu và động lực, về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm vận dụng của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH vào công cuộc đổi mới hiện nay.	3
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và học tập	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nâng cao nhận thức, thái độ lòng yêu nước của sinh viên cũng như nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu rõ được khái niệm, cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.	ELO1
CELO2	Nêu được tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc; nêu được quan điểm vận dụng của Đảng về vấn đề dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Phân tích được quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.	ELO1, 8
CELO3	Hiểu và giải thích được tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về mục tiêu và động lực, về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh	ELO1, 8
Kỹ năng		

CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và làm việc	ELO5 ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nâng cao nhận thức, thái độ lòng yêu nước của sinh viên cũng như nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	N	N	N	H	N	N	S	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Kể chuyện
- + Trò chơi ô chữ

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự ít nhất ...50..% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan.....
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi; tích cực thảo luận nhóm..

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELO	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x		x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở	-Hàng tuần. -Cuối kỳ

CELO 2	x	x		x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO 3	x	x		x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Thi giữa -Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x			-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Thi giữa kỳ -Cuối kỳ.
CELO 5	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
4	Thuyết trình	5%	
6	Thi giữa học kỳ	30%	
7	Thi cuối học kỳ	>=50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà, câu hỏi kiểm tra, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp, sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.
----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------	--

- Kiểm tra giữa kỳ dạng câu hỏi trắc nghiệm hoặc câu hỏi tự luận

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Kiểm tra dạng câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiền độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh; GS.TS.Nguyễn Thanh, TS. Lê Xuân Nam, ThS. Hoàng Xuân Sơn, ThS. Đỗ Minh Tú; NXB Thời đại; 2012

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Hồ Chí Minh	CELO1
	A. Nội dung chính trên lớp (2 tiết)	CELO2

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần. - Hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập.</p> <p>I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh II. Đối tượng nghiên cứu III. Phương pháp nghiên cứu 1. Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý nghĩa của việc học môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 2. Giáo dục định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p> <p>Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>A. Các nội dung chính (3 tiết) I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở thực tiễn 2. Cơ sở lý luận 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Thời kỳ trước năm 1911: hình thành tư tưởng yêu nước và chỉ hướng tìm đường cứu nước mới</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết - Bài tập theo hướng dẫn của GV.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) - Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.</p> <p>Giáo trình chính: - GS.TS.Mạch Quang Thắng (Chủ biên), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, (2021) - Nguyễn Văn Đạo (Chủ biên), <i>Hướng dẫn học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, (2021)</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3. Ghi chú: cuối buổi học, GV sẽ thông báo tới SV các lớp về việc tổ chức “Hội thi theo dấu chân Người” (Hoặc tổ chức đi tham quan Bảo tàng Hồ Chí Minh) trong quá trình học môn học..</p>	<p>CELO3 CELO4 CELO5</p>
Tuần 2	<p>Chương 2: (Tiếp theo)</p> <p>A. Các nội dung chính (4 tiết) II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Thời kỳ 1911-1920: hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ 1920-1930: hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ 1930-1941: vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo</p>	<p>CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>5. Thời kỳ 1941-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta</p> <p>III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại <p>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vấn đề độc lập dân tộc 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (10 giờ) - Tìm đọc thêm tư liệu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh <p>Tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, (2021) - Nguyễn Văn Đạo (Chủ biên), <i>Hướng dẫn học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, (2021) <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 2, Rubric 3.</p>	
Tuần 3	Chương 3 : (tiếp theo)	
3	<p>A- Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <p>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <p>IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiên toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ</p> <p>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập theo hướng dẫn của GV. - B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) - Tìm hiểu thêm về những giá trị dân chủ, nhân văn tốt đẹp giữa xã hội xã hội chủ nghĩa so với xã hội tư bản chủ nghĩa. <p>SV sẽ chuẩn bị các nội dung dưới dạng powerpoint theo mỗi nhóm dưới sự hướng dẫn của GV nhằm phục vụ cho buổi học online của tuần thứ 4 kế tiếp.</p> <p>Giáo trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</i> - <i>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</i> - <i>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng. GS.TS. Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</i> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p> <p>Ghi chú: Khoa Đại cương tổ chức thi trắc nghiệm kiến thức vòng sơ khảo cho tất cả SV đang học môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	
Tuần 4	Học online - Chương 4: (Tiếp theo)	
	<p>A- Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà nước dân chủ 2. Nhà nước pháp quyền 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <p>III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước <p>Nội dung học online: 5 tiết</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở buổi học tuần thứ 3).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình.</p> <p>- Làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ)</p> <p>- Tìm hiểu thêm và lấy dẫn chứng về nội dung xây dựng Đảng, Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Giáo trình</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 2, Rubric 3.</p>	
Tuần 5	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	
Tuần 5	<p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I.Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc- mặt trận dân tộc thống nhất 5. phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc <p>II.Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <p>III.Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của đảng 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công- nông- trí dưới sự lãnh đạo của đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế <p>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: 1 tiết</p> <p>- Làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) Tìm hiểu thêm và lấy các dẫn chứng chứng tỏ sự vững chắc của khối đại đoàn kết dân tộc; tình đoàn kết hữu nghị nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới giai đoạn hiện nay.</p> <p>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3. Ghi chú: Khoa Đại cương phối hợp với các phòng ban, các khoa kết hợp tổ chức vòng chung kết “Hội thi theo dấu chân Người“</p>	
Tuần 6	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người	
	<p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa <p>II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng <p>III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người <p>IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng <p>Hệ thống lại các nội dung cơ bản của môn học (1 tiết)</p> <p>- Công bố điểm quá trình.</p> <p>- B. Các nội dung cần tự học ở nhà (15 giờ) Tìm hiểu thêm về: Phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở địa phương. Sinh viên tự ôn tập môn học để thi cuối kỳ</p> <p>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), GS.TS. Mạch Quang Thắng (chủ biên), NXB chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>Hồ Chí Minh - tiểu sử, Song Thành, XNB lý luận chính trị (2006)</p> <p>130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại tướng.GS.TS.Tô Lâm, NXB Chính trị quốc gia sự thật (2020).</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p><i>Phương pháp đánh giá:</i> Rubric 2, Rubric 3.</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Máy chiếu hoặc ti vi, loa, âm thanh, ánh sáng đầy đủ và đảm bảo sử dụng được
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Doãn Thị Huệ

ĐCCT HP 5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ -
KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
081091 – Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
- Giờ học thảo luận, kiểm tra: 5 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: V

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Tiếng Việt, Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Lý luận chính trị
- Khoa: Đại Cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Doãn Thị Huệ, 0385091343, hue.dt@kkt.edu.vn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Lê Thị Hiền, 0913859759, hien.lt@kkt.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần gồm Chương nhập môn và 3 chương: Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối lãnh đạo cũng như những thành tựu của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Sinh viên có những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, trong từng giai đoạn khác nhau của đất nước.
- Nắm được những thắng lợi quan trọng cũng như những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay.

Về kỹ năng:

Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

Về thái độ:

Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được hoàn cảnh ra đời, quy luật hình thành Đảng cộng sản Việt Nam và nhận biết được điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc về quy luật thành lập Đảng ở Việt Nam. Sinh viên giải thích được vì sao Đảng ra đời năm 1930 và gắn liền với công lao to lớn của Hồ Chí Minh.	2
CELO2	Sinh viên có khả năng giải thích, phân tích được chủ trương chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 1945-1975, đặc biệt là chủ trương trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945; kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược...	4
CELO3	Giải thích được sự lãnh đạo tài tình của Đảng về khả năng dự đoán và chớp thời cơ trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám.	2
CELO4	Trình bày và giải thích được nguyên nhân thắng lợi Điện Biên Phủ (1954), Điện Biên Phủ trên không (1972)... trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.	3
CELO5	Trình bày được nội dung, thành tựu và kết quả thực hiện đường lối lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa... trong thời kỳ đổi mới đất nước từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đến Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) cho tới nay.	3
Kỹ năng		
CELO6	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, làm việc..	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	3
CELO8	Sống, học tập và làm việc theo đúng chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

4. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được hoàn cảnh ra đời, quy luật hình thành Đảng cộng sản Việt Nam và nhận biết được	ELO1

	điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc về quy luật thành lập Đảng ở Việt Nam. Sinh viên áp dụng vào việc giải thích quá trình ra đời và nhu cầu của xã hội đối với chuyên ngành đang theo học đó là ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
CELO2	Giải thích được sự lãnh đạo tài tình của Đảng về khả năng dự đoán và chớp thời cơ trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám. Từ đó sinh viên vận dụng dự đoán xu hướng phát triển của chuyên ngành đang theo học mà có động lực, mục tiêu phấn đấu học tập và làm việc	ELO1
CELO3	Có khả năng phân tích được khó khăn và thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám; chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến của Đảng năm 1946. Áp dụng phân tích, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của bản thân nói riêng, của công ty nói chung trong quá trình học tập và làm việc sau này, đưa ra giải pháp khắc phục và phấn đấu đạt được mục tiêu cao nhất	ELO1
CELO4	Trình bày và giải thích được nguyên nhân thắng lợi Điện Biên Phủ (1954), Điện Biên Phủ trên không (1972)... trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Vận dụng giải thích những hạn chế của bản thân, những khó khăn của môn học trong quá trình học chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng- một chuyên ngành còn mới ở nước ta, đưa ra kế hoạch, biện pháp điều chỉnh và khắc phục, phấn đấu đạt được mục tiêu cao nhất, phù hợp với năng lực của bản thân	ELO1
CELO5	Trình bày được nội dung, kết quả thực hiện đường lối lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa...trong thời kỳ đổi mới đất nước từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đến Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) cho tới nay.	ELO1
Kỹ năng		
CELO6	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phân tích và vận dụng sáng tạo những chủ trương lãnh đạo của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, làm việc..	ELO5 ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Nâng cao nhận thức, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, củng cố niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	ELO10
CELO8	Sống, học tập và làm việc theo đúng chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng.	ELO12

5. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081091	Lịch sử Đảng cộng	H	N	N	N	S	N	N	S	N	S	N	

	sản Việt Nam												S
--	--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng trên lớp
- + Giảng online
- + Giao bài về nhà
- + Kể chuyện
- + Trò chơi ô chữ
- + Hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên tham quan Bảo tàng Chứng tích chiến tranh hoặc tổ chức chương trình “Về nguồn” cho SV tham gia.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tham gia nghe giảng trên lớp
- + Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự ít nhất ...50..% số lượng tiết giảng
- + Chuẩn bị bài: đọc trước bài giảng và các tài liệu có liên quan. Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện các bài tập trong mỗi buổi học và bài thi giữa kỳ, bài thi kết thúc học phần.
- + Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm từ 6 -10 SV theo yêu cầu ở mỗi lớp), cử 1 nhóm trưởng
- + Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi; tích cực thảo luận nhóm...Sinh viên phải tham dự các buổi học trên lớp đúng giờ, đầy đủ theo thời khóa biểu. thực hiện đúng nội quy lớp học. Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo đến Khoa đào tạo.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELO	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Chuyên cần	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x		x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO 2	x	x	x		x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.

CELO 3	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO 4	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Thi giữa kỳ -Cuối kỳ.
CELO 5	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO 6	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO7	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.
CELO8	x	x	x	x	x	-Bài kiểm tra thường xuyên. -Thi tự luận cuối kỳ; đề mở.	-Hàng tuần. -Cuối kỳ.

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thảo luận	5%	
3	Bản thu hoạch	30%	
4	Thuyết trình	5%	
5	Thi cuối học kỳ	>=50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà hoặc bài tập trực tiếp ở lớp thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp, sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ dạng bài thu hoạch hoặc câu hỏi tự luận

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Bài thu hoạch hoặc bài kiểm tra tự luận		Nhớ và hiểu, giải thích được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, rút ra nhận xét, đánh giá.	Nhớ và hiểu, giải thích được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức liên quan nội dung bài học	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)

10.2 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Tìm hiểu Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam; GS.TS.Nguyễn Thanh, TS. Lê Xuân Nam, ThS. Hoàng Xuân Sơn; NXB Thời đại; 2012

- Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), *Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam* (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phân (CELOs)
Tuần 1	Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo giành chính quyền (1930-1945)	CELO1
	<p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>I.Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2 năm 1930)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng <p>II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội nghị thành lập Đảng 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Ý nghĩa lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng <p>Ghi chú: cuối buổi học đầu tiên, GV sẽ thông báo cho sinh viên các lớp biết về việc khoa Đại cương sẽ tổ chức chương trình tham quan bảo tàng Chứng tích chiến tranh hoặc tham gia vào chương trình “Về nguồn”...</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung của Cương lĩnh chính trị 3/2 và ý nghĩa lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên ,<i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6 CELO7 CELO8
Tuần 2	Chương I : (Tiếp theo)	Phụ lục 3b
	<p>A – Các nội dung chính (4 Tiết)</p> <p>II.Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 2. Phong trào dân chủ 1936-1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết)</p> <p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên.</p>	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>-Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn lãnh đạo của Đảng ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.</p> <p>-SV sẽ chuẩn bị các nội dung dưới dạng powerpoint theo mỗi nhóm dưới sự hướng dẫn của GV nhằm phục vụ cho buổi học online của tuần thứ 3 kế tiếp.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, Nxb. Hồng Đức, 2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO5</p> <p>CELO6</p> <p>CELO7</p> <p>CELO8</p> <p>Phụ lục 3b</p>
Tuần	Học online - Chương 2 : (tiếp theo)	
3	<p>A- Các nội dung chính (5 tiết)</p> <p>I.Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954 Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ <p>Nội dung học online: 5 tiết</p> <p>GV sẽ gọi từng nhóm SV trình bày và thuyết trình powerpoint về nội dung đã được giao chuẩn bị từ trước (ở buổi học tuần thứ 2).</p> <p>-GV sẽ tổ chức, điều khiển và nhận xét, tổng kết các nội dung bài học trên cơ sở nội dung SV vừa thuyết trình.</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ và vai trò to lớn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p> <p>CELO7</p> <p>CELO8</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, Nxb. Hồng Đức, 2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	Phụ lục 3b
Tuần 4	<p>Chương II: (Tiếp theo) A – Các nội dung chính (4 tiết) II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc 1954-1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975 3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975 <p>Ghi chú: kiểm tra quá trình Hoặc tổ chức cho SV tham gia hoạt động tham quan thực tế và nộp bài thu hoạch. Nội dung làm bài tập/thảo luận: (1 Tiết) - Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ Tìm hiểu thêm nội dung, ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ trên không; Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Paris -Giáo trình chính: +PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021) -Giáo trình và tài liệu tham khảo khác: +PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019. +Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lí luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021 +TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, Nxb. Hồng Đức, 2018. C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p> <p>CELO7</p> <p>CELO8</p> <p>Phụ lục 3b</p>
Tuần 5	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới 1975- đến nay	
	<p>A- Các nội dung chính (4,5 tiết) I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1986</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: (0.5 Tiết)</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Bài tập theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Tìm hiểu trước nội dung Đại hội Đảng lần thứ VI – đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, tìm ra đặc điểm nổi bật của mỗi Đại hội.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Giáo trình và tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p> <p>CELO7</p> <p>CELO8</p> <p>Phụ lục 3b</p>
Tuần 6	Chương 3: (Tiếp theo)	
	<p>A-Các nội dung chính (4 tiết)</p> <p>II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1986 đến nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới <p>Hệ thống lại kiến thức, nội dung cơ bản của môn học: 1 tiết</p> <p>Công bố điểm quá trình</p> <p>B-Các nội dung cần tự học: 15 giờ</p> <p>Sinh viên tự ôn thi cuối kỳ</p> <p>Tìm hiểu thêm nội dung Đại hội Đảng lần thứ VI – đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, ý nghĩa và kết quả đạt được của mỗi Đại hội.</p> <p>-Giáo trình chính:</p> <p>+PGS.TS.Nguyễn Trọng Phúc (Chủ tịch hội đồng biên soạn) <i>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật (2021)</p> <p>-Tài liệu tham khảo khác:</p> <p>+PGS.Lê Mậu Hãn, TS.Võ Văn Bé, <i>Các Đại hội và các Hội nghị Trung ương Đảng (1930-2018)</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, 2019.</p> <p>+Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên), <i>Hướng Dẫn Ôn Thi Hiệu Quả Môn Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam</i> (Dùng cho sinh viên Đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Đại học Sư phạm, 2021</p> <p>+TS. Lê Trung Kiên, <i>Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh hùng huyền thoại</i>, , Nxb. Hồng Đức ,2018.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 2, Rubric 3.</p>	<p>CELO1</p> <p>CELO2</p> <p>CELO3</p> <p>CELO4</p> <p>CELO5</p> <p>CELO6</p> <p>CELO7</p> <p>CELO8</p> <p>Phụ lục 3b</p>

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Máy chiếu hoặc ti vi, loa, âm thanh, ánh sáng đầy đủ và đảm bảo sử dụng được
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2022

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Doãn Thị Huệ

ĐCCT HP 6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [8100-Pháp luật Đại cương]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 30 tiết (trong đó thuyết giảng 20 tiết và thảo luận/làm bài tập 10 tiết)
- Giờ tự học của sinh viên: 90

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: II năm thứ 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Pháp luật
- Khoa: Khoa Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Nguyễn Duy Dũng
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Như Ngọc

2. Mô tả học phần

Môn Pháp luật đại cương trình bày các vấn đề sau đây: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật; Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính; Luật phòng chống tham nhũng; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Luật Kinh doanh

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về sự ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật trong lịch sử. Từ đó, nhận ra những quy luật căn bản về sự tồn tại của các yếu tố mang tính quyền lực ở phạm vi quốc gia. Đồng thời, sinh viên cũng có kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

+ Thông qua quá trình nghe giảng, thảo luận, làm việc nhóm và cá nhân, các hoạt động trên lớp, tự học, góp phần cho sinh viên các kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, thuyết trình, đọc và nghiên cứu tài liệu, giải quyết vấn đề.

- Về kỹ năng:

Môn học góp phần hình thành tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ pháp luật và thái độ chủ động trong việc xử lý các vấn đề nảy sinh trong đời sống và công việc có liên quan đến pháp luật.

- Về thái độ:

Sinh viên có thái độ học tập đúng mực

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu đúng các quy định pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	2
CELO2	Phân tích được quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	4
Kỹ năng		
CELO3	Áp dụng đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại vào các tình huống trong thực tế.	3
CELO4	Đưa ra các giải pháp để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có tinh thần học hỏi, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu đúng các quy định pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO1,2
CELO2	Phân tích được quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO1
Kỹ năng		
CELO3	Áp dụng đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại vào các tình huống trong thực tế.	ELO3, 8
CELO4	Đưa ra các giải pháp để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO3, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có tinh thần học hỏi, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức			Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	S	N	N	N	N	N	H	N	N	H	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

+ Yêu cầu sinh viên chuẩn bị giáo trình tham khảo, tài liệu mà giảng viên đã cung cấp thông tin (Mục 6.3, 7.1) theo những nội dung học tập (mục 8.1) và xây dựng kế hoạch học tập theo tiến độ.

+ Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trình bày trong Mục 8 và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên. Trong đó, thực hiện giảng dạy theo hình thức tập trung (trên lớp truyền thống/trên MS Teams) đối với 40% tổng thời lượng môn học, hướng dẫn sinh viên tự học theo hình thức elearning thông qua hệ thống học trực tuyến của nhà trường đối với 60% tổng thời lượng còn lại.

+ Hướng dẫn sinh viên tìm và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự nội dung học tập mà giảng viên yêu cầu theo từng bài học.

+ Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận thuyết trình nhóm theo tình huống cụ thể trong thực tiễn.

+ Tổ chức thảo luận, sửa bài tập theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.

+ Sinh viên được khuyến khích sử dụng tổng hợp kiến thức từ các môn học khác có liên quan và những trải nghiệm thực tiễn để đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu (giả định) được đặt ra.

7.2 Phương pháp học tập

+ Sinh viên phải chuẩn bị tài liệu tham khảo, tìm tài liệu và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự nội dung học tập mà giảng viên đã yêu cầu chi định bắt buộc khi giới thiệu môn học.

+ Sinh viên tự đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; Làm bài tập và chuẩn bị những nội dung thảo luận với giảng viên và trước lớp.

+ Sinh viên xem các clip hướng dẫn học tập, tài liệu học tập mà giảng viên đăng tải trên trang elearning để tự học và làm bài tập do giảng viên giao.

+ Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận, giải quyết bài tập cá nhân/nhóm mà giảng viên cung cấp; được quyền đặt câu hỏi, nêu tình huống giả định hoặc thực tiễn.

+ Nhóm sinh viên tìm hiểu bài tập nhóm được giảng viên giao, thực hiện phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm, giải bài tập theo tình huống (case study/bài tập).

+ Nhóm sinh viên làm bài thuyết trình bằng powerpoint theo đề tài mà giảng viên yêu cầu và thuyết trình trước lớp để giảng viên cho ý kiến nhận xét, trao đổi, hoàn thiện.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Sinh viên cần đọc tài liệu, giáo trình và chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự lớp học đầy đủ và cần tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp, phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi liên quan đến các nội dung học và làm bài tập nhóm ở nhà để tự củng cố kiến thức.

+ Các nội dung thực hiện, làm bài tập cá nhân/nhóm sẽ được thực hiện trong quá trình học, sau khi kết thúc nội dung của từng phần chương; hoặc cả chương cụ thể do giảng viên yêu cầu. Sinh viên bắt buộc tham gia, thực hiện đủ các bài tập cá nhân/nhóm, bài thuyết trình nhóm trên lớp và bài kiểm tra giữa kỳ. Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% sẽ bị cấm thi lần 1.

+ Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;

+ Phải đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp;

+ Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng 6 SV), cử 1 nhóm trưởng;

+ Làm các bài kiểm tra, bài tập trên E-learning đúng thời hạn nếu sinh viên không làm bài thì sẽ không có điểm.

+ Theo dõi các thông tin và thông báo của giảng viên trên trang E-Learning hàng ngày để thực hiện đúng các yêu cầu mà giảng viên đã giao.

+ Tham dự thi cuối khóa (thi kết thúc học phần) là điều kiện bắt buộc. Không tham dự xem như không đạt yêu cầu.

+ Sinh viên cần tuân thủ nghiêm túc Nội quy lớp học, quy chế kiểm tra và thi theo quy định của Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học kinh tế kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Dự lớp, thảo luận	Làm bài tập nhóm	Kiểm tra thường xuyên	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	- Điểm danh, phát biểu - Bài kiểm tra thường xuyên - Thuyết trình bài tập nhóm - Bài thi cuối kỳ (50 câu trắc nghiệm trong 60 phút)	- Mỗi buổi học - Cuối mỗi bài trên trang học trực tuyến Elearning - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	- Điểm danh, phát biểu - Bài kiểm tra thường xuyên - Thuyết trình bài tập nhóm - Bài thi cuối kỳ (50 câu trắc nghiệm trong 60 phút)	- Mỗi buổi học - Cuối mỗi bài trên trang học trực tuyến Elearning - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 3	x	x		x	- Dự lớp, phát biểu - Thuyết trình bài tập nhóm - Bài thi cuối kỳ	- Mỗi buổi học - Hàng tuần - Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x	x	- Điểm danh, phát biểu - Bài kiểm tra thường xuyên - Thuyết trình bài tập nhóm - Bài thi cuối kỳ (50 câu trắc nghiệm trong 60 phút)	- Mỗi buổi học - Cuối mỗi bài trên trang học trực tuyến Elearning - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CELO 5	x	x	x	x	- Điểm danh, phát biểu - Bài kiểm tra thường xuyên - Thuyết trình bài tập nhóm - Bài thi cuối kỳ (50 câu trắc nghiệm trong 60 phút)	- Mỗi buổi học - Cuối mỗi bài trên trang học trực tuyến Elearning - Hàng tuần, - Cuối kỳ

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần		
2	Thảo luận		
3	Bản thu hoạch		
4	Thuyết trình		
5	Báo cáo		
6	Thi giữa học kỳ	= 40 %	
7	Thi cuối học kỳ	= 60 %	

.....		
	Tổng	100%

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 -80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
---------------------	--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Giáo trình Pháp luật đại cương (Tài liệu chính) – TS. Lê Minh Toàn chủ biên, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật năm 2019

10.2. Tài liệu học tập

Giáo trình Đại cương về nhà nước và pháp luật (GSTSKH Đào Trí Úc và GSTS Hoàng Thị Kim Quế đồng chủ biên), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2017.

* Website

- + Trang thư viện pháp luật: www.thuvienphapluat.com
- + Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp: <http://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>
- + Cổng thông tin điện tử Chính phủ: <http://chinhphu.vn>
- + Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử: <http://www.nclp.org.vn>

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Sách: “Hướng dẫn học tập Pháp luật đại cương” (PGS.TS Bùi Anh Thủy chủ biên, Nxb Đại học quốc gia TPHCM, H.2020.

11. Nội dung chi tiết của học phần

11.1 Phần lý thuyết

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Bài 1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật (2 tiết)	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Giới thiệu môn học	
	I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước (2 tiết) 1. Nguồn gốc Nhà nước. 2. Nhà nước, đặc trưng và các kiểu nhà nước 2.1. Định nghĩa. 2.2. Đặc trưng. 2.3. Các kiểu nhà nước 3. Hình thức Nhà nước. 3.1. Hình thức chính thể 3.2. Hình thức cấu trúc Nhà nước 4. Bản chất và chức năng của Nhà nước 4.1. Bản chất của Nhà nước 4.2. Chức năng của Nhà nước 5. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
	II. Những vấn đề cơ bản của pháp luật (1 tiết)	
	1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật. 1.1. Nguồn gốc 1.2. Bản chất của pháp luật 2. Thuộc tính của pháp luật. 3. Chức năng của pháp luật và các kiểu pháp luật 3.1. Chức năng của pháp luật 3.2. Các kiểu pháp luật Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)	

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>- Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước và pháp luật. - Nhận dạng và phân biệt được nhà nước với các tổ chức khác - Nắm được các hình thức nhà nước và pháp luật.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm: - Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước. - Nguồn gốc, bản chất của pháp luật. - Các thuộc tính và chức năng của pháp luật.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ.</p>	
2	<p>Bài 2. Quy phạm pháp luật, Văn bản QPPL và Quan hệ pháp luật (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Quy phạm pháp luật 1.1. Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật 1.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật 2. Văn bản quy phạm pháp luật. 2.1. Khái niệm và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 2.2. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2.3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật. 2.4. Những hành vi bị nghiêm cấm 2.5. Hiệu lực, nguyên tắc áp dụng, công khai văn bản quy phạm pháp luật 2.6. Hợp nhất, pháp điển, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. 3. Quan hệ pháp luật 3.1. Khái niệm 3.2. Đặc điểm 3.3. Thành phần của quan hệ pháp luật</p> <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết) - Hiểu thế nào là vi phạm pháp luật, cách nhận biết. - Trách nhiệm pháp lý đối với vi phạm pháp luật</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm: - Quy phạm pháp luật. - Văn bản quy phạm pháp luật - Thành phần của Quan hệ pháp luật</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ.</p>	<p>CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>
2	<p>Bài 3: Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa (2 tiết)</p>	<p>CELO 1 CELO 2</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vi phạm pháp luật <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Vi phạm pháp luật 1.2. Cấu thành của vi phạm pháp luật 1.3. Các loại vi phạm pháp luật 2. Trách nhiệm pháp lý <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý 2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý 3. Pháp chế xã hội chủ nghĩa <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa 3.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa 3.3. Vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu thế nào là vi phạm pháp luật, cách nhận biết. - Trách nhiệm pháp lý đối với vi phạm pháp luật <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy nhà nước và các thiết chế cơ bản của bộ máy nhà nước. - Vị trí, tính chất pháp lý, chức năng và cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Chính phủ, Chủ tịch nước, HĐND và UBND các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp. <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. <p>Thi cuối kỳ.</p>	<p>CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>
3	<p>Bài 4: Luật hiến pháp Việt Nam (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm luật hiến pháp 2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013 <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Chế độ chính trị 2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường 2.4. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam 2.5. Hiệu lực của Hiến pháp và việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận chế độ chính trị của Hiến pháp 2013 - Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ chính trị, quyền của con người..... - Vị trí, tính chất pháp lý, chức năng và cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Chính phủ, Chủ tịch nước, HĐND và UBND các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp. <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ.	
3	<p style="text-align: center;">Bài 5: Luật hành chính và Tổ tụng hành chính (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm luật hành chính <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm luật hành chính và cơ quan hành chính nhà nước 1.2. Nguồn của luật hành chính Việt Nam 2. Quan hệ pháp luật hành chính. trách nhiệm hành chính. vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Quan hệ pháp luật hành chính 2.2. Trách nhiệm hành chính 2.3. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính 2.4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 3. Cán bộ, công chức <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Khái niệm và các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức 3.2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức 3.3. Tuyển dụng công chức 3.4. Thôi việc đối với công chức 3.5. Khen thưởng và xử lý vi phạm với cán bộ, công chức 4. Viên chức 5. Tổ tụng hành chính <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án 5.2. Thẩm quyền của tòa án 5.3. Quyền khởi kiện vụ án hành chính 5.4. Thời hiệu khởi kiện. 5.5. Đơn khởi kiện <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận chế độ chính trị của Hiến pháp 2013 - Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm: - Chế độ chính trị, quyền của con người..... - Vị trí, tính chất pháp lý, chức năng và cơ cấu tổ chức của Quốc hội. Chính phủ, Chủ tịch nước, HĐND và UBND các cấp, Tòa án nhân dân các cấp và Viện kiểm sát nhân dân các cấp.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ. </p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
4	<p style="text-align: center;">Bài 6: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (3 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm tham nhũng 	CELO 1 CELO 2 CELO 3

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>2. Nguyên nhân và hậu quả của việc tham nhũng</p> <p>2.1. Về mặt chính trị</p> <p>2.2. Về mặt kinh tế</p> <p>2.3. Về mặt xã hội</p> <p>3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p> <p>4. Trách nhiệm của công dân trong P, CTN</p> <p>5. Giới thiệu luật phòng, chống tham nhũng</p> <p>5.1. Bộ cục của luật phòng, chống tham nhũng năm 2018</p> <p>5.2. Những nội dung cơ bản của luật P, CTN năm 2018</p> <p>5.3. Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị</p> <p>5.4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập</p> <p>5.5. Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị</p> <p>5.6. Trách nhiệm của người đứng đầu CQ, TC, đơn vị trong P, CTN</p> <p>5.7. Trách nhiệm của xã hội trong P, CTN</p> <p>5.8. P, CTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</p> <p>5.9. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong P, CTN</p> <p>5.10. Hợp tác quốc tế về P, CTN</p> <p>5.11. Xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về P, CTN</p> <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tham nhũng và tác hại của tham nhũng - Phòng ngừa tham nhũng <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân, ý nghĩa của công tác phòng, CTN - Trách nhiệm của công dân, các cơ quan nhà nước trong việc đấu tranh P, CTN <p>C. Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. <p>Thi cuối kỳ.</p>	<p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p>
5	<p>Bài 7: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ (1 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Luật hình sự</p> <p>1.1. Khái niệm luật hình sự</p> <p>1.2. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự</p> <p>1.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp</p> <p>2. Luật tố tụng hình sự</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự</p> <p>2.3. Hiệu lực của Bộ luật tố tụng hình sự</p> <p>2.4. Các nguyên tắc cơ bản</p> <p>2.5. Thẩm quyền xét xử của tòa án</p> <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tham nhũng và tác hại của tham nhũng - Phòng ngừa tham nhũng <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p>	<p>CELO 1</p> <p>CELO 2</p> <p>CELO 3</p> <p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p>

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm tội phạm và cấu thành tội phạm - Hình phạt và các biện pháp tư pháp <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ.	
5	<p>Chương 8. Luật dân sự và Tổ tụng dân sự (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Luật dân sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái luận chung về luật dân sự 1.2. Một số nội dung cơ bản của bộ luật dân sự năm 2015 <p>2. Luật tổ tụng dân sự</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Những nguyên tắc cơ bản 2.2. Thẩm quyền của tòa án 2.3. Thẩm quyền của tòa án các cấp <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự - Một số chế định: Hợp đồng, Thừa kế <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự - Một số chế định của luật dân sự <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. Thi cuối kỳ.	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
6	<p>Chương 9: Luật lao động và bảo hiểm xã hội (2 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những quy định chung 2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động 3. Một số nội dung của Bộ luật lao động <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động 3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động 3.3. Hợp đồng lao động 3.4. Tiền lương 3.5. Bảo hiểm xã hội 3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi 3.7. Kỷ luật lao động 3.8. Tranh chấp lao động 3.9. Công đoàn <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự - Một số chế định: Hợp đồng, Thừa kế <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
	<p>Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền và nghĩa vụ của người lao động - Một số chế định của luật lao động <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. <p>Thi cuối kỳ.</p>	
6	<p>Chương 10. Luật kinh doanh (1 tiết)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm và phân loại 1.2. Các loại hình doanh nghiệp 1.3. Các loại hình đầu tư theo Luật đầu tư 2. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm 2.2. Phân biệt phá sản và giải thể 2.3. Đối tượng áp dụng của pháp luật phá sản doanh nghiệp 2.4. Thẩm quyền của toà án 2.5. Thủ tục phá sản 2.6. Xử lý các khoản nợ và thứ tự thanh toán tài sản 2.7. Trách nhiệm của người quản lý, điều hành DN, HTX 3. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Khái niệm 3.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 4. Pháp luật thương mại <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Khái quát chung 4.2. Một số chế định cơ bản của Luật thương mại 5. Luật cạnh tranh <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Những quy định chung 5.2. Một số chế định Cơ bản của Luật cạnh tranh <p>Nội dung SV làm bài tập/thảo luận trên lớp (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận các loại hình doanh nghiệp ở nước ta - Các loại hình đầu tư <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Giáo trình Pháp luật đại cương, tập trung vào các nội dung dự kiến được giảng dạy trên lớp, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình doanh nghiệp - Các loại hình đầu tư theo Luật đầu tư - Pháp luật về phá sản <p>C. Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập nhóm, tham dự và thảo luận trên lớp. - Sinh viên làm bài kiểm tra thường xuyên. <p>Thi cuối kỳ.</p>	<p>CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5</p>

11.2 Phần thực hành

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)
1	Chương...	CELO...
2	Chương...
...		...

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học lý thuyết, thảo luận với giảng viên theo quy mô từ 50 - 80 sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa, micro tại các phòng học

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2022 - 2023
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2022

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

ĐCCT HP 7. TOÁN CAO CẤP C (C1 VÀ C2)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81065- Toán cao cấp C (C1 và C2)]

2. Thông tin về học phần

2.1. Số tín chỉ: 03 tín chỉ.

2.2. Số tiết và/hoặc số giờ đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 45 giờ
- Số tiết thực hành, thực tập trên lớp (thảo luận, làm bài tập, làm đồ án, làm thí nghiệm,...): Không có
- Số giờ kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, đồ án/khoá luận tốt nghiệp (hoạt động thực tiễn ngoài lớp học): Không có
- Số giờ tự học của sinh viên: 135 giờ

2.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên ngành <input type="checkbox"/>									
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chung của ngành chính <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên sâu của ngành chính <input type="checkbox"/>		Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/>		Báo cáo thực tập - Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2.4. Học phần tiên quyết: Không

2.5. Học phần học trước: Không

2.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ I năm 1 Khóa: D22

2.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

Nội dung giảng dạy bằng Việt và tài liệu học tập chính bằng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh.

2.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Toán
- Khoa: Đại cương

2.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Nguyễn Văn Buôi, Số điện thoại: 0948003025, email liên hệ: buoi.nv@kkt.edu.vn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Kim Thoa, Số điện thoại: 0359916707, email liên hệ: thoa.ttk@kkt.edu.vn

3. Mô tả học phần

- Môn học trình bày các kiến thức về các hàm tuyến tính và các hàm số cơ bản khác; phép tính vi phân của hàm số một biến và nhiều biến; hệ phương trình tuyến tính và ma trận.

- Môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giải quyết các bài toán kinh doanh trong nhiều bối cảnh khác nhau dựa trên lý thuyết đã học như giải bài toán cân bằng cung cầu, phân tích hoà vốn, tối ưu một đại lượng kinh tế, phân tích một bài toán kinh doanh với ma trận dữ liệu cho trước, tính lãi đơn, lãi kép, giá trị tương lai và giá trị hiện tại của một niên kim, ước lượng sự thay đổi của một đại lượng kinh tế khi có sự thay đổi của một đại lượng khác và bài toán tỷ lệ liên quan.

4. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học trang bị và rèn luyện cho sinh viên kiến thức và kỹ năng toán học cơ bản về hàm số, hệ phương trình tuyến tính, ma trận, đạo hàm và vi phân để sinh viên có khả năng theo đuổi các học phần chuyên sâu hơn về kinh tế và kinh doanh theo hướng định lượng.

Về kỹ năng:

Môn học giúp sinh viên phát triển tư duy toán học, hiểu được sự liên quan chặt chẽ và tính ứng dụng của các kiến thức toán học trong việc giải quyết các vấn đề kinh doanh; thiết lập được các mô hình toán từ các vấn đề thực tiễn trong kinh doanh.

Về thái độ:

Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức được học vào các môn học chuyên ngành và cuộc sống thực tiễn.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nhận biết đặc trưng của các hàm số phổ biến: tuyến tính, bậc hai, đa thức, phân thức, mũ, logarit	2
CELO2	Hiểu các phép tính với ma trận, biết dùng ma trận nghịch đảo giải phương trình ma trận và biết giải hệ phương trình tuyến tính bằng các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận	2
CELO3	Giải thích được ý nghĩa của đạo hàm, vi phân của hàm một biến và đạo hàm riêng của hàm nhiều biến	4
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3

CELO5	Vận dụng kỹ năng tư duy logic và phân biện để giải các bài toán phân tích kinh doanh cơ bản như bài toán tối ưu, phân tích hoà vốn, lập các mô hình quản lý tài chính đơn giản như lãi đơn/kép, giá trị hiện tại/giá trị tương lai của niên kim và ước lượng giá trị của một đại lượng kinh tế khi có sự thay đổi của một đại lượng khác bằng phép tính vi phân. Vận dụng thành thạo sử dụng các phần mềm máy tính để vẽ đồ thị và lập mô hình toán học từ số liệu điều tra; kỹ năng soạn thảo văn bản có các kí hiệu toán học.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tuân thủ nội quy nhà trường, thường xuyên chủ động cập nhật thông tin và phương pháp mới trong việc ứng dụng các kiến thức toán học vào giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

6. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nhận biết đặc trưng của các hàm số phổ biến: tuyến tính, bậc hai, đa thức, phân thức, mũ, logarit	ELO 1
CELO2	Hiểu các phép tính với ma trận, biết dùng ma trận nghịch đảo giải phương trình ma trận và biết giải hệ phương trình tuyến tính bằng các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận	ELO 1, ELO 2
CELO3	Giải thích được ý nghĩa của đạo hàm, vi phân của hàm một biến và đạo hàm riêng của hàm nhiều biến	ELO 1
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO 5
CELO5	Vận dụng kỹ năng tư duy logic và phân biện để giải các bài toán phân tích kinh doanh cơ bản như bài toán tối ưu, phân tích hoà vốn, lập các mô hình quản lý tài chính đơn giản như lãi đơn/kép, giá trị hiện tại/giá trị tương lai của niên kim và ước lượng giá trị của một đại lượng kinh tế khi có sự thay đổi của một đại lượng khác bằng phép tính vi phân. Vận dụng thành thạo sử dụng các phần mềm máy tính để vẽ đồ thị và lập mô hình toán học từ số liệu điều tra; kỹ năng soạn thảo văn bản có các kí hiệu toán học.	ELO 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tuân thủ nội quy nhà trường, thường xuyên chủ động cập nhật thông tin và phương pháp mới trong việc ứng dụng các kiến thức toán học vào giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.	ELO 10, 11

7. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của học phần cho các ELOs)

Kiến thức			Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	S	N	N	H	N	N	H	N	H	S	N

- *N*: Không đóng góp (*none supported*)
- *S*: Có đóng góp (*supported*)
- *H*: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

8. Phương pháp giảng dạy và học tập

8.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho học viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng;
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm và làm bài tập.

8.2. Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời câu hỏi;
- Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Sinh viên xem các video bài giảng có nội dung liên quan trên website, youtube
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham dự đầy đủ các buổi học nếu vắng quá 4 buổi trừ 50% số điểm cuối khoá;
- Học tập theo phương pháp chủ động, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài và đưa ra thắc mắc (nếu có) để cả lớp cùng giải đáp;
- Sinh viên phải tự thành lập nhóm (từ 6 – 8 sinh viên), tự giác tổ chức các hoạt động nhóm để hoàn thành yêu cầu của giảng viên;
- Phải đi học đúng giờ theo quy định. Sinh viên đi học ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;
- Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

10. Đánh giá và cho điểm

10.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và được chuyển đổi thành thang đo theo nghĩa đen theo quy định đào tạo tín dụng hiện hành của Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

10.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Thảo luận tại lớp (10%)	Kiểm tra cá nhân (15%)	Làm việc nhóm (15%)	Thi cuối kỳ (60%)		
CELO1	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ.	Tuần 1 – 4 Cuối kỳ
CELO2	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ	Tuần 5 – 8 Cuối kỳ
CELO3	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ.	Tuần 12 – 15 Cuối kỳ
CELO4	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ.	Xuyên suốt học phần Cuối kỳ
CELO5	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ.	Xuyên suốt học phần Cuối kỳ
CELO6	x		x		Bài tập cuối chương. Bài làm nhóm.	Xuyên suốt học phần

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm quá trình	40%	
	Thảo luận tại lớp	10%	
	Kiểm tra cá nhân	15%	
	Bài làm nhóm	15%	
2	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

10.3. Rubric đánh giá học phần

Các tiêu chí và trọng số điểm đối với từng nội dung cần đánh giá được trình bày trong Phần phụ lục đính kèm Đề cương chi tiết này.

11. Giáo trình và tài liệu học tập

11.1. Giáo trình

- Giáo Trình Toán Cao Cấp Cho Các Nhà Kinh Tế - Lê Đình Thúy (Chủ Biên) -Tái Bản 2018. NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

11.2. Tài liệu học tập

- Nguyễn Văn Buôi, Trần Thị Kim Thoa (Trường Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương, 2022). Bài giảng “*Toán ứng dụng trong kinh doanh*”.

11.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Toán học cao cấp tập 1: Đại số và hình học giải tích, Nguyễn Đình Trí (chủ biên), 2018, NXB Giáo Dục Việt Nam.

- Bài Tập Toán Cao Cấp - Tập 1 - Đại Số Và Hình Học Giải Tích, Nguyễn Đình Trí (chủ biên), 2018, NXB Giáo Dục Việt Nam.

12. Nội dung chi tiết của học phần, tiến độ giảng dạy và hoạt động dạy – học

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
1.1(2, 5 tiết)	Chương 1. HÀM TUYẾN TÍNH & ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH	CELO1,2,3, 4,5,6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Phương trình tuyến tính và bất phương trình tuyến tính một biến 1.2. Hàm tuyến tính Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Ý nghĩa của hệ số góc, phương trình đường thẳng theo hệ số góc; - Ý nghĩa giao điểm của đồ thị hàm tuyến tính với các trục tọa độ; - Giải thích tính chất các đại lượng kinh tế dựa trên đồ thị/phương trình tuyến tính của chúng; - Làm bài tập.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.	
1.2(2, 5 tiết)	Chương 1 (Tiếp theo)	CELO1,2,3, 4,5,6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.3. Giải bất phương trình tuyến tính hai biến bằng đồ thị Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Thiết lập mô hình tuyến tính cho các bài toán thực tế được mô tả bằng lời; - Bài toán cân bằng cung cầu, phân tích chi phí, phân tích hoà vốn; - Làm bài tập.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.	
2.1(2, 5 tiết)	Chương 2. CÁC HÀM SỐ PHỔ BIẾN KHÁC	CELO1,2,3, 4,5,6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Hàm bậc hai 2.2. Hàm đa thức và phân thức	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính chất và đồ thị hàm bậc hai; - Cách giải phương trình, bất phương trình bậc hai bằng đồ thị và bằng bảng xét dấu; - Ứng dụng tính chất hàm bậc hai trong các bài toán tối ưu doanh thu, tối ưu lợi nhuận, phân tích hoà vốn; - Làm bài tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng. <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
2.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 2 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.3. Hàm mũ 2.4. Hàm logarit Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính chất và đồ thị hàm đa thức, hàm phân thức, hàm mũ, hàm logarit; - Công thức chi phí bình quân, doanh thu bình quân, lợi nhuận bình quân, các mô hình tăng trưởng theo hàm mũ: lãi kép và lãi kép liên tục; - Làm bài tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng. <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
3.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 3. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH VÀ MA TRẬN</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Định nghĩa hệ phương trình tuyến tính 3.2. Giải hệ phương trình tuyến tính hai biến bằng đồ thị Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải hệ phương trình tuyến tính bằng đồ thị; - Làm bài tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng. <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
3.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 3 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: (2 giờ) 3.3. Ma trận bổ sung và phép khử Gauss-Jordan Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải hệ phương trình tuyến tính bằng phép khử Gauss-Jordan; - Làm bài tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập. <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá:</p>	CELO1,2,3, 4,5,6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.	
4.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 3 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.4. Các phép toán với ma trận Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Phép cộng và nhân hai ma trận, nhân một số với ma trận; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CLO1,2,3,4, 5,6
4.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 3 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.5. Ma trận nghịch đảo Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Cách tìm ma trận nghịch đảo bằng ma trận đơn vị; - Giải phương trình có dạng $AX = B$ và $XA = B$ với A, X, B là các ma trận dữ liệu trong các bài toán thực tế; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
5.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 4. TOÁN TÀI CHÍNH</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Lãi đơn Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Tính giá trị tương lai, giá trị hiện tại, lãi suất, thời gian tăng trưởng của một khoản đầu tư có lãi đơn; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
5.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 4 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.2. Lãi kép Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Tính giá trị tương lai, giá trị hiện tại, lãi suất danh nghĩa năm, thời gian tăng trưởng, tỷ suất thu nhập năm của một khoản đầu tư có lãi kép; - Công thức lãi kép liên tục;</p>	CELO1,2,3, 4,5,6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>- Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
6.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 4 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.3. Giá trị tương lai của chuỗi niên kim 4.4. Giá trị hiện tại của chuỗi niên kim Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Bài toán quỹ tích lũy và bài toán khấu hao; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
6.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 5: ĐẠO HÀM VÀ ỨNG DỤNG</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Đạo hàm và tỷ lệ biến thiên 5.2. Đạo hàm các hàm số cơ bản 5.3. Các quy tắc tính đạo hàm Nội dung thảo luận và bài tập: - Liên hệ giữa đạo hàm với tỷ lệ biến thiên và hệ số góc của tiếp tuyến; ứng dụng tính chi phí biên, doanh thu biên và lợi nhuận biên; - Nhận biết hàm số khả vi qua đồ thị; - Công thức đạo hàm hàm hằng, hàm lũy thừa, hàm mũ, hàm logarit; - Quy tắc đạo hàm tổng, hiệu, tích, thương và quy tắc dây chuyền; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
7(5 tiết)	<p>Chương 5 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.4. Vi phân 5.5. Đạo hàm ẩn Nội dung thảo luận và bài tập: - Ứng dụng vi phân trong bài toán ước lượng; - Ứng dụng đạo hàm hàm số ẩn giải bài toán các tỷ lệ liên quan; - Làm bài tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p>	CELO1,2,3, 4,5,6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
8(5 tiết)	<p>Chương 5 (tiếp theo)</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>5.6. Ứng dụng của đạo hàm cấp một</p> <p>5.7. Ứng dụng của đạo hàm cấp hai</p> <p>Nội dung thảo luận và bài tập:</p> <p>- Liên hệ giữa đạo hàm bậc nhất, đạo hàm bậc hai với đồ thị hàm số; ứng dụng tìm cực trị địa phương và cực trị tuyệt đối;</p> <p>- Bài toán tối ưu doanh thu, lợi nhuận;</p> <p>- Làm bài tập.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>- Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
9(5 tiết)	<p>Chương 5 (tiếp theo)</p>	CELO1,2,3, 4,5,6
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>5.8. Đạo hàm riêng của hàm nhiều biến</p> <p>Nội dung thảo luận và bài tập:</p> <p>- Ý nghĩa của đạo hàm riêng trong các mô hình kinh tế;</p> <p>- Làm bài tập.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>- Tham khảo giáo trình và slide bài giảng.</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	

13. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: phòng học tiêu chuẩn
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, micro, phấn, khăn lau.

14. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết: Biên soạn lần thứ 1

- Đề cương được biên soạn lần đầu vào năm học:
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ:
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

Bình Dương, ngày 06 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG
KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



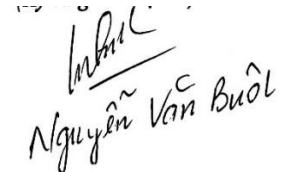
Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bướm

ĐCCT HP 8. TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81065- Toán ứng dụng trong kinh doanh (Maths for Business)]

15. Thông tin về học phần

15.1. Số tín chỉ: 3

15.2. Số tiết và/hoặc số giờ đối với các hoạt động học tập:

- Số tiết lý thuyết trên lớp: 45 tiết.
- Số tiết thực hành, thực tập trên lớp (thảo luận, làm bài tập, làm đồ án, làm thí nghiệm,...): Không có
- Số giờ kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, đồ án/khóa luận tốt nghiệp (hoạt động thực tiễn ngoài lớp học): Không có
- Số giờ tự học của sinh viên: 135 giờ.

15.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

15.4. Học phần tiên quyết: Không.

15.5. Học phần học trước: Toán Cao cấp C.

15.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ I năm 2. Khóa: D22

15.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy: Giảng bằng Tiếng Việt và tài liệu học tập chính bằng Tiếng Việt.

15.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: Toán
- Khoa: Khoa Đại cương

15.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Nguyễn Văn Buôn, Số điện thoại: 0948003025, email liên hệ: buol.nv@ktt.edu.vn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Kim Thoa, Số điện thoại: 0359916707, email liên hệ: thoa.ttk@ktt.edu.vn

16. Mô tả học phần

Môn học trình bày các kiến thức về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất; mẫu thống kê, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy tuyến tính.

17. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất thống kê như: tổ hợp xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, tương quan và hồi quy tuyến tính để sinh viên có khả năng theo đuổi các học phần chuyên sâu hơn về kinh tế và kinh doanh theo hướng định lượng.

Về kỹ năng:

Môn học rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê và khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên; kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.

Về thái độ:

Môn học giúp sinh viên phát triển tư duy toán học, hiểu được sự liên quan chặt chẽ và tính ứng dụng của các kiến thức toán học trong việc giải quyết các vấn đề kinh doanh.

18. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nhận biết kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất.	2
CELO2	Viết được công thức ước lượng điểm và ước lượng khoảng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy.	1
CELO3	Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền bác bỏ. Xác định được hệ số tương quan mẫu và hàm hồi quy tuyến tính thực nghiệm.	2
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3
CELO5	Biết cách tính xác suất của một biến cố bằng định nghĩa theo lối cổ điển và bằng các công thức xác suất; tính được kỳ	3

	vọng, phương sai, median, mod của đại lượng ngẫu nhiên và cách sử dụng các tham số đặc trưng này. Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.	
CELO6	Tính được giá trị của trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi. Tìm được giá trị của khoảng tin cậy cho tỷ lệ, trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được. Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế. Sử dụng được hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Tuân thủ nội quy nhà trường, thường xuyên chủ động cập nhật thông tin và phương pháp mới trong việc ứng dụng các kiến thức toán học vào giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

19. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nhận biết kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất.	ELO1
CELO2	Viết được công thức ước lượng điểm và ước lượng khoảng của tỷ lệ, trung bình và phương sai. Phân biệt được khoảng tin cậy và giá trị của khoảng tin cậy.	ELO1
CELO3	Xác định được giả thiết và đối thiết của bài toán kiểm định giả thiết, hiểu được sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 và mức ý nghĩa của miền bác bỏ. Xác định được hệ số tương quan mẫu và hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm	ELO1
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO5
CELO5	Biết cách tính xác suất của một biến cố bằng định nghĩa theo lối cổ điển và bằng các công thức xác suất; tính được kỳ vọng, phương sai, median, mod của đại lượng ngẫu nhiên và cách sử dụng các tham số đặc trưng này.	ELO1 ELO8

	Sử dụng được phân phối siêu bội, nhị thức, Poisson, chuẩn và mối liên hệ giữa các phân phối này.	
CELO6	Tính được giá trị của trung bình mẫu, phương sai mẫu bằng máy tính bỏ túi. Tìm được giá trị của khoảng tin cậy cho tỷ lệ, trung bình và phương sai ứng với số liệu thu được. Sử dụng được các tiêu chuẩn kiểm định giả thiết để giải quyết các bài toán liên quan và áp dụng được trong thực tế. Sử dụng được hàm hồi qui tuyến tính thực nghiệm.	ELO1 ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Tuân thủ nội quy nhà trường, thường xuyên chủ động cập nhật thông tin và phương pháp mới trong việc ứng dụng các kiến thức toán học vào giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.	ELO10, 11

20. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
81065	Toán ứng dụng trong kinh doanh	H	N	N	N	H	N	N	H	N	H	S	N

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

21. Phương pháp giảng dạy và học tập

21.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng.
- Tổ chức hoạt động cho học viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng.
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm.
- Mô hình lớp học đảo ngược (*flipped classroom*)

21.2. Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời câu hỏi.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.

- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

22. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên phải tự thành lập nhóm (từ 6 – 8 sinh viên), tự giác tổ chức các hoạt động nhóm để hoàn thành yêu cầu của giảng viên.
- Đọc trước giáo trình, làm các bài tập của buổi học trước.
- Sinh viên phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.
- Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

23. Đánh giá và cho điểm

23.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

23.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Ma trận đánh giá Kết quả học tập mong đợi của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Thảo luận tại lớp	Kiểm tra cá nhân	Làm việc nhóm	Thi cuối kỳ		
CELO1	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	Tuần 1 – 4 Cuối kỳ
CELO2	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi cuối kỳ	Tuần 5 – 8 Cuối kỳ
CELO3	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	Tuần 12 – 15 Cuối kỳ
CELO4	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Kiểm tra cá nhân. Bài làm nhóm. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	Xuyên suốt học phần Cuối kỳ

CELO5	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Bài làm nhóm. Thi trắc nghiệm cuối kỳ	Xuyên suốt học phần Cuối kỳ
CELO6	x	x	x	x	Bài tập cuối chương. Bài làm nhóm. Thi tự luận cuối kỳ	Xuyên suốt học phần Cuối kỳ
CELO7	x		x		Bài tập cuối chương. Bài làm nhóm.	Xuyên suốt học phần

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm quá trình	40%	
	Thảo luận tại lớp	10%	
	Kiểm tra cá nhân	15%	
	Bài làm nhóm	15%	
2	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

23.3. Rubric đánh giá học phần

Các tiêu chí và trọng số điểm đối với từng nội dung cần đánh giá được trình bày trong Phần phụ lục đính kèm Đề cương chi tiết này.

24. Giáo trình và tài liệu học tập

24.1. Tài liệu học tập

- Nguyễn Văn Buôi, Trần Thị Kim Thoa (Trường Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương, 2022). Bài giảng “*Toán ứng dụng trong kinh doanh*”.

24.2. Giáo trình chính

- Đặng Hùng Thắng. *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2020.

24.3. Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đặng Hùng Thắng. *Bài tập thống kê*, NXB Giáo dục, 2021.

25. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	Chương 0. BỔ TÚC VỀ GIẢI TÍCH TỔ HỢP	CELO1, 4, 5, 7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1.1 (2,5 tiết)	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 0.1. Biểu diễn tập hợp 0.2. Các phép toán tập hợp 0.3. Các quy tắc của phép đếm 0.4. Giải tích tổ hợp</p> <p>Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Phân biệt các phép toán tổ hợp - Sửa bài tập Chương 0, Tài liệu học tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập chương 0, Tài liệu học tập.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 0: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
1.2(2, 5 tiết) 2.1 (2,5 tiết)	<p>Chương 1. XÁC SUẤT</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Hiện tượng ngẫu nhiên 1.2. Xác suất</p> <p>Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Bài tập các dạng quan hệ giữa các biến cố. - Bài tập xác suất định nghĩa theo lối cổ điển. - Sửa bài tập Chương 1, Tài liệu học tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập chương 1, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 1</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 1: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1, 4, 5, 7
2.2(2, 5 tiết) 3.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 1 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.3. Các công thức xác suất</p> <p>Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Công thức cộng xác suất</p>	CELO1, 4, 5, 7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức nhân xác suất - Công thức xác suất đầy đủ và công thức Bayes - Công thức Bernoulli - Sửa bài tập Chương 1, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Chương 1, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 1 <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 1: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
3.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Khái niệm 2.2. Xác định đại lượng ngẫu nhiên Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về bảng phân phối xác suất - Bài tập về hàm mật độ xác suất và hàm phân phối xác suất - Sửa bài tập Chương 2, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Chương 2, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 2 <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 2: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1, 4, 5, 7
4.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 2 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.3. Các tham số đặc trưng của ĐLNN Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa các tham số đặc trưng của ĐLNN - Ứng dụng của xác suất. - Sửa bài tập Chương 2, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 2, Tài liệu học tập. 	CELO1, 4, 5, 7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>- Làm bài tập nhóm Chương 2.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 2: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
4.2(2, 5 tiết)	<p>Ôn tập và thi giữa kỳ</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: Ôn tập, hệ thống lại kiến thức đã học. Nội dung thảo luận: Thực hiện bài tập</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập chương 0, 1, 2, Tài liệu học tập.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 2: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1, 4, 5, 7
5.1(2, 5 tiết)	<p>Chương 3. PHÂN PHỐI XÁC SUẤT</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Các phân phối rời rạc 3.2. Các phân phối liên tục Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối siêu bội và phân phối chuẩn. - Sửa bài tập Chương 3, Tài liệu học tập.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập chương 3, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 3.</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO1, 4, 5, 7
5.2(2, 5 tiết)	<p>Chương 4. MẪU THỐNG KÊ VÀ ƯỚC LƯỢNG THAM SỐ</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Lý thuyết mẫu và lý thuyết ước lượng 4.2. Ước lượng điểm</p>	CELO2, 4, 6, 7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tính các đặc trưng của mẫu cụ thể. - Sửa bài tập Chương 4, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 4, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 4. <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
6(5 tiết)	<p>Chương 4 (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.3. Ước lượng khoảng Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng trung bình, ước lượng tỷ lệ, ước lượng phương sai. - Sửa bài tập Chương 4, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Chương 4, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 4 <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	CELO2, 4, 6, 7
7(5 tiết)	<p>Chương 5. KIỂM ĐỊNH GIÁ THIẾT</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Khái niệm 5.2. So sánh tham số từ bảng thống kê Nội dung thảo luận và làm bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc kiểm định. - Kiểm định về trung bình, kiểm định về tỷ lệ, kiểm định về phương sai. - Sửa bài tập Chương 5, Tài liệu học tập. <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập Chương 5, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 5 	CELO3, 4, 6, 7

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
8(5 tiết)	<p>Chương 5 (tiếp theo)</p>	CELO3, 4, 6, 7
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.3. So sánh hai tham số thống kê Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai trung bình. - Kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai tỷ lệ. - Ứng dụng của thống kê. - Sửa bài tập Chương 5, Tài liệu học tập.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập Chương 5, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 5</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5: Phương pháp đánh giá: Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	
9(5 tiết)	<p>Chương 6. TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY TUYẾN TÍNH</p>	CELO3, 4, 6, 7
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Vec tơ ngẫu nhiên 2 chiều. 6.2. Hệ số tương quan tuyến tính: Định nghĩa, tính chất, ý nghĩa. 6.3. Hệ số tương quan mẫu. 6.4. Hàm hồi quy tuyến tính. Nội dung thảo luận và làm bài tập: - Ước lượng các hệ số hồi quy tuyến tính bằng phương pháp bình phương tối thiểu, hàm hồi quy tuyến tính thực nghiệm. Điều kiện để sử dụng hàm hồi quy tuyến tính thực nghiệm. - Tính giá trị của hệ số tương quan mẫu, các hệ số hồi quy tuyến tính bằng máy tính bỏ túi. - Sửa bài tập Chương 6, Tài liệu học tập.</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập Chương 6, Tài liệu học tập. - Làm bài tập nhóm Chương 6</p>	

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 6:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>Thảo luận tại lớp, bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân, thi cuối kì.</p>	

26. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Đủ chỗ ngồi cho sinh viên.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, micro, bút lông.

27. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết: Biên soạn lần thứ 1

- Đề cương được biên soạn vào năm học:
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ:
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

- Bình Dương, ngày 06 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



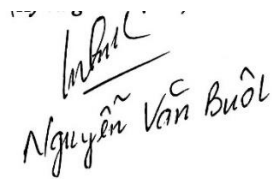
Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bui

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81087- Anh văn 1(AV1)]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Anh văn dự bị (AV0) – Academic English Foundation - 71ENG010013

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng tiếng Anh.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tiếng anh
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Trương Văn Kiệt
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Tuyết Mai

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh học thuật trình độ sơ cấp bậc 1:

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:
 - + Từ vựng cơ bản: nghề nghiệp, phương tiện liên lạc, du lịch.
 - + Văn phạm cơ bản: cấu trúc câu đơn, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn với ‘to be’, thì hiện tại tiếp diễn, sử dụng từ nối cơ bản.
- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:
 - + Từ vựng nâng cao: dân số, thời đại trực quan, thám hiểm.
 - + Văn phạm nâng cao: cách kết hợp từ tự nhiên, động từ ở thể nguyên mẫu, câu mệnh lệnh, sử dụng động từ khuyết thiếu.

- Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Chương trình học phần Anh văn 1 (AV1) được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên

Về kỹ năng:

bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm

Về thái độ:

giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 1 và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	2
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong các bài đọc ngắn, đơn giản, có chủ đề quen thuộc	3
CELO3	Nhận biết ý chính, thông tin cụ thể, và thái độ của người nói trong các bài nghe có chủ đề quen thuộc	3
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 1 vào việc mô tả sự vật, sự việc ngắn gọn có sử dụng các từ nối quen thuộc	3
CELO5	Vận dụng kỹ năng viết ở mức Sơ cấp bậc 1 để viết danh sách ý đơn giản, kết nối ý trong đoạn văn bằng từ nối quen thuộc và sử dụng dấu câu căn bản	3
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện tinh thần học tập chủ động và học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 1 và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong các bài đọc ngắn, đơn giản, có chủ đề quen thuộc	ELO: Sử dụng kỹ năng

CELO3	Nhận biết ý chính, thông tin cụ thể, và thái độ của người nói trong các bài nghe có chủ đề quen thuộc	tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 1 vào việc mô tả sự vật, sự việc ngắn gọn có sử dụng các từ nối quen thuộc	
CELO5	Vận dụng kỹ năng viết ở mức Sơ cấp bậc 1 để viết danh sách ý đơn giản, kết nối ý trong đoạn văn bằng từ nối quen thuộc và sử dụng dấu câu căn bản	
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ hành xử đúng đắn với môi trường.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức	Kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành.	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời
	H	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp phản xạ, phương pháp phản biện, v.v...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm;
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia hoạt động nhóm;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng (cả có phép và không phép) quá 20% tổng số buổi học sẽ bị cấm thi cuối kỳ (1 buổi học = 3 tiết học dài 50 phút/ tiết). Nếu sinh viên có lý do chính đáng và có bằng chứng cụ thể về việc nghỉ học, giảng viên sẽ xem xét khả năng đặc cách các trường hợp này. Giảng viên sẽ tổng kết số buổi vắng của sinh viên trước ngày kết thúc khóa học 01 tuần;

- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Viện Ngôn Ngữ xử lý;

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy;

- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập về nhà 10%	Thảo luận, phát biểu trong lớp 10%	Kiểm tra cuối đơn vị bài học 10%	Dự án học tập 20%	Thi cuối kỳ 50%		
CLO 1	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	-
CLO 2	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng 	-
CLO 3	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	-
CLO 4	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp 	-

						<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	
CLO 5	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	-
CLO 6	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	-
CLO 7	x	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập 	-

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà (10%) - Thảo luận và phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Dự án học tập (20%) 	50%	
Thi kết thúc học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thi nói đề đóng (10%) - Thi viết đề đóng (10%) - Thi trắc nghiệm đề đóng (30%) 	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Laurie Blass và Mari Vargo (Năm 2018), *Course Book - Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu hỗ trợ và slides bài giảng do giảng viên khoa biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Cynthia Fettig và Kathy Najafi (Năm 2018), Course Book - Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking 2nd Edition, Nhà xuất bản National Geographic Learning

11. Nội dung chi tiết của học phần

* RW: Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking

* LS: Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1(2,5 tiết)	Giới thiệu môn học RW-Unit 1: Our World	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: RW-Unit 1: Section 1 (p.1-8) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 1: p.9-16) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
1.2(2,5 tiết)	RW-Unit 1: Our World (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 1: Section 2 (p.9-16) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (Unit 1: RW: p.16-19; LS: p.1-5) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) 	

	- Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra	
2.1(2,5 tiết)	LS-Unit 1: Same and Different	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 1-LS-Unit 1: Section 3 (RW: p.16-19; LS: p.1-5) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Chia nhóm làm dự án học tập, công bố chủ đề, và nhắc lại hình thức đánh giá dự án: - Dự án học tập chiếm tỷ trọng 20% 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 1: p.6-12) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
2.2(2,5 tiết)	LS-Unit 1: Same and Different (tiếp theo)	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 1: Section 4 (p.6-12) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 1 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 1: p.13-20) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
3.1(2,5 tiết)	LS-Unit 1: Same and Different (tiếp theo)	CLO 1
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:	CLO 3 CLO 4

	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 1: Section 5 (p.13-20) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 1 <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 1 - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 2: p.20-26) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 6 CLO 7</p>
3.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 2: Career Paths</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 2: Section 1 (p.20-26) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 2: p.27-34) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
4.1(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 2: Career Paths (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 2: Section 2 (p.27-34) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài mới (Unit 2: RW: p.35-36; LS: p.21-25) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
4.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 2: Career Paths (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 2-LS-Unit 2: Section 3 (RW: p.35-36; LS: p.21-25) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 2 <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 2: p.26-33) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 5</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 7</p>
5.1 (2,5 tiết)	<p>LS-Unit 2: Love your job</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 2: Section 4 (p.26-33) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 2: p.34-40) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 1</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 7</p>
5.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 2: Love your job (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 2: Section 5 (p.34-40) 	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận/thuyết trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 2 <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 2 - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 3: p.37-44) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
6.1(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 3: Adventure</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 3: Section 1 (p.37-44) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 3: p.45-52) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
6.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 3: Adventure (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 3: Section 2 (p.45-52) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (Unit 3: RW: p.53-54; LS: p.41-45) 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>

	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
7(5 tiết)	<p>RW-Unit 3: Adventure (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 3-LS-Unit 3: Section 3 (RW: p.53-54; LS: p.41-45) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (Unit 3: RW & LS) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 3: p.46-53) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
8(5 tiết)	<p>Dự án học tập (Project-based Assessment)</p> <p>A. Nội dung đánh giá dự án học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên trình bày dự án học tập theo nhóm 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 3: p54-60) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá dự án học tập (20%) - Làm bài tập về nhà (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
9(5 tiết)	<p>LS-Unit 3: Unusual Destinations</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 3: Section 2 (p.46-53) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra <p>Sinh viên làm bài tập</p>	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - MyELT - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới: + LS-Unit 3: Section 5 (p54-60) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

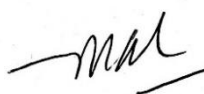
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Kiệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [81009- Anh văn 2 (AV2)]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Anh văn 1 (AV1)

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng tiếng Anh.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tiếng anh
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Trương Văn Kiệt
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Tuyết Mai

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ tiền sơ cấp bậc 2:

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

+ Từ vựng cơ bản: mạo hiểm và phần thưởng, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, phát minh, ...

+ Văn phạm cơ bản: thì hiện tại đơn, trạng từ chỉ sự thường xuyên, thì quá khứ đơn, thì tương lai, ...

- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

- + Từ vựng nâng cao: vật báu bị mất cắp, thám hiểm vũ trụ và đáy biển, DNA và ứng dụng, ...
- + Văn phạm nâng cao: thì hiện tại hoàn thành, động từ khiếm khuyết, ...
- Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Chương trình học phần Anh văn 2 (AV2) được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên

Về kỹ năng:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm

Về thái độ:

giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 1 và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	2
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong các bài đọc ngắn, đơn giản, có chủ đề quen thuộc	3
CELO3	Nhận biết ý chính, thông tin cụ thể, và thái độ của người nói trong các bài nghe có chủ đề quen thuộc	3
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 1 vào việc mô tả sự vật, sự việc ngắn gọn có sử dụng các từ nối quen thuộc	3
CELO5	Vận dụng kỹ năng viết ở mức Sơ cấp bậc 1 để viết danh sách ý đơn giản, kết nối ý trong đoạn văn bằng từ nối quen thuộc và sử dụng dấu câu căn bản	3
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện tinh thần học tập chủ động và học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		

CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 1 và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành
Kỹ năng		
CELO2	Xác định ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong các bài đọc ngắn, đơn giản, có chủ đề quen thuộc	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
CELO3	Nhận biết ý chính, thông tin cụ thể, và thái độ của người nói trong các bài nghe có chủ đề quen thuộc	
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 1 vào việc mô tả sự vật, sự việc ngắn gọn có sử dụng các từ nối quen thuộc	
CELO5	Vận dụng kỹ năng viết ở mức Sơ cấp bậc 1 để viết danh sách ý đơn giản, kết nối ý trong đoạn văn bằng từ nối quen thuộc và sử dụng dấu câu căn bản	
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ hành xử đúng đắn với môi trường.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức	Kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành.	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời
	H	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;

- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp phản xạ, phương pháp phản biện, v.v...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm;
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia hoạt động nhóm;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng (cả có phép và không phép) quá 20% tổng số buổi học sẽ bị cấm thi cuối kỳ (1 buổi học = 3 tiết học dài 50 phút/ tiết). Nếu sinh viên có lý do chính đáng và có bằng chứng cụ thể về việc nghỉ học, giảng viên sẽ xem xét khả năng đặc cách các trường hợp này. Giảng viên sẽ tổng kết số buổi vắng của sinh viên trước ngày kết thúc khóa học 01 tuần;
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Viện Ngôn Ngữ xử lý;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập về nhà 10%	Thảo luận, phát biểu trong lớp 10%	Kiểm tra cuối đơn vị bài học 10%	Dự án học tập 20%	Thi cuối kỳ 50%		
CLO 1	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16,21 - Buổi 14 - Buổi 22 - Cuối kỳ - Cuối kỳ

CLO 2	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14 - Cuối kỳ
CLO 3	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14 - Cuối kỳ - Cuối kỳ
CLO 4	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14 - Buổi 22
CLO 5	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14 - Cuối kỳ
CLO 6	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14 - Buổi 22 - Cuối kỳ
CLO 7	x	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Buổi 5,10,16, 21 - Buổi 14

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	- Bài tập về nhà (10%) - Thảo luận và phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Dự án học tập (20%)	50%	
Thi kết thúc học phần	- Thi nói đề đóng (10%) - Thi viết đề đóng (10%) - Thi trắc nghiệm đề đóng (30%)	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Laurie Blass và Mari Vargo (Năm 2018), *Course Book - Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu bổ trợ và slides bài giảng do giảng viên khoa biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Cynthia Fettig và Kathy Najafi (Năm 2018), *Course Book - Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

11. Nội dung chi tiết của học phần

* RW: Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking

* LS: Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1(2,5 tiết)	Giới thiệu môn học RW-Unit 5: Taking a Risk	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: RW-Unit 5: Section 1 (p.73-80) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận	

	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW–Unit 5) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 5: p.81-88) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
1.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 5: Taking a Risk (tiếp theo)</p> <p>B. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 5: Section 2 (p.81-88) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW–Unit 5) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (Unit 5: RW: p.89-90; LS: p.81-85) <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	<p>CLO 1</p> <p>CLO 2</p> <p>CLO 5</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 7</p>
2.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 5: Risk and Reward</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 5-LS-Unit 5: Section 3 (RW: p.89-90; LS: p.81-85) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Chia nhóm làm dự án học tập, công bố chủ đề, và nhắc lại hình thức đánh giá dự án: - Dự án học tập chiếm tỷ trọng 20% <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (Unit 5: RW & LS) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 5: p.86-93) 	<p>CLO 1</p> <p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 7</p>

	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
2.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 5: Risk and Reward (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 5: Section 4 (p.86-93) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 1 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 5) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 5: p.94-100) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
3.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 5: Risk and Reward (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 5: Section 5 (p.94-100) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 5 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 5 - MyELT (LS-Unit 5) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 6: p.91-98) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
3.2(2,5	RW-Unit 6: Saving the Wild	CLO 1

tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 6: Section 1 (p.91-98) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 6: p.99-108) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
4.1(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 6: Saving the Wild (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 6: Section 2 (p.99-108) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (Unit 6: RW: p.109-110; LS: p.101-105) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
4.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 6: Saving the Wild (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 6-LS-Unit 6: Section 3 (RW: p.109-110; LS: p.101-105) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 2 <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - My ELT (Unit 6: RW & LS) 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7

	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 6: p.106-113) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
5.1 (2,5 tiết)	<p>LS-Unit 6: Taking Action</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 6: Section 4 (p.106-113) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 6: p.114-120) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
5.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 6: Taking Action (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 6: Section 5 (p.114-120) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận/thuyết trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 6 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 6 - MyELT (LS-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 7: p.111-118) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
6.1(2,5	RW-Unit 7: Great Inventors	CLO 1

tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 7: Section 1 (p.111-118) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 7: p.119-126) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
6.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 7: Great Inventors (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 7: Section 2 (p.119-126) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (Unit 7: RW: p.127-128; LS: p.121-125) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
7(5 tiết)	<p>RW-Unit 7: Great Inventors (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 7-LS-Unit 7: Section 3 (RW: p.127-128; LS: p.121-125) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (Unit 7: RW & LS) 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7

	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
8(5 tiết)	<p>Dự án học tập (Project-based Assessment)</p>	
	<p>A. Nội dung đánh giá dự án học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên trình bày dự án học tập theo nhóm 	CLO 1
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (Unit 7: LS) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 7: p.126-133) 	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá dự án học tập (20%) - Làm bài tập về nhà (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 6 CLO 7
9(5 tiết)	<p>LS-Unit 7: Lost and Found</p>	
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 7: Section 4 (p.126-133) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 7</p>	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 7 - MyELT (LS-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới LS-Unit 7: Section 5 (p.134-140) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) <p>Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra</p>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Kiệt

ĐCCT HP 11. ANH VĂN 3 (AV3)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81010- Anh văn 3 (AV3)]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Anh văn 2 (AV2)

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 3

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng tiếng Anh.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tiếng anh
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Trương Văn Kiệt
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Tuyết Mai

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ tiền sơ cấp bậc 2:

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

+ Từ vựng cơ bản: mạo hiểm và phần thưởng, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, phát minh, ...

+ Văn phạm cơ bản: thì hiện tại đơn, trạng từ chỉ sự thường xuyên, thì quá khứ đơn, thì tương lai, ...

- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

+ Từ vựng nâng cao: vật báu bị mất cắp, thám hiểm vũ trụ và đáy biển, DNA và ứng dụng, ...

+ Văn phạm nâng cao: thì hiện tại hoàn thành, động từ khiếm khuyết, ...

- Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Chương trình học phần Anh văn 3 (AV3) được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên

Về kỹ năng:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm

Về thái độ:

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 2 (A2+) và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	2
Kỹ năng		
CELO2	Đọc hiểu ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong bài đọc đơn giản, có chủ đề quen thuộc; nhận biết đặc điểm riêng của các thể loại văn bản khác nhau; sử dụng tài liệu tham khảo để kiểm tra ý nghĩa của từ, câu và để mở rộng đọc hiểu; suy đoán nghĩa của từ mới trong ngữ cảnh quen thuộc	2
CELO3	Nghe hiểu ý chính, thông tin cụ thể, và câu hỏi ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc; phân biệt sự thật và ý kiến trong bài nghe; nhận biết thái độ hay cảm giác tổng thể từ người nói; suy luận về nội dung cơ bản của bài nghe dựa vào tiêu đề và thông tin ngữ cảnh	3
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 2 vào việc mô tả sự vật hay sự việc đơn giản; sử dụng phương pháp quy chiếu đơn giản và các từ hay cụm từ nối đơn giản và quen thuộc để liên kết nội dung bài nói	3
CELO5	Vận dụng kỹ năng tiếng Anh ở mức Sơ cấp bậc 2 vào việc viết một danh sách ý đơn giản và kết nối ý trong một đoạn văn; sử dụng dấu câu căn bản chính xác; sử dụng phương pháp quy chiếu đơn giản, các từ hay cụm từ nối đơn giản và quen thuộc để liên kết các câu trong bài viết	3
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện tinh thần học tập chủ động và học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Sơ cấp bậc 2 (A2+) và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành
Kỹ năng		
CELO2	Đọc hiểu ý chính, thông tin cụ thể, và hướng dẫn trong bài đọc đơn giản, có chủ đề quen thuộc; nhận biết đặc điểm riêng của các thể loại văn bản khác nhau; sử dụng tài liệu tham khảo để kiểm tra ý nghĩa của từ, câu và để mở rộng đọc hiểu; suy đoán nghĩa của từ mới trong ngữ cảnh quen thuộc	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
CELO3	Nghe hiểu ý chính, thông tin cụ thể, và câu hỏi ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc; phân biệt sự thật và ý kiến trong bài nghe; nhận biết thái độ hay cảm giác tổng thể từ người nói; suy luận về nội dung cơ bản của bài nghe dựa vào tiêu đề và thông tin ngữ cảnh	
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Sơ cấp bậc 2 vào việc mô tả sự vật hay sự việc đơn giản; sử dụng phương pháp quy chiếu đơn giản và các từ hay cụm từ nối đơn giản và quen thuộc để liên kết nội dung bài nói	
CELO5	Vận dụng kỹ năng tiếng Anh ở mức Sơ cấp bậc 2 vào việc viết một danh sách ý đơn giản và kết nối ý trong một đoạn văn; sử dụng dấu câu căn bản chính xác; sử dụng phương pháp quy chiếu đơn giản, các từ hay cụm từ nối đơn giản và quen thuộc để liên kết các câu trong bài viết	
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	
CELO6	Thái độ hành xử đúng đắn với môi trường.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức	Kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành.	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời
	H	S	S

		trong lớp 10%	bài học 10%				
CLO 1	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ - Cuối kỳ
CLO 2	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ
CLO 3	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ - Cuối kỳ
CLO 4	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học -
CLO 5	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ

CLO 6	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ
CLO 7	x	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học -

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà (10%) - Thảo luận và phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Dự án học tập (20%) 	50%	
Thi kết thúc học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thi nói đề đóng (10%) - Thi viết đề đóng (10%) - Thi trắc nghiệm đề đóng (30%) 	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Mari Vargo và Laurie Blass (Năm 2018), *Course Book - Pathways 1: Reading, Writing, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu bổ trợ và slides bài giảng do giảng viên khoa biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Becky Tarver Chase (Năm 2018), *Course Book - Pathways 1: Listening, Speaking, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

11. Nội dung chi tiết của học phần

* RW: Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking

* LS: Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	<p>Giới thiệu môn học RW-Unit 1: Life in a Day</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: RW-Unit 1: Section 1 (p.1-10) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 1) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 1: Section 2 (p.11-20)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
1.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 1: Life in a Day</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 1: Section 2 (p.11-20) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 1) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 1: Section 3 (p.1-11)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7

2.1(2,5 tiết)	LS-Unit 1: Living for Work	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết - Bài giảng: LS-Unit 1: Section 3 (p.1-11) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Chia nhóm làm dự án học tập, công bố chủ đề, và nhắc lại hình thức đánh giá dự án: + Dự án học tập chiếm tỷ trọng 20%	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - MyELT (LS-Unit 1) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 1: Section 4 (p.12-20))	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra	
2.2(2,5 tiết)	LS-Unit 1: Living for Work	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: - Bài giảng: LS-Unit 1: Section 4 (p.12-20) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 1	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài kiểm tra cuối Unit 1 - MyELT (LS-Unit 1) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 2: Section 1 (p.21-30))	
3.1(2,5 tiết)	RW-Unit 2: Don't Give Up!	CLO 1 CLO 2 CLO 5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: - Bài giảng: RW-Unit 2: Section 1 (p.21-30) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi	

	<p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 2) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 2: Section 2 (p.31-40)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 6 CLO 7
3.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 2: Don't Give Up!</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 2: Section 2 (p.31-40) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 2) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 2: Section 3 (p.21-31)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
4.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 2: Good Times, Good Fellings</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 2: Section 3 (p.21-31) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 2) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 2: Section 4 (p.32-40)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7

4.2(2,5 tiết)	LS-Unit 2: Good Times, Good Fellings A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 2: Section 4 (p.32-40) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 2 	CLO 1 CLO 2 CLO 3
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 2 - MyELT (LS-Unit 2) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 3: Section 1 (p.41-50)) 	CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
5.1(2,5 tiết)	RW-Unit 3: Why We Buy A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 3: Section 1 (p.41-50) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 2 CLO 5
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 3) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 3: Section 2 (p.51-60)) 	CLO 6 CLO 7
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
5.2(2,5 tiết)	RW-Unit 3: Why We Buy A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 3: Section 2 (p.51-60) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1

	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 3) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 3: Section 3 (p.41-51)) 	<p>CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
6.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 3: The Marketing Machine</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 3: Section 3 (p.41-51) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	<p>CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 3) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 3: Section 4 (p.52-60)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	
6.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 3: The Marketing Machine</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 3: Section 4 (p.52-60) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 3 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 3 - MyELT (LS-Unit 3) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 4: Section 1 (p.61-70)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	

7.1(2,5 tiết)	RW-Unit 4: Green Living	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: - Bài giảng: RW-Unit 4: Section 1 (p.61-70) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - MyELT (RW-Unit 4) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên)	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra	
7.2(2,5 tiết)	Dự án học tập (Project-based Assessment)	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung đánh giá dự án học tập: - Sinh viên trình bày dự án học tập theo nhóm	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - MyELT (RW-Unit 4) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 4: Section 3 (p.61-71))	
	C. Đánh giá kết quả học tập trong Buổi 14 Phương pháp đánh giá: - Đánh giá dự án học tập (20%) - Làm bài tập về nhà (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra	
8.1(2,5 tiết)	RW-Unit 4: Green Living (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết: - Bài giảng: RW-Unit 4: Section 2 (p.71-80) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra Sinh viên làm bài tập	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - MyELT (RW-Unit 4) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 4: Section 3 (p.61-71))	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra	
	LS-Unit 4: Wild Weather	CLO 1

8.2(2,5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 4: Section 3 (p.61-71) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 4) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 4: Section 4 (p.72-80)) <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
9.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 4: Wild Weather</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 4: Section 4 (p.72-80) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 4 <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 4 - MyELT (LS-Unit 4) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 5: Section 1 (p.81-90)) <hr/> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
9.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 5: Food Journeys</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 5: Section 1 (p.81-90) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <hr/> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p>	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7

	<ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 5) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 5: Section 2 (p.91-100)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu của Viện Ngôn ngữ đề ra 	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Kiệt

ĐCCT HP 12. ANH VĂN 4 (AV4)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81011- Anh văn 4 (AV4)]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 (2 TC lý thuyết + 1 TC thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Anh văn 3 (AV3)

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 3

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng tiếng Anh.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tiếng anh
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Trương Văn Kiệt
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Trần Thị Tuyết Mai

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật trình độ tiền sơ cấp bậc 2:

- Kiến thức cơ bản: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

+ Từ vựng cơ bản: mạo hiểm và phần thưởng, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, phát minh, ...

+ Văn phạm cơ bản: thì hiện tại đơn, trạng từ chỉ sự thường xuyên, thì quá khứ đơn, thì tương lai, ...

- Kiến thức nâng cao: Luyện tập 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết sử dụng:

+ Từ vựng nâng cao: vật báu bị mất cắp, thám hiểm vũ trụ và đáy biển, DNA và ứng dụng,

...

+ Văn phạm nâng cao: thì hiện tại hoàn thành, động từ khiếm khuyết, ...

- Kiến thức/kỹ năng mở rộng: thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Chương trình học phần Anh văn 4 (AV4) được xây dựng nhằm mở rộng những kiến thức tiếng Anh tổng quát; một số kiến thức về tiếng Anh học thuật, nâng cao bốn kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên

Về kỹ năng:

Bồi dưỡng cho sinh viên thói quen tự học, sáng tạo, tư duy phản biện, các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm

Về thái độ:

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Trên Trung cấp (B1) và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	2
Kỹ năng		
CELO2	Phân tích ý chính, thông tin cụ thể, phân biệt sự thật và ý kiến trong bài đọc; sử dụng tài liệu tham khảo và ngữ cảnh để suy ra nghĩa của từ và câu; nhận biết đặc điểm các thể loại văn bản, thủ pháp văn học và cấu trúc lập luận	3
CELO3	Xác định ý chính và thông tin cụ thể, phân biệt sự thật và ý kiến trong bài nghe; phán đoán ý nghĩa bài nghe và hiểu ngụ ý trong các cuộc trò chuyện ngắn dựa vào thông tin ngữ cảnh	3
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Trên Trung cấp vào việc mô tả hay thuyết trình; sử dụng tương đối hiệu quả phương pháp quy chiếu và các cụm từ nối để liên kết nội dung bài nói; sử dụng bố cục phù hợp với các thể loại bài nói khác nhau	3
CELO5	Vận dụng kỹ năng tiếng Anh ở mức Trên Trung cấp vào việc viết đoạn văn thuộc các thể loại khác nhau; sử dụng dấu câu chính xác trong phần lớn bài viết; liên kết các nội dung trong và giữa các đoạn bằng các cụm từ nối và phương pháp quy chiếu thích hợp	3
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện tinh thần học tập chủ động và học tập suốt đời	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
------------------	-----------------------------	--

phần (CELOs)		
Kiến thức		
CELO1	Xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp tương ứng với trình độ Trên Trung cấp (B1) và kiến thức thực tế bằng tiếng Anh	Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành
Kỹ năng		
CELO2	Phân tích ý chính, thông tin cụ thể, phân biệt sự thật và ý kiến trong bài đọc; sử dụng tài liệu tham khảo và ngữ cảnh để suy ra nghĩa của từ và câu; nhận biết đặc điểm các thể loại văn bản, thủ pháp văn học và cấu trúc lập luận	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
CELO3	Xác định ý chính và thông tin cụ thể, phân biệt sự thật và ý kiến trong bài nghe; phán đoán ý nghĩa bài nghe và hiểu ngụ ý trong các cuộc trò chuyện ngắn dựa vào thông tin ngữ cảnh	
CELO4	Áp dụng kỹ năng nói ở mức Trên Trung cấp vào việc mô tả hay thuyết trình; sử dụng tương đối hiệu quả phương pháp quy chiếu và các cụm từ nối để liên kết nội dung bài nói; sử dụng bố cục phù hợp với các thể loại bài nói khác nhau	
CELO5	Vận dụng kỹ năng tiếng Anh ở mức Trên Trung cấp vào việc viết đoạn văn thuộc các thể loại khác nhau; sử dụng dấu câu chính xác trong phần lớn bài viết; liên kết các nội dung trong và giữa các đoạn bằng các cụm từ nối và phương pháp quy chiếu thích hợp	
CELO6	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong học tập	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ hành xử đúng đắn với môi trường.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức	Kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Không đóng góp vào các ELO kiến thức chuyên ngành.	ELO: Sử dụng kỹ năng tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4/6 (B2, tương đương IELTS 6.0) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	ELO: Vận dụng tốt tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa dạng.	ELO: Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời
	H	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp phản xạ, phương pháp phản biện, v.v...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm;
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia hoạt động nhóm;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng (cả có phép và không phép) quá 20% tổng số buổi học sẽ bị cấm thi cuối kỳ (1 buổi học = 3 tiết học dài 50 phút/ tiết). Nếu sinh viên có lý do chính đáng và có bằng chứng cụ thể về việc nghỉ học, giảng viên sẽ xem xét khả năng đặc cách các trường hợp này. Giảng viên sẽ tổng kết số buổi vắng của sinh viên trước ngày kết thúc khóa học 01 tuần;
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Viện Ngôn Ngữ xử lý;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập về nhà 10%	Thảo luận, phát biểu trong lớp 10%	Làm bài tập trên hệ thống eLearning 10%	Dự án học tập 10%	Thi cuối kỳ 60%		
CLO 1	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ - Cuối kỳ

						<ul style="list-style-type: none"> - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	
CLO 2	x	x		x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ
CLO 3	x	x		x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ - Cuối kỳ
CLO 4	x	x		x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học -
CLO 5	x	x		x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ
CLO 6	x	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập - Thi nói cuối kỳ đề đóng - Thi viết cuối kỳ đề đóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học - Cuối kỳ
CLO 7	x	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cuối mỗi buổi học - Thảo luận phát biểu trong lớp - Bài kiểm tra cuối đơn vị bài học - Dự án học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi học - Mỗi buổi học -

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
-----------------	-----------	--------------	---------

Quá trình	- Bài tập về nhà (10%) - Thảo luận và phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Dự án học tập (70%)	40%	
Thi kết thúc học phần	- Thi nói đề đóng (20%) - Thi viết đề đóng (20%) - Thi trắc nghiệm đề đóng (60%)	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>

Vấn đáp trên lớp	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
------------------	---	---	--	--

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Laurie Blass và Mari Vargo (Năm 2018), *Course Book - Pathways 1: Reading, Writing, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu bổ trợ và slides bài giảng do giảng viên khoa biên soạn.

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Becky Tarver Chase và Christien Lee (Năm 2018), *Course Book - Pathways 1: Listening, Speaking, and Critical Thinking 2nd Edition*, Nhà xuất bản National Geographic Learning

11. Nội dung chi tiết của học phần

* RW: Pathways Foundations: Reading, Writing, and Critical Thinking

* LS: Pathways Foundations: Listening, Speaking, and Critical Thinking

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1(2,5 tiết)	Giới thiệu môn học RW-Unit 6: Future Living	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết : <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Giới thiệu đề cương chi tiết - Phổ biến định dạng đề thi giữa kỳ, cuối kỳ - Bài giảng: RW-Unit 6: Section 1 (p.101-110) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) 	

	- Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 6: Section 2 (p.111-120))	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
1.2(2,5 tiết)	RW-Unit 6: Future Living A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết : <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 6: Section 2 (p.111-120) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 6: Section 3 (p.101-111)) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
2.1(2,5 tiết)	LS-Unit 6: Housing for the Future A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết : <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 6: Section 3 (p.101-111) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Chia nhóm làm dự án học tập, công bố chủ đề, và nhắc lại hình thức đánh giá dự án: + Dự án học tập chiếm tỷ trọng 20% 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 6: Section 4 (p.112-120)) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
2.2(2,5 tiết)	LS-Unit 6: Housing for the Future	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:	

	<p>Nội dung giảng dạy lý thuyết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 6: Section 4 (p.112-120) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 6 	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 6 - MyELT (LS-Unit 6) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 7: Section 1 (p.121-130)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
3.1(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 7: Exploration</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 7: Section 1 (p.121-130) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 7: Section 2 (p.131-140)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
3.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 7: Exploration</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 7: Section 2 (p.131-140) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 7) 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 7: Section 3 (p.121-131)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
4.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 7: Exploring Space</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 7: Section 3 (p.121-131) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 7: Section 4 (p.132-140)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
4.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 7: Exploring Space</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 7: Section 4 (p.132-140) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 7 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 7 - MyELT (LS-Unit 7) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 8: Section 1 (p.141-150)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
5.1(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 8: Music with a Message</p>	CLO 1
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p>	CLO 2

	<p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 8: Section 1 (p.141-150) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận: Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm bài tập 	<p>CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
5.2(2,5 tiết)	<p>RW-Unit 8: Music with a Message</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <p>Bài giảng: RW-Unit 8: Section 2 (p.151-160)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 8) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 8: Section 3 (p.141-151)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	<p>CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
6.1(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 8: Creative Arts</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 8: Section 3 (p.141-151) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (LS-Unit 8) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 8: Section 4 (p.152-160)) 	<p>CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7</p>

	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
6.2(2,5 tiết)	<p>LS-Unit 8: Creative Arts</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: LS-Unit 8: Section 4 (p.152-160) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập - Giảng viên hướng dẫn về bài kiểm tra cuối Unit 9 	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra cuối Unit 9 - MyELT (LS-Unit 8) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 9: Section 1 (p.161-170)) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Kiểm tra cuối đơn vị bài học (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
7(5 tiết)	<p>RW-Unit 9: Animal Behavior</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 9: Section 1 (p.161-170) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập 	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 9) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
8(5 tiết)	<p>Dự án học tập (Project-based Assessment)</p>	CLO 1
	<p>A. Nội dung đánh giá dự án học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên trình bày dự án học tập theo nhóm 	CLO 2 CLO 3
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học bài: 	CLO 4 CLO 5

	<ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 9) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (RW-Unit 9: Section 2 (p.171-180)) 	CLO 6 CLO 7
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá dự án học tập (20%) - Làm bài tập về nhà (10%) - Rubric đánh giá theo yêu cầu 	
9(5 tiết)	<p>RW-Unit 9: Animal Behavior (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng: RW-Unit 9: Section 2 (p.171-180) - Giảng viên giảng bài và đặt câu hỏi - Sinh viên ghi chép và trả lời/ đặt câu hỏi <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thảo luận nhóm về các câu hỏi giảng viên đặt ra - Sinh viên làm bài tập <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MyELT (RW-Unit 9) - Bài tập khác (theo yêu cầu của giảng viên) - Chuẩn bị bài mới (LS-Unit 9: Section 3 (p.161-171)) <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà (10%) - Thảo luận, phát biểu trong lớp (10%) <p>Rubric đánh giá theo yêu cầu</p>	CLO CLO 2 CLO 5 CLO 6 CLO 7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

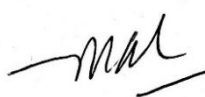
Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Tuyết Mai

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Kiệt

ĐCCT HP 13. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81017- TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG/

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tin học cơ bản và ứng dụng - Nguyễn Thu Nguyệt Minh (chủ biên), NXB

Khoa học và Kỹ thuật 2019. Mã số ISBN: 978-604-67-1364-7

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Tin học đại cương
- Khoa: Kỹ thuật công nghệ

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: CN. Lê Văn Xin
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học bao gồm 6 modules

- + Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, trình bày kiến thức cơ bản về cấu trúc máy tính, hệ thống mạng máy tính, vấn đề an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT
- + Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản. Nội dung tập trung hướng dẫn các thao tác thành thực để sử dụng máy tính cá nhân, các tiện ích cơ bản, gõ tiếng Việt và in ấn văn bản.
- + Module 3: Soạn thảo văn bản. Giới thiệu và tổng quan các công cụ thiết kế văn bản với phần mềm Microsoft Word, phiên bản 2010

- + Module 4: Xử lý bảng tính. Tìm hiểu các ứng dụng tính toán chuyên nghiệp với phần mềm Microsoft Excel, phiên bản 2010. Sử dụng các hàm số và thuật toán để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế.
- + Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản. Xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint, phiên bản 2010.
- + Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin trên mạng điện rộng toàn cầu, sử dụng hộp thư điện tử, tìm hiểu các ứng dụng Thương mại điện tử, cộng đồng trực tuyến. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Kiến thức về cấu trúc máy tính, hệ thống mạng kết nối máy tính

Về kỹ năng:

kỹ năng soạn thảo các văn bản tài liệu văn phòng; kỹ năng thiết kế các bản tính toán số liệu và trình bày bản trình chiếu cho bài thuyết trình với bộ phần mềm ứng dụng Microsoft Office...

Về thái độ:

Ngoài ra, môn học góp phần hình thành tinh thần học tập nghiêm túc chuyên cần và hiểu được tầm quan trọng của tin học ứng dụng trong công việc

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối.	2
Kỹ năng		
CELO2	Sử dụng máy tính cơ bản phục vụ cho công việc và học tập	3
CELO3	Sử dụng Internet cơ bản phục vụ cho công việc và học tập	3
CELO4	Thiết kế bài trình chiếu đáp ứng yêu cầu theo các chủ đề khác nhau	3
CELO5	Soạn thảo tài liệu văn bản với các chuẩn mực định dạng	3
CELO6	Sử dụng bảng tính cơ bản để xử lý và tính toán số liệu theo yêu cầu	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả cấu trúc máy tính, mạng máy tính kết nối	ELO6
Kỹ năng		

CELO2	Sử dụng máy tính cơ bản phục vụ cho công việc và học tập	ELO6
CELO3	Sử dụng Internet cơ bản phục vụ cho công việc và học tập	ELO6
CELO4	Thiết kế bài trình chiếu đáp ứng yêu cầu theo các chủ đề khác nhau	ELO6, 8
CELO5	Soạn thảo tài liệu văn bản với các chuẩn mực định dạng	ELO6
CELO6	Sử dụng bảng tính cơ bản để xử lý và tính toán số liệu theo yêu cầu	ELO1
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, kiên trì và kỷ luật thông qua môi trường chia sẻ thông tin	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
S	N	N	N	N	H	N	S	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- + Hướng dẫn mô tả các phần mềm ứng dụng;
- + Thao tác các bước thực hành và áp dụng bài tập thực tế;
- + Giả lập các tình huống thực tế và yêu cầu sinh viên thực hiện;
- + Chỉnh sửa thao tác thực hành trong các bài tập cá nhân sinh viên

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- + Sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị dữ liệu thô để thiết kế các sản phẩm qua phần mềm ứng dụng theo yêu cầu;
- + Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận, tự kiểm tra kiến thức lý thuyết qua các bài trắc nghiệm cá nhân;
- + Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp kiến thức soạn thảo để áp dụng vào các môn học khác có liên quan đến văn bản, bài trình chiếu.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- + Chuyên cần: sinh viên phải tham dự 70% thời lượng môn học và thực hiện các bài tập thực hành;
- + Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên cần hoàn thành các bài trắc nghiệm lý thuyết trước khi bắt đầu vào học thực hành.
- + Sinh viên chuẩn bị dữ liệu thô để việc thiết kế các sản phẩm được nhanh chóng, hoàn thiện và đầy đủ;
- + Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận, phát biểu	Thực hành tại phòng máy	Thi cuối kỳ		
CLO 1	x	X	x	x	- Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên - Kiểm tra tốc độ và kỹ thuật gõ bàn phím	- Tuần 2 - Tuần 12
CLO 2	x	X	x	x	- Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên	- Tuần 4
CLO 3	x	X	x	x	- Bài tập thực hành trực tuyến - Kiểm tra thực hành kết thúc Module 6 - Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên	- Tuần 6 - Tuần 7 - Tuần 8 - Tuần 9 - Thi cuối kỳ
CLO 4	x	X	x	x	- Bài tập thực hành trực tuyến - Kiểm tra thực hành kết thúc Module 3 - Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên	- Tuần 10 - Tuần 11 - Tuần 12 - Tuần 13 - Tuần 14 - Tuần 15 - Thi cuối kỳ
CLO 5	x	X	x	x	- Chuẩn bị bài trình chiếu theo đề tài tự do và đăng ký - Kiểm tra thực hành kết thúc Module 5 - Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên	- Tuần 3 - Tuần 4 - Tuần 5 - Tuần 6
CLO 6	x	X	x	x	- Thiết kế trang form và các ứng dụng mạng - Kiểm trắc nghiệm với ngân hàng câu hỏi ngẫu nhiên	- Tuần 4 - Tuần 8
CLO 7	x	X	x	x	- Bài thi và bài tập	- Thường xuyên - Thi cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Bài tập	10%	
	Kiểm tra	30%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm, tự luận	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn

		liên quan			lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
--	--	-----------	--	--	---

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Nguyễn Thu Nguyệt Minh (chủ biên). Tin học cơ bản và ứng dụng, NXB Khoa học và Kỹ thuật 2019. Mã số ISBN: 978-604-67-1364-7.

10.2 Tài liệu học tập

Slides bài giảng do giảng viên biên soạn lưu hành nội bộ

Học liệu (video, tài liệu đọc).

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Microsoft excel 2013: nội dung đào tạo tương thích với bài thi MOS, IIG Việt Nam, Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
1.1 (2,5 tiết)	Giới thiệu môn học và Module 1: Hiểu biết về CNTT cơ bản	CLO 1 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Công bố ĐCCT - Khảo sát đầu khóa học - Kỹ thuật gõ bàn phím 10 ngón. - Giới thiệu Hệ điều hành, thiết bị phần cứng, hướng dẫn lắp ráp máy tính trên phần mềm mô phỏng - Ôn tập trắc nghiệm Module 1- 5 lần (4 lần ≥ 5 điểm)	
	B. Các nội dung thảo luận làm việc trong phòng thực hành - Hướng dẫn thực hành bài tập gõ 10 ngón - Hướng dẫn lắp ráp máy tính trên phần mềm mô phỏng - Các hệ điều hành thông dụng - Cấu hình và hiệu năng máy tính	
	C. Các nội dung cần tự học: - Sử dụng Giáo trình để làm bài ôn tập Trắc nghiệm Module 1 - Ôn tập trắc nghiệm Module 1 - Đọc tài liệu giáo trình Module 2	
	D. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trắc nghiệm đánh giá kiến thức lý thuyết về cấu trúc máy tính, kết nối mạng và môi trường làm việc 	
1.2(2,5 tiết)	Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản	CLO 1 CLO 2 CLO 7
	A. Các nội dung làm việc trong phòng thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hệ điều hành trong máy tính và môi trường làm việc cơ bản. Sử dụng các tiện ích chung trên môi trường Windows, quản lý thư mục và tập tin - Giảng viên hướng dẫn kiến thức để SV làm BT Module 2 - Kiểm tra trắc nghiệm Module 1 	
	B. Các nội dung cần tự học: <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập trắc nghiệm Module 2 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trắc nghiệm Module 2 đánh giá kiến thức lý thuyết về máy tính và sử dụng các tiện ích cơ bản trên môi trường Windows. 	
2.1(2,5 tiết)	Module 5: Thiết kế bài trình chiếu cơ bản	CLO 2 CLO 5 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về phần mềm thiết kế bài trình chiếu MS PowerPoint, Slide Master, Text - Chèn các đối tượng minh họa: Picture, Shapes, Audio, Video, Chart - Thông báo SV đăng ký đề tài - Hyperlink, Object, Animations, Transitions - Thông báo SV đăng ký đề tài - Kiểm tra trắc nghiệm Module 2 - Print, Outline 	
	B. Các nội dung làm việc trong phòng thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nội dung và các kỹ thuật thiết kế hỗ trợ để tạo được bài thiết kế hiệu quả: Liên kết, chèn đối tượng (Object), tạo hiệu ứng chuyển động cho trang và cho các đối tượng độc lập - Làm các bài tập được giảng viên giao - Kiểm tra trắc nghiệm Module 2 	
	Nội dung bài tập/thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký đề tài cho bài thiết kế trình chiếu - Tìm kiếm dữ liệu Powerpoint - Ôn tập trắc nghiệm Module 5 (5 lần ≥ 5 điểm) 	
	C. Các nội dung cần tự học: <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị dữ liệu thô để thiết kế một bài trình chiếu tổng hợp theo chủ đề đã đăng ký với giảng viên. - Ôn tập trắc nghiệm M5 để củng cố kiến thức lý thuyết - Tự thực hành thêm các nội dung đã học trong phần bài tập 	
D. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:		

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thiết kế bài trình chiếu (90p) - Bài tập trắc nghiệm đánh giá kỹ thuật sử dụng công cụ hỗ trợ trong quá trình thiết kế bài trình chiếu <p>Tiêu chí đánh giá Rubric</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên xây dựng được một bài thuyết trình theo đúng yêu cầu 20% - Áp dụng các kỹ thuật thiết kế trong bài trình chiếu 70% - Mức độ sáng tạo cho sản phẩm cá nhân 10% 	
<p>2.2(2,5 tiết) 3(5tiết) 4(5tiết) 5(5tiết)</p>	<p>Module 3: Xử lý văn bản cơ bản</p>	<p>CLO 3 CLO 5 CLO 6 CLO 7</p>
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Module 3: Giới thiệu về phần mềm soạn thảo văn bản MS Word. - Trình bày và mô phỏng phần mềm soạn thảo văn bản - Định dạng văn bản với font chữ, đoạn văn bản, khổ giấy, đường viền và nền trang trí, đánh số tự động hoặc hoa thị đầu dòng, chữ nghệ thuật, smart art. - Thiết lập Tabs, bảng biểu, cột báo. - Sử dụng table, header & footer, index - Soạn thảo công thức toán học - Ôn tập trắc nghiệm Module 3 - 5 lần (4 lần ≥ 5 điểm) 	
	<p>B. Các nội dung làm việc trong phòng thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu trình bày văn bản có định chuẩn về khổ giấy và font chữ - Soạn thảo văn bản với các kỹ thuật cài tabs, chia cột báo, tạo bảng, thiết kế tiêu đề đầu trang – cuối trang, thiết lập mục lục tự động - Sử dụng các công cụ soạn thảo nâng cao: vẽ sơ đồ thông minh, đồ thị, công thức toán, trộn thư - Làm các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên - Kiểm tra trắc nghiệm Module 5 - Kiểm tra trắc nghiệm Module 6 - Làm các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên - Kiểm tra Word theo mẫu cuốn báo cáo <p>Nội dung bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các công cụ soạn thảo để trình bày văn bản, thiết lập hiệu ứng viền khung cho các đối tượng minh họa - Trình bày văn bản theo cột báo, thiết lập tabs, sử dụng các đối tượng smart Art, table, header & footer, index và equation. - Thực hành các bài tập theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn - Ôn tập trắc nghiệm Module 3 (5 lần ≥ 5 điểm) 	
	<p>C. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các bài tập thực hành theo tài liệu giáo trình - Soạn thảo văn bản theo yêu cầu cụ thể - Chuẩn bị dữ liệu thô để thiết kế các ấn phẩm nhỏ 	
<p>D. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>		

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trắc nghiệm đánh giá kỹ thuật sử dụng công cụ hỗ trợ trong quá trình soạn thảo văn bản - Soạn thảo văn bản theo yêu cầu cụ thể Tiêu chí đánh giá Rubric <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày văn bản theo mẫu yêu cầu cơ bản 60% - Trình bày văn bản với các kỹ thuật nâng cao để thiết kế ấn phẩm chuyên nghiệp 40% 	
6(5tiết)	Module 3: Xử lý văn bản cơ bản (tiếp theo)	CLO 3 CLO 6 CLO 7
	A. Các nội dung thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập trắc nghiệm Module 3 - 5 lần (4 lần ≥ 5 điểm) - Làm các bài tập theo hướng dẫn của giảng viên 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các bài tập thực hành theo tài liệu giáo trình - Ôn tập trắc nghiệm Module 3 - Làm thêm các bài tập mở rộng, nâng cao (nếu có) 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên 	
7(5tiết)	Module 4: Sử dụng bảng tính cơ bản	CLO 3 CLO 4 CLO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Module 4: Giới thiệu phần mềm bảng tính Excel. - Sử dụng các hàm chức năng: hàm xử lý chuỗi, hàm về số, hàm về ngày tháng, thời gian - Hàm điều kiện và các bài tập ứng dụng thực tế - Hàm làm tròn, xếp hạng và các bài toán ứng dụng thực tế - Hàm AND, OR và các bài toán ứng dụng thực tế - Hàm dò tìm Vlookup/Hlookup - Trích lọc, sắp xếp dữ liệu - Các hàm tính toán có điều kiện: Sumif, Countif - Biểu đồ 	
	B. Các nội dung làm việc trong phòng thực hành: <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra gõ 10 ngón - Sử dụng các hàm chức năng để tính toán các bài toán hoặc yêu cầu cụ thể trong các lĩnh vực kinh tế xã hội - Hàm điều kiện và các bài tập ứng dụng thực tế - Hàm dò tìm và các bài tập ứng dụng thực tế - Thống kê, so sánh, trích lọc và vẽ đồ thị biểu diễn số liệu - Ôn tập - Kiểm tra kết thúc Module 4 (Excel) Nội dung bài tập/thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành các bài tập theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn - Ôn tập trắc nghiệm Module 4 (5 lần ≥ 5 điểm) 	
	C. Các nội dung cần tự học:	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập trong tài liệu giáo trình - Chuẩn bị dữ liệu thô tính toán cho buổi học tiếp theo <p>D. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá: - Bài tập tính toán theo các tình huống thực tế như quản lý du lịch, kho hàng, tiền lương, lưu kho - Tiêu chí đánh giá Rubric - Sử dụng các hàm tính toán cơ bản 25% - Áp dụng thuật toán cơ bản cho trường hợp tình toán tình huống 50% - Thống kê, vẽ đồ thị, sắp xếp và phân loại dữ liệu 	
8(5tiết)	<p>Module 4: Sử dụng bảng tính cơ bản (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập trắc nghiệm Module 4 - 5 lần (4 lần ≥ 5 điểm) - Làm các bài tập trong giáo trình từ bài 1 đến bài 9 (Text, Number, IF, Rank) <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm lại các bài tập 1- 9 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tính toán theo các tình huống thực tế trong giáo trình 	<p>CLO 4</p> <p>CLO 6</p> <p>CLO 7</p>
9(5tiết)	<p>Ôn tập Tổng hợp</p> <p>A. Các nội dung làm việc trong phòng thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các kỹ thuật soạn thảo văn bản Word - Ôn tập các thuật toán trong xử lý bảng tính Excel - Kiểm tra trắc nghiệm Module 4 <p>B. Các nội dung tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập tổng hợp <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá: Kiểm tra kết thúc kết thúc học phần 80p - Tổng hợp kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết 6 module trong học phần Tiêu chí đánh giá Rubric - Trọng số: Soạn thảo văn bản 20%; Xử lý bảng tính 20% 	<p>CLO 3</p> <p>CLO 4</p> <p>CLO 7</p>

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- + Phòng học, thực hành: Phòng máy
- + Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa
- + Phần mềm ứng dụng: Microsoft Office 2010, Office 365, Microsoft Teams, NetOp School;
- + Mạng kết nối Internet.

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2019 - 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 5

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Nội dung được cập nhật gần nhất vào ngày 21/6/2021, Bộ môn thống nhất điều chỉnh chuẩn đầu ra của học phần và thay đổi định dạng đề cương theo mẫu mới của Trường

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hồ Nhật Tiến

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 14.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ - ĐHKTKTBD, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
Tiếng Anh: **National defense and security policies of the Communist**

Party of Viet Nam

- Mã học phần: QPAN01
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết học phần: 45 tiết
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học tất cả các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng

2. Mục tiêu của học phần

Môn học đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

2.1. Về kiến thức:

2.1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học, tầm quan trọng của môn học Giáo dục quốc phòng an ninh.

2.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Sự vận dụng của Đảng ta vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

2.1.3. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và mối quan hệ chặt chẽ giữa quốc phòng toàn dân với an ninh nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

2.1.4. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, tính kế thừa và phát triển những truyền thống quân sự, nét độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

2.1.5. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Các nội dung cơ bản về tính chất, đặc điểm, quan điểm, nguyên tắc cơ bản của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2.1.6. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.1.7. Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc; Đặc trưng nghệ thuật quân sự Việt Nam đã chiến thắng các kẻ thù hùng mạnh nhất.

2.1.8. Nắm vững những kiến thức cơ bản về chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình hiện nay.

2.1.9. Nắm vững nội dung cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng.

2.1.10. Nắm được những kiến thức cơ bản về công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2.1.11. Nắm được kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Hiểu rõ nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2.2. Về kỹ năng:

2.2.1. Nắm vững nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, các quan điểm về giáo dục quốc phòng an ninh và tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng

toàn dân, an ninh nhân dân ngay khi đang học tập, rèn luyện trong Nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo

2.2.2. Xây dựng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống dựng nước và giữ nước của toàn dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; về nhiệm vụ, công tác quốc phòng an ninh trong tình hình

mới.

2.2.3. Biết khai thác, vận dụng kiến thức, kinh nghiệm trong quân sự thành kiến thức, kĩ năng riêng của mình và vận dụng linh hoạt các kiến thức đó vào thực tiễn tình huống phức tạp, biến động của công tác hoạt động quân sự.

2.2.4. Bước đầu làm quen làm việc theo nhóm, nâng cao kỹ năng thuyết trình, sử dụng công nghệ trong thuyết trình.

2.2.5. Tăng cường kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học, môn học.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Tăng cường kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

- NL2: Xác định thái độ, nhận thức đúng đắn của sinh viên với nhiệm vụ quốc

phòng, an ninh của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần có 03 tín chỉ cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; Nghiên cứu những quan điểm cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh; Lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; Xây dựng lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội...Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng góp phần hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giao trình giáo dục quốc phòng, an ninh dùng cho sinh viên các trường đại học cao đẳng tập 1. Nxb Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chỉ thị 12- CT/TW ngày 03/05/2007 của bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới
2. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X; Nghị quyết trung ương khóa 8/ khóa IX.
3. Học thuyết Mac- lenin về chiến tranh quân đội, Nxb quân đội nhân dân 2002
4. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam, Nxb quân đội nhân dân 1997

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 1 : Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	02			02	04	Đọc tài liệu bài học Nghiên cứu nội dung
1.1. Mục đích yêu cầu						
1.2. Đối tượng nghiên cứu						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu						trong giáo trình
1.4. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng, an ninh						
Bài 2 : Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	02		02	04	08	<p>Đọc giáo trình bài 2 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>Đọc giáo trình bài 2 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.						
2.2. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.						
2.3. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc.						
Bài 3 : Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	04			04	08	
3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân						<p>Đọc giáo trình bài 3 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.						
3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 4 : Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	04			04	08	Đọc giáo trình bài 4 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1.Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.						
4.2. Quan điểm của đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.	02			02		
4.3.Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc.	01			01		
Bài 5 : Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	04			04		
5.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	02			02		Đọc giáo trình bài 5 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới.	01			02		
5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.	01					
Bài 6 : Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.	04			04		
6.1. Cơ sở thực tiễn và lý luận của việc kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam.	01			01		Đọc giáo trình bài 6 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và	02			02		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đối ngoại ở nước ta hiện nay.						
6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay.	01			01		Đọc giáo trình bài 6 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Bài 7 : Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam.	04		02	06	12	
7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.	02		01	03		Đọc giáo trình bài 7 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.	01		01	02		
7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.	01			01		
Bài 8 : Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.	04			04	08	
8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.	02			02		Đọc giáo trình bài 8 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia	02			02		
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.	04		02	06	12	
9.1. Xây dựng lực lượng dân quân	02		01	03		- Đọc giáo trình bài 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tự vệ.						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.	01			01		
9.3. Động viên công nghiệp quốc phòng.	01		01	02		
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.	02		02	04	08	
10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.	01			01		Đọc giáo trình bài 10 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.	01		01	02		
10.3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.			01	01		
Bài 11 : Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	03			03	06	
1.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.	01			01		Đọc giáo trình bài 11 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội .	01			01		
1.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới.	01			01		
Kiểm tra			02	02		
Tổng	37		8	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐCCT HP 14.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/ QĐ - ĐHKTKTBD, ngày 20 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Công tác quốc phòng và an ninh** Tiếng Anh: **National defense and security** Mã học phần:
QPAN02
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết học phần: 30 tiết
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học tất cả các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng

3. Mục tiêu của học phần

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:
- Về kiến thức: Sau khi sinh viên học kết thúc học phần được trang bị kiến thức về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Về kỹ năng: Sau khi sinh viên học kết thúc học phần được hình thành kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.
- Về đạo đức nghề nghiệp: Ngoài việc thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành, khi học GDQP-AN sinh viên phải thực hiện những yêu cầu sau: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định trong học tập, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.

2.1. Về kiến thức:

2.1.1. Nắm vững nội dung cơ bản về âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay. Hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam hiện nay. Nắm vững mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của địch.

2.1.2. Nắm được những kiến thức cơ bản về dân tộc, tôn giáo, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

2.1.3. Nắm vững nội dung cơ bản về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.1.4. Nắm vững những kiến thức cơ bản về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2.1.5. Nắm được kiến thức cơ bản về phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác.

2.1.6. Nắm được những kiến thức cơ bản về an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

2.1.7. Nắm vững những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2.2. Về kỹ năng:

2.2.1. Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao hiểu biết, chủ động phòng ngừa mọi âm mưu thủ đoạn chống phá của địch, bảo vệ chế độ XHCN.

2.2.2. Tích cực đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

2.2.3. Nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong việc phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2.4. Nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong việc phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2.2.5. Nâng cao trách nhiệm của sinh viên về phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác.

2.2.6. Đấu tranh bảo vệ an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

2.2.7. Nâng cao sự hiểu biết về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Tăng cường kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

- NL2: Xác định thái độ, nhận thức đúng đắn của sinh viên với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần có 02 tín chỉ cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh, trong đó gồm những nội dung về Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; kiến thức cơ bản về an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam... Qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, đánh giá, nhận định về lĩnh vực quốc phòng và an ninh; biết tư duy độc lập, đề xuất những giải pháp hữu ích nhằm thực hiện thắng lợi các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng theo cương vị, chức trách được giao.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Giao trình giáo dục quốc phòng, an ninh dùng cho sinh viên các trường đại học cao đẳng tập 1. Nxb Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

[1] Vụ Giáo dục quốc phòng - Bộ GD&ĐT, Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục, 2012;

[2] Khoa Giáo dục quốc phòng, Đại học Mở - Địa chất, Tài liệu tham khảo Giáo dục quốc phòng - an ninh, 2002.

[3] Các trang website: Khoa giáo dục quốc phòng: <http://nde.humg.edu.vn>; Vụ giáo dục quốc phòng: <http://quocphonganninh.edu.vn>; Báo điện tử Quân đội nhân dân: www.qdnd.vn; Báo điện tử Quốc phòng toàn dân: www.tapchiquptd.vn; Báo điện tử Công an nhân dân www.m.cand.com.vn;

[4] Tổng cục chính trị - Cục quân huấn; Tài liệu tham khảo về đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; Nxb Quân đội nhân dân, 2014.

[5] Bộ Quốc phòng – Vụ Giáo dục quốc phòng; Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia; Nxb Quân đội nhân dân. 2007.

[6] Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự; dùng cho đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng – an ninh; Nxb giáo dục Việt Nam, 2012.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
HỌC PHẦN II. CÔNG TÁC QP-AN	30			30	60	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
BÀI 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM	04			04	08	
1.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình” 1.1.3 Bạo loạn lật đổ	01					Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
1.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam 1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam 1.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam	01					Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta <i>1.3.1. Mục tiêu</i> <i>1.3.2. Nhiệm vụ</i> <i>1.3.3. Quan điểm chỉ đạo</i> 1.3.4 Phương châm tiến hành	01					Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay 1.4.1. Đẩy lùi tệ nạn quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng XHCN trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế. 1.4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn	01					- Chuẩn bị nội dung bài học. - Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
<p>của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ</p> <p>1.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ tổ quốc cho toàn dân</p> <p>1.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị- xã hội vững mạnh về mọi mặt</p> <p>1.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh</p> <p>1.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch</p> <p>1.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động</p>						
<p>BÀI 2: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM</p>	04		02	06	12	
<p>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc</p> <p>2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc</p> <p>2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước ta hiện nay</p>	01		01			Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
<p>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo</p> <p>2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo</p> <p>2.2.2. Nguồn gốc của tôn giáo</p> <p>2.2.3. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN</p> <p>2.2.4. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay</p>	01		01			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
<p>2.3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>2.3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p> <p>2.3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p> <p>2.3.3. Giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p>	02					Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
Bài 3. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	04			04	08	
3.1. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	02					Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
3.1.1. Khái niệm, vai trò và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường						
3.1.2. Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường						
3.1.3. Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường						
3.2. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	02					
3.2.1. Khái niệm, đặc điểm						
3.2.2. Nội dung, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường						
3.2.3. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường						
3.2.4. Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các nhà trường						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Bài 4. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG	04			04	08	
4.1. nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông	02			02		Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
4.1.1. Nhận thức về pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông						
4.1.2. Nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông						
4.2. nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông	02			02		
4.2.1. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông						
4.2.2. Chủ thể và mối quan hệ phối hợp trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông						
4.2.3. Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông						
4.2.4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường						
Bài 5. PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC	02		02	04	08	
5.1. Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác	01		01			Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
5.1.1. Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác						
5.1.2. Phân loại các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
5.1.3. Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội danh dự, nhân phẩm						
5.2. Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác	01		01			
5.2.1. Khái niệm phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác						Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
5.2.2. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác						
5.2.3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm						
5.2.4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm						
5.2.5. Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường						
Bài 6. AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG	02		02	04	08	
6.1. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay						Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
6.1.1. Khái niệm an toàn thông tin						
6.1.2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới						
6.1.3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam						
6.2. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng						
6.2.1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử						
6.2.2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH						
6.2.3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội						
6.2.4. Chiếm quyền giám sát Camera IP						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
6.2.5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản						
6.2.6. Deep web và Dark web						
6.3. Phòng chống vi phạm luật trên không gian mạng						
6.3.1. Cơ sở pháp lý						
6.3.2. Các biện pháp						
6.4. Đường dây nóng của Bộ công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm						
Bài 7. AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM	02		02	04	08	
7.1. Những vấn đề chung về an ninh phi truyền thông 7.2. Những thách thức và đe dọa an ninh phi truyền thông ở nước ta 7.3. Một số giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay						Chuẩn bị nội dung bài học. Nghe, ghi chép bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của giáo viên.
Tổng	22		08	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐCCT HP 14.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 3**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ - ĐHKTKTBD, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quân sự chung**
Tiếng Anh: **General military**
- Mã học phần: QPAN03
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết học phần: 30 tiết
Lý thuyết: **14** tiết; thực hành: **16** tiết, tự học: **60** giờ.
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học tất cả các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Công tác Quốc phòng – An ninh
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - Thực hành: 16 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Giáo dục Thể chất - Giáo dục quốc phòng

2. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

2.1 Kiến thức

2.1.1. Hiểu được chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần của Quân đội từ đó chấp hành và thực hiện tại cơ sở;

2.1.2. Hiểu được các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại

để thực hiện và chấp hành;

2.1.3. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam;

2.1.4. Nắm được những kiến thức cơ bản về bản đồ quân sự;

2.1.5. Nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh tương lai;

2.1.6. Hiểu biết về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp làm cơ sở thuận lợi khi tham gia vào đại hội thể thao quốc phòng.

4.2. Kỹ năng

2.2.1. Có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự phục vụ cho học tập, công tác và chiến đấu;

2.2.2. Thành thạo đội ngũ có súng, phục vụ cho học tập và chiến đấu sau này khi cần thiết;

2.2.3. Biết đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, biết cấp trung đội phục vụ học tập, công tác;

2.2.4. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao;

2.2.5. Rèn luyện tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tăng cường sức khỏe để vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập, công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: Những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; bản đồ địa hình quân sự; một số vấn đề về điều lệnh đội ngũ có súng và đội ngũ đơn vị; cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội và ba môn quân sự phối hợp.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần quan tâm nghiên cứu đặc điểm, nguyên lí, tác dụng ... hiểu rõ bản chất các nội dung kỹ thuật; về khả năng sát thương, với các phương pháp phòng tránh đơn giản, hiệu quả. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kỹ thuật bộ binh trong chiến đấu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập 2 (2013), dùng cho sinh viên các Trường Đại học và Cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Giáo trình Giáo dục quốc phòng phần 3 (2003), dùng giảng dạy và học tập cho sinh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bản đồ địa hình - Cục bản đồ - Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam

2. Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng – an ninh năm 2017.

3. Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng – an ninh năm 2018.

4. Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng – an ninh năm 2019.

5. Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng – an ninh năm 2020.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- | | | |
|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> Thuyết trình | <input type="checkbox"/> Phát vấn | <input type="checkbox"/> Đàm thoại |
| <input type="checkbox"/> Bản đồ tư duy | <input type="checkbox"/> Làm việc nhóm | <input type="checkbox"/> Tình huống |
| <input type="checkbox"/> Dạy học theo dự án | <input type="checkbox"/> Dạy học thực hành | <input type="checkbox"/> Thu thập số liệu |
| <input type="checkbox"/> Phân tích, xử lý số liệu | <input type="checkbox"/> Trình bày báo cáo khoa học | <input type="checkbox"/> Tự học |

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ
- Tham dự thi kết thúc học phần điều lệnh đội ngũ đơn vị, điều lệnh đội ngũ có súng.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Đánh giá theo thang điểm 10

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Hướng dẫn tự học của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Bài 1: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	02				02	04	- Chuẩn bị nội dung bài, chú ý lắng nghe.
1.1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày 1.2. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong tuần							- Chuẩn bị nội dung bài. - Nghe, quan sát GV làm mẫu, ghi nhớ, thực hành các nội dung bài.
Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí	02				02	04	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
trật tự nội vụ trong doanh trại							
2.1. Các chế độ nền nếp chính quy trong doanh trại 2.2. Bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại							
Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	04				04	08	- Nghiên cứu nội dung - Tham khảo thêm tài liệu.
3.1. Hiểu biết chung về các quân chủng trong quân đội 3.2. Hiểu biết chung về các quân chủng trong quân đội							
Bài 4: Đội ngũ từng người có súng				04	04	08	- Tự nghiên cứu, luyện tập động tác đội ngũ từng người có súng.
4.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ có súng 4.2. Đặt súng, lấy súng 4.3. Mang, đeo, treo súng							- Tự nghiên cứu, luyện tập động tác đội ngũ đơn vị, theo tổ, tiểu đội.
Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị				04	04	08	
5.1. Đội ngũ tiểu đội 5.2. Đội ngũ trung đội							
Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	02			02	04	08	- Nghiên cứu nội dung - Tìm hiểu thêm trong tài liệu về cách chia

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							mảnh, ghi số hiệu bản đồ theo phương pháp mới.
6.1. Bản đồ 6.2. Sử dụng bản đồ							
Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	02			02	04	08	- Nghiên cứu nội dung - Tham khảo thêm tài liệu.
7.1 Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh 7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao							
Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp	02			04	06	12	
8.1. Điều lệ 8.2. Quy tắc thi đấu 8.3. Cách tính thành tích 8.4. Luyện tập							-Nghiên cứu nội dung - Tham khảo thêm tài liệu.
Tổng	14			16	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐCCT HP 14.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 4**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/ QĐ -ĐHKTKTBD, ngày 20 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.**

Tiếng Anh: **Infantry fighting techniques and tactics**

- Mã số học phần: QPAN04

- Số tín chỉ học phần: 02

- Số tiết học phần: 60 tiết

Lý thuyết: 4 tiết; thực hành: 56 tiết, tự học: 120 giờ.

- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học tất cả các ngành

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và đồ án tốt nghiệp □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quân sự chung

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 04 tiết

▪ Thực hành: 56 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 120 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Giáo dục Thể chất – Giáo dục quốc phòng

2. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng cần thiết có thể ứng dụng các kỹ thuật này khi tham gia dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu rõ tác dụng, cấu tạo, cách sử dụng súng tiểu liên AK và kỹ thuật, chiến thuật

chiến đấu bộ binh để vận dụng vào thực tiễn khi có chiến tranh xảy ra;

2.1.2. Nắm được đặc điểm, nguyên lý chuyển động, tác dụng, cấu tạo một số loại lựu đạn Việt Nam;

2.1.3. Nắm được đặc điểm mục tiêu, thủ đoạn đối phó của địch ở một số mục tiêu thường gặp trong công sự và mục tiêu ngoài công sự, cách đánh và hành động của từng người khi đánh từng loại mục tiêu;

2.1.4. Nắm được đặc điểm, thủ đoạn tiến công của địch; nội dung công tác chuẩn bị và hành động của từng người trong chiến đấu phòng ngự;

2.1.5. Nắm được nội dung về yêu cầu chiến thuật, công tác chuẩn bị và hành động chiến đấu của từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào quá trình làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thực hành bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng AK đạt kết quả cao;

2.2.2. Thành thực các tư thế động tác ném lựu đạn xa trúng đích, vận dụng thực hành ném lựu đạn bài 1;

2.2.3. Nắm được những nội dung cơ bản về đặc điểm của địch, cách đánh và hành động của từng người khi đánh chiếm từng loại mục tiêu; biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào thực hiện đánh chiếm mục tiêu;

2.2.4. Nắm được nội dung về yêu cầu chiến thuật, công tác chuẩn bị và hành động chiến đấu của từng người trong phòng ngự; biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào quá trình chiến đấu phòng ngự;

2.2.5. Nắm được nội dung về yêu cầu chiến thuật, công tác chuẩn bị và hành động chiến đấu của từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); biết vận dụng kỹ thuật và các động tác chiến đấu cơ bản vào quá trình làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới);

2.2.6. Tăng cường kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học, môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nghiên cứu các kiến thức kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu bộ binh cần thiết như: Những kiến thức cơ bản về bắn súng AK; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại lựu đạn Việt Nam; kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự, canh gác, cảnh giới.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần quan tâm nghiên cứu đặc điểm, nguyên lý, tác dụng... hiểu rõ bản chất các nội dung kỹ thuật, chiến thuật bộ binh; trên cơ sở đó nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đồng thời có thể ứng dụng các kỹ thuật này khi tham gia dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

4. Cấu trúc nội dung học phần

Nội dung học phần 4 gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1; Từng người trong chiến đấu tiến công; Từng người trong chiến đấu phòng ngự; Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

5. Phương pháp giảng dạy

5.1. Lý thuyết

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp giảng giải, phân tích, chứng minh
- Nêu vấn đề kết hợp giải quyết vấn đề
- Học nhóm, thảo luận.

5.2. Thực hành

Theo 3 bước:

- Làm nhanh, khái quát động tác
- Làm chậm, phân tích từng cử động
- Làm tổng hợp các động tác

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Đánh giá theo thang điểm 10

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần.

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Hướng dẫn tự học của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Bài 1: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	02			22	24	48	+ Nghiên cứu nội dung chương 4 tài

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Ngắm bắn 1.2. Ngắm chụm và trúng 1.2. Động tác bắn súng tiểu liên AK 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.							liệu (từ trang 197 đến trang 213). + Tham khảo thêm tài liệu [2] (từ trang 93 đến trang 118). + Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng - an ninh năm 2020.
Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 2.1. Tính năng chiến đấu, cấu tạo, tác dụng, chuyển động các bộ phận của lựu đạn 2.2. Kiểm tra, giữ gìn và chuẩn bị lựu đạn 2.3. Tư thế động tác ném lựu đạn xa trúng đích 2.4. Điều kiện ném lựu đạn bài 1	02			06	08	16	+ Nghiên cứu sách dạy sử dụng lựu đạn- CQH- BTTM-2001 + Nghiên cứu sách dạy sử dụng lựu đạn- CQH- BTTM-2009
Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công 3.1. Đặc điểm tiến công của địch 3.2. Nhiệm vụ 3.3. Yêu cầu chiến thuật 3.4. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 3.5. Tình huống				16	16	32	+ Nghiên cứu nội dung tài liệu [1] từ (trang 177 đến trang 194). + Tham khảo thêm tài liệu [2] (từ trang 142 đến trang 159). Từng người trong chiến đấu tiến công; từng người

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.6. Hành động chiến đấu							trong chiến đấu phòng ngự. + Nghiên cứu nội dung tài liệu [1] từ (trang 174 đến trang 187).
Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự 4.1. Đặc điểm tiến công của địch 4.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ 4.4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu				08	08	16	+ Tham khảo thêm tài liệu [2] (từ trang 142 đến trang 159). Từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.
Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) 5.1. Đặc điểm địch 5.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 5.3. Từng người làm nhiệm vụ canh gác 5.4. Từng người làm nhiệm vụ cảnh giới				04	04	8	+ Nghiên cứu nội dung tài liệu [1] từ (trang 197 đến trang 213). + Tham khảo thêm ở tài liệu [2] (từ trang 53 đến trang 70)

(Ghi chú: LT: Lý thuyết; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành).

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Xuân Tế

ĐCCT HP 15.1. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần: 081106

Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục thể chất 1 (Câu Long)

Tên học phần (tiếng Anh): Physical education 1 (Badminton)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 1

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 10 tiết
- Giờ học thực hành: 20 tiết
- Giờ tự học của sinh viên:

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Sinh viên không dị dạng, khuyết tật, không có tiền sử bệnh tim mạch, huyết áp.

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ 2 năm 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt.
- Tài liệu học tập chính: Giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tài liệu giảng dạy, tài liệu đọc.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: GDTC
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Lê Hà Dương
- Điện thoại: 0909.08.5353

- Mail: duong.lh@kttk.edu.vn

2. Mô tả học phần

- Giới thiệu lịch sử phát triển, vị trí tác dụng của môn Cầu lông. Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Cầu lông.

- Tập luyện các bài tập bổ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn.

- Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực phía trước (gần lưới), khu vực 2 bên dọc biên và khu vực cuối sân.

- Học và luyện tập kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật di chuyển tiến đánh cầu thấp tay, di chuyển ngang đánh cầu ngang vai dọc 2 biên và di chuyển lùi đánh cầu trên đầu. Luật Cầu lông.

- Giới thiệu chiến thuật thi đấu đơn, đôi. Luyện tập thi đấu đơn, đôi.

- Luyện tập các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn

3. Mục tiêu học phần

- Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được lịch sử ra đời và sự phát triển của môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam.

- Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông.

- Hiểu được các điều luật cơ bản, vận dụng vào trong quá trình tập luyện và thi đấu.

Về kỹ năng:

- Sinh viên thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông.

- Sử dụng thuần thục các kỹ năng đã được trang bị vào trong tập luyện và thi đấu.

Về thái độ:

- Hình thành thái độ yêu thích, tự giác tích cực tập luyện môn cầu lông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Trình bày được kiến thức tổng quát về cầu lông.	1
CELO 2	Nhận biết được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản.	2
CELO 3	Vận dụng được chiến thuật thi đấu cầu lông.	3
Kỹ năng		
CELO 4	Thực hiện được kỹ thuật di chuyển tiến, lùi, sang ngang.	3
CLEO 5	Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu thấp tay (thuận, nghịch).	3

CELO 6	Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu cao thuận (nghịch)tay.	3
CELO 7	Vận dụng được kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 8	Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao, luôn có ý chí vượt khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống	4
CELO 9	Giáo dục tình cảm, ý thức tập thể, tình đồng chí, đồng đội trong lớp và ngoài xã hội	3
CELO 10	Giáo dục đức tính khiêm tốn, học hỏi, tự giác trong học tập	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Trình bày được kiến thức tổng quát về cầu lông.	ELO 1, ELO 10
CELO 2	Nhận biết được nguyên lý các kỹ thuật cơ bản.	ELO 1, ELO 10
CELO 3	Vận dụng được chiến thuật thi đấu cầu lông.	ELO 1, ELO 10
Kỹ năng		
CELO 4	Thực hiện được kỹ thuật di chuyển tiến, lùi, sang ngang.	ELO 1, ELO 10
CELO 5	Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu thấp tay (thuận, nghịch).	ELO 1, ELO 10
CELO 6	Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu cao thuận (nghịch)tay.	ELO 1, ELO 10
CELO 7	Vận dụng được kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay.	ELO 1, ELO 10
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 8	Giáo dục nhân cách, đạo đức thể thao, luôn có ý chí vượt khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống	ELO 1, ELO 10
CELO 9	Giáo dục tình cảm, ý thức tập thể, tình đồng chí, đồng đội trong lớp và ngoài xã hội	ELO 1, ELO 10

CELO 10	Giáo dục đức tính khiêm tốn, học hỏi, tự giác trong học tập	ELO 1, ELO 10
---------	---	---------------

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
081106	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông)	N	N	N	N	N	S	N	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết;
- + Hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật thực hành môn cầu lông;
- + Hướng dẫn một số luật cơ bản môn cầu lông.

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tự đọc tài liệu, xem các video clip bài giảng của giảng viên.
- + Sinh viên nghe giảng, thực hành.
- + Sinh viên tự tập thêm ở nhà, nâng cao sức khỏe để đáp ứng mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên nắm được các yếu lĩnh cơ bản của môn học, các bài tập và phương pháp tập luyện.
- + Tích cực tập luyện nâng cao trình độ trong và ngoài giờ lên lớp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thi giữa học kỳ	30%	
3	Thi cuối học kỳ	60%	

	Tổng	100%	
--	------	------	--

9.3. Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng	
		Đạt	Không đạt
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >70% buổi học</i>	<i>Tham gia dưới 70% buổi học</i>
Tích cực	30	Tích cực tập luyện, học hỏi	Tập luyện không thường xuyên

- Kiểm tra giữa kỳ (thực hành)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>Dưới 5</i>
Thực hành	30%	Giao cầu thuận tay dài vào ô quy định từ 7 trái trở lên	Giao cầu thuận tay dài vào ô quy định từ 5-7 trái	Giao cầu thuận tay dài vào ô quy định dưới 5 trái

- Thi cuối kỳ (thực hành)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>Dưới 5</i>
Thực hành	60%	Giao cầu ngắn trái tay vào ô quy định từ 7 trái trở lên	Giao cầu ngắn trái tay vào ô quy định từ 5-7 trái trở lên	Giao cầu ngắn trái tay vào ô quy định dưới 5 trái

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập môn Cầu lông trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2021.
- Luật Cầu lông (Nhà xuất bản TĐTT năm 2008).

10.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Học chơi Cầu lông (Nhà xuất bản Hải Phòng năm 2020)

11. Nội dung chi tiết của học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết lý thuyết	Số tiết th.hành	Ghi chú
1	Lịch sử phát triển môn Cầu lông. Vị trí, tác dụng của môn Cầu lông.	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lí

	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Cầu lông. - Giới thiệu, làm quen sân bãi, dụng cụ. Các bài tập hỗ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. 			thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hỗ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. - Học kỹ thuật giao cầu, luật giao cầu (điều 9, 12- Luật Cầu lông). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu. - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực phía trước (gần lưới). - Học đánh cầu thấp tay phía trước. Luật Cầu lông (điều 13, 14, 15). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu. - Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu 2 bên dọc biên khu vực giữa sân. - Học kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên. Luật Cầu lông (điều 13, 14, 15). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên. - Giới thiệu các kỹ thuật đánh cầu khu vực cuối sân. - Học kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. Luật Cầu lông (điều 13, 14, 15). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
6	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học luật thi đấu đơn (điều 6, 7, 8, 10). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học chiến thuật thi đấu đơn. - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.

8	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học luật thi đấu đôi (điều 6, 7, 8, 11). - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
9	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phía trước, kỹ thuật đánh cầu ngang vai 2 bên dọc biên, kỹ thuật đánh cầu cao trên đầu. - Tập phối hợp các kỹ thuật động tác đã học. - Học chiến thuật thi đấu đôi. - Tập thể lực (chung, chuyên môn). 	1	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
10	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật, luật thi đấu, chiến thuật thi đấu). 	1	2	Giảng viên tóm tắt và cho SV luyện tập những nội dung chính đã học .



12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân cầu lông
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: sân cầu lông, lưới, vợt, cầu, còi

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2022-2023
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: không

Bình Dương, ngày 06 tháng 7 năm 2021

<p>PHÓ TRƯỞNG KHOA (Ký và ghi rõ họ tên)</p>  <p>Lê Thị Hiền</p>	<p>GIẢNG VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)</p>  <p>Lê Hà Dương</p>
---	--

ĐCCT HP 15.2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần: 081019

Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)

Tên học phần (tiếng Anh): Physical education 2 (Volleyball)

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành: 45 tiết
- Giờ tự học của sinh viên:

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Sinh viên không dị dạng, khuyết tật, không có tiền sử bệnh tim mạch, huyết áp.

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: Học kỳ 1 năm 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt.
- Tài liệu học tập chính: Giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tài liệu giảng dạy, tài liệu đọc.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: GDTC
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Lê Hà Dương
- Điện thoại: 0909.08.5353
- Mail: duong.lh@kkt.edu.vn

2. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương thức tập luyện cơ bản của môn thể thao bóng chuyền, bên cạnh đó với trọng tâm là trang bị cho người học hình thành những kỹ năng động tác cơ bản một môn thể thao và hệ thống các bài tập nhằm phát triển thể lực chung tạo tiền đề để nâng cao thành tích môn thể thao đó.

3. Mục tiêu học phần

- Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam

- Nắm được xu thế phát triển của môn bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam.

- Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền, một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền

Về kỹ năng:

- Sinh viên thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

- Sử dụng thuần thục các kỹ năng đã được trang bị vào trong tập luyện và thi đấu.

Về thái độ:

- Hình thành thái độ yêu thích, tự giác tích cực tập luyện môn cầu lông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO 1	Trình bày được nguồn gốc, lịch sử phát triển của môn Bóng chuyền.	1
CELO 2	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền.	3
CELO 3	Trình bày được một số Điều cơ bản trong luật Bóng chuyền, phương pháp tổ chức giải đấu.	3
Kỹ năng		
CLEO 4	Một số chiến thuật cơ bản về phòng thủ và tấn công.	3
CLEO 5	Thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyền	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 6	Rèn luyện ý chí, tinh thần chịu khó, tính kiên nhẫn và tinh thần đồng đội	5
CELO 7	Ý thức tổ chức kỷ luật. Xây dựng tập thể vững mạnh	5

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Trình bày được nguồn gốc, lịch sử phát triển của môn Bóng chuyên.	ELO 1, 10
CELO 2	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyên.	ELO 1, 10
CELO 3	Trình bày được một số Điều cơ bản trong luật Bóng chuyên, phương pháp tổ chức giải đấu.	ELO 1, 10
Kỹ năng		
CLEO 4	Một số chiến thuật cơ bản về phòng thủ và tấn công.	ELO 6, 10
CLEO 5	Thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyên	ELO 1, 10
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 6	Rèn luyện ý chí, tinh thần chịu khó, tinh kiên nhẫn và tinh thần đồng đội	ELO 6, 10
CELO 7	Ý thức tổ chức kỷ luật. Xây dựng tập thể vững mạnh	ELO 6, 10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
081106	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên)	S	N	N	N	N	S	N	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình dạy:

- + Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết;
- + Hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật thực hành môn bóng chuyên;

- + Hướng dẫn một số luật cơ bản môn bóng chuyền.
- + Thực hiện theo nhóm, cá nhân

7.2 Phương pháp học tập

- + Sinh viên tự đọc tài liệu, xem các video clip bài giảng của giảng viên.
- + Sinh viên nghe giảng, thực hành.
- + Sinh viên tự tập thêm ở nhà, nâng cao sức khỏe để đáp ứng mục tiêu môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Sinh viên nắm được các yếu lĩnh cơ bản của môn học, các bài tập và phương pháp tập luyện.
- + Tích cực tập luyện nâng cao trình độ trong và ngoài giờ lên lớp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

- Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10%	
2	Thi giữa học kỳ	30%	
3	Thi cuối học kỳ	60%	
	Tổng	100%	

9.3. Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng	
		Đạt	Không đạt
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >70% buổi học</i>	<i>Tham gia dưới 70% buổi học</i>
Tích cực	30	Tích cực tập luyện, học hỏi	Tập luyện không thường xuyên

- Kiểm tra giữa kỳ (thực hành)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>Dưới 5</i>
Thực hành	30%	Đem bóng thấp tay vào ô quy định từ 7 trái trở lên	Đem bóng thấp tay vào ô quy định từ 5-7 trái	Đem bóng thấp tay vào ô quy định dưới 5 trái

- Thi cuối kỳ (thực hành)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng		
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>Dưới 5</i>
Thực hành	60%	Phát bóng (cao tay đối với nam, thấp tay đối với nữ) vào ô quy định từ 7 trái trở lên	Phát bóng (cao tay đối với nam, thấp tay đối với nữ) vào ô quy định từ 5-7 trái trở lên	Phát bóng (cao tay đối với nam, thấp tay đối với nữ) vào ô quy định dưới 5 trái

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập môn Bóng chuyên trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương năm 2021.

- Luật Bóng chuyên và Bóng chuyên bãi biển (Bộ văn hóa thể thao và du lịch tổng cục TDTT năm 2018).

10.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- 101 Bài Luyện Tập Môn Bóng Chuyên, Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2010

11. Nội dung chi tiết của học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Ghi chú
1	- Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyên. (chương I). - Nguyên lý kỹ thuật trong thực hiện động tác Bóng chuyên.	2	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.

	- Giới thiệu, làm quen sân bãi, dụng cụ. Các bài tập hỗ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn.			
2	- Các nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao. (chương X) - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. (chương II) - Tập hỗ trợ nâng cao cảm giác, phản xạ chuyên môn. - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	2	2	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
3	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay (chương III) - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
4	- Luật Bóng chuyền. (chương IX) - Ôn kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
5	Kỹ thuật di chuyển cơ bản - Tư thế chuẩn bị. + Tư thế cao. + Tư thế trung bình. + Tư thế thấp. - Di chuyển. + Bước (bước đơn, bước chéo, bước lướt). + Chạy (thấp trọng tâm, ngang-dọc-chéo). + Nhảy, ngã cứu bóng. - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
6	- Ôn kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) - Ôn kỹ thuật chuyền bóng cao tay. - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
7	- Kỹ thuật Phát bóng. (chương V) + Nam: phát cao tay + Nữ: phát thấp tay	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
8	- Ôn kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) - Ôn kỹ thuật chuyền bóng cao tay. - Ôn kỹ thuật phát bóng - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và thực hành) trực tiếp trên sân.
9	- Kiểm tra quá trình Chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng) vào ô quy định	-	4	Giảng viên phân tích, thị phạm (giảng lý thuyết và

				thực hành) trực tiếp trên sân.
10	- Kỹ thuật đập và chắn bóng (chương VI) - Tập thể lực (chung, chuyên môn).	1	3	Giảng viên tóm tắt và cho SV luyện tập những nội dung chính đã học .
11	- Ôn kỹ thuật chuyền bóng cao tay. - Ôn kỹ thuật đập bóng và kỹ thuật chắn bóng	1	3	
12	- Chiến thuật và Đấu tập (chương VIII)	1	3	
13	- Ôn kỹ thuật phát bóng - Một số luật thi đấu và ký hiệu của trọng tài	1	3	
14	- Ôn kỹ thuật phát bóng	1	3	
15	- Thi kết thúc môn Phát bóng cao tay (đối với nam), thấp tay (đối với nữ) vào ô quy định	-	4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Sân bóng chuyên, mặt sân bằng phẳng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: sân bóng chuyên, lưới, bóng, còi

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2022-2023
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: không

Bình Dương, ngày 06 tháng 7 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Lê Thị Hiền

GIẢNG VIÊN



Lê Hà Dương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51123- TƯ DUY PHẢN BIỆN]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Lê Trần Hữu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Kiều Oanh

2. Mô tả học phần

Môn học tư duy phản biện trang bị cho người học kiến thức để tư duy một cách rõ ràng, mạch lạc, độc lập và biện chứng cũng như khả năng vận dụng tư duy phản biện để phân tích, đánh giá, nhận xét các tình huống trong thực tế, những thông tin hoặc những vấn đề đã có theo những cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của các vấn đề hay thông tin đó. Môn học bao gồm các nội dung chính bao gồm tổng quan về tư duy phản biện, các lý thuyết lập luận, công cụ để tư duy phản biện và các dạng ngụy biện. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kỹ năng làm việc nhóm và rèn luyện thái độ tư duy độc lập, linh hoạt.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nâng cao nhận thức cho SV về tầm quan trọng và lợi ích Tư duy phản biện
- Giới thiệu và định hình các nguyên tắc trong Tư duy phản biện để SV, với tư cách thành viên của xã hội hay với tư cách của một người lao động biết sử dụng Tư duy phản biện phục vụ hiệu quả và thành công cho việc học tập cũng như công việc.

Về kỹ năng:

- Giúp SV trải nghiệm những bài phân tích, các phương pháp phân tích trong Tư duy phản biện

Về thái độ:

- Giúp SV gia tăng sự tự tin, chủ động và tích cực khi áp dụng thành thạo Tư duy phản biện trong học tập và công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Định nghĩa được các thành tố và tiêu chuẩn của tư duy, và biểu hiện của một người có tư duy phản biện tốt.	2
CELO2	Xác định được tiền đề, cách lập luận và kết luận của một suy luận, biết cách lựa chọn được những thông tin tin cậy làm tiền đề để lập luận và nhận biết được các loại nguy hiểm cơ bản.	2
Kỹ năng		
CELO3	Áp dụng được các công cụ hỗ trợ tư duy phản biện cơ bản để nhận định những tình huống thường gặp trong cuộc sống và học tập ở những góc độ khác nhau.	3
CELO4	Xây dựng được kỹ năng làm việc nhóm, hiểu và tôn trọng góc nhìn của những người khác.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có thái độ tư duy độc lập dựa trên tự suy luận trước khi nhận định/phát ngôn/ đặt niềm tin; kiên trì tìm kiếm bản chất của sự vật, hiện tượng và tư duy linh hoạt với những góc nhìn khác nhau.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO 1	Định nghĩa được các thành tố và tiêu chuẩn của tư duy, và biểu hiện của một người có tư duy phản biện tốt.	ELO1, ELO8
CELO 2	Xác định được tiền đề, cách lập luận và kết luận của một suy luận, biết cách lựa chọn được những thông tin	ELO1, ELO8

	tin cậy làm tiền đề để lập luận và nhận biết được các loại nguy hiểm cơ bản.	
Kỹ năng		
CELO 3	Áp dụng được các công cụ hỗ trợ tư duy phản biện cơ bản để nhận định những tình huống thường gặp trong cuộc sống và học tập ở những góc độ khác nhau.	ELO1, ELO8,
CELO 4	Xây dựng được kỹ năng làm việc nhóm, hiểu và tôn trọng góc nhìn của những người khác.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO 5	Có thái độ tư duy độc lập dựa trên tự suy luận trước khi nhận định/phát ngôn/ đặt niềm tin; kiên trì tìm kiếm bản chất của sự vật, hiện tượng và tư duy linh hoạt với những góc nhìn khác nhau.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	N	N	N	H	N	N	H	N	N	N	S

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (supported)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên đọc trước các tài liệu được yêu cầu cho bài học sắp tới. SV ghi chú lại những điểm thắc mắc hoặc những nội dung cần phản biện, đào sâu.
- Giờ lên lớp: SV tích cực tham gia các hoạt động và yêu cầu của GV. Chủ động trao đổi, thảo luận và đưa ra những ý kiến phát biểu. Tích cực tương tác với GV và các bạn cùng lớp.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Chuẩn bị cho bài học: sinh viên phải đọc các tài liệu học tập, theo tiến độ học tập mà giảng viên yêu cầu hoàn thành toàn bộ bài tập do giảng viên cung cấp.
- Cần tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học. Nếu SV vắng 30% số tiết học sẽ bị cấm thi lần 1.
- Sinh viên đi học ăn mặc phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng.
- Thái độ tôn trọng sở và tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.
- Sinh viên phải tham gia nhóm học tập, mỗi nhóm từ 7 – 10 sinh viên và bầu nhóm trưởng. Yêu cầu tất cả sinh viên phải có nhóm, không chấp nhận bất kỳ trường hợp nào hoạt động độc lập đối với những bài tập nhóm.
- Sinh viên hoàn thành các bài tập theo đúng thời hạn mà giảng viên yêu cầu. Các bài tập nộp trễ sẽ trừ điểm tương ứng với Rubric trong phụ lục 3.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Làm bài tập	Thảo luận nhóm, phát biểu	Bài báo cáo nhóm giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	x	x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên - Các bài tập tình huống, thảo luận - Bài báo cáo nhóm giữa kỳ - Thi trắc nghiệm, tự luận cuối kỳ. Thời gian: 60 phút.	- Buổi 1, Buổi 2 - Giữa kỳ - Cuối kỳ
CELO 2	x	x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên - Các bài tập tình huống, thảo luận	- Buổi 3, Buổi 4, Buổi 8, Buổi 9 - Giữa kỳ - Cuối kỳ

					<ul style="list-style-type: none"> - Bài báo cáo nhóm giữa kỳ - Thi trắc nghiệm, tự luận cuối kỳ. Thời gian: 60 phút. 	
CELO 3	x			x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra thường xuyên - Các bài tập tình huống, thảo luận - Thi trắc nghiệm, tự luận cuối kỳ. Thời gian: 60 phút. 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi 6, Buổi 7 - Cuối kỳ
CELO 4	x	x	x		<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra thường xuyên - Các bài tập tình huống, thảo luận - Bài báo cáo nhóm giữa kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi 1 đến Buổi 10
CELO 5	x	x	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra thường xuyên - Các bài tập tình huống, thảo luận - Bài báo cáo nhóm giữa kỳ - Thi trắc nghiệm, tự luận cuối kỳ. Thời gian: 60 phút. 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi 5/Buổi 6

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Mô tả (Nội dung, hướng dẫn cách thức thực hiện, các yêu cầu/ tiêu chí đánh giá...)
1	Chuyên cần	10%	<p>Sinh viên được yêu cầu lên lớp và tham gia tích cực vào quá trình thảo luận trên lớp. Việc tham gia trên lớp được đánh giá thông qua mức độ chuyên cần.</p> <p>Vắng 3 buổi trở lên: cấm thi, vắng 2 buổi: 0, vắng 1 buổi không phép: 5/10, đi học đầy đủ: 10. Mỗi lần vắng có xin phép sẽ được cộng 2 điểm.</p>
2	Bài tập quá trình	30%	

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Mô tả (Nội dung, hướng dẫn cách thức thực hiện, các yêu cầu/ tiêu chí đánh giá...)
	2.1 Bài tập/kiểm tra cá nhân	15 %	<p>- Điểm của phần đánh giá này là điểm trung bình của các bài tập được giao, tính và lấy điểm cá nhân.</p> <p>- Hình thức: Gồm các kiểm tra/bài tập trên lớp và bài tập về nhà theo nội dung từng chương. Điểm cá nhân cũng sẽ bao gồm điểm cộng phát biểu tại lớp.</p> <p>(*) Đánh giá theo Rubric tự luận cá nhân: 01A Phụ Lục Rubric.</p> <p>Lưu ý: Định dạng tên file khi nộp bài qua elearning: BTCN_Lớp_Tên Nhóm_Họ&Tên.</p>
	2.2 Bài tập nhóm	15%	<p>- Gồm 3 – 5 bài tập và điểm của phần đánh giá này là điểm trung bình của các bài tập được giao, tính và lấy điểm theo nhóm.</p> <p>- Hình thức:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bài tập nhóm về nhà. (*) Đánh giá theo Rubric tự luận nhóm: 01B Phụ Lục Rubric. 2. Thảo luận nhóm trên lớp. (*) Đánh giá theo Rubric Thảo luận nhóm: 02 Phụ Lục Rubric. <p>Lưu ý: Định dạng tên file khi nộp bài qua elearning: BTN_Lớp_Tên Nhóm.</p>
3	Đánh giá giữa học kỳ	20%	<p>- Thời gian thi: tuần thứ 6.</p> <p>- Hình thức thi: Báo cáo tiểu luận. Nội dung thi: Chương 1, chương 2.</p> <p>- Hình thức nộp bài: 01 Bản in trên lớp và 01 File PDF qua elearning. Lưu ý: Định dạng tên file khi nộp bài qua trên elearning: BCGK_Lớp_Tên nhóm.</p> <p>(*) Đánh giá theo Rubric báo cáo tiểu luận: 03 Phụ Lục Rubric.</p>

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Mô tả (Nội dung, hướng dẫn cách thức thực hiện, các yêu cầu/ tiêu chí đánh giá...)
4	Đánh giá cuối học kỳ	40%	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thi: 60 phút, không sử dụng tài liệu. - Hình thức thi: <ul style="list-style-type: none"> + 10 câu trắc nghiệm. Độ khó Trung bình. Nội dung từ chương 1- chương 4. Mỗi chương từ 2-3 câu. + Tự luận: Viết lập luận (chương 2), sử dụng các công cụ tư duy phản biện để nhận định một vấn đề/thực trạng (chương 3). (*) Đánh giá theo Rubric tự luận cá nhân: 01A Phụ Lục Rubric.
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.
----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------	--

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Richard Paul – Linda Elder, *Cẩm Nang Tư Duy Phản Biện*, (2020), Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TP.HCM

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của HP
1.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN TƯ DUY PHẢN BIỆN	CELO1
	A. Các nội dung chính trên lớp:	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>Nội dung GD lý thuyết và thực hành: Giới thiệu môn học 1.1 Tư duy là gì? 1.2 Các thành tố của tư duy 1.3 Các tiêu chuẩn của tư duy 1.4 Tư duy phản biện là gì?</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] và làm bài tập</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i> - Bài tập cá nhân/nhóm: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài tập cá nhân/nhóm của sinh viên. - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trắc nghiệm trong bài thi cuối kỳ và làm cơ sở để làm bài báo cáo giữa kỳ.</p>	CELO4 CELO5
1.2 (2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN TƯ DUY PHẢN BIỆN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 1.5 Các giai đoạn của tư duy phản biện 1.6 Những lợi ích của tư duy phản biện 1.7 Những rào cản đối với tư duy phản biện 1.8 Biểu hiện của người có tư duy phản biện tốt Thảo luận nhóm: Lợi ích và biểu hiện của người có tư duy phản biện.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] và làm bài tập</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i> - Bài tập cá nhân/nhóm: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài tập cá nhân/nhóm của sinh viên. - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trắc nghiệm trong bài thi cuối kỳ và làm cơ sở để làm bài báo cáo giữa kỳ.</p>	CELO1 CELO4 CELO5
2.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC LẬP LUẬN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 2.1 Nhận diện các lập luận - Thế nào là một lập luận?</p>	CELO2 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các cơ sở và kết luận của lập luận - Suy luận Diễn dịch và Suy luận Quy nạp <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu và làm bài tập về nhà.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên xác định các loại lập luận. - Bài tập - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận trong bài thi cuối kỳ và bài báo cáo phân tích của bìa thi cuối kỳ. 	
2.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC LẬP LUẬN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 2.2 Thông tin nền tảng để lập luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách trích dẫn - Tài liệu tham khảo - Thế nào là nguồn thông tin đáng tin cậy? - Đánh giá nguồn thông tin <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [3] và làm bài tập về nhà.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: <i>Phương pháp đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi. 	CELO2 CELO4 CELO5
3.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC LẬP LUẬN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 2.3. Phân tích các lập luận bằng mô hình cấu trúc luận điểm ARES Thực hành xác định nguồn thông tin và phân tích lập luận bằng mô hình cấu trúc luận điểm ARES.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [3] và làm bài tập thực hành.</p>	CELO2 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.</p>	
3.2(2,5 tiết)	<p>Ôn tập. Báo cáo nhóm kiểm tra giữa kỳ.</p>	
	<p>CHƯƠNG 3: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ KỸ NĂNG PHẢN BIỆN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 3.1. Phương pháp động não (Brainstorming) 3.2. 6 chiếc mũ tư duy</p>	CELO3 CELO4 CELO5
4.1(2,5 tiết)	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu và thực hành</p>	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.</p>	
	<p>CHƯƠNG 3: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ KỸ NĂNG PHẢN BIỆN</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 3.3. 5W1H 3.4. Thực hành bài tập với các công cụ được học</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà Đọc tài liệu và thực hành</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài thi.</p>	CELO3 CELO4 CELO5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
5 (5 tiết)	CHƯƠNG 4: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN	CELO2 CELO4 CELO5
	A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 4.1 Viện đến uy tín, quyền uy, kinh nghiệm 4.2 Viện đến lòng thương hại, sự cảm thông 4.3 Bù nhìn rơm	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2]	
6(5 tiết)	CHƯƠNG 4: CÁC DẠNG NGỤY BIỆN	CELO2 CELO4 CELO5
	A. Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết và thực hành: 4.4 Đơn giản hoá vấn đề quá mức 4.5 Ném con cá trích đỏ BT nhận biết các dạng ngụy biện	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2]	
C. Đánh giá kết quả học tập trong chương: Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra quá trình: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trong bài kiểm tra cá nhân của sinh viên. - Bài tập nhóm: Các nhóm nộp câu hỏi chuẩn bị theo yêu cầu thảo luận - Thi cuối kỳ: Nội dung chương này sẽ được đưa vào câu hỏi trắc nghiệm trong bài thi cuối kỳ.		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Giáo trình chính, hình thức đánh giá, phân bổ trọng số đánh giá thành phần.

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Trần Hữu

ĐCCT HP 17. KỸ NĂNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81012- KỸ NĂNG HỌC TẬP HIỆU QUẢ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: **02** (01 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Lê Trần Hữu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Đăng Quang

2. Mô tả học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu được mục tiêu và bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học. Sinh viên sẽ được học về những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phân hồi thông tin. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp những kiến thức có ích khác cho cuộc sống sinh viên như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản thân nhằm giúp sinh viên thích nghi

tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời. Sinh viên cũng được học những kiến thức cơ bản về kỹ năng trình bày; kỹ năng làm việc nhóm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

SV định vị được bản thân, xác định mục tiêu của việc học đại học, phác thảo kế hoạch học tập và phát triển của cá nhân trong tương lai, đồng thời biết cách quản lý thời gian để hành động đạt mục tiêu đề ra;

Về kỹ năng:

SV biết sử dụng các kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho quá trình học tập hiệu quả như kỹ năng tìm kiếm và sử dụng thông tin, kỹ năng phối hợp làm việc nhóm và kỹ năng trình bày

Về thái độ:

Giúp SV gia tăng sự tự tin, chủ động và tích cực khi áp dụng thành thạo các kỹ năng trong học tập và công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xác định được mục tiêu, ý nghĩa của việc học đại học và các phương pháp học tập hiệu quả.	2
CELO2	Giải thích các vai trò của cá nhân trong nhóm, các yếu tố tạo nên thành công trong làm việc nhóm, nguồn gốc phát sinh mâu thuẫn trong nhóm và cách thức tăng cường động lực làm việc cho các thành viên trong nhóm.	2
CELO3	Nêu và phân tích các công việc cần chuẩn bị cho bài thuyết trình, sắp xếp ý tưởng, xác định cấu trúc và xây dựng nội dung cho một bài thuyết trình.	4
Kỹ năng		
CELO4	Thích ứng được với môi trường học tập bậc đại học, xác định và phát huy được thế mạnh học tập của bản thân.	3
CELO5	Vận dụng các kỹ năng học tập và sử dụng thời gian hiệu quả trong quá trình học tập tại trường, hình thành năng lực tự học suốt đời.	3
CELO6	Phối hợp các kỹ năng học tập, làm việc nhóm và trình bày để vận dụng giải quyết những vấn đề thường gặp trong học tập và cuộc sống.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Chủ động tìm hiểu kiến thức mới và ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa; không ngừng phát triển bản thân.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xác định được mục tiêu, ý nghĩa của việc học đại học và các phương pháp học tập hiệu quả.	ELO1, ELO8
CELO2	Giải thích các vai trò của cá nhân trong nhóm, các yếu tố tạo nên thành công trong làm việc nhóm, nguồn gốc phát sinh mâu thuẫn trong nhóm và cách thức tăng cường động lực làm việc cho các thành viên trong nhóm.	ELO1, ELO8
CELO3	Nêu và phân tích các công việc cần chuẩn bị cho bài thuyết trình, sắp xếp ý tưởng, xác định cấu trúc và xây dựng nội dung cho một bài thuyết trình.	ELO7
Kỹ năng		
CELO4	Thích ứng được với môi trường học tập bậc đại học, xác định và phát huy được thế mạnh học tập của bản thân.	ELO1, ELO8,
CELO5	Vận dụng các kỹ năng học tập và sử dụng thời gian hiệu quả trong quá trình học tập tại trường, hình thành năng lực tự học suốt đời.	ELO7
CELO6	Phối hợp các kỹ năng học tập, làm việc nhóm và trình bày để vận dụng giải quyết những vấn đề thường gặp trong học tập và cuộc sống.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Chủ động tìm hiểu kiến thức mới và ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa; không ngừng phát triển bản thân.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	N	N	N	H	N	H	H	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Môn học sử dụng phương pháp Blended learning với quy trình giảng dạy như sau:

- Trước buổi lên lớp:

- 1) Đăng tải nội dung bài giảng, clip hướng dẫn về nội dung bài học thông qua hệ thống học tập trực tuyến;
 - 2) Nêu các yêu cầu tự học và thời hạn hoàn thành cho SV: thảo luận, làm bài tập,...
 - 3) Hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc của SV tại các mục thảo luận trực tuyến.
- Trong giờ lên lớp:
 - 4) GV giảng lại những nội dung cần thiết;
 - 5) Cùng SV thảo luận nâng cao, tìm hiểu sâu;
 - 6) Hướng dẫn SV học tập thông qua trải nghiệm, thực hành tại lớp về các tình huống học tập.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Trước khi lên lớp, sinh viên sẽ thực hiện các bước tự học sau:
 1. Xem bài giảng, clip về nội dung bài học thông qua hệ thống học tập trực tuyến;
 2. Thảo luận về nội dung bài học, nêu các thắc mắc tại các mục thảo luận trực tuyến;
 3. Thực hiện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
- Trong giờ học tại lớp:

Sinh viên nghe giảng, thảo luận và tham gia thực hiện các hoạt động học tập trải nghiệm.
- Sau giờ học:

Sinh viên thực hiện các dự án, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của giảng viên

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% sẽ nhận điểm 0.0 cho cột điểm thi cuối kỳ.
- Thái độ nghiêm túc, tích cực, hợp tác trong học tập.
- Đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy;
- Tham gia các nhóm học tập và có trách nhiệm trong khi làm việc nhóm;
- Thực hiện đánh giá năng lực làm việc nhóm của các thành viên trong nhóm của mình công tâm, khách quan.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Câu hỏi	Thảo luận,	Làm bài tập	Thuyết trình cuối kỳ		

	kiểm tra	phát biểu				
CLO 1	x	x			Bài kiểm tra trắc nghiệm online sau mỗi nội dung lý thuyết	Hàng tuần, sau mỗi nội dung học
CLO 2	x	x	x	x		
CLO 3	x	x	x			
CLO 4		x	x	x	- Thảo luận, phát biểu sau mỗi nội dung học trực tuyến/ tại các buổi học - Thực hành trải nghiệm cá nhân/ nhóm tại lớp - Thuyết trình cuối kỳ	- Hàng tuần
CLO 5		x	x	x		
CLO 6		x	x	x		
CLO 7	x	x	x	x		
						- Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
1. Quá trình		60%	
	Chuyên cần	10%	
	Trắc nghiệm	10%	Trắc nghiệm Elearning
	Bài tập cá nhân 1	20%	
	Bài tập cá nhân 2	20%	
2. Thi kết thúc học phần		40%	
	Báo cáo thuyết trình bài tập nhóm	40%	Điểm thuyết trình nhóm được cá nhân hóa theo đánh giá năng lực làm việc nhóm của từng SV
Tổng (1+2)		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Phương pháp học tập hiệu quả; 1980 books; Đại học Kinh tế Quốc dân; 2017

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.4 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Gordon, J. (2019). Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả (Dương, N. V., Người dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	Bài 1. Tổng quan	CLO 1, 4, 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học - Mục tiêu học đại học - Sự khác biệt giữa học tập ở bậc phổ thông và bậc đại học - Phương pháp học tập theo mô hình Blended-learning và học tập thông qua trải nghiệm - Kỹ năng học tập online Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những hiểu biết về Trường, Khoa và ngành học. - Những nguồn lực hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường. 	
	B. Các nội dung cần tự học: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 1 - Hoàn thành các nội dung tự học <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập tìm hiểu về chương trình đào tạo + Xây dựng hình ảnh mong muốn của bản thân khi tốt nghiệp 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	
1.2(2,5 tiết)	Bài 1 (tiếp theo)	CLO 1, 4, 5, 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích ngành học, chương trình học - Xây dựng hình mẫu sinh viên thành công khi tốt nghiệp - Các phong cách học tập cá nhân Nội dung làm bài tập/thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức để tối ưu hóa năng lực học tập dựa trên phong cách học tập của cá nhân 	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Những kỹ năng cần thiết để hoàn thành chương trình học <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 2 - Hoàn thành các nội dung tự học <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thiện hình ảnh mong muốn của bản thân khi tốt nghiệp <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	
2.1(2,5 tiết)	<p>Bài 2. Lập kế hoạch và quản lý thời gian</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mục tiêu và kế hoạch hoàn thành chương trình học - Quản lý và sử dụng thời gian hiệu quả <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá việc sử dụng thời gian hàng ngày của sinh viên <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 2 - Hoàn thành các nội dung tự học <p><i>Bài tập cá nhân 1:</i> Hoàn thành bài tập thiết lập mục tiêu và kế hoạch học đại học</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	CLO 1, 4, 5
2.2(2,5 tiết)	<p>Bài 3. Các công cụ hỗ trợ học tập hiệu quả</p> <p>Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm thông tin phục vụ học tập - Tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ học tập từ nhà trường <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu văn phòng khoa và các phòng ban có chức năng, nhiệm vụ của hỗ trợ sinh viên trong học tập. 	CLO 1, 4, 5, 7

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>B. Các nội dung cần tự học: Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 3 trên Elearning</p> <p>Hoàn thành các nội dung tự học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu quy định, quy chế đào tạo của Trường <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	
3.1(2,5 tiết)	<p>Bài 3 (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý kiến, quan điểm trong học tập (mô hình ARES) - Cách trình bày đơn thư, email phục vụ học tập <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tranh luận về các chủ đề học tập <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 4 - Hoàn thành các nội dung tự học + Đọc tài liệu và hoàn thành các bài tập rèn luyện <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	CLO 1, 4, 5
3.2(2,5 tiết)	<p>Bài 4. Kỹ năng phối hợp làm việc nhóm</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tầm quan trọng của làm việc nhóm - Vai trò của cá nhân trong làm việc nhóm - Các nguyên tắc làm việc nhóm <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi tìm đồng đội (sinh viên giới thiệu bản thân, tìm kiếm đồng đội để thành lập nhóm 6-8 sinh viên) - Hình thành nhóm và phân công vai trò, thống nhất nguyên tắc nhóm (bông hoa hiệp ước nhóm) 	CLO 2, 4, 6, 7

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 5 trên Elearning - Hoàn thành các nội dung tự học <ul style="list-style-type: none"> + Làm bài tập nhóm theo hướng dẫn của giảng viên <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning. 	
4.1(2,5 tiết)	<p>Bài 4 (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp hỗ trợ làm việc nhóm hiệu quả - Giải quyết xung đột trong làm việc nhóm <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích giải quyết vấn đề trong tình huống làm việc nhóm <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học - Hoàn thành các nội dung tự học <ul style="list-style-type: none"> + Làm bài tập nhóm theo hướng dẫn của giảng viên <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). <p>Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning.</p>	CLO 2, 4, 6, 7
4.2(2,5 tiết)	<p>Bài 5. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn chủ đề và xác định mục đích bài thuyết trình - Tìm hiểu thính giả - Xây dựng nội dung bài thuyết trình <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập tư liệu cho bài thuyết trình <p>B. Các nội dung cần tự học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các nội dung tự học - Hoàn thành các nội dung tự học 	CLO 3, 5, 6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>+ Làm bài tập thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning.</p>	
5.1(2,5 tiết)	<p>Bài 5 (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Mở đầu bài thuyết trình - Tiến trình bài thuyết trình - Kết thúc bài thuyết trình</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Sử dụng các công cụ hỗ trợ thuyết trình sao cho hiệu quả?</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: - Hoàn thành các nội dung tự học - Hoàn thành các nội dung tự học + Làm bài tập thuyết trình theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning.</p>	CLO 3, 5, 6
5.2(2,5 tiết)	<p>Bài 5 (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi và phản hồi - Sử dụng kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ trong thuyết trình</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Kỹ thuật xử lý các câu hỏi khó trong giao tiếp.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: - Hoàn thành các nội dung tự học Tuần 9 trên Elearning - Hoàn thành các nội dung tự học + Hoàn thiện bài tập thuyết trình nhóm theo hướng dẫn của giảng viên</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>	CLO 3, 5, 6, 7

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV). - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning.	
6(5 tiết)	Thuyết trình bài báo cáo cuối kỳ	CLO 3, 5, 6, 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:	
	- Tổng kết môn học Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Các nhóm trình bày báo cáo cuối kỳ - Các thành viên đánh giá chéo năng lực làm việc nhóm	
	B. Các nội dung cần tự học: - Hoàn thành các nội dung tự học - Hoàn thiện báo cáo nhóm	
C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá bài thuyết trình theo Rubric 4. - Đánh giá tự học thông qua các bài trắc nghiệm trên Elearning.		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Giáo trình chính, hình thức đánh giá, phân bổ trọng số đánh giá thành phần

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Trần Hữu

ĐCCT HP 18. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH VÀ LÀM VIỆC NHÓM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81012- KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH VÀ LÀM VIỆC NHÓM]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: **02** (01 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Lê Trần Hữu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Cao Văn On
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần Kỹ năng thuyết trình và Làm việc nhóm nhằm rèn luyện cho sinh viên 02 kỹ năng cơ bản là kỹ năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm.

Ở nội dung kỹ năng thuyết trình, sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ kiến thức để có thể chuẩn bị tốt cho một buổi thuyết trình cũng như biết cách tiến hành thuyết trình. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức liên quan đến kỹ năng thuyết trình, có khả năng phân biệt được thuyết trình với các hình

thức trình bày khác; các bước chuẩn bị thuyết trình; cách thuyết trình một vấn đề trước người khác và xử lý các tình huống xảy ra trong khi thuyết trình.

Ở nội dung kỹ năng làm việc nhóm, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để biết cách tổ chức và xây dựng một nhóm làm việc tốt nhất, phát huy tối đa hiệu quả khi làm việc nhóm; có thể tránh những sai lầm, thất bại khi làm việc nhóm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản về thuyết trình và làm việc nhóm

Có khả năng chuẩn bị tốt về mặt hình thức và nội dung một bài thuyết trình; khả năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả

Về kỹ năng:

Có kỹ năng thuyết trình một nội dung, vấn đề trước người khác tự tin và thuyết phục.

Có kỹ năng xử lý các tình huống xảy ra khi thuyết trình

Có kỹ năng làm việc trong một nhóm, phát huy được tối đa hiệu quả năng lực của nhóm và giải quyết được các vấn đề xảy ra khi làm việc nhóm.

Về thái độ:

Giúp SV gia tăng sự tự tin, chủ động và tích cực khi áp dụng thành thạo các kỹ năng trong học tập và công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được khái niệm và vai trò quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong học tập và cuộc sống.	2
CELO2	Có khả năng chuẩn bị một bài thuyết trình hoàn chỉnh	3
CELO3	Có khả năng thuyết trình một cách tự tin và hiệu quả và xử lý các vấn đề xảy ra trong khi thuyết trình	3
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình trong việc học các học phần khác và quá trình làm việc sau khi ra trường.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thái độ nghiêm túc phối hợp làm việc với các thành viên trong nhóm	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày được khái niệm và vai trò quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong học tập và cuộc sống.	ELO1, 5
CELO2	Có khả năng chuẩn bị một bài thuyết trình hoàn chỉnh	ELO5, 7
CELO3	Có khả năng thuyết trình một cách tự tin và hiệu quả và xử lý các vấn đề xảy ra trong khi thuyết trình	ELO5, 7
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình trong việc học các học phần khác và quá trình làm việc sau khi ra trường.	ELO5, 7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thái độ nghiêm túc phối hợp làm việc với các thành viên trong nhóm	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	N	N	N	H	N	H	N	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

- Trước buổi lên lớp:
 - 7) Đăng tải nội dung bài giảng, clip hướng dẫn về nội dung bài học thông qua hệ thống học tập trực tuyến;
 - 8) Nêu các yêu cầu tự học và thời hạn hoàn thành cho SV: thảo luận, làm bài tập,...
 - 9) Hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc của SV
- Trong giờ lên lớp:

- 10) GV giảng lại những nội dung cần thiết;
- 11) Cùng SV thảo luận nâng cao, tìm hiểu sâu;
- 12) Hướng dẫn SV học tập thông qua trải nghiệm, thực hành tại lớp về các tình huống học tập.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Trước khi lên lớp, sinh viên sẽ thực hiện các bước tự học sau:
 4. Xem bài giảng, clip về nội dung bài học thông qua hệ thống học tập trực tuyến;
 5. Thảo luận về nội dung bài học, nêu các thắc mắc tại các mục thảo luận trực tuyến;
 6. Thực hiện các bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
- Trong giờ học tại lớp:

Sinh viên nghe giảng, thảo luận và tham gia thực hiện các hoạt động học tập trải nghiệm.
- Sau giờ học:

Sinh viên thực hiện các dự án, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của giảng viên

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% sẽ nhận điểm 0.0 cho cột điểm thi cuối kỳ.
- Thái độ nghiêm túc, tích cực, hợp tác trong học tập.
- Đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy;
- Tham gia các nhóm học tập và có trách nhiệm trong khi làm việc nhóm;
- Thực hiện đánh giá năng lực làm việc nhóm của các thành viên trong nhóm của mình công tâm, khách quan.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục, không nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Câu hỏi kiểm tra	Thảo luận, phát biểu	Làm bài tập	Thuyết trình cuối kỳ		
CLO 1	x	x	x	x	Bài kiểm tra trắc nghiệm online sau mỗi nội dung lý thuyết	Hàng tuần, sau mỗi nội dung học
CLO 2	x	x	x	x		
CLO 3	x	x	x	x		

CLO 4	x	x	x	x	- Thảo luận, phát biểu sau mỗi nội dung học trực tuyến/ tại các buổi học - Thực hành trải nghiệm cá nhân/ nhóm tại lớp - Thuyết trình cuối kỳ	- Hàng tuần
CLO 5	x	x	x	x		- Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
1. Quá trình		60%	
	Chuyên cần	10%	
	Trắc nghiệm	10%	Trắc nghiệm Elearning
	Bài tập cá nhân 1	20%	
	Bài tập cá nhân 2	20%	
2. Thi kết thúc học phần		40%	
	Báo cáo thuyết trình bài tập nhóm	40%	Điểm thuyết trình nhóm được cá nhân hóa theo đánh giá năng lực làm việc nhóm của từng SV
Tổng (1+2)		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Gordon, J. (2019). *Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả* (Duong, N. V., Người dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.5 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1 (5 tiết)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUYẾT TRÌNH	CLO 1, 2, 3, 4,5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1. Khái niệm về thuyết trình 1.2. Lợi ích của thuyết trình 1.3. Thuyết trình và giao tiếp 1.4. Văn hóa và nghệ thuật thuyết trình	
	B. Các nội dung cần tự học: 1.1. Xem và tìm hiểu về các loại bài thuyết trình 1.2. Thuyết trình trong kinh doanh 1.3. Tìm hiểu về các yêu cầu để chuẩn bị thuyết trình	
2(5 tiết)	CHƯƠNG 2: CHUẨN BỊ THUYẾT TRÌNH	CLO 1, 2, 3, 4,5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Chọn chủ đề và xác định bài thuyết trình 2.2. Tìm hiểu thính giả 2.3. Thu thập thông tin cho bài thuyết trình 2.4. Xây dựng nội dung bài thuyết trình 2.5. Các phương tiện hỗ trợ và công tác hậu cần 2.6. Chuẩn bị tâm lý và hình thức 2.7. Luyện tập thuyết trình	
	B. Các nội dung cần tự học: 2.8. Tìm hiểu về các chủ đề thuyết trình 2.9. Tìm hiểu kỹ các yêu cầu để chuẩn bị bài thuyết trình Tìm hiểu về cách tiến hành thuyết trình	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV).	
		CHƯƠNG 3: TIẾN HÀNH THUYẾT TRÌNH

Tuần	Nội dung	CDR của HP
3(5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1. Các bước tiến hành thuyết trình 3.2. Các kỹ năng trong thuyết trình 3.3. Thực hành	1, 4, 5
	B. Các nội dung cần tự học: 3.1. Chuẩn bị nội dung thuyết trình về 1 đề tài được GV giao. Tập luyện cách thuyết trình tự tin, thuyết phục.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV).	
4(5 tiết)	CHƯƠNG 4: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG NHÓM	CLO 1, 4, 5
	Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm nhóm - Lợi ích của làm việc nhóm - Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm - Vai trò của các thành viên trong nhóm - Đặc điểm tâm lý nhóm 	
	B. Các nội dung cần tự học: - Nội dung của chương 4 Tìm hiểu chương 5: về cách xây dựng và phát triển nhóm	
5(5 tiết)	CHƯƠNG 5: XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC HIỆU QUẢ	CLO 1, 4, 5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục tiêu và phân công nhiệm vụ rõ ràng - Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả - Duy trì hoạt động truyền thông hiệu quả - Giải quyết mâu thuẫn trong nhóm - Tăng cường động lực làm việc 	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	B. Các nội dung cần tự học: - Phân tích các yếu tố, giải pháp để xây dựng nhóm làm việc hiệu quả C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV).	
6(5 tiết)	CHƯƠNG 6: LÃNH ĐẠO NHÓM A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Những vấn đề chung về lãnh đạo nhóm - Một số kỹ năng cần thiết của lãnh đạo nhóm B. Các nội dung cần tự học: + Rèn luyện các kỹ năng cần có của người lãnh đạo C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Đánh giá khả năng hiểu và trình bày vấn đề của SV (tham khảo phụ lục về đánh giá SV).	CLO 1, 2, 3, 4,5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Giáo trình chính, hình thức đánh giá, phân bổ trọng số đánh giá thành phần.

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

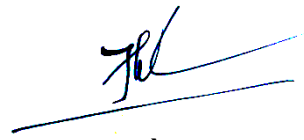
(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Trần Hữu

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41006- NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Kinh tế vi mô

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 3

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Khoa: Kế toán, TC-NH

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị Hậu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Mai Hoàng Hạnh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Để đạt được mục tiêu và kết quả học tập mong đợi, học phần Nguyên lý kế toán được thiết kế gồm các nội dung như: Tổng quan về kế toán và Chu trình kế toán. Trong phần Tổng quan về kế toán tập trung mô tả bản chất của kế toán, giải thích rõ các khái niệm, các giả định và nguyên tắc kế toán, phân tích môi trường pháp lý kế toán và đề cập đến các vấn đề đạo đức nghề nghiệp. Nội dung chính của học phần này là Chu trình kế toán, gồm các bước: Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán điều chỉnh và hoàn thành chu trình kế toán; Kế toán lợi nhuận. Các kỹ thuật để xử lý nghiệp

vụ kế toán và các phương pháp kế toán đều được trình bày và vận dụng trong nội dung từng bước của chu trình kế toán..

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, thuật ngữ, phương pháp để thực hiện công việc kế toán một cách có hệ thống. Sinh viên hiểu rõ bản chất, nội dung của chu trình kế toán và cách thức thực hiện các nghiệp vụ trong từng bước của chu trình kế toán, từ đó nắm được cơ chế hình thành các luồng thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, đặc biệt là luồng thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

Bên cạnh đó, học phần này còn rèn luyện các kỹ năng chuyên môn để giúp sinh viên thực hiện được các nghiệp vụ trong chu trình kế toán và phân tích sự hình thành nên của hệ thống thông tin kế toán để phục vụ cho việc ra quyết định trong kinh doanh

Về thái độ:

Học phần này cũng mong muốn sinh viên hình thành được thái độ tích cực trong học tập và công việc sau này, gia tăng kỹ năng làm việc nhóm và có hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – kế toán – quản trị kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Áp dụng và so sánh các nguyên tắc và lý thuyết cơ bản của kế toán để hoàn thành công việc và ra quyết định	3
CELO2	Phân tích bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán.	4
CELO3	Lập và đọc các báo cáo kế toán trong hệ thống báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn.	2
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.	2
CELO5	Có kỹ năng trao đổi thông tin và phối hợp với nhóm liên quan đến lĩnh vực kế toán.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có tinh thần học hỏi, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
------------------	-----------------------------	--

phần (CELOs)		
Kiến thức		
CELO1	Áp dụng và so sánh các nguyên tắc và lý thuyết cơ bản của kế toán để hoàn thành công việc và ra quyết định	ELO1, 9
CELO2	Phân tích bản chất và nội dung từng bước của chu trình kế toán.	ELO1, 3, 8
CELO3	Lập và đọc các báo cáo kế toán trong hệ thống báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn.	ELO1, 8
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật kế toán trong từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn.	ELO8
CELO5	Có kỹ năng trao đổi thông tin và phối hợp với nhóm liên quan đến lĩnh vực kế toán.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có tinh thần học hỏi, tự nghiên cứu tài liệu và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
S	H	N	N	S	N	N	N	H	H	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng phân lý thuyết
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm
- Giải đáp thắc mắc bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trước khi đến lớp, hoàn thành bài tập nhóm và bài tập về nhà theo đúng thời gian qui định.
- Sinh viên tham gia nghe giảng
- Sinh viên thảo luận tình huống theo nhóm và giải quyết bài tập tại lớp theo hướng dẫn của giảng viên

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- + Lập nhóm học tập và tham gia hoạt động đúng nhóm đã đăng ký.
- + Sinh viên phải có mặt đầy đủ trong các buổi thảo luận nhóm tại lớp.
- + Làm bài kiểm tra cá nhân/nhóm theo lịch giảng viên thông báo trên lớp.
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: sinh viên phải đọc các tài liệu và tìm hiểu nội dung tiếp theo trước khi vào lớp, hoàn thành bài tập yêu cầu.
- + Thái độ: Tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ		CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning (40%)	Thi cuối kỳ (60%)		
CELO 1	x		- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương
CELO 2	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 3	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 4	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 5	x		- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning	- Cuối mỗi chương

CELO 6	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm trên E-learning - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp, kiểm tra thường xuyên, thảo luận, thuyết trình, bài tập lớn, tiểu luận.	40%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Fundamental Accounting Principles, 20th Edition, Wild, Lason, Chiappetta, MacGraw Hill, 2019

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.6 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Luật kế toán Việt Nam (số 88/2015/QH13)

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1 (3 tiết)	Giới thiệu môn học và Chương 1 Tổng quan về kế toán	CLO1 CLO2 CLO6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Giới thiệu môn học, đề cương chi tiết môn học - Tổ chức hoạt động là gì - Bản chất của kế toán: chức năng, đối tượng sử dụng thông tin kế toán, các lĩnh vực kế toán, các yêu cầu cơ bản của kế toán, môi trường pháp lý và đạo đức nghề nghiệp. Nội dung thảo luận: (1 Tiết) - Câu hỏi thảo luận: câu 1,2,3,4,5 trang 24	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bài tập A1.1, A1.2 <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà chương 1: A.1.3 - Đọc trước tài liệu mục 3 chương 1 (từ slide 16 đến slide 35 và giáo trình từ trang 13-24) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ 	
1.2 (2 tiết)	<p>Chương 1 (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng đo lường của kế toán: Phương trình kế toán và phân tích ảnh hưởng nghiệp vụ kinh tế phát sinh đến phương trình kế toán <p>Nội dung làm thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa bài tập tại lớp: A.4, A1.5, A1.6 <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập về nhà chương 1: B.1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5 - Làm kiểm tra cá nhân trên E-learning - Đọc trước tài liệu mục 1 chương 2 (từ slide 1-14 và giáo trình từ trang 31-37) <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ 	CLO1 CLO2 CLO6
2.1 (3 tiết)	<p>Chương 2 : Báo cáo tài chính</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung về Báo cáo tài chính: các thuật ngữ, mục tiêu của báo cáo tài chính, hệ thống báo cáo tài chính, các giải định và nguyên tắc kế toán cơ bản - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mối quan hệ của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán <p>Nội dung làm thảo luận: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn làm bài tập A2.1, A2.2 <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu mục chương 3 (slide 1 đến slide 14 và giáo trình từ trang 58 – 67) - Làm kiểm tra cá nhân trên E-learning <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ 	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

Buổi	Nội dung	CDR của HP
2.2 (2 tiết)	(Tiếp theo) Chương 2 : Báo cáo tài chính	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mối quan hệ của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng cân đối kế toán Nội dung làm thảo luận: - Hướng dẫn làm bài tập tại lớp: B.2.1	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu mục 2,3,4 chương 2 (slide 15 đến slide 27 và giáo trình từ trang 38 – 48) - Làm bài tập nhóm số 2 : B.2.5, B.2.6, B.2.8 - Đọc trước tài liệu mục chương 3 (slide 1 đến slide 14 và giáo trình từ trang 58 – 67) Làm kiểm tra cá nhân trên E-learning	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
3.1(3 tiết)	Chương 3 : Chu trình kế toán – Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Nhận diện và phân tích nghiệp vụ kinh tế. - Ghi nhận nghiệp vụ kinh tế Nội dung làm thảo luận: (1 tiết) - Hướng dẫn làm bài tập: A3.1, A3.2, A3.3	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu chương 3 (slide 15 đến slide 24 và giáo trình từ trang 68 -72) - Làm bài tập: B3.1, B.3.2, B.3.3 - Làm bài tập A3.7, B.3.5, B.3.6	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
3.2 (2 tiết)	(Tiếp theo) Chương 3 : Chu trình kế toán – Phân tích và ghi nhận nghiệp vụ kinh tế	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Sửa bài tập chương 2 và 3 Nội dung làm thảo luận: - Hướng dẫn làm bài tập: A3.1, A3.2, A3.3, A3.4	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Làm kiểm tra cá nhân - Nghiên cứu bài đọc thêm trong giáo trình từ trang 73-76	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	- Đọc trước tài liệu mục 1 chương 4 (từ slide 1 đến slide 16 và giáo trình từ trang 84 – 91)	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
4.1 (3 tiết)	Chương 4: Chu trình kế toán – Kế toán điều chỉnh	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Xác định thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế và lập Báo cáo tài chính Nội dung thảo luận: (1 Tiết) - Ví dụ 1 bút toán điều chỉnh	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc trước tài liệu chương 5 (từ slide 1 đến slide 11 và giáo trình từ trang 110 -122)	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
4.2 (2 tiết)	Chương 5: Chu trình kế toán – Hoàn thành chu trình kế toán	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (2 Tiết) - Kế toán bán hàng và xác định KQKD - Khóa sổ kế toán Nội dung thảo luận: Hướng dẫn thảo luận tại lớp: câu hỏi số 1,2,3,4,5,6 trang 123	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Làm bài tập B.5.1, B.5.2, B.5.3	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
5.1 (5 tiết)	(Tiếp theo) Chương 5: Chu trình kế toán – Hoàn thành chu trình kế toán	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (4 Tiết) - Lập Bảng cân đối số phát sinh - Lập Báo cáo tài chính Nội dung thảo luận: (1 Tiết) Hướng dẫn thảo luận tại lớp: câu hỏi số 1,2,3,4,5,6 trang 123	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Làm bài tập B.5.1, B.5.2, B.5.3	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	- Bài thi trắc nghiệm cuối kỳ	
5.2 (5 tiết)	Ôn tập thi cuối kỳ	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hậu

ĐCCT HP 20. QUẢN TRỊ HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [51042- QUẢN TRỊ HỌC]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Quản lý hiệu quả hoạt động là một trong những điều kiện thiết yếu cho sự thành công của các tổ chức. Chính người quản lý phải ra quyết định về việc sử dụng nhân lực, vật tư, công nghệ và tiền vốn. Môn học này sẽ phác họa một bức tranh thực tế về những gì liên quan đến công việc của người quản lý và công việc đó đã thay đổi và tiếp tục phát triển như thế nào theo thời gian. Môn học chỉ

ra các chức năng, vai trò và kỹ năng quan trọng mà các nhà quản lý phải áp dụng để đạt được các mục tiêu quan trọng và các tiêu chuẩn về hiệu suất hoạt động của tổ chức. Bức tranh này sẽ không cung cấp câu trả lời hoàn hảo cho mọi tình huống, chủ đề hoặc vấn đề của quản trị. Tuy nhiên, nó sẽ cho thấy rằng quản trị trong tổ chức là sự kết hợp của việc xét đoán đưa ra quyết định, áp dụng các kỹ năng và thực hiện các vai trò khác nhau. Các chủ đề quan trọng của quản trị sẽ được đề cập xoay quanh 4 chức năng quản trị cơ bản, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm trang bị cho người học: (i) Kiến thức nền tảng về hoạt động quản trị trong một tổ chức; (ii) Khả năng nhận diện những vấn đề quản trị mang tính toàn diện, hệ thống và tiên tiến;

Về kỹ năng:

Khối kiến thức và kỹ năng quản trị có tính hệ thống, kế thừa và tiếp tục tạo ra sự đổi mới trong hoạt động quản trị thông qua việc phân tích các hành động của một số nhà quản trị thành công và thất bại, từ đó giúp người học học tập được những điều cơ bản, hữu ích của lý luận và thực tiễn quản trị;

Về thái độ:

Xây dựng tầm nhìn của một nhà quản trị hiện đại, mang tính nhân văn, có trách nhiệm và đạo đức nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của con người và tổ chức trong môi trường hoạt động thay đổi nhanh và liên tục toàn cầu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của quản trị được tiếp cận thông qua các thảo luận về Vai trò, cấp bậc, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; Môi trường quản trị; Lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng quản trị; và Các chức năng cơ bản của quản trị trong một tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	2
CELO2	Thảo luận về tính ứng dụng của các kết quả được tìm thấy từ các nghiên cứu về quản trị: Ra quyết định; Vai trò và tính hiệu quả của các phong cách lãnh đạo; Quản lý truyền thông; Động viên nhân viên; Quản lý đội nhóm; Kiểm soát hoạt động trong tổ chức...	2
CELO3	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị để giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp thông qua các câu hỏi ứng dụng và bài tập tình huống trong môn học.	3
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	3

CELO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phản biện thông qua việc phân tích, xác định và đề xuất giải pháp cho các vấn đề quản trị trong tổ chức.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức kỷ luật và trách nhiệm với cộng đồng thông qua hiểu biết về các bên có liên quan trong hoạt động của doanh nghiệp.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của quản trị được tiếp cận thông qua các thảo luận về Vai trò, cấp bậc, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị; Môi trường quản trị; Lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng quản trị; và Các chức năng cơ bản của quản trị trong một tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	ELO1, 2, 8
CELO2	Thảo luận về tính ứng dụng của các kết quả được tìm thấy từ các nghiên cứu về quản trị: Ra quyết định; Vai trò và tính hiệu quả của các phong cách lãnh đạo; Quản lý truyền thông; Động viên nhân viên; Quản lý đội nhóm; Kiểm soát hoạt động trong tổ chức...	ELO2, 5
CELO3	Vận dụng kiến thức và nguyên tắc quản trị để giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp thông qua các câu hỏi ứng dụng và bài tập tình huống trong môn học.	ELO2, 8
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	ELO5
CELO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phản biện thông qua việc phân tích, xác định và đề xuất giải pháp cho các vấn đề quản trị trong tổ chức.	ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức kỷ luật và trách nhiệm với cộng đồng thông qua hiểu biết về các bên có liên quan trong hoạt động của doanh nghiệp.	ELO11, ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12

N	H	N	N	H	N	N	H	N	N	H	H
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*suppoorted*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình;

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1	X	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3); - Thi giữa kỳ (Rubric 4); - Thi cuối kỳ (Rubric 5). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Thi giữa kỳ; - Thi cuối kỳ.
CLO2	X	X	X	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3); 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi thuyết trình, thảo luận.
CLO3	X	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3); - Thi giữa kỳ (Rubric 4). - Thi cuối kỳ (Rubric 5). 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi thuyết trình, thảo luận; - Thi giữa kỳ; - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X	X	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên; - Buổi thuyết trình, thảo luận.
CLO5	X	X	X	-	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên;

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
						<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 5). 	<ul style="list-style-type: none"> - Buổi thuyết trình, thảo luận; - Thi cuối kỳ.
CLO6	X	X	X	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2a & 2b, 3). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần	10%	Dự lớp, tham gia thảo luận, đóng góp và làm bài tập tại lớp Đánh giá thường xuyên (Rubric 1)
	Bài tập cá nhân:	10%	Có dạng bài trắc nghiệm cuối chương, hoặc bài tập về nhà (Rubric 2a & 2b).
	Bài tập nhóm	20%	Thường dựa trên một tình huống quản trị, yêu cầu sinh viên thảo luận, phân tích để nhận dạng vấn đề cần giải quyết, từ đó đề xuất giải pháp hiệu quả. GV có thể sử dụng tình huống quản trị ở cuối các chương trong giáo trình chính hoặc từ các nguồn khác phù hợp. Bài tập nhóm được đánh giá thông qua bài báo cáo và thuyết trình (Rubric 3).
	Thi giữa học kỳ	20%	Thi trắc nghiệm 60 phút vào tuần giữa học kỳ, không tham khảo tài liệu (Rubric 4).

Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm và tự luận	40%	vào cuối môn học theo lịch của PDT, 90 phút, không tham khảo tài liệu (Rubric 5).
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>

Vấn đáp trên lớp	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
------------------	---	---	--	--

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Richard, L. (2016). Kỷ Nguyên Mới Của Quản Trị, Singapore: Cengage Learning Asia Pte ltd.

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.7 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Quản trị học, Nguyễn Hùng Phong, NXB Kinh tế TP.HCM, 2015

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
1.1 & 1.2 (5 tiết)	Giới thiệu chung về môn học (thông tin trong Đề cương chi tiết) và tổ chức lớp học (lập nhóm)		
	PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHƯƠNG 1. NHÀ QUẢN TRỊ VÀ CÔNG VIỆC QUẢN TRỊ		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Nhà quản trị là ai và làm việc ở đâu? 2. Công việc quản trị là gì?	CLO1, CLO 3, CLO4, CLO5, CLO6	- Slide bài giảng (3)

	<p>3. Tại sao cần học quản trị?</p> <p>4. Các yếu tố quan trọng nào đang ảnh hưởng và làm thay đổi quản trị?</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 19) - Bài tập tình huống: “<i>Building a better boss</i>” (Trang 22). 		<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình (1), từ trang 02 đến 33 - Giáo trình (2), từ trang 02 đến 46
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách giáo trình [1] chương 1 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG CỦA QUẢN TRỊ			
2 (5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Môi trường bên ngoài là gì và tại sao nó lại quan trọng? 2. Môi trường bên ngoài ảnh hưởng đến nhà quản lý như thế nào? 3. Văn hóa tổ chức là gì và ảnh hưởng đến nhà quản lý như thế nào? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 50) 	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 34 đến 57 - Giáo trình (2), từ trang 84 đến 125

	- Bài tập tình huống: “ <i>Getting back on Target</i> ” (Trang 52).		
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: - Đọc sách giáo trình [1] chương 2		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4).		
	PHẦN 2. HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG 3. CƠ SỞ CỦA RA QUYẾT ĐỊNH <i>(SV tự học theo học liệu E-learning buổi thứ 4)</i>		
3.1&3.2 (5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Các nhà quản lý tạo quyết định như thế nào? 2. Ba cách tiếp cận mà nhà quản lý có thể sử dụng để đưa ra quyết định là gì? 3. Nhà quản lý thường phải xử lý những loại quyết định gì và điều kiện ra quyết định như thế nào? 4. Các nhà quản lý phải đối mặt với những vấn đề ra quyết định đương đại nào? Nội dung thảo luận: - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 112)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 88 đến 129 - Giáo trình (2), từ trang 335 đến 380

	- Bài tập tình huống: “ <i>Big Brown Numbers</i> ” (Trang 114).		
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: - Đọc sách giáo trình [1] chương 4		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4).		
	CHƯƠNG 4. CƠ SỞ CỦA HOẠCH ĐỊNH		
4.1 (3 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Lập kế hoạch là gì và tại sao nhà quản lý cần lập kế hoạch? 2. Các nhà quản lý cần biết gì về quản trị chiến lược? 3. Các nhà quản lý thiết lập mục tiêu và phát triển kế hoạch như thế nào? 4. Nhà quản lý phải đối mặt với những vấn đề đương đại nào khi lập kế hoạch? Nội dung thảo luận: - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 152) - Bài tập tình huống: “ <i>Crisis Planning at Livestrong Foundation</i> ” (Trang 156).	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 130 đến 159 - Giáo trình (2), từ trang 258 đến 293
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình [1] chương 5		

	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
	<p>PHẦN 3. TỔ CHỨC</p> <p>CHƯƠNG 5. CẤU TRÚC VÀ THIẾT KẾ TỔ CHỨC</p>		
4.2 (2 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sáu yếu tố chính trong thiết kế tổ chức là gì? 2. Những yếu tố dự phòng nào ảnh hưởng đến sự lựa chọn cấu trúc? 3. Một số thiết kế tổ chức phổ biến là gì? 4. Những thách thức thiết kế tổ chức ngày nay là gì? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 187) - Bài tập tình huống: “ <i>A New Kind of Structure</i> “ (Trang 192). 	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 160 đến 195 - Giáo trình (2), từ trang 382 đến 433
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 6</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); 		

	<ul style="list-style-type: none"> • Thi giữa kỳ (Rubric 3); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
5.1 (2 tiết)	<p>THI GIỮA KỲ</p> <p>Hình thức tổ chức: Thi trắc nghiệm theo đề thi chung</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 3</p>	CLO1, CLO3, CLO5	
5.2 (3 tiết)	CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy trình quản lý nguồn nhân lực là gì và yếu tố nào ảnh hưởng đến nó? 2. Nhà quản lý xác định và lựa chọn nhân viên có năng lực như thế nào? 3. Nhân viên được cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết như thế nào? 4. Giữ chân nhân viên giỏi: hai cách mà các tổ chức thực hiện điều này. 5. Các nhà quản lý đối mặt với những vấn đề HRM đương đại nào? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 223) - Bài tập tình huống: “<i>Résumé Regrets</i>” (Trang 226). 	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 196 đến 235 - Giáo trình (2), từ trang 479 đến 528
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 7</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); 		

	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi giữa kỳ (Rubric 3); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
6.1&6.2 (5 tiết)	<p>PHẦN 4. LÃNH ĐẠO</p> <p>CHƯƠNG 7. LÃNH ĐẠO VÀ SỰ TIN CẬY</p> <p><i>(SV tự học theo học liệu E-learning buổi thứ 12)</i></p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các lý thuyết ban đầu về lãnh đạo cho biết điều gì về khả năng lãnh đạo? 2. Các lý thuyết về lãnh đạo theo tình huống cho biết điều gì? 3. Quan điểm về lãnh đạo ngày nay như thế nào? 4. Tại sao sự tin cậy là trọng yếu cho khả năng lãnh đạo? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 383) - Bài tập tình huống: “<i>Serving Up Leaders</i>” (Trang 386). 	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 360 đến 391 - Giáo trình (2), từ trang 628 đến 673
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 12</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		

CHƯƠNG 8. HIỂU NHÓM VÀ QUẢN LÝ NHÓM LÀM VIỆC			
7.1 (2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Nhóm là gì và các nhóm trải qua những giai đoạn phát triển nào? 2. Năm khái niệm chính về hành vi của nhóm 3. Làm thế nào để nhóm trở thành nhóm hiệu quả? 4. Những vấn đề hiện tại nào mà người quản lý phải đối mặt trong việc quản lý nhóm? Nội dung thảo luận: - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 319) - Bài tập tình huống: “ <i>Rx: Teamwork</i> ” (Trang 322).	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 298 đến 327 - Giáo trình (2), từ trang 761 đến 802
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình [1] chương 10		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
7.2 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 9. QUẢN LÝ TRUYỀN THÔNG VÀ THÔNG TIN		
	<i>(SV tự học theo học liệu E-learning)</i>		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Slide bài giảng (3)

	<ol style="list-style-type: none"> 1. Làm thế nào để các nhà quản lý giao tiếp hiệu quả? 2. Công nghệ ảnh hưởng đến giao tiếp của người quản lý như thế nào? 3. Các vấn đề giao tiếp mà các nhà quản lý phải đối mặt ngày nay là gì? <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 412) - Bài tập tình huống: “ <i>Banning E-Mail. Banning Voice Mail</i>” (Trang 416). 		<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình (1), từ trang 392 đến 419 - Giáo trình (2), từ trang 716 đến 760
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 13</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
8 (5 tiết)	<p>PHẦN 5. KIỂM SOÁT</p> <p>CHƯƠNG 10. CƠ SỞ CỦA KIỂM SOÁT</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát là gì và tại sao nó lại quan trọng? 2. Điều gì xảy ra khi nhà quản lý kiểm soát? 3. Người quản lý nên kiểm soát cái gì? 4. Các vấn đề kiểm soát đương đại nào mà các nhà quản lý phải đối mặt? <p>Nội dung thảo luận:</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng (3) - Giáo trình (1), từ trang 420 đến 449 - Giáo trình (2), từ trang 804 đến 838

	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi thảo luận và rèn luyện kỹ năng (Trang 442) - Bài tập tình huống: “<i>Top Secret</i>” (Trang 445). 		
	<p>B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình [1] chương 14</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần (Rubric 1); • Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (Rubric 2); • Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
9 (5 tiết)	ÔN TẬP CUỐI HỌC PHẦN	CLO1, CLO3, CLO5	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Giáo trình chính, hình thức đánh giá, phân bổ trọng số đánh giá thành phần.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 21. KINH TẾ VI MÔ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
- KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [41003- KINH TẾ VI MÔ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết

- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:

- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng

Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD

- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Thị Phương Dung

- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Sơn

- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Kinh tế vi mô trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cung, cầu và cơ chế hoạt động của thị trường, về hành vi và cách thức ra quyết định nhằm tối ưu hóa lợi ích của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trong điều kiện các nguồn lực khan hiếm; phân biệt sự hình thành giá cả trong các cấu trúc thị trường khác nhau; hiểu được những thất bại của thị trường, là cơ sở cho những chính sách can thiệp của chính phủ vào thị trường.

- Kinh tế vi mô là nền tảng cho nhiều môn học khác và giúp cho người học tư duy tổng thể, đa chiều và tư duy phản biện.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức:

- Hoạt động của thị trường.
- Hành vi người tiêu dùng và người sản xuất trong thị trường.
- Sự hình thành giá cả trong các thị trường khác nhau (thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền hoàn toàn, thị trường cạnh tranh độc quyền và thị trường độc quyền nhóm).

Về kỹ năng:

- Phân tích, so sánh các thị trường khác nhau
- Phân tích, đánh giá tình hình biến động của thị trường
- Phân tích các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường
- Làm việc nhóm và tư duy giải quyết các vấn đề liên quan đến thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng.

Về thái độ:

Giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích sự hình thành và sự biến động của giá cả thị trường khi các yếu tố tác động đến cung cầu thay đổi	3
CELO2	Lý giải cách thức ra quyết định tối ưu của người tiêu dùng, người sản xuất .	3

CELO3	Phân biệt sự hình thành giá cả trong các cấu trúc thị trường khác nhau (cạnh tranh hoàn toàn, độc quyền hoàn toàn, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm)	4
Kỹ năng		
CELO4	Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường, đánh giá tác động của các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường, làm nền tảng cho các môn chuyên ngành	4
CELO5	Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức, thái độ làm việc trung thực và tinh thần trách nhiệm đối với công việc	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích sự hình thành và sự biến động của giá cả thị trường khi các yếu tố tác động đến cung cầu thay đổi	ELO 1, 2
CELO2	Lý giải cách thức ra quyết định tối ưu của người tiêu dùng, người sản xuất .	ELO 1, 2
CELO3	Phân biệt sự hình thành giá cả trong các cấu trúc thị trường khác nhau (cạnh tranh hoàn toàn, độc quyền hoàn toàn, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm)	ELO 1, 2
Kỹ năng		
CELO4	Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường, đánh giá tác động của các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường, làm nền tảng cho các môn chuyên ngành	ELO 8, 9
CELO5	Vận dụng khả năng trình bày, giao tiếp, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm	ELO 5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thể hiện ý thức tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức, thái độ làm việc trung thực và tinh thần trách nhiệm đối với công việc	ELO 11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Mã HP	Tên HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
081088	Kinh tế vi mô	H	H	N	N	H	N	N	S	S	N	H	H

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng (kết hợp tập trung và trực tuyến).
- Hướng dẫn thảo luận.
- Hướng dẫn làm bài tập, trắc nghiệm.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu, xem lại video bài giảng, tóm tắt lý thuyết
- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học tập trung và học trực tuyến, thảo luận trên lớp.
- Sinh viên áp dụng lý thuyết để thực hành với bài tập tại lớp, bài tập về nhà và các câu hỏi trắc nghiệm.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự đầy đủ và đúng giờ các buổi học (tập trung và trực tuyến), tích cực tham gia thảo luận trên lớp (tập trung và trực tuyến), làm đầy đủ các bài kiểm tra trắc nghiệm, các bài kiểm tra tại lớp, bài tập tại lớp và bài tập về nhà.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: Sinh viên phải đọc kỹ các tài liệu giảng viên đã cung cấp, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập trong sách bài tập
- Tham dự thi cuối kỳ là điều kiện bắt buộc.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần, kiểm tra cá nhân	Hoạt động nhóm	Kiểm tra giữa kỳ	Thi cuối kỳ		
CELO 1	X	X	X	X	- Bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Bài tập nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần - Giữa kỳ (Tuần 6) - Cuối kỳ
CELO 2	X	X	X	X	- Bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Bài tập nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần - Giữa kỳ (Tuần 6) - Cuối kỳ
CELO 3	X	X	X	X	- Bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Bài tập nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần - Cuối kỳ
CELO 4	X	X	X	X	- Bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Bài tập nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần - Giữa kỳ (Tuần 6) - Cuối kỳ
CELO 5		X			- Thảo luận, thuyết trình - Bài tập nhóm	- Cuối mỗi chương - Cuối kỳ
CELO 6	X	X	X	X	- Bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Bài tập nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần - Giữa kỳ (Tuần 6) - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần, kiểm tra cá nhân: trọng số 20%	60%	
	Hoạt động nhóm: trọng số 20%		
	Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%		
Thi cuối kỳ	Thi cuối kỳ (trắc nghiệm + tự luận)	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2020). *Kinh tế vi mô*. NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Tài liệu học tập

- Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Nguyễn Hoàng Bảo (2019). *Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô*. NXB Kinh tế TP.HCM.

- N. Gregory Mankiw (2019). *Kinh tế học vi mô 6th Edition* - Bản dịch của trường ĐH Kinh tế TPHCM. Cengage Learning Viet Nam - NXB Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1 Tuần 1	<p>Chương 1:</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương chi tiết môn học và các quy định lớp học - Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học <ul style="list-style-type: none"> + Một số khái niệm + Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học (tt) <ul style="list-style-type: none"> + Thị trường và sơ đồ chu chuyển kinh tế - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường <p>Cầu thị trường</p>	CELO 1,6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học <ul style="list-style-type: none"> + Một số khái niệm + Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi trắc nghiệm chương 1 <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học <ul style="list-style-type: none"> + Thị trường và sơ đồ chu chuyển kinh tế - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường <ul style="list-style-type: none"> + Cầu thị trường <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập Chương 2 <p>Trắc nghiệm chương 1, 2</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 3, 4</p>	
2 Tuần 2	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường (tt) <ul style="list-style-type: none"> + Cung thị trường <p>Nội dung thảo luận: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thị trường cân bằng <p>Bài tập về nhà chương 2</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường (tt) <ul style="list-style-type: none"> + Sự co giãn của cung cầu + Bài tập về nhà chương 2 	CELO 1,6 CELO 1,4,6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p>	

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường + Cung thị trường + Thị trường cân bằng Sách bài tập kinh tế vi mô <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập chương 2 - Trắc nghiệm chương 2 	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
3 Tuần 3	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường (tt) + Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường - Sửa bài tập Nội dung GD lý thuyết: 2 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng + Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng lý thuyết hữu dụng - Bài tập, trắc nghiệm chương 3 	CELO 1, 2, 4,6 CELO 2, 5,6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Giáo trình Kinh tế vi mô <ul style="list-style-type: none"> - Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường (tt) + Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường Sách bài tập kinh tế vi mô <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập chương 2 + Câu hỏi trắc nghiệm chương 2 Giáo trình Kinh tế vi mô <ul style="list-style-type: none"> - Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng + Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng lý thuyết hữu dụng - Chương 3: Sách bài tập kinh tế vi mô <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập chương 3 Câu hỏi trắc nghiệm chương 3	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
4 Tuần 4	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng (tt) + Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học + Sự hình thành đường cầu thị trường - Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí sản xuất + Lý thuyết về sản xuất Nội dung GD lý thuyết: (1 tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí SX + Lý thuyết về sản xuất Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết)	CELO 2, 5,6 CELO 2, 5,6

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>+ Nguyên tắc sản xuất tối ưu</p> <p>Bài tập về nhà chương 4</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chương 3: Lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng (tt)</i> + <i>Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học</i> + <i>Sự hình thành đường cầu thị trường</i> - <i>Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí</i> + <i>Lý thuyết về sản xuất</i> <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Câu hỏi trắc nghiệm chương 3</i> + <i>Bài tập tự luận chương 3</i> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí</i> + <i>Lý thuyết về sản xuất</i> <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Câu hỏi trắc nghiệm chương 4</i> <p>Bài tập tự luận chương 4</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4</p>	
5 Tuần 5	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí SX (tt) + Một số khái niệm + Phân tích chi phí trong ngắn hạn + Phân tích chi phí trong dài hạn Bài tập , trắc nghiệm chương 4 <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn + Một số vấn đề cơ bản + Phân tích trong ngắn hạn 	CELO 2, 5,6
5 Tuần 5	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí SX (tt)</i> + <i>Phân tích chi phí trong ngắn hạn</i> + <i>Phân tích chi phí trong dài hạn</i> <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Câu hỏi trắc nghiệm chương 4</i> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn</i> + <i>Một số vấn đề cơ bản</i> + <i>Phân tích trong ngắn hạn</i> <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p>	

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>- Câu hỏi trắc nghiệm chương 5 Bài tập tự luận chương 5 Bài tập tự luận chương 4</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 4</p>	
6 Tuần 6	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn + Một số vấn đề cơ bản + Phân tích trong ngắn hạn <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn (tt) + Phân tích trong ngắn hạn 	CELO 2, 3, 6
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn + Một số vấn đề cơ bản + Phân tích trong ngắn hạn <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi trắc nghiệm chương 5 <p>Bài tập tự luận chương 5</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2,3, 4</p>	
7 Tuần 7	<p>A/ Các nội dung chính trên trên lớp (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn (tt) + Đường cung ngắn hạn của DN và của ngành + Phân tích trong dài hạn + Bài tập và trắc nghiệm chương 5 - Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn + Một số vấn đề cơ bản <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn (tt) + Phân tích trong ngắn hạn + Phân tích trong dài hạn 	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn + Đường cung ngắn hạn của DN và của ngành + Phân tích trong dài hạn - Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn 	

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>+ Một số vấn đề cơ bản</p> <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi trắc nghiệm chương 5 <p>Bài tập tự luận chương 5</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn + Phân tích trong ngắn hạn + Phân tích trong dài hạn + Chiến lược phân biệt giá + Các biện pháp quản lý và điều tiết đối với doanh nghiệp độc quyền <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi trắc nghiệm chương 6 <p>Bài tập tự luận chương 6</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 4</p>	
8 Tuần 8	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn + Thị trường cạnh tranh độc quyền <p>Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thị trường độc quyền nhóm - Câu hỏi trắc nghiệm chương 7 <p>Ôn tập thi cuối kỳ</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Giáo trình Kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương 7: Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn + Thị trường cạnh tranh độc quyền + Thị trường độc quyền nhóm <p>Sách bài tập kinh tế vi mô</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi trắc nghiệm chương 7 <p>Bài tập tự luận chương 7</p>	
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4</p>	
9 Tuần 9	Tổng ôn 5 tiết	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Sơn

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Sơn

ĐCCT HP 22. KINH TẾ VĨ MÔ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [51031- KINH TẾ VĨ MÔ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Kinh tế vi mô

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Thị Sơn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Thị Phương Dung
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Kinh tế vĩ mô trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế trên bình diện tổng thể; cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, cán cân thương mại v.v.. và mối quan hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản, hiểu biết về vai trò và tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô mà chính phủ áp dụng trong điều hành kinh tế vĩ mô.

- Kinh tế vĩ mô là nền tảng cho rất nhiều môn học khác và giúp người học tư duy tổng thể, đa chiều và phản biện.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

(i) Các lý thuyết và mô hình cơ bản của kinh tế vĩ mô; qua đó, người học có thể vận dụng để (ii) Giải thích, đánh giá thực trạng cũng như tình hình biến động của nền kinh tế;

Về kỹ năng:

(iii) Phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô mà chính phủ áp dụng trong điều hành kinh tế; từ đó (iv) Đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế; giúp người học có khả năng (v) Đưa ra các quyết định kinh tế đúng đắn ở mọi vai trò khi tham gia vào nền kinh tế hiện đại.

Về thái độ:

Giúp sinh viên hình thành được các đức tính trung thực, cẩn thận, chăm chỉ và có trách nhiệm trong công việc

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích, nhận định tình hình hoạt động của nền kinh tế thông qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô: Sản lượng quốc gia, lãi suất, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ giá hối đoái	2
CELO2	Giải thích nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế: Dao động chu kỳ, suy thoái, lạm phát.	2
CELO3	Phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô do chính phủ hoạch định nhằm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	4
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng lý thuyết kinh tế vĩ mô để đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế; làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành kinh tế có liên quan	3
CELO5	Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm, đưa ra các ý tưởng tốt, có các kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn trong quá trình thảo luận nhóm để đạt mục tiêu đề ra	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ làm việc trung thực, cẩn thận và có ý thức học tập thường xuyên, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích, nhận định tình hình hoạt động của nền kinh tế thông qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô: Sản lượng quốc gia, lãi suất, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ giá hối đoái	ELO1,2
CELO2	Giải thích nguyên nhân gây ra các biến động kinh tế: Dao động chu kỳ, suy thoái, lạm phát.	ELO2
CELO3	Phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô do chính phủ hoạch định nhằm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	ELO2
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng lý thuyết kinh tế vĩ mô để đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế; làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành kinh tế có liên quan	ELO2, 8
CELO5	Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm, đưa ra các ý tưởng tốt, có các kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn trong quá trình thảo luận nhóm để đạt mục tiêu đề ra	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ làm việc trung thực, cẩn thận và có ý thức học tập thường xuyên, cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
S	H	N	N	H	N	N	s	N	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn sinh viên thảo luận, làm bài cá nhân

Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên đọc tài liệu và làm câu hỏi và bài tập trước các buổi giảng.
- Sinh viên nghe giảng trên lớp hoặc qua MS Team, hoặc học online theo các học liệu trực tuyến theo quy định.
- Sinh viên tham gia thảo luận, làm các bài kiểm tra, thuyết trình và làm việc nhóm.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp hoặc qua MS Team, tích cực tham gia thảo luận trên lớp/online, xem các video bài giảng, làm các bài kiểm tra trắc nghiệm, làm bài tập, thuyết trình và làm việc nhóm, làm đầy đủ các nội dung học online theo học liệu trực tuyến.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục, không sử dụng điện thoại trong lớp vào việc riêng, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để khoa xử lý.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định, nếu đi trễ quá 10 phút, sinh viên không được vào lớp.
- Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng 8 SV), cử 1 nhóm trưởng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: Đọc trước tài liệu, xem các video bài giảng, làm các câu hỏi và bài tập trong sách bài tập như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần,	Hoạt động nhóm	Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm)	Thi cuối kỳ (trắc nghiệm + tự luận)		
CLO 1	X	X	X	X	Điểm danh, bài tập, bài kiểm tra thường xuyên Hoạt động nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi cuối kỳ	Mỗi buổi Cuối mỗi chương Kiểm tra giữa kỳ (tuần 6) Cuối kỳ
CLO 2	X	X	X	X	Điểm danh, bài tập, bài kiểm tra thường xuyên Hoạt động nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi cuối kỳ	Mỗi buổi Cuối mỗi chương Kiểm tra giữa kỳ (tuần 6) Cuối kỳ
CLO 3	X	X	X	X	Điểm danh, bài tập, bài kiểm tra thường xuyên Hoạt động nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi cuối kỳ	Mỗi buổi Cuối mỗi chương Kiểm tra giữa kỳ (tuần 6) Cuối kỳ
CLO 4	X	X	X	X	Điểm danh, bài tập, bài kiểm tra thường xuyên	Mỗi buổi

					<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Kiểm tra giữa kỳ (tuần 6) - Cuối kỳ
CLO 5		X			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Cuối kỳ
CLO 6	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh, bài tập, bài kiểm tra thường xuyên - Hoạt động nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi buổi - Cuối mỗi chương - Kiểm tra giữa kỳ (tuần 6) - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần, kiểm tra cá nhân: trọng số 20%	60%	
	Hoạt động nhóm: trọng số 20%		
	Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%		
Thi cuối kỳ	Thi cuối kỳ (trắc nghiệm + tự luận)	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung (2021). *Kinh tế vĩ mô*. NXB Kinh tế TP.HCM.

10.2 Tài liệu học tập

- Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.3 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2019). Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô. NXB Kinh tế TP.HCM.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	Giới thiệu môn học và Chương 1. Khái quát về kinh tế học vĩ mô	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Giới thiệu đề cương chi tiết học phần và các quy định lớp học - Chương 1 + Một số khái niệm + Mục tiêu của kinh tế học vĩ mô + Các công cụ điều tiết vĩ mô	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 1 + Một số khái niệm + Mục tiêu của kinh tế học vĩ mô + Các công cụ điều tiết vĩ mô - Làm câu hỏi trắc nghiệm chương 1 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
1.2 (2,5 tiết)	Chương 1 (tiếp theo) và Chương 2. Cách tính sản lượng quốc gia	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 1 + Tổng cung và tổng cầu - Chương 2 + Một số vấn đề cơ bản	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 1 + Tổng cung và tổng cầu Chương 2 + Một số vấn đề cơ bản - Làm câu hỏi trắc nghiệm chương 1, 2 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
2.1(2,5 tiết)	Chương 2 (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 2 + Cách tính mức hoạt động của một nền KT Nội dung làm bài tập/thảo luận:	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 2 + Cách tính mức hoạt động của một nền KT - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 2 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
2.2(2,5 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) và Chương 3. Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy: - Chương 2 + Các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) + Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản - Chương 3 + Tổng cầu trong nền KT đơn giản	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 2 + Các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) + Các đồng nhất thức vĩ mô căn bản Chương 3: + Tổng cầu trong nền KT đơn giản - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 2, 3 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
3.1(2,5 tiết)	Chương 3 (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 3 + Xác định điểm cân bằng SLQG Nội dung làm bài tập/thảo luận:	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 3 + Xác định điểm cân bằng SLQG - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 3 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	
3.2(2,5 tiết)	Chương 3 (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy: - Chương 3 + Mô hình số nhân	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 3 + Mô hình số nhân - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 3 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 3, 4	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
4.1(2,5 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	
	A. Nội dung làm bài tập/thảo luận:	CLO 1
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Ôn tập chương 1, 2, 3	CLO 2 CLO 5
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 3	CLO 6
4.2(2,5 tiết)	Chương 4. Tổng cầu, chính sách tài khoá và chính sách ngoại thương	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 4 + Tổng cầu trong nền kinh tế mở + Xác định SLCB trong nền kinh tế mở Nội dung làm bài tập/thảo luận: (2 tiết)	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 4 + Tổng cầu trong nền kinh tế mở + Xác định SLCB trong nền kinh tế mở - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 4 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	
5.1(2,5 tiết)	Chương 4 (tiếp theo)	
	A. Nội dung giảng dạy : - Chương 4 + Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở + Chính sách tài khóa + Chính sách ngoại thương	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 4 + Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở + Chính sách tài khóa + Chính sách ngoại thương - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 4 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	
5.2(2,5 tiết)	Chương 5. Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 5 + Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng Nội dung làm bài tập/thảo luận:	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video:	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	Chương 5 + Tiền tệ và hoạt động của ngân hàng - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 5 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	
6.1(2,5 tiết)	Chương 5 (tiếp theo) A. Nội dung giảng dạy: - Chương 5 + Thị trường tiền tệ B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 5 + Thị trường tiền tệ - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 5 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6
6.2(2,5 tiết)	Chương 5 (tiếp theo) A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 5 + Chính sách tiền tệ Nội dung làm bài tập/thảo luận: B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 5 + Chính sách tiền tệ - Làm câu hỏi trắc nghiệm, bài tập chương 5 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6
7(5 tiết)	Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp A. Nội dung giảng dạy : - Chương 6 + Lạm phát + Thất nghiệp B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: - Chương 6 + Lạm phát + Thất nghiệp - Làm câu hỏi trắc nghiệm chương 6 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	CLO 1 CLO 4 CLO 5 CLO 6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
8(5 tiết)	Chương 6 (tiếp theo) và Chương 7. Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở	CLO 1 CLO 4 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Chương 6 + Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp - Chương 7 + Thị trường ngoại hối Nội dung làm bài tập/thảo luận: Chương 6	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 6 + Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp Chương 7: + Thị trường ngoại hối - Làm câu hỏi trắc nghiệm chương 6, 7 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	
9(5 tiết)	Chương 7 (tiếp theo) và Ôn tập	CLO 1 CLO 4 CLO 5 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 7 + Cán cân thanh toán + Hệ thống – Ôn tập – Giải đáp thắc mắc	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) - Đọc sách Kinh tế vĩ mô + Slide bài giảng + Xem video: Chương 7 + Cán cân thanh toán - Làm câu hỏi trắc nghiệm chương 7 Sách bài tập Kinh tế vĩ mô	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: RUBRIC 1, 2, 4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Sơn

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Sơn

ĐCCT HP 23. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VHDN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51043- ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VHDN]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Kinh tế vi mô

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 3

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Kế toán, Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Hà Kiên Tân
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Học phần này nghiên cứu trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý, các cơ quan công quyền và doanh nghiệp... Học phần giúp sinh viên nắm được những vấn đề thực tiễn trong quản trị, phân tích những xung đột phức tạp và vấn đề khó xử, thông qua các nghiên cứu tình huống. Sinh viên tiếp cận được các phạm trù đạo đức trong môi trường cạnh tranh của thời kỳ hội nhập

- Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, các loại hình văn hóa, vai trò của văn hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tập trung làm rõ các vấn đề như quan niệm về văn hóa doanh nghiệp, vai trò của văn hóa trong hoạt động doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hoá doanh nghiệp, quan niệm xây dựng văn hoá doanh nghiệp và nội dung xây dựng văn hoá doanh nghiệp mà cốt lõi là triết lý và đạo đức kinh doanh.
- Văn hoá doanh nghiệp Việt Nam được tập trung vào quá trình hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam, bản sắc văn hoá doanh nghiệp Việt Nam và xây dựng Văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập.
- Giới thiệu một số mô hình văn hoá đang được áp dụng trong nước và trên thế giới cũng như kinh nghiệm xây dựng văn hoá của một số công ty trong ngoài nước.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Giải thích được sức mạnh của đạo đức quản trị ở các cơ quan công quyền, doanh nghiệp...
- Phân tích được các phạm trù đạo đức và chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh
- Giải thích được trách nhiệm xã hội đối với khách hàng, công chúng và các đối tác khác...
- Trình bày được một số hành vi ứng xử có đạo đức trong thời kỳ toàn cầu hóa.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông về các vấn đề đạo đức trong kinh doanh
- Có khả năng đọc hiểu các tài liệu liên quan đến kinh tế, đạo đức kinh doanh.
- Giải thích được các điểm cơ bản về văn hoá và văn hóa doanh nghiệp

Về thái độ:

Vận dụng những vấn đề lý luận để xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh và văn hoá của doanh nghiệp

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được sức mạnh của đạo đức quản trị ở các cơ quan công quyền, doanh nghiệp...	2
CELO2	Phân tích được các phạm trù đạo đức và chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh.	4
CELO3	Giải thích được trách nhiệm xã hội đối với khách hàng, công chúng và các đối tác khác...	2
CELO4	Trình bày được một số hành vi ứng xử có đạo đức trong thời kỳ toàn cầu hóa.	1
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông về các vấn đề đạo đức trong kinh doanh	2

CELO6	Có khả năng đọc hiểu các tài liệu liên quan đến kinh tế, đạo đức kinh doanh.	1
CELO7	Giải thích được các điểm cơ bản về văn hoá và văn hóa doanh nghiệp	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Vận dụng những vấn đề lý luận để xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh và văn hoá của doanh nghiệp	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được sức mạnh của đạo đức quản trị ở các cơ quan công quyền, doanh nghiệp...	ELO1, 3
CELO2	Phân tích được các phạm trù đạo đức và chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh.	ELO1, 3
CELO3	Giải thích được trách nhiệm xã hội đối với khách hàng, công chúng và các đối tác khác...	ELO1, 3
CELO4	Trình bày được một số hành vi ứng xử có đạo đức trong thời kỳ toàn cầu hóa.	ELO1, 2, 3
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông về các vấn đề đạo đức trong kinh doanh	ELO5
CELO6	Có khả năng đọc hiểu các tài liệu liên quan đến kinh tế, đạo đức kinh doanh.	ELO1
CELO7	Giải thích được các điểm cơ bản về văn hoá và văn hóa doanh nghiệp	ELO3, 4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Vận dụng những vấn đề lý luận để xây dựng và phát triển đạo đức kinh doanh và văn hoá của doanh nghiệp	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
H	H	S	S	H	N	N	S	N	H	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)

- H: *Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng phân lý thuyết
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm
- Giải đáp thắc mắc bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu trước khi đến lớp, hoàn thành bài tập nhóm và bài tập về nhà theo đúng thời gian qui định.
- Sinh viên tham gia nghe giảng
- Sinh viên thảo luận tình huống theo nhóm và giải quyết bài tập tại lớp theo hướng dẫn của giảng viên

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- + Lập nhóm học tập và tham gia hoạt động đúng nhóm đã đăng ký.
- + Sinh viên phải có mặt đầy đủ trong các buổi thảo luận nhóm tại lớp.
- + Làm bài kiểm tra cá nhân/nhóm theo lịch giảng viên thông báo trên lớp.
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: sinh viên phải đọc các tài liệu và tìm hiểu nội dung tiếp theo trước khi vào lớp, hoàn thành bài tập yêu cầu.
- + Thái độ: Tôn trọng sở hữu trí tuệ, tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, qui định về thời gian nộp bài.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ		CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài kiểm tra cá nhân/nhóm (40%)	Thi cuối kỳ (60%)		

CELO 1	x	X	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương
CELO 2	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 3	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 4	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần
CELO 5	x		- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm	- Cuối mỗi chương
CELO 6	x	x	- Bài kiểm tra cá nhân/nhóm - Thi trắc nghiệm cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương - Sau khi kết thúc học phần

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp, kiểm tra thường xuyên, thảo luận, thuyết trình, bài tập lớn, tiểu luận.	40%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Mức chất lượng	

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Giáo trình: Strategic corporate social responsibility: Sustainable value creation (5th Ed.);

Chandler, David; NXB SAGE Publications, Inc 2019

10.2 Tài liệu học tập

- Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.8 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đạo Đức Trong Kinh Doanh; tác giả Sarah Duncan (Khánh Trang dịch); Nhà Xuất Bản Công Thương; 2022

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1 (5 tiết)	CHƯƠNG 1. Đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức kinh doanh	CLO1 CLO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1. Đạo đức kinh doanh. 1.2. Sự xuất hiện của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh. 1.3. Kết luận. Thảo luận	
	B. Các nội dung cần tự học: (10 giờ) - Nhận dạng một số vấn đề đạo đức kinh doanh trong các doanh nghiệp tại VN hiện nay	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ	
2 (5 tiết)	CHƯƠNG 2. Các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty	CLO1 CLO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Triết lý đạo đức (đạo lý). 2.2. Các triết lý đạo đức chủ yếu. 2.3. Các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của công ty. 2.4. Kết luận. thảo luận:	
	B. Các nội dung cần tự học: (10 giờ) Phân tích trách nhiệm xã hội cho một số doanh nghiệp điển hình tại VN hiện nay.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ	
3 (5 tiết)	CHƯƠNG 3. Phương pháp và công cụ hành vi đạo đức trong kinh doanh.	CLO3 CLO4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1. Ra quyết định về các vấn đề liên quan đến đạo đức trong kinh doanh. 3.2. Các nhân tố “đầu vào”; Các tác nhân. 3.3. Phân tích hành vi: Algorithm đạo đức và phương pháp phân tích vấn đề - giải pháp. 3.4. Kết luận. Thảo luận:	
	B. Các nội dung cần tự học: (10 giờ) Xây dựng video clip để minh họa các Phương pháp và công cụ hành vi đạo đức trong kinh doanh.	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ</p>	
<p>4(5 tiết) 5(5 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 4. Một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Quan hệ với NLD. 4.2. Quan hệ với đối tượng bên ngoài. 4.3. Kết luận. Thảo luận</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (20 giờ) Phân tích thực trạng về đạo đức kinh doanh trong các doanh nghiệp tại VN hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ</p>	<p>CLO6</p>
<p>6(5 tiết) 7(5 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 5. Văn hóa công ty.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1. Văn hóa công ty. 5.2. Bản chất của văn hóa công ty. 5.3. Biểu trưng của văn hóa công ty 5.4. Các dạng văn hóa công ty 5.5. Kết luận. Thảo luận:</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (20 giờ) - Hoàn chỉnh sơ đồ tư duy để minh họa 3 lớp văn hóa</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ</p>	<p>CLO7</p>
<p>8(5 tiết) 9(5 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG 6. Vận dụng trong quản lý – tạo lập bản sắc văn hóa công ty.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1. Tạo lập bản sắc văn hóa DN. 6.2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức. 6.3. Xây dựng phong cách quản lý định hướng đạo đức. 6.4. Thiết lập hệ thống triển khai đạo đức kinh doanh và văn hóa DN. 6.5. Kết luận. Thảo luận</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (20 giờ)</p>	<p>CLO7 CLO8</p>

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	- Phân tích thực trạng xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại VN hiện nay	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra cá nhân - Bài thi cuối kỳ	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đủ chỗ ngồi và ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Rà soát, bổ sung thông tin theo mẫu đề cương chi tiết cập nhật cho năm học 2021-2022

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Kiên Tân

ĐCCT HP 24. LUẬT KINH TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [51062- Luật Kinh tế]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Pháp luật đại cương

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 2

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Luật
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Thy Tường Vi
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Duy Dũng
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Học phần giới thiệu những kiến thức pháp luật cơ bản về doanh nghiệp như: khái niệm, phân loại, điều kiện, trình tự thủ tục thành lập, thay đổi, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.
- Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về hợp đồng, bao gồm: khái niệm, phân loại, các nội dung cơ bản của hợp đồng; đồng thời cung cấp những nội dung kiến thức pháp luật liên quan đến các biện pháp giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại

- Học phần trang bị những kiến thức pháp luật về phá sản doanh nghiệp: khái niệm, dấu hiệu xác định tình trạng phá sản, thẩm quyền giải quyết, thứ tự phân chia thành toán nợ, trình tự thủ tục phá sản.
- Học phần cũng trang bị những kiến thức pháp lý trong hoạt động thương mại và những tình huống pháp lý, những vụ việc liên quan đến thành lập doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh thương mại đã xảy ra trong thực tế để sinh viên ứng dụng, vận dụng để nhận diện các vấn đề pháp lý cũng như tích lũy kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động giải quyết tranh chấp trong thương mại.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Người học trình bày được một số vấn đề pháp lý như: doanh nghiệp, thương nhân, hoạt động thương mại, giới hạn trách nhiệm trong kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hợp đồng, tranh chấp trong kinh doanh, trọng tài, tòa án, phá sản.
- Liệt kê các điều kiện và trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp.
- Phân loại các loại hình doanh nghiệp, phân loại các loại hợp đồng, phân loại các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

So sánh và rút ra những ưu điểm – nhược điểm giữa các loại hình kinh doanh với nhau, so sánh giữa các loại hợp đồng, so sánh và rút ra những ưu điểm – nhược điểm giữa các phương thức giải quyết tranh chấp.

Về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng nhận diện về hệ thống pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, thương mại, giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp ở nước ta để tạo ra cách thức ứng xử phù hợp, hiệu quả.
- Có khả năng vận dụng các kiến thức pháp luật đã học vào hoạt động thực tế.
- Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn.
- Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Về thái độ:

- Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn, khách quan, tư duy phản biện độc lập với các chính sách và pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế, nhìn nhận rõ nét hơn thực tiễn pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, thương mại ở Việt Nam.
- Hình thành thái độ ứng xử và đóng góp tích cực nhằm không ngừng hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý kinh tế.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu đúng các quy định pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	2
CELO2	Phân tích được quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	4
Kỹ năng		
CELO3	Áp dụng đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại vào các tình huống trong thực tế.	3
CELO4	Đưa ra các giải pháp để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nhận thức đầy đủ, rõ ràng yêu cầu tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	1
CELO6	Chủ động nâng cao kiến thức, tự học, tự nghiên cứu.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu đúng các quy định pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO1
CELO2	Phân tích được quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO2, 4
Kỹ năng		
CELO3	Áp dụng đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại vào các tình huống trong thực tế.	ELO2, 4, 8
CELO4	Đưa ra các giải pháp để giải quyết các tình huống pháp lý liên quan đến pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO1,2,8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Nhận thức đầy đủ, rõ ràng yêu cầu tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, kinh doanh thương mại.	ELO10
CELO6	Chủ động nâng cao kiến thức, tự học, tự nghiên cứu.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	N	N	N	N	N	N	N	N	N	H	H

- *N: Không đóng góp (none supported)*
- *S: Có đóng góp (suppoorted)*
- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng những nội dung chính của học phần theo nội dung chi tiết trình bày trong Mục 8 và các tài liệu học tập đã cung cấp cho sinh viên;
- Hướng dẫn sinh viên chuẩn bị bài, thực hiện bài tập và nội dung thảo luận;
- Tổ chức thảo luận theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị.
- Giảng dạy trực tiếp/trực tuyến.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tham gia nghe giảng, thuyết trình, thảo luận, giải quyết các vấn đề theo đề bài cho trước với giảng viên và cả lớp.
- Sinh viên tự đọc tài liệu và chuẩn bị những nội dung thuyết trình, thảo luận với giảng viên và cả lớp.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Phải đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp.
- Chỉ được sử dụng điện thoại trong lớp khi được giảng viên đồng ý. Không được nói chuyện và làm việc riêng. Tuân thủ quy định về 5S. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp, trừ điểm thái độ và thông báo để Khoa xử lý.
- Sinh viên cần chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự lớp học đầy đủ và cần tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp, đảm bảo thời lượng tự học để củng cố kiến thức về môn học. Trong tất cả các buổi học trên lớp, sinh viên phải mang theo văn bản quy phạm pháp luật và có thể mang theo máy tính cá nhân để thuận tiện tra cứu.
- Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện bài báo cáo cá nhân, bài tập nhóm về nhà, bài tập tại lớp, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên vắng hoặc thiếu bài kiểm tra thường xuyên nào thì bài kiểm tra đó bị chấm 0 điểm.
- Theo dõi các thông tin và thông báo của giảng viên trên trang E-Learning hàng ngày để thực hiện đúng các yêu cầu mà giảng viên đã giao.

- Chia Nhóm sinh viên (từ 5 đến 10 người, tùy thuộc số lượng sinh viên trong lớp) để thực hiện các bài tập Nhóm. Khi làm việc theo Nhóm, sinh viên tự đánh giá mức độ của từng thành viên theo tỷ lệ % đóng góp vào bài làm. Giảng viên chấm điểm từng thành viên căn cứ vào mức độ đánh giá này.
- Sinh viên nghỉ học không xin phép quá 20% số buổi học sẽ không đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Tham dự lớp học	Làm việc nhóm	Làm việc cá nhân	Thảo luận, phát biểu	Thi cuối kỳ		
CLO 1	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần - Cuối kỳ (50 phút)
CLO 2	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần - Cuối kỳ (50 phút)
CLO 3	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần - Cuối kỳ (50 phút)
CLO 4	x	x	x	x	x	- Phát biểu, thảo luận, kiểm tra trắc nghiệm trên elearning. - Thi trắc nghiệm cuối kỳ	- Hàng tuần - Cuối kỳ (50 phút)
CLO 5	x	x	x	x		- Phát biểu, thảo luận. - Chuyên cần	- Hàng tuần
CLO 6	x	x	x	x		- Phát biểu, thảo luận. - Chuyên cần	- Hàng tuần

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức		Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Tham dự lớp học	10%	50%	
	Làm việc nhóm	20%		
	Làm việc cá nhân	20%		
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm		50%	
Tổng			100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

		Mức chất lượng
--	--	----------------

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- TS. Nguyễn Hợp Toàn (c.b), Vũ Văn Ngọc, Nguyễn Hoàng Vân, 2015, *Giáo trình Luật Kinh Tế*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.9 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh (Tái bản lần 1, có sửa đổi và bổ sung), Nxb. Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2019.

- Trường Đại học Luật TP.HCM, Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, Nxb. Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, 2020

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	CĐR của HP
1.1 (2,5 tiết)	GIỚI THIỆU HỌC PHẦN – CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HỌC PHẦN LUẬT KINH TẾ A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1.Giới thiệu nội dung học phần. 1.2.Những vấn đề chung về kinh doanh và chủ thể kinh doanh	CLO 1, 2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi đáp và thảo luận: hỏi đáp các vấn đề liên quan đến bài học, phân nhóm và đề tài thuyết trình. <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6,0 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị đề tài theo danh mục của giảng viên cung cấp để thuyết trình vào những buổi sau. - Mỗi ý kiến phát biểu xây dựng bài đạt yêu cầu, sinh viên được tính 1 điểm ở cột thảo luận, xây dựng bài. - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	
1.2 (2.5 tiết)	<p>Chương 2: PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: BUỔI HỌC TRÊN E-LEARNING</p> <p>I. Khái quát chung về doanh nghiệp</p> <p>2.1 Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp 2.2 Thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp 2.3 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Các nhóm thảo luận về nội dung đặt tên doanh nghiệp và con dấu của doanh nghiệp.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	CLO 1, 2,3,4,5,6
2.1 (2,5 tiết)	<p>Chương 2: PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: II. Các loại hình doanh nghiệp</p> <p>2.4 Doanh nghiệp tư nhân 2.4.1 Khái niệm, đặc điểm 2.4.2 Tổ chức quản lý doanh nghiệp</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>2.5 Công ty hợp danh</p> <p>2.5.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.5.2 Tổ chức quản lý doanh nghiệp</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Câu hỏi và bài tập liên quan đến DNTN và công ty hợp danh</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>- Đọc giáo trình chính.</p> <p>- Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Mỗi ý kiến phát biểu xây dựng bài đạt yêu cầu, sinh viên được tính 1 điểm ở cột thảo luận, xây dựng bài.</p> <p>- Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra</p>	
2.2 (2,5 tiết)	<p>Chương 2: PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>II. Các loại hình doanh nghiệp</p> <p>2.6 Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên</p> <p>2.6.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.6.2 Tổ chức quản lý doanh nghiệp</p> <p>2.7 Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên.</p> <p>2.7.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.7.2 Tổ chức quản lý doanh nghiệp</p> <p>B. Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Câu hỏi và bài tập liên quan đến công ty TNHH 1 thành viên, 2 thành viên trở lên.</p> <p>C. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>- Đọc giáo trình chính.</p> <p>- Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6
3.1 (2,5 tiết)	<p>Chương 2: PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>2.8 Công ty cổ phần</p> <p>2.8.1 Khái niệm, đặc điểm</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>2.8.2 Tổ chức quản lý doanh nghiệp</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Câu hỏi và bài tập liên quan đến công ty cổ phần</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	
3.2 (2,5 tiết)	<p>Chương 2: PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM (tt)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>2.9 Nhóm công ty</p> <p>2.10 Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Sinh viên thảo luận về nhóm công ty, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	CLO 1, 2,3,4,5,6
4.1 (2,5 tiết)	<p>Chương 3: PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>3.1. Khái quát pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1.1. Khái niệm hợp đồng 3.1.2. Phân loại hợp đồng 3.1.3. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng kinh doanh, thương mại <p>3.2 Nội dung cơ bản pháp luật hợp đồng trong kinh doanh, thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.2.1 Hiệu lực của hợp đồng. 3.2.2 Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Sinh viên thảo luận về hiệu lực của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	
4.2 (2,5 tiết)	<p>Chương 4: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>4.1. Khái quát về tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1.1. Khái niệm tranh chấp trong kinh doanh thương mại 4.1.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại <p>4.2 Các phương thức giải quyết tranh chấp cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.2.1 Phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài. 4.2.2 Phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng tòa án. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận</p> <p>Sinh viên thảo luận về phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải và trọng tài thương mại.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra 	CLO 1, 2,3,4,5,6
5 (5 tiết)	<p>Chương 5: PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>5.1. Khái quát về pháp luật về phá sản</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1.1 Một số khái niệm 5.1.2 Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản <p>5.2 Một số quy định cụ thể để phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>Nội dung làm bài tập/thảo luận Sinh viên thảo luận và làm bài tập liên quan đến thủ tục phá sản doanh nghiệp</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra</p>	
6 (5 tiết)	<p>Chương 6: PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1 Khái quát chung về pháp luật thương mại Việt Nam. 6.2 Một số nội dung cụ thể trong Luật Thương mại về mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ. 6.3 Ôn tập</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận Sinh viên thảo luận các tình huống và làm các bài tập liên quan đến mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ trong thương mại</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc giáo trình chính. - Đọc các Văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu tham khảo liên quan</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo yêu cầu của giảng viên mỗi tuần. - Mỗi ý kiến phát biểu xây dựng bài đạt yêu cầu, sinh viên được tính 1 điểm ở cột thảo luận, xây dựng bài. - Chấm điểm theo Rubric do giảng viên đưa ra</p>	CLO 1, 2,3,4,5,6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2018 – 2019
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 5 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Chỉnh sửa theo mẫu mới của Phòng Đào tạo

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

PHÓ TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Dũng

ĐCCT HP 25. MARKETING CĂN BẢN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41015- MARKETING CĂN BẢN]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 36 tiết dạy trực tiếp + 9 tiết sinh viên tự học có hướng dẫn
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 1

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: tài liệu học tập chính (slides bài giảng, bài đọc, giáo trình chính, bài tập) bằng Tiếng Việt

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học Marketing căn bản nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing : Các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản; Nguyên lý căn bản của marketing; Nghiên cứu thị trường – Hành vi khách hàng; Các công cụ marketing mix (Sản phẩm, Định giá, Phân phối, Chiêu thị). Với các kiến thức này, sinh viên có thể tự phân tích và đưa ra một chiến lược marketing đơn

giản cho doanh nghiệp, có khả năng tự học hỏi và tự nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến marketing.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing:

- Các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản
- Nguyên lý căn bản của marketing
- Nghiên cứu thị trường – Hành vi khách hàng
- Các công cụ marketing mix (Sản phẩm, Định giá, Phân phối, Chiêu thị)

Về kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề, thuyết trình.

Về thái độ:

Đồng thời giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản.	2
CELO2	Giải thích được các tác động của môi trường, khách hàng, các cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường trong hoạt động marketing.	2
CELO3	Vận dụng được các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị trong hoạt động marketing.	3
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết trình.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có thái độ trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và tích cực trong học tập.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích các khái niệm, thuật ngữ marketing cơ bản.	ELO1
CELO2	Giải thích được các tác động của môi trường, khách hàng, các cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường trong hoạt động marketing.	ELO2, 8
CELO3	Vận dụng được các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị trong hoạt động marketing.	ELO3, 9
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết trình.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có thái độ trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và tích cực trong học tập.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
S	H	S	N	H	N	N	S	S	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm
- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập/thuyết trình.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Tự đọc tài liệu liên quan theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia nghe giảng trên lớp, thảo luận nhóm.
- Tham gia thuyết trình

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

Chuyên cần

- Sinh viên tham dự đầy đủ, đúng giờ các buổi học.
- Sinh viên học tập theo phương pháp chủ động. Ôn lại bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp. Giảng viên sẽ thường xuyên kiểm tra đột xuất việc chuẩn bị bài.
- Tích cực tham gia thảo luận tại lớp, mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng bài và đưa ra thắc mắc (nếu có) để giảng viên giải đáp.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Chuẩn bị các thiết bị để giảng dạy và học tập trước khi giảng viên đến lớp. Không làm việc riêng trong lớp (ăn uống, nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại, laptop...). Để điện thoại ở chế độ im lặng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

Làm việc nhóm

- Sinh viên tự thành lập các nhóm học tập
- Giảng viên sẽ thường xuyên đưa ra các vấn đề và các bài tập tình huống, vì vậy các sinh viên nên ngồi theo nhóm để dễ dàng trao đổi và thảo luận nhóm.
- Yêu cầu tất cả sinh viên phải có nhóm, không chấp nhận bất kỳ trường hợp nào làm việc độc lập đối với những bài tập yêu cầu phải làm nhóm.

Kiểm tra/Thi cử

- Sinh viên phải tham gia tất cả các kỳ thi, làm tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên
- Nộp bài tập theo đúng thời hạn giảng viên yêu cầu
- Khi làm bài kiểm tra và bài thi cần phải trung thực và thực hiện nghiêm túc các quy định tại phòng thi
- Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chu yện cần (%)	Kiểm tra cá nhân (%)	Thảo luận nhóm, Thuyết trình (%)	Thi cuối kỳ (%)		
CLO 1		x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần,

					- Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Thi cuối kỳ	- Buổi 13, 14 - Cuối kỳ
CLO 2		x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Tuần 13, 14 - Cuối kỳ
CLO 3		x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Tuần 13, 14 - Cuối kỳ
CLO 4		x	x		- Bài kiểm tra thường xuyên - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Tuần 13, 14 - Cuối kỳ
CLO 5	x	x	x	x	- Điểm danh - Bài kiểm tra thường xuyên - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Thi cuối kỳ	- Hàng tuần - Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Tuần 13, 14 - Cuối kỳ

- Chuyên cần: được đánh giá bằng điểm danh, thái độ tham gia lớp học, kiểm tra nhanh vào mỗi buổi học
- Thảo luận nhóm, kiểm tra cá nhân: được thực hiện tại lớp hoặc tại nhà theo yêu cầu của giảng viên
- Thuyết trình: mỗi nhóm sẽ thuyết trình một hoặc nhiều lần theo yêu cầu của giảng viên
- Thi cuối kỳ tập trung theo lịch của trường, thời gian 75 phút, gồm trắc nghiệm và tự luận, không sử dụng tài liệu.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	- Dự lớp (10%),	10%	
	- Kiểm tra thường xuyên (10%),	10%	
	- Thảo luận, thuyết trình (20%).	20%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận và trắc nghiệm	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng
----------	-------	----------------

	(%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
--	---------	-------------	-----------------

Dạng câu hỏi	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

(1) Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), *Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ*, NXB Lao Động.

10.2 Tài liệu học tập

Slide bài giảng do Bộ môn biên soạn (tài liệu lưu hành nội bộ)

10.10 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

(2) Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), *Principles of Marketing*, Pearson Education Limited.

(3) Al Ries & Jack Trout (2017), *22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing*, NXB Tổng Hợp TP.HCM

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
1 (5 tiết)	Chương 1: Tổng Quan Về Marketing	CLO 1 CLO 5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Sự ra đời và phát triển của marketing 1.2 Các khái niệm căn bản 1.3. Vai trò và vị trí của marketing 1.4. Marketing mix - Tiếp thị hỗn hợp 1.5 Các xu hướng marketing mới Nội dung thảo luận: Các khái niệm căn bản Vai trò của marketing trong doanh nghiệp		
	B/ Các nội dung cần tự học: (12 giờ) • Đề cương chi tiết môn học • Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i> , NXB Lao Động. Chương 2, trang 22-35 • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i> , Pearson Education Limited. Chương 1 và 2, trang 4 - 80		

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
	<ul style="list-style-type: none"> Al Ries & Jack Trout (2017), 22 <i>Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh (Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?)</p>		
2.1 (2,5 tiết)	<p>Chương 2: Môi Trường Marketing</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Khái quát về môi trường marketing 2.2. Môi trường marketing vĩ mô 2.3. Môi trường marketing vi mô Nội dung thảo luận: Môi trường Marketing</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 6-8, trang 98-127 Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 3, trang 81 - 120 Al Ries & Jack Trout (2017), 22 <i>Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp. (Rubric?)</p>	CLO 1 CLO 2 CLO 4 CLO 5	
2.2 (2,5 tiết)	<p>Chương 3: Hành vi khách hàng</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.1 Hành vi của người tiêu dùng 3.2. Hành vi của khách hàng tổ chức Nội dung thảo luận: Nghiên cứu hành vi khách hàng</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược</i> 	CLO 1 CLO 2 CLO 4 CLO 5	

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
	<p><i>cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 4-5, trang 58-97</p> <ul style="list-style-type: none"> Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 5 và 6, trang 161 - 132 Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)</p>		
3.1(2,5 tiết)	<p>Chương 4: Nghiên Cứu Marketing</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Khái niệm về nghiên cứu marketing 4.2. Các loại hình nghiên cứu 4.3. Quy trình nghiên cứu Nội dung thảo luận: Quy trình nghiên cứu marketing</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 26-27, trang 458-501 Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 4, trang 121 - 160 Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập nhóm tại nhà. (Rubric?)</p>	CLO 1 CLO 2 CLO 4 CLO 5	
3.2(2,5 tiết)	<p>Chương 5: Phân khúc thị trường - Lựa chọn thị trường mục tiêu - Định vị</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Phân khúc thị trường 5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu</p>	CLO 1 CLO 2 CLO 4 LO 5	

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
	<p>5.3. Định vị</p> <p>Nội dung thảo luận: Lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 9-11, trang 143 - 201 • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 7, trang 233 - 275 • Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?)</p>		
4(5 tiết)	<p>Chương 6: Sản Phẩm</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Khái niệm về sản phẩm 6.2. Các quyết định marketing về sản phẩm 6.3. Chiến lược sản phẩm mới 6.4. Chu kỳ sống của sản phẩm Nội dung thảo luận: Quy trình tạo ra sản phẩm mới</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 16, trang 268-282 • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 8 và 9, trang 276 - 354 • Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)</p>	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
5(5 tiết)	Chương 7: Định Giá Sản Phẩm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Khái niệm 7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến giá 7.3. Các phương pháp định giá 7.4. Các chiến lược giá 7.5 Quy trình định giá Nội dung thảo luận: Các chính sách giá của doanh nghiệp		
	B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ) <ul style="list-style-type: none"> • Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 24, trang 415-434 • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 10 và 11, trang 355 - 415 • Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM 	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)		
6(5 tiết)	Chương 8: Phân Phối		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 8.1. Khái niệm về phân phối 8.2. Kênh phân phối 8.3. Các trung gian phân phối 8.4. Chiến lược phân phối Nội dung thảo luận: Tình huống phân phối	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	
	B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ) <ul style="list-style-type: none"> • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 12 và 13, trang 416 - 493 • Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM 		

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)		
7(5 tiết)	Chương 9: Chiêu thị	CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 9.1. Khái niệm của chiêu thị 9.2. Xây dựng chương trình IMC 9.3 Các công cụ chiêu thị Nội dung thảo luận: Các chương trình khuyến mãi		
	B/ Các nội dung cần tự học: (12 giờ) <ul style="list-style-type: none"> • Don Sexton; Dịch: Hà Minh Hoàng, Huyền Trang (2018), <i>Marketing căn bản: Tất cả các thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ</i>, NXB Lao Động. Chương 17-23, trang 283 - 414 • Philip T. Kotler & Gary Armstrong (2018), <i>Principles of Marketing</i>, Pearson Education Limited. Chương 14, 15, 16 và 17, trang 494 - 636 • Al Ries & Jack Trout (2017), <i>22 Quy Luật Biến Trong Bất Marketing</i>, NXB Tổng Hợp TP.HCM 		
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Thảo luận nhóm(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)		
8(5 tiết)	Thuyết trình	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Các nhóm thuyết trình các đề tài giảng viên giao		
	B/ Các nội dung cần tự học: (12 giờ) Chuẩn bị bài thuyết trình		
	C/ Đánh giá kết quả học: Phương pháp đánh giá: (Rubric?) Thuyết trình tại lớp(Rubric?)		
9(5 tiết)	Ôn tập	CLO 1 CLO 2	
	A/ Các nội dung chính trên lớp Nội dung GD lý thuyết:		

Buổi	Nội dung	KQHTMD HP	Hoạt động trên lớp
	Ôn tập chương 1-9	CLO 3 CLO 5	
	B/ Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Các nội dung đã học		
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh(Rubric?) - Làm bài tập tại lớp(Rubric?)		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2012-2013
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 10 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: cập nhật tài liệu mới, cập nhật chuẩn đầu ra và ma trận chuẩn đầu ra.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 26. NHẬP MÔN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41058- NHẬP MÔN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 5

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Ngày nay, việc áp dụng hiệu quả Công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp là thiết yếu và vô cùng quan trọng. Môn học được xây dựng để trang bị cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến Hệ thống thông tin và Công nghệ thông tin. Đồng thời xác định rõ vai trò quan trọng của các hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Các định nghĩa và khái niệm cơ bản liên quan đến Hệ thống thông tin và Công nghệ thông tin
- Vai trò quan trọng của công nghệ thông tin trong kinh doanh thương mại toàn cầu và sự đóng góp của công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ ra các quyết định kinh doanh ở nhiều mức độ khác nhau
- Các xu hướng và hệ thống thông tin then chốt áp dụng cho doanh nghiệp như: Thương mại điện tử (e-Commerce), Quản lý mối quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management), Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning), hệ thống Quản lý chuỗi cung ứng (Supply Chain Management), Business Intelligence.

Về kỹ năng:

- Phân tích tầm quan trọng thiết yếu của công nghệ thông tin với hoạt động kinh doanh trong xu hướng hiện nay.
- Tự tìm hiểu để liên tục cập nhật các xu hướng ứng dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh trong thời đại ngày nay.

Về thái độ:

- Tự học, chủ động hơn trong học tập, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc đảm nhận, biết tôn trọng và hợp tác tốt với người khác.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày các thành phần của hệ thống thông tin và cách thức mà các thành phần làm việc với nhau để tạo thành hệ thống thông tin.	1
CELO2	Giải thích rõ tầm quan trọng của hệ thống thông tin quản lý trong kinh doanh.	2
CELO3	Giải thích vai trò then chốt của việc quản lý và khai thác giá trị của dữ liệu để hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh của các cấp trong tổ chức.	2
CELO4	Trình bày các hệ thống thông tin cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các hệ thống này bao gồm như: e Commerce, ERP, SCM	3
Kỹ năng		
CELO5	Phân tích rõ vai trò của việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp, những lợi ích đem lại và các vấn đề đi kèm.	4
CELO6	Tự tìm hiểu và chia sẻ các xu hướng ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại ở Việt Nam và thế giới	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		

CELO7	Có tinh thần hợp tác tốt và ý thức trách nhiệm cao trong công việc đảm nhận	3
-------	---	---

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày các thành phần của hệ thống thông tin và cách thức mà các thành phần làm việc với nhau để tạo thành hệ thống thông tin.	ELO6
CELO2	Giải thích rõ tầm quan trọng của hệ thống thông tin quản lý trong kinh doanh.	ELO2
CELO3	Giải thích vai trò then chốt của việc quản lý và khai thác giá trị của dữ liệu để hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh của các cấp trong tổ chức.	ELO4
CELO4	Trình bày các hệ thống thông tin cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp và mối quan hệ giữa các hệ thống này bao gồm như: e Commerce, ERP, SCM	ELO8
Kỹ năng		
CELO5	Phân tích rõ vai trò của việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp, những lợi ích đem lại và các vấn đề đi kèm.	ELO4,8
CELO6	Tự tìm hiểu và chia sẻ các xu hướng ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại ở Việt Nam và thế giới	ELO9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Có tinh thần hợp tác tốt và ý thức trách nhiệm cao trong công việc đảm nhận	ELO11 ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	S	N	S	N	H	N	H	H	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Blended Learning
- Thảo luận / thảo luận theo nhóm

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Tự học & Đặt câu hỏi để tìm giải pháp
- Làm việc nhóm
- Nghe giảng trên lớp

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành online và tại lớp (nếu có)
- Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện các bài tập, bài kiểm tra trong mỗi buổi học, không sao chép bài của người khác, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần. Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ không được chấm bài thi và mặc nhiên được chấm điểm 0 cho bài thi đó. Sinh viên vắng học buổi không lý do thì bài kiểm tra buổi đó được tính điểm 0, nếu vắng có lý do hợp lý thì sẽ kiểm tra bổ sung.
- Sinh viên khi học online phải chuẩn bị nơi yên tĩnh để học, đường truyền mạng ổn định, máy tính có micro và webcam để tương tác với giảng viên, phải tham dự suốt buổi học, có điểm danh mỗi buổi học online.
- Nếu học tại lớp, sinh viên không sử dụng điện thoại trong giờ học, không làm việc riêng.
- Tôn trọng, lễ phép với Thầy Cô và hòa nhã cộng tác tốt với bạn học.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Báo cáo nhóm	Kiểm tra cá nhân	Thi cuối kỳ		
CELO1	X	X	X	- Báo cáo nhóm - Kiểm tra cá nhân - Thi kết hợp trắc nghiệm và tự luận cuối kỳ đề mở.	- Tuần 9, 10,11 - Cuối mỗi bài - Cuối khóa
CELO2	X	X	X		
CELO3	X	X	X		
CELO4	X	X	X		
CELO5	X	X	X		

CELO6	X			
CELO7	X	X	X	

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Báo cáo nhóm	35%	
2	Kiểm tra cá nhân	15%	
3	Thi cuối học kỳ	50%	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Mức chất lượng			
----------------	--	--	--

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- TS.Trần Thị Song Minh (2019), Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý, NXB ĐH Kinh Tế Quốc dân.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.11 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bourgeois, D. T. (2019). Information systems for business and beyond

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
1.1 (2,5 tiết)	Bài mở đầu: Giới thiệu môn học	CELO1 CELO2
	Bài 1: Information Systems in Business Today	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Giới thiệu nội dung môn học - Giới thiệu Moodle môn học - Information Systems in Business Today	
	Nội dung thảo luận: - Information Systems in Business Today	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Chuẩn bị e-book giáo trình chính: Information systems for business and beyond (2019).	

	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 2, 3</i>	
1.2 (2,5 tiết)	Bài 2: The People in Information Systems	CELO1 CELO2 CELO5
	A. Nội dung - Sinh viên xem tài liệu + video trên trang eLearning - Hoàn thành bài Quiz 1	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 2, 3</i>	
2.1(2,5 tiết)	Bài 3: Business Process	CELO1 CELO2 CELO5 CELO6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Define the term business process. - Understand the tools of documentation of business processes; - Identify the different systems needed to support business processes in an organization; - Explain the value of an enterprise resource planning (erp) system; - Explain how business process management and business process reengineering works. - Understand how information technology combined with business processes can bring an organization competitive advantage. - Define what an information system is by identifying its major components.	
	GIỚI THIỆU BÀI TẬP NHÓM - Thành lập nhóm - Quy tắc làm việc nhóm	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc Chapter 8 Textbook	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2, 3</i>	
2.2 (2,5 tiết)	Bài 4: Hardware & Software Bài 5: Network and Communication	CELO 1 CELO 2
	A. Nội dung - Sinh viên xem tài liệu + video trên trang eLearning - Hoàn thành bài Quiz 2, Quiz 3	
	C. Đánh giá kết quả học tập - Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 2, 3</i>	
3.1(2,5 tiết)	Bài 6: Information Systems Security	CELO 1 CELO 2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Identify the information security triad.	

	<ul style="list-style-type: none"> - Identify and understand the high-level concepts surrounding information security tools. - Secure yourself digitally describe organizational networking. - Questions: chapter 6 textbook 	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chapter 6 Textbook 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2, 3</i></p>	
3.2(2,5 tiết)	<p>Bài 7: Data Management</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Describe the differences between data, information, and knowledge - Describe why database technology must be used for data resource management - Define the term database and identify the steps to creating one - Describe the role of a database management system - Describe the characteristics of a data warehouse. - Define data mining and describe its role in an organization <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc Chapter 4 Textbook <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2, 3</i></p>	CELO 3
4.1(2,5 tiết)	<p>HƯỚNG DẪN & KIỂM TRA TIẾN ĐỘ BÀI TẬP NHÓM</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tiến độ chuẩn bị bài tập nhóm của sinh viên. - Giải đáp thắc mắc - Định hướng và hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài tập nhóm <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họa nhóm và tiếp tục thực hiện bài tập nhóm <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 3</i></p>	CELO 7
4.2(2,5 tiết)	<p>Bài 8: Key System Applications in Digital Age</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - E-Commerce - Customer Relationship Management (CRM) - Enterprise Resources Planning (ERP) - Managing Knowledge and Artificial Intelligence (AI) - Data-driven Decision-Making Systems <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc slide 	CELO 1 CELO 4 CELO 5

	Làm bài tập nhóm	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2, 3</i>	
5.1(2,5 tiết)	Bài 8: Key System Applications in Digital Age (cont)	CELO 1 CELO 4 CELO 5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - E-Commerce - Customer Relationship Management (CRM) - Enterprise Resources Planning (ERP) - Managing Knowledge and Artificial Intelligence (AI) - Data-driven Decision-Making Systems	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc slide - Làm bài tập nhóm	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2, 3</i>	
5.2(2,5 tiết)	HƯỚNG DẪN & KIỂM TRA TIẾN ĐỘ BÀI TẬP NHÓM (tiếp theo)	CELO 7
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Kiểm tra tiến độ chuẩn bị bài tập nhóm của sinh viên. - Giải đáp thắc mắc - Định hướng và hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài tập nhóm	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Hẹp nhóm và tiếp tục thực hiện bài tập nhóm	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 3</i>	
6,7(10 tiết)	BÁO CÁO BÀI TẬP NHÓM	CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7
	A. Nội dung trên lớp: - Sinh viên báo cáo bài tập nhóm.	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (27 giờ) Hoàn tất bài tập nhóm và chuẩn bị báo cáo	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 3</i>	
8(5 tiết)	Bài 9: Information Systems Development	CELO 1 CELO 2
	A. Nội dung - Sinh viên xem tài liệu + video trên trang eLearning - Hoàn thành bài Quiz 4	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 2, 3</i>	

9(5 tiết)	Bài 10: Trends in Information Systems & Course Summary	CELO 1 CELO 2 CELO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - describe current trends in information systems - know how to think about the impacts of changes in technology on society and culture - Course summary	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc slide - Ôn tập	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <i>Rubric 1, 2</i>	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2020-2021
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:


+ Cập nhật giáo trình tiếng việt

+ Cập nhật kế hoạch giảng dạy theo điều chỉnh 12 tuần + kết hợp phương pháp Blended Learning

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 27. NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41060- NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước:

- Toán ứng dụng trong kinh doanh,
- Lý thuyết xác suất và thống kê toán,

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 4

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: Toán
- Khoa: Đại cương

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Trần Dương Minh Chuyên
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Nguyễn Văn Buôn
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của xác suất dùng trong thống kê như biến ngẫu nhiên và đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất thông dụng, khái niệm cơ bản nguyên lý thống kê, đặc trưng số trong thống kê mô tả, các kỹ thuật trong thống

kê suy diễn như ước lượng khoảng và kiểm định giả thuyết cho tham số tổng thể, tính toán cho mô hình hồi quy hai biến và xây dựng các mô hình dự báo cơ bản trong chuỗi thời gian. Học phần cung cấp kỹ năng cho sinh viên sử dụng phần mềm Excel để tính toán thống kê. Đồng thời sinh viên có thái độ tích cực trong tư duy logic, tổ chức công việc cá nhân, làm nhóm và hình thành đức tính cẩn thận, trung thực, trách nhiệm trong công việc.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nền tảng lý thuyết xác suất dùng trong thống kê, kiến thức về thống kê mô tả trong việc phân tích, tính toán các đặc trưng của dữ liệu, kiến thức về thống kê suy diễn trong tính toán khoảng ước lượng, lập mô hình kiểm định, mô hình hồi quy và đưa ra mô hình dự báo đơn giản. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng môn học vào các môn chuyên ngành cũng như tham gia trình độ đào tạo sau đại học.

Về kỹ năng:

Ngoài kiến thức, môn học còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy logic, tư duy phản biện, tính toán, phân tích, sử dụng phần mềm Excel trong phân tích thống kê và kỹ năng làm việc nhóm.

Về thái độ:

Đồng thời giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xác định, phân loại được các kiến thức căn bản trong nguyên lý thống kê, trong bài toán ước lượng khoảng tham số, trong thiết lập mô hình kiểm định giả thiết thống kê, trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình dự báo chuỗi thời gian.	4
CELO2	Tính toán được các đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối thông dụng. Tính toán được các đặc trưng số trong thống kê mô tả. Tính toán các tham số căn bản trong mô hình ước lượng khoảng, mô hình kiểm định, mô hình hồi quy hai biến và mô hình dự báo chuỗi thời gian	2
CELO3	Giải quyết các bài toán thống kê bao gồm lý giải, đánh giá, phân tích đặc trưng của dữ liệu, kết hợp với quy luật phân phối xác suất, đưa ra kết luận dùng trong các vấn đề ước lượng, kiểm định và dự báo cho một vấn đề thống kê thực tiễn.	3
Kỹ năng		

CELO4	Vận dụng kỹ năng tính toán và phân tích để xây dựng các bài toán thống kê theo sự hướng dẫn. Vận dụng lý thuyết vào trong kỹ năng sử dụng phần mềm Excel.	3
CELO5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm thể hiện vai trò lãnh đạo tổ chức công việc cho nhóm hay vai trò là thành viên trong nhóm biết cách thức thực hiện công việc và phối hợp với các thành viên khác.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tuân thủ nội quy nhà trường. Thể hiện ý thức tự rèn luyện học tập thường xuyên và nghiên cứu để củng cố kiến thức, thường xuyên lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xác định, phân loại được các kiến thức căn bản trong nguyên lý thống kê, trong bài toán ước lượng khoảng tham số, trong thiết lập mô hình kiểm định giả thiết thống kê, trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình dự báo chuỗi thời gian.	ELO1, 9
CELO2	Tính toán được các đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các quy luật phân phối thông dụng. Tính toán được các đặc trưng số trong thống kê mô tả. Tính toán các tham số căn bản trong mô hình ước lượng khoảng, mô hình kiểm định, mô hình hồi quy hai biến và mô hình dự báo chuỗi thời gian	ELO1, 9
CELO3	Giải quyết các bài toán thống kê bao gồm lý giải, đánh giá, phân tích đặc trưng của dữ liệu, kết hợp với quy luật phân phối xác suất, đưa ra kết luận dùng trong các vấn đề ước lượng, kiểm định và dự báo cho một vấn đề thống kê thực tiễn.	ELO8, 9
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng kỹ năng tính toán và phân tích để xây dựng các bài toán thống kê theo sự hướng dẫn. Vận dụng lý thuyết vào trong kỹ năng sử dụng phần mềm Excel.	ELO6, 8
CELO5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm thể hiện vai trò lãnh đạo tổ chức công việc cho nhóm hay vai trò là thành viên trong nhóm biết cách thức thực hiện công việc và phối hợp với các thành viên khác.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tuân thủ nội quy nhà trường. Thể hiện ý thức tự rèn luyện học tập thường xuyên và nghiên cứu để củng cố kiến thức, thường xuyên lên lớp đầy đủ và chuẩn bị cho giờ lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
H	N	N	N	H	S	N	S	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng trên lớp hướng dẫn sinh viên làm việc, thảo luận nhóm.
- Giảng dạy online, cung cấp video bài giảng trên trang học trực tuyến.
- Hướng dẫn sinh viên bài tập trực tuyến qua MS Teams.

7.2 Phương pháp học tập

- Các phương pháp học tập gồm:
- Sinh viên tham gia nghe giảng, tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Sinh viên xem các video bài giảng trên website của khoá học.
- Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời câu hỏi, làm bài tập luyện tập.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;
- Phải đi học đúng giờ theo quy định. Nếu đi trễ quá 10 phút sinh viên không được vào lớp.
- Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng 6 - 8 SV), tự giác tổ chức các hoạt động nhóm để hoàn thành yêu cầu của giảng viên.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, như: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.
- Ghi danh vào lớp học trên trang E-learning và lớp học trên MS Teams, theo dõi thông báo và chuẩn bị công việc theo yêu cầu giảng viên.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài kiểm tra cuối chương (30%)	Bài tập nhóm (10%)	Thi cuối kỳ (60%)		
CLO 1	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. - Cuối kỳ
CLO 2	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. Cuối kỳ
CLO 3	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. - Cuối kỳ
CLO 4	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. - Cuối kỳ
CLO 5	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. - Cuối kỳ
CLO 6	X	X	X	- Bài tập cuối chương tự luận, trắc nghiệm. - Bài tập nhóm - Thi tự luận cuối kỳ đề mở 75'	- Cuối chương. - Trong quá trình học. - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Kiểm tra cuối chương (30%) Bài tập nhóm (10%)	40%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận, được sử dụng tài liệu, 75'	60%	Không bị điểm liệt (0đ)
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
--	---------	-------------	-----------------

Dạng câu hỏi	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Thống kê trong kinh tế và kinh doanh, Anderson – Sweeney – Williams, Hoàng Trọng (chủ biên dịch), NXB Hồng Đức 2017.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.12 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Nguyên lý thống kê (lý thuyết thống kê), GVC.TS Nguyễn Thị Hồng Hà, NXB Phương Đông, 2011.

- Phân tích dữ liệu với R, Nguyễn Văn Tuấn, NXB Tổng Hợp, 2020.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
1 (5 tiết)	Giới thiệu môn học và Chương 1 : Biến ngẫu nhiên	CLO1 CLO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Khái niệm phân loại biến ngẫu nhiên. - Biểu diễn biến ngẫu nhiên : Bảng phân phối xác suất (biến ngẫu nhiên rời rạc); hàm mật độ xác suất (biến ngẫu nhiên liên tục). - Các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên (Kỳ vọng; phương sai) Nội dung thảo luận: - Bài tập chương 1	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) - Đọc chương 2. - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu 1. Chương 4,5 [1] 2. Chương 5, Mục 5.1, 5.2, 5.3 [2]	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra.	
	Chương 2 : Các quy luật phân phối xác suất thông dụng	CLO1

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
2(5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Biến ngẫu nhiên rời rạc : Phân phối nhị thức và phân phối Poisson. - Biến ngẫu nhiên liên tục : Phân phối chuẩn, phân phối Chi bình phương, phân phối Student. Nội dung làm bài tập/thảo luận - Bài tập chương 2	CLO2 CLO4
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc chương 3 Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu: 1. Chương 5,6 [1] 2. Chương 5, Mục 5.4, 5.5, và Chương 6 [2]	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra.	
	Chương 3 : Nguyên lý thống kê : các khái niệm cơ bản.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (phần tự đọc) - Quy trình thống kê. - Các khái niệm cơ bản trong thống kê. - Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê. Nội dung làm bài tập/thảo luận - Bài tập chương 3	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc chương 4. - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu 1. Chương 1,2 [1] 2. Chương 1,2 [2]	
C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra.		
3(5 tiết)	Chương 4 : Thống kê mô tả : Các đại lượng số	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Các đại lượng đo lường mức độ tập trung dữ liệu: Trung bình, trung vị, yếu vị. - Các đại lượng đo lường mức độ phân tán dữ liệu: khoảng biến thiên, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên. - Các đại lượng đo lường hình dáng phân phối, vị trí tương đối của dữ liệu: phân vị, tứ phân vị, giá trị z, quy tắc Chebyshev.	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 4 <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc chương 5. - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 3 [1] 2. Chương 4 [2] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra. 	
4(5 tiết)	<p>Chương 5 : Ước lượng khoảng</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng khoảng tin cậy cho trung bình tổng thể. - Ước lượng khoảng tin cậy cho giá trị tỷ lệ. - Ước lượng khoảng tin cậy cho phương sai tổng thể. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 5. <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc chương 5. - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 8 [1] 2. Chương 7, Mục 7.1, 7.2, 7.3, [2] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
5(5 tiết)	<p>Chương 6 : Kiểm định giả thuyết thống kê</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định cho 1 trung bình tổng thể. - Kiểm định cho 1 tỷ lệ tổng thể. - Kiểm định cho 1 phương sai tổng thể. - Kiểm định cho 2 trung bình tổng thể. - Kiểm định cho 2 tỷ lệ tổng thể. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập chương 6. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc chương 7. - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 9,10[1] 2. Chương 8[2] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra. 	
6(5 tiết) 7(5 tiết)	<p>Chương 7 : Mô hình hồi quy 2 biến.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm cơ bản Mô hình hồi quy 2 biến. - Phương pháp bình phương tối thiểu ước lượng hệ số hồi quy. - Ước lượng và kiểm định cho mô hình hồi quy. - Dự báo bằng mô hình hồi quy. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <p>Làm bài tập chương 7.</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 11 [1] 2. Chương 11 [2] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
8(5 tiết) 9(5 tiết)	<p>Chương 8 : Chuỗi thời gian và dự báo trên chuỗi thời gian</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản chuỗi thời gian. - Các phương pháp dự báo cơ bản (dự báo bằng lượng tăng giảm tuyệt đối trung bình, tốc độ phát triển trung bình) - Các phương pháp làm trơn (trung bình trượt, san bằng mũ, hàm xu thế tuyến tính) <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <p>Làm bài tập chương 8.</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo các mục tương ứng trong phần đọc với tài liệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương 14 [1] 2. Chương 14 [2] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, hướng dẫn làm bài tập, làm việc nhóm. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	- Chấm điểm bài tập theo Rubric do giảng viên đưa ra.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2019-2020
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2020-2021
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Cập nhật nội dung học phần: bổ sung chương 7 – Mô hình hồi quy 2 biến.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Sơn

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Dương Minh Chuyên

ĐCCT HP 28. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81031- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Thống kê trong Kinh doanh

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8 hoặc 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: PGS.TS. Nguyễn Quốc Ý
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Hà Kiên Tân
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 10 bài học, được thể hiện trong 3 phần chính. Phần 1 giới thiệu về một nghiên cứu trong quản trị kinh doanh và cách xác định câu hỏi/ vấn đề nghiên cứu; Cách viết một đề cương

nghiên cứu (Research Proposal); Xây dựng cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu và Lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp. Phần 2 giới thiệu về phương pháp nghiên cứu định tính và Phương pháp nghiên cứu định lượng. Phần 3 thảo luận về các chủ đề: Đạo đức trong nghiên cứu; và Cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Khóa học này nhằm mục đích Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết tốt về nghiên cứu trong Quản trị kinh doanh

Về kỹ năng:

Trang bị cho sinh viên các công cụ và kỹ năng thực tế để thực hiện các nghiên cứu kinh doanh

Về thái độ:

Nhận thức được các khía cạnh đạo đức trong nghề nghiệp, tác phong công nghiệp. Tự chủ với quyết định cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xác định được vấn đề nghiên cứu hay giả thiết nghiên cứu	1
CELO2	Áp dụng được hai phương pháp tiếp cận chính trong nghiên cứu là định lượng và định tính	3
CELO3	Lập được kế hoạch và thu thập dữ liệu cho một dự án nghiên cứu	5
CELO4	Đánh giá được thế nào là một nghiên cứu tốt thông qua độ tin cậy và độ giá trị	6
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng thực hiện và viết một tổng quan lý thuyết để xây dựng nền tảng lý thuyết phù hợp với vấn đề nghiên cứu	4
CELO6	Có kỹ năng cơ bản để viết và trình bày kết quả một nghiên cứu	4
CELO7	Có kỹ năng cơ bản để phân tích dữ liệu định tính và định lượng	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Xác định được các vấn đề về đạo đức trong nghiên cứu và sự cần thiết phải tuân thủ các hướng dẫn đạo đức khi tiến hành nghiên cứu	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xác định được vấn đề nghiên cứu hay giả thiết nghiên cứu	ELO4, ELO8
CELO2	Áp dụng được hai phương pháp tiếp cận chính trong nghiên cứu là định lượng và định tính	ELO9
CELO3	Lập được kế hoạch và thu thập dữ liệu cho một dự án nghiên cứu	ELO7
CELO4	Đánh giá được thế nào là một nghiên cứu tốt thông qua độ tin cậy và độ giá trị	ELO8
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng thực hiện và viết một tổng quan lý thuyết để xây dựng nền tảng lý thuyết phù hợp với vấn đề nghiên cứu	ELO8
CELO6	Có kỹ năng cơ bản để viết và trình bày kết quả một nghiên cứu	ELO5, ELO8
CELO7	Có kỹ năng cơ bản để phân tích dữ liệu định tính và định lượng	ELO9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Xác định được các vấn đề về đạo đức trong nghiên cứu và sự cần thiết phải tuân thủ các hướng dẫn đạo đức khi tiến hành nghiên cứu	ELO10

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
N	N	N	S	S	N	S	H	H	S	N	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;

- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ, phương pháp WISE...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình;
- Trực tuyến: Chiếm 30%/ Tổng thời lượng giảng dạy

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập (tại lớp hoặc trực tuyến) bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Tham gia trên lớp (10%)	Bài tập Cá nhân (30%)	Bài tập Nhóm (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1		X	X	X	- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1);	- Cuối mỗi chương; - Hàng tuần - Thi Cuối kỳ

					- Bài tập Cá Nhân (Rubric 2); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);	
CLO2		X	X	X	- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);	- Hàng tuần - Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân) - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm) - Thi Cuối kỳ
CLO3	-	X	X	-	- Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3);	- Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân) - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm)
CLO4		X	X	X	- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);	- Hàng tuần - Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân) - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm) - Thi Cuối kỳ

CLO5		X	X		- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2);	- Hàng tuần; - Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân)
CLO6	-	X	X	-	- Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);	- Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân) - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm)
CLO7		X	X	-	- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3);	- Hàng tuần - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm)
CLO8	X	X	X	-	- Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3);	- Hàng tuần - Tuần 8 (nộp bài tập cá nhân) - Tuần 14, 15 (Nộp và trình bày BT Nhóm)

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Tham gia trên lớp	10%	
2	Bài tập cá nhân	30%	Hướng dẫn và thời hạn nộp bài xem trong mục 6.4.2

3	Bài tập nhóm	20%	Thời hạn nộp bài và trình bày: Hướng dẫn và thời hạn nộp bài xem trong mục 6.4.2
4	Thi cuối kỳ	40%	Thi tự luận theo lịch của P. Đào Tạo; thời gian 90 phút. Sinh viên được tham khảo tài liệu.
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Đinh Phi Hồ (2020). *Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế*. NXB Tài chính

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.13 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Vũ Cao Đàm (2016) *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của HP	
	Giới thiệu chung về môn học		
	Chương 1: Research in Business		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Research in Business	CLO1	Lecturing
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà:		

1.1 (2,5 tiết)	Đọc sách giáo trình chương 1, đọc tài liệu tham khảo chương 1.		Exercise 1: Research interest
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 4) 		
1.2(2,5 tiết)	Chương 2: Ethical consideration in business research Chương 3: Thinking like Researcher		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Ethical consideration in business research Thinking like Researcher	CLO1, CLO4	Lecturing Exercise 1: Research interest Thảo luận bài tập nhóm
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình chương 2, 3		
C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp trên lớp Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 4) 			
2.1 (2,5 tiết)	Chương 4: Research Process & Proposal Chương 5: The Role of Theory in Research		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:		Lecturing

	<p>Chapter 3: Research Process & Proposal</p> <p>Chapter 4: The Role of Theory in Research</p>	<p>CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>	<p>Exercise 2:</p> <p>Research topic</p> <p>Thảo luận BT</p> <p>Nhóm</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Đọc sách giáo trình chương 3,4 đọc tài liệu tham khảo chương 1, 3</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Hình thức học: Trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4); 		
2.2(2,5 tiết)	Chương 6: Research Design		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>Research Design</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4</p>	<p>Lecturing</p> <p>Exercise 3:</p> <p>Research Design</p> <p>Thảo luận Bài tập nhóm</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Giáo trình: Chapter 5, 6</p> <p>Tham khảo: Chapter 3</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Hình thức học: Trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4); 		
3(5 tiết)	CHƯƠNG 7: Qualitative Methodology		

	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Qualitative Methodology</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>Lecturing Exercise 4: Interview skills practice Thảo luận BT Nhóm</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giáo trình: Chapter 7 Tham khảo: Chapter 5</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4); 		
4.1 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 8. Quantitative Methodology – Surveying		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Quantitative Methodology – Surveying</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, , CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>Lecturing Exercise 5: Research Hypotheses Thảo luận BT Nhóm</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình chương 10, Sách tham khảo: Chương 6</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trên lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4); 		
Thảo luận và Phản hồi về BT Cá nhân			

4.2(2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:	CLO2, CLO4, CLO8	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình (3) chương 7		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức: Trực tuyến Phương pháp đánh giá: Bài tập cá nhân (Rubric 2);		
5.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 9. Measurement and Questionnaire Design		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Measurement and Questionnaire Design	CLO2, CLO3, CLO4, , CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	Lecturing Exercise 7: Questionnaires design with googledoc Thảo luận BT Nhóm
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc sách giáo trình chương 11,12,13, Sách tham khảo: Chương 6		
C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trên lớp - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);			
5.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 10: Sampling methods for quantitative studies		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Sampling methods for quantitative studies	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	Lecturing Exercise 8: Sampling Thảo luận BT Nhóm
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc sách giáo trình chương 14		
C. Đánh giá kết quả học tập			

	Hình thức học: Trên lớp - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);		
6.1 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 11: Data Analysis		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Data Screening and Preparation Descriptive statistics Hypothesis testing Measures of association Multivariable analysis	CLO2, CLO3, CLO4, , CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	Lecturing Thảo luận BT Nhóm
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc giáo trình chương 15, 16, 17, 18		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trên lớp - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3); - Thi Cuối kỳ (Rubric 4);		
6.2 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 11: Data Analysis - LAB		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Thực hành phần mềm SPSS	CLO2, CLO6, CLO7	Bài tập 9: Phân tích dữ liệu
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tuyến - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3);		
7 (5 tiết)	Chương 12: Writing a report		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Nội dung thảo luận: Các câu hỏi thảo luận có liên quan	CLO6, CLO8	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc sách chương 19, 20 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 3);		

8(5 tiết)	Group Presentation		
9(5 tiết)	ÔN TẬP_NHẮC NHỞ Hình thức tổ chức: Tập trung Phương pháp đánh giá: Rubric 4		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Kiên Tân

ĐCCT HP 29. KINH DOANH QUỐC TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41010- KINH DOANH QUỐC TẾ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 15 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực, Quản trị Marketing.

1.5. Học phần học trước: Kinh tế Vĩ mô

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Phạm Vũ Hồng Ân
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Hiểu biết rộng về môi trường kinh doanh quốc tế là điều cần thiết cho việc ra quyết định kinh doanh.

Môn học này giới thiệu cho sinh viên về bản chất đa diện của kinh doanh quốc tế và xây dựng nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn bằng cách cung cấp một bài kiểm tra đa ngành về các vấn đề mà các công ty phải đối mặt trên thị trường quốc tế. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về môi trường kinh doanh

quốc tế bao gồm thương mại và đầu tư toàn cầu, môi trường pháp lý, cơ cấu tổ chức, thực tiễn quản lý và chiến lược của công ty. Sinh viên hợp tác làm việc với nhau để phân tích và nghiên cứu các tình huống kinh doanh quốc tế và những thách thức của toàn cầu hóa trong các bối cảnh được lựa chọn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Giải thích được những thách thức mà doanh nghiệp gặp phải trong xu thế toàn cầu hóa kinh doanh.
- Người học biết vận dụng những kiến thức cơ bản về thương mại toàn cầu, thị trường tài chính quốc tế, cùng những hình thức đầu tư chuyển giao của các công ty đa quốc gia.
- Làm rõ được về chiến lược, phương thức quản trị doanh nghiệp toàn cầu của các công ty đa quốc gia, qua đó giúp sinh viên nắm vững cách thức mà một công ty thành công trong hoạt động thương mại quốc tế phải được tổ chức như thế nào.

Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.
- Phát triển kỹ năng chủ động, phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế kinh doanh quốc tế

Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn .

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	- Phân tích được những thách thức mà doanh nghiệp gặp phải trong xu thế toàn cầu hóa kinh doanh.	4
CELO2	- Vận dụng những kiến thức cơ bản về thương mại toàn cầu, thị trường tài chính quốc tế, cùng những hình thức đầu tư chuyển giao của các công ty đa quốc gia.	3
CELO3	- Hiểu được chiến lược, phương thức quản trị doanh nghiệp toàn cầu của các công ty đa quốc gia.	2
Kỹ năng		

CELO4	- Vận dụng kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	3
CELO5	- Vận dụng kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế kinh doanh thương mại dịch vụ.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	- Hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	- Phân tích được những thách thức mà doanh nghiệp gặp phải trong xu thế toàn cầu hóa kinh doanh.	ELO 2, 8
CELO2	- Vận dụng những kiến thức cơ bản về thương mại toàn cầu, thị trường tài chính quốc tế, cùng những hình thức đầu tư chuyển giao của các công ty đa quốc gia.	ELO 2, 4
CELO3	- Hiểu được chiến lược, phương thức quản trị doanh nghiệp toàn cầu của các công ty đa quốc gia.	ELO 2
Kỹ năng		
CELO4	- Vận dụng kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	ELO 5
CELO5	- Vận dụng kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế kinh doanh thương mại dịch vụ.	ELO 4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	- Hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn	ELO 11,12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	H	N	H	H	N	N	H	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên thuyết giảng trực tuyến (online) chiếm 30% và trực tiếp (offline) chiếm 70%.

- Tổ chức thảo luận, nhận xét và đánh giá kết quả hoạt động của sinh viên trên lớp.
- Hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận nhóm, đề tài cá nhân.
- Giả lập các tình huống phát sinh để hướng dẫn sinh viên cách giải quyết

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên cần học tập tích cực và tham gia phát biểu trong lớp
- Sinh viên cần tham khảo tài liệu bài giảng trước khi đến lớp
- Sinh viên cần làm bài tập ứng dụng

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên được yêu cầu tham khảo tài liệu trước khi đến lớp
- Làm bài tập về nhà để củng cố kiến thức
- Sinh viên phải tham dự lớp đầy đủ
- Làm việc nhóm
- Tham dự thi cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (5%)	Hỏi đáp, phát biểu (5%)	Làm việc nhóm (10%)	Thuyết trình giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (60%)		
CLO 1		X	X	X	X	- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Thuyết trình giữa kỳ - Thi trắc nghiệm + tự luận cuối kỳ đề đóng, 75 phút	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8 - Cuối kỳ
CLO 2			X	X	X	- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Bài làm nhóm - Thuyết trình giữa kỳ	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8 - Cuối kỳ

						- Thi trắc nghiệm +tự luận cuối kỳ đề đóng, 75 phút	
CLO 3		X	X	X	X	- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Bài làm nhóm - Thuyết trình giữa kỳ - Thi trắc nghiệm +tự luận cuối kỳ đề đóng, 75 phút	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8 - Cuối kỳ
CLO 4		X	X			- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Bài làm nhóm - Thuyết trình giữa kỳ - Thi trắc nghiệm +tự luận cuối kỳ đề đóng, 75 phút	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8 - Cuối kỳ
CLO 5		X	X	X	X	- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Bài làm nhóm	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8
CLO 6	X	X	X	X		- Bài kiểm tra thường xuyên hoặc điểm danh - Bài làm nhóm	- Cuối chương - Hàng tuần - Tuần 7,8

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp, kiểm tra thường xuyên, thảo luận, thuyết trình, bài tập lớn, tiểu luận.	40%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, hoặc đồ án	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Hill WLC (2014), Kinh doanh Quốc tế Hiện đại, TpHCM: NXB UEH (bản dịch tiếng Việt của cuốn Global Business Today 8Ed đã được UEH mua bản quyền)

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.14 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Nguyễn Văn Dung (2007), Quản trị kinh doanh quốc tế, TpHCM: NXB Thống kê.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
1.1 (2,5 tiết)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC và Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ	CLO 1 CLO 2 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Giới thiệu đề cương môn học - Thảo luận về phương pháp học môn Kinh doanh quốc tế <ul style="list-style-type: none"> Hiểu sự khác biệt giữa kinh doanh quốc tế (KDQT) so với kinh doanh nội địa (KDND) Nắm được ý nghĩa của “Toàn cầu hóa” (TCH) trong KDQT Nội dung làm bài tập/thảo luận: (30 phút) Thảo luận nhóm nhỏ	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc lại chương 1: Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận	
1.2(2,5 tiết)	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ (tiếp theo)	CLO 1 CLO 2 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nhận dạng các yếu tố thúc đẩy TCH Nêu được thuận lợi và khó khăn của TCH Hiểu được lý do các doanh nghiệp tham gia hoạt động KDQT Nội dung làm bài tập/thảo luận: (30 phút) Thảo luận nhóm nhỏ	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc: Chương lại chương 1 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Kiểm tra các bài đọc của tuần thứ nhất. - Bài tập thu hoạch nhóm nhỏ tại lớp	
2.1(2,5 tiết)	Chương 2: CÁC LÝ THUYẾT VỀ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	CLO 2 CLO 3 CLO 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Các học thuyết thương mại 	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> • Hàm ý của các học thuyết đối với thực tiễn kinh doanh • FDI trong nền kinh tế • Lý thuyết về FDI • Tác động của FDI <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tại lớp <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 2 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình nhóm lấy điểm 	
2.2(2,5 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3: HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các cấp độ hội nhập khác nhau • Mô tả được lịch sử hình thành, mục đích của 1 số khu vực kinh tế quan trọng <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tại lớp <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 3: Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đánh giá: - Thuyết trình tại lớp lấy điểm 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6
3.1(2,5 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3: HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC (tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết được tác động của các khu vực kinh tế đến quá trình hoạt động kinh doanh quốc tế của các DN <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thảo luận tại lớp</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 3 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình tại lớp lấy điểm 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6
	Chương 4 – MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA	CLO1

Buổi	Nội dung	CDR của HP
3.2(2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Giải thích ý nghĩa của văn hóa • Hiểu các yếu tố tạo nên văn hóa Nội dung làm bài tập/thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tại lớp 	CLO2 CLO3 CLO6
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 4 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Bài tập thực hành tại lớp 	
4(5 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	A. Nội dung: kiểm tra Từ chương 1 đến chương 4: Thuyết trình	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan	
5.1(2,5 tiết)	Chương 4: MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA (tiếp theo)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được 5 khuynh hướng văn hóa của Hofstede • Nắm được ý nghĩa của việc nghiên cứu văn hóa đối với nhà quản trị 	
	Nội dung làm bài tập/thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận tại lớp và bài tập 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 4 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan 	
5.2(2,5 tiết)	Chương 5 – MÔI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ, LUẬT PHÁP, KINH TẾ	CLO2 CLO5 CLO6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Nắm bắt được các khái niệm liên quan đến hệ thống chính trị, hệ thống luật pháp, kinh tế • Hiểu được các rủi ro trong kinh doanh quốc tế xuất phát từ chế độ chính trị 	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 5 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận 	
6.1(2,5 tiết)	Chương 5 – MÔI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ, LUẬT PHÁP, KINH TẾ (Tiếp theo)	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các rủi ro trong kinh doanh quốc tế xuất phát từ hệ thống pháp luật của 1 quốc gia • Hiểu được các rủi ro xuất phát từ môi trường kinh tế • Vận dụng các giải pháp quản lý rủi ro liên quan đến MT Chính trị <p>- Luật pháp – Kinh tế vào thực tiễn hoạt động của DN</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thảo luận nhóm nhỏ</p>	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 5 (tiếp theo) - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận 	
6.2(2,5 tiết)	Chương 6: Môi trường Tài chính	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết được các thông tin về hệ thống tiền tệ và hệ thống tài chính <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thảo luận nhóm nhỏ</p>	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại chương 6 - Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan 	
<p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận 		
7(5 tiết)	Chương 7 – CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ CỦA CÁC CÔNG TY ĐA QUỐC GIA (MNC)	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các khái niệm cơ bản của chiến lược • Biết được cách thức gia tăng lợi nhuận khi DN mở rộng thị trường 	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được áp lực giảm chi phí và áp lực đáp ứng nhu cầu địa phương(local responsiveness) ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn chiến lược của DN <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thảo luận nhóm nhỏ</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Đọc lại chương 7 Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> Phương pháp đánh giá: Điểm danh Thảo luận 	
8 (5 tiết)	<p>Chương 7 (tiếp theo): CHIẾN LƯỢC KINH DOANH QUỐC TẾ CỦA CÁC CÔNG TY ĐA QUỐC GIA (MNC)</p> <p>A.Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết được 4 chiến lược cơ bản mà các DN sử dụng trong KDQT Hiểu được 3 quyết định quan trọng của 1 DN khi quyết định xâm nhập vào 1 thị trường. Hiểu và so sánh các cách thức khác nhau mà DN sử dụng để xâm nhập. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn phương thức xâm nhập <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thảo luận nhóm nhỏ</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Đọc lại chương 7 (Tiếp theo) Củng cố lại kiến thức buổi học qua các câu hỏi có liên quan <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> Phương pháp đánh giá: Thuyết trình tại lớp lấy điểm 	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6
9(5 tiết)	<p>Ôn tập kiến thức đã học</p> <p>Đọc điểm quá trình</p> <p>Nội dung: Từ chương 1 đến chương 7</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

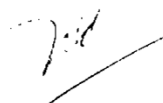
- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

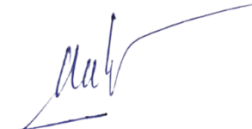
(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Vũ Hồng Ân

ĐCCT HP 30. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA KẾ TOÁN, TC-NH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP[41048- Kế toán quản trị]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 60 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 5

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: kế toán
- Khoa: Kế toán, TC-NH

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lê Thị Hậu
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Mai Hoàng Hạnh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kế toán quản trị như: khái niệm về chức năng lập kế hoạch, kiểm soát, ra quyết định, khái niệm về kế hoạch chiến lược, chiến thuật, phân biệt sự khác nhau cơ bản của kế toán quản trị và kế toán tài chính. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí nhằm phục vụ cho việc lập các báo cáo quản trị hỗ trợ cho nhà quản lý ra quyết định. Kiến thức nâng cao đề cập đến sử dụng kỹ thuật phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận (C-V-P) nhằm xác định điểm hòa vốn và lợi nhuận mục tiêu cho doanh nghiệp. Lập

các dự toán ngân sách, bao gồm ngân sách doanh thu, ngân sách sản xuất, ngân sách chi phí sản xuất, ngân sách tiền mặt, và ngân sách báo cáo tài chính sử dụng trong việc lập kế hoạch và kiểm soát. Đồng thời, thông qua thảo luận và bài tập nhóm môn học còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và có ý thức học tập suốt đời.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Nắm được những khái niệm cơ bản của kế toán, những công cụ và những thuật ngữ bao gồm trong thông tin kế toán quản trị được sử dụng với mục tiêu cho việc lập kế hoạch, kiểm soát, và phân tích để ra quyết định, phân biệt được kế toán quản trị và kế toán tài chính.

Về kỹ năng:

Phân loại chi phí phục vụ cho việc lập báo cáo của Kế toán quản trị. Giải thích các kết quả của kỹ thuật phân tích hoà vốn và phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng – lợi nhuận. Lập các dự toán ngân sách, bao gồm ngân sách doanh thu, ngân sách sản xuất, ngân sách chi phí sản xuất, ngân sách tiền mặt, và ngân sách báo cáo tài chính để sử dụng trong việc lập kế hoạch và kiểm soát.

Về thái độ:

Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan khi đưa ra các quyết định trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân biệt được sự khác biệt giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị thông qua các khái niệm và chức năng.	4
CELO2	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho kế toán quản trị.	4
CELO3	Giải thích được mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận trong doanh nghiệp để xác định được điểm hòa vốn và lợi nhuận mục tiêu.	2
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật phân tích mối quan hệ giữa sản lượng, chi phí, lợi nhuận và lập dự toán ngân sách phục vụ cho nhà quản trị ra quyết định	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc và có ý thức kỷ luật cao trong học tập và làm việc nhóm	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân biệt được sự khác biệt giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị thông qua các khái niệm và chức năng.	ELO3
CELO2	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho kế toán quản trị.	ELO3, 8
CELO3	Giải thích được mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận trong doanh nghiệp để xác định được điểm hòa vốn và lợi nhuận mục tiêu.	ELO3
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng tư duy phân tích để thực hiện các kỹ thuật phân tích mối quan hệ giữa sản lượng, chi phí, lợi nhuận và lập dự toán ngân sách phục vụ cho nhà quản trị ra quyết định	ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc và có ý thức kỷ luật cao trong học tập và làm việc nhóm	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	N	N	N	N	S	N	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Thảo luận/ làm việc theo nhóm

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng trên lớp
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng
- Làm việc nhóm

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- + Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 30% sẽ bị cấm thi lần 1
- + Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý;
- + Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc các nội dung bài giảng liên quan do giảng viên cung cấp, làm các bài tập được giao từ buổi trước.
- + Chấp hành nội quy làm việc nhóm nếu không chấp hành sẽ không được điểm nhóm
- + Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng 6-8 SV), cử 1 nhóm trưởng;

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập lớn theo nhóm (20%)	Thảo luận nhóm (10%)	Bài kiểm tra nhanh (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO 1	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập lớn theo nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ
CLO 2	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ
CLO 3	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ

CLO 4	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ
CLO 5	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài kiểm tra nhanh - Thi cuối kỳ tự luận, trắc nghiệm đề mở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương. - Theo nội dung. - Đột xuất - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Bài tập lớn theo nhóm	20%	
	Thảo luận nhóm	10%	
	Kiểm tra nhanh	20%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận và trắc nghiệm	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Ray H. Garrison; Peter C. Brewer; *Kế toán quản trị*; NXB Tài chính (2020).

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.15 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đoàn Ngọc Quý; Kế toán quản trị; NXB Kinh tế Tp. HCM (2015).

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
1.1 (2,5 tiết)	<p>Giới thiệu môn học Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: I. Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị: 1. Những điểm giống nhau và khác nhau của kế toán quản trị và kế toán tài chính. 2. Chức năng của kế toán quản trị. II. Vai trò của kế toán quản trị. III. Bản chất của kế toán quản trị: 1. Cấu trúc và hoạt động của tổ chức. + Sự phân quyền; + Sơ đồ tổ chức; + Các nhà quản lý. 2. Bản chất kế toán quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên kế toán</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Hướng dẫn thảo luận tại lớp: phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ) - Đọc bài giảng chương 1</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở</p>	CLO1,5
1.2 (2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: I. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động: 1. Chi phí sản xuất: + Chi phí NVL trực tiếp + Chi phí nhân công trực tiếp + Chi phí sản xuất chung. 2. Chi phí ngoài sản xuất:</p>	CLO2,3,5

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>+ Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý DN 3. Chi phí thời kỳ và chi phí sản phẩm: + Chi phí thời kỳ + Chi phí sản phẩm</p> <p>II. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chi phí biến đổi; Chi phí cố định; Chi phí hỗn hợp. <p>III. Các cách phân loại khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chi phí trực tiếp và Chi phí gián tiếp; Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được; Chi phí chênh lệch; Chi phí cơ hội; Chi phí chìm. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Hướng dẫn làm bài tập tại lớp - SV làm bài tập chương 2</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ) Đọc tài liệu chương 2</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở - Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở</p>	
2.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ (Tiếp theo)</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: IV. Phân tích chi phí hỗn hợp bằng cách sử dụng đồ thị phân tán, bình phương bé nhất và phương pháp cực đại, cực tiểu. Nội dung làm bài tập/thảo luận: SV làm bài tập chương 2</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ) Đọc tài liệu chương 2</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm</p>	CLO2,3,5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở - Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở 	
2.2(2,5 tiết)	Chương 3: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ-KHỐI LƯỢNG-LỢI NHUẬN	
	A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1.Một số khái niệm cơ bản sử dụng trong phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận 1.2.Một số ví dụ ứng dụng 1.3.Phân tích điểm hòa vốn 1.4.Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận trong trường hợp kinh doanh nhiều loại sản phẩm Nội dung thảo luận và sửa bài tập: Làm bài tập chương 3	CLO3,4,5
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) Đọc tài liệu chương 3	
C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Bài tập lớn - Bài kiểm tra nhanh - Thi CK 		
3.1(2,5 tiết)	Chương 3: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ-KHỐI LƯỢNG-LỢI NHUẬN	
	A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: 1.5 Ứng dụng phân tích độ nhạy trong phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận 1.6 Hạn chế của mô hình phân tích mối quan hệ chi phí –Khối lượng – lợi nhuận Nội dung thảo luận và sửa bài tập: Làm bài tập Thảo luận nhóm	CLO3,4,5
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) Đọc tài liệu chương 3	
C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập lớn - Thi CK 		
3.2(2,5 tiết)	Chương 3: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ-KHỐI LƯỢNG-LỢI NHUẬN (tt)	CLO3,4,5
	A. Các nội dung giảng dạy trên lớp: Sửa bài tập chương 3	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) Đọc tài liệu chương 3</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Bài kiểm tra nhanh - Bài tập nhóm - Thi CK 	
4.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 4: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>I. Mục đích của dự toán ngân sách:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoạch định; 2. Kiểm soát. 3. Sự khác nhau giữa hoạch định và kiểm soát. 4. Ưu điểm của việc lập dự toán ngân sách 5. Định mức chi phí <p>II. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán ngân sách:</p> <p>III. Lập dự toán ngân sách tổng hợp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lập dự toán tiêu thụ sản phẩm; 2. Lập dự toán sản xuất; <ul style="list-style-type: none"> + Dự toán NVL trực tiếp; + Dự toán nhân công trực tiếp; + Dự toán chi phí sản xuất chung. <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV làm bài tập chương 4 <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chương 4 <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài tập nhóm - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở - Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở 	CLO2,3,4,5
4.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 4: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>III. Lập dự toán ngân sách tổng hợp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Lập dự toán thành phẩm tồn kho; 	CLO3,4,5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>4. Lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;</p> <p>5. Lập dự toán kết quả kinh doanh;</p> <p>6. Lập dự toán lưu chuyển tiền tệ;</p> <p>7. Lập dự toán bảng cân đối kế toán</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: SV làm bài tập chương 4</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ) - Đọc tài liệu chương 4</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở - Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở</p>	
5(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 4: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Sửa bài tập chương 4</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (5 giờ) - Đọc tài liệu chương 4</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài kiểm tra nhanh cá nhân - Bài tập nhóm - Thảo luận nhóm - Bài thi tự luận/trắc nghiệm giữa kỳ đề mở - Bài thi tự luận/trắc nghiệm cuối kỳ đề mở</p>	CLO3,4,5

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
6(2,5 tiết)	Ôn tập, giải đáp thắc mắc	CLO3,4,5

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020 – 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

Mẫu đề cương chi tiết mới ban hành, cập nhật mục tiêu học phần cho phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khóa mới

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hậu

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hậu

ĐCCT HP 31. HÀNH VI TỔ CHỨC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã học phần - Tên HP [51062- HÀNH VI TỔ CHỨC]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 5

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Bùi Nhất Vương
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Hà Kiên Tân
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về khoa học hành vi con người trong tổ chức. Học phần được phân ra 03 cấp độ nghiên cứu: cá nhân, nhóm và tổ chức. Bắt đầu bằng việc tìm hiểu những đặc điểm cá nhân (trong đó có tiểu sử, tính cách, nhận thức, học tập...) sẽ hình

thành nên nhận thức, thái độ, giá trị và sự thoải mái của cá nhân đó trong công việc. Tiếp theo sẽ phân tích tiếp vai trò, ảnh hưởng, sự tương tác của cá nhân trong nhóm; tìm ra những nguyên nhân thường dẫn đến xung đột nhóm, một số cá nhân không thích làm việc nhóm, tại sao làm việc nhóm chưa hiệu quả. Mặt khác, học phần còn trang bị cho người học được tiếp cận với việc hình thành cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và quyền lực, cách thức tạo động lực cho người lao động, xây dựng văn hoá doanh nghiệp, quản trị thành công sự thay đổi và đổi mới của tổ chức. Từ đó, góp phần giúp cho người học có khả năng đề xuất được một số giải pháp đổi mới và phát triển tổ chức ở hiện tại và tương lai.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm trang bị cho người học: (i) Có cách nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa người lao động với tổ chức trên những vai trò khác nhau; (ii) Hiểu được các vấn đề cơ bản về hành vi tổ chức và các yếu tố cơ bản trong mô hình hành vi tổ chức;

Về kỹ năng:

(iii) Phân tích được các cơ sở của hành vi người lao động ở cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức; (iv) Biết cách ứng dụng kiến thức hành vi tổ chức để giải thích, dự báo và kiểm soát các mô hình hành vi cụ thể của người lao động trong tổ chức; (v) Đảm bảo duy trì và phát triển mối quan hệ giữa người lao động và tổ chức một cách có hiệu quả, giúp người lao động gắn bó hơn với tổ chức.

Về thái độ:

Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan khi đưa ra các quyết định trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng của hành vi tổ chức; những cơ sở của hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức.	1
CELO2	Giải thích và phân tích được việc ra quyết định cá nhân.	4
CELO3	Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc tạo động lực cho người lao động và giao tiếp trong tổ chức.	4
CELO4	Phân tích và đánh giá được khái niệm, tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và quyền lực, văn hoá tổ chức cùng với sự thay đổi và phát triển tổ chức.	4
Kỹ năng		
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề hành vi trong tổ chức.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		

CELO6	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu, hành vi cụ thể trong tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	3
CELO7	Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan trong hoạt động quản trị của tổ chức.	2

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng của hành vi tổ chức; những cơ sở của hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức.	ELO1, 2
CELO2	Giải thích và phân tích được việc ra quyết định cá nhân.	ELO7
CELO3	Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc tạo động lực cho người lao động và giao tiếp trong tổ chức.	ELO4
CELO4	Phân tích và đánh giá được khái niệm, tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và quyền lực, văn hoá tổ chức cùng với sự thay đổi và phát triển tổ chức.	ELO1, ELO4, 8
Kỹ năng		
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề hành vi trong tổ chức.	ELO5, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu, hành vi cụ thể trong tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	ELO11
CELO7	Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan trong hoạt động quản trị của tổ chức.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
H	H	N	S	H	N	S	H	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ, phương pháp WISE...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình;
- Trực tuyến: Chiếm 30%/ Tổng thời lượng giảng dạy

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập (tại lớp hoặc trực tuyến) bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (30%)	Đánh giá giữa kỳ (20%)	Đánh giá cuối kỳ (40%)		

CLO1		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CLO2		X	X		<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ;
CLO4		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương;

					<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá cuối kỳ.
CLO5	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương;
CLO6	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ;
CLO7	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm quá trình	60%	
1.1	<i>Chuyên cần/ tham gia trên lớp</i>	10%	Rubric 1
1.2	<i>Bài tập cá nhân/ nhóm/ thuyết trình</i>	30%	Rubric 2
1.3	<i>Thi giữa học kỳ: trắc nghiệm</i>	20%	Rubric 3
2	Đánh giá cuối kỳ (Trắc nghiệm + Tự luận)	40%	Rubric 4
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 điểm)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

(1) Bùi Anh Tuấn (2013). *Giáo trình hành vi tổ chức*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.16 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

(2) P. Robbins, Stephen and A. Judge, Timothy (2012). *Hành vi tổ chức*, NXB Lao động Xã hội.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI TỔ CHỨC		

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
1.1 (2,5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức Chức năng của hành vi tổ chức Quan hệ giữa HVTC với môn học khác Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung môn học hành vi tổ chức <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức</p>	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7	- Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Nguồn gốc của phát triển nguồn nhân lực</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuyên cần (Rubric 1); Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); Thi giữa kỳ (Rubric 3); Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
1.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CỦA HÀNH VI CÁ NHÂN		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thái độ Tính cách Nhận thức Học hỏi 	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7	- Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	Nội dung thảo luận: Nhận thức và học hỏi.		
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Không có		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học tập: Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4).		
2(5 tiết)	CHƯƠNG 3. RA QUYẾT ĐỊNH CÁ NHÂN		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Quá trình ra quyết định hợp lý 2. Ra quyết định cá nhân trên thực tế 3. Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định cá nhân Nội dung thảo luận: Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định cá nhân	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7	- Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Ra quyết định cá nhân trên thực tế		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:		

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
3.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 4. TẠO ĐỘNG LỰC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Động lực của cá nhân trong tổ chức 2. Các học thuyết về tạo động lực 3. Tạo động lực trong các tổ chức ở Việt Nam <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tạo động lực trong các tổ chức ở Việt Nam</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Tạo động lực trong các tổ chức nước ngoài</p>		
<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Thi giữa kỳ (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 			
3.2(2,5 tiết)	<p>THI GIỮA KỲ</p> <p>Hình thức tổ chức: Tập trung</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 3</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	
	CHƯƠNG 5. CƠ SỞ CỦA HÀNH VI NHÓM		

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU		
4(5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và phân loại nhóm 2. Lý do và các giai đoạn hình thành, phát triển nhóm 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm 4. Quyết định nhóm <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm</p>	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7	<p>- Slide bài giảng</p> <p>- Giáo trình (1); (2)</p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Lý do và các giai đoạn hình thành, phát triển nhóm</p>				
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 				
5(5 tiết)	CHƯƠNG 6. LÃNH ĐẠO VÀ QUYỀN LỰC				
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lãnh đạo và quyền lực: khái niệm, mối quan hệ và sự khác biệt 2. Các học thuyết về lãnh đạo 3. Các loại quyền lực và cơ sở của chúng <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các loại quyền lực và cơ sở của chúng</p>	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	<p>- Slide bài giảng</p> <p>- Giáo trình (1); (2)</p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p>				

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	<p>Các học thuyết về lãnh đạo</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
6.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 7. GIAO TIẾP TRONG TỔ CHỨC		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giao tiếp 2. Xung đột 3. Đàm phán <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Xung đột</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Đàm phán</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Trực tuyến 		
6.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 8. CƠ CẤU TỔ CHỨC		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức 	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	<ul style="list-style-type: none"> - Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	<p>2. Các yếu tố then chốt cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức</p> <p>3. Các mô hình tổ chức phổ biến</p> <p>4. Những nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn cơ cấu tổ chức</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các yếu tố then chốt cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức</p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Các mô hình tổ chức phổ biến</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 4). 		
7 (5 tiết)	CHƯƠNG 9. VĂN HOÁ TỔ CHỨC		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm văn hoá tổ chức 2. Tác động của văn hoá đến hành vi nhân viên và tổ chức 3. Các loại văn hoá tổ chức 4. Sáng tạo và bảo tồn văn hoá 5. Văn hoá tổ chức có thể thay đổi, kiểm soát được không? 6. Phương pháp thay đổi văn hoá 	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>	<p>- Slide bài giảng</p> <p>- Giáo trình (1); (2)</p>

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	<p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động của văn hoá đến hành vi nhân viên và tổ chức <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại văn hoá tổ chức <p>Sáng tạo và bảo tồn văn hoá</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Hình thức học tập: Trực tuyến</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); <p>Thi cuối kỳ (Rubric 4).</p>		
8(5 tiết)	CHƯƠNG 10. THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các áp lực thúc đẩy thay đổi 2. Quản lý sự thay đổi có kế hoạch 3. Các mô hình thay đổi 4. Các yếu tố cản trở sự thay đổi 5. Các biện pháp khắc phục những cản trở đối với sự thay đổi 6. Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các yếu tố cản trở sự thay đổi</p>	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	- Slide bài giảng - Giáo trình (1); (2)
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức</p>		

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Trực tuyến.		
9(5 tiết)	ÔN TẬP Nhắc lại: - Hình thức thi: Tập trung (Trắc nghiệm + Tự luận) - Phương pháp đánh giá: Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020 – 2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Kiên Tân

ĐCCT HP 32. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51037- QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 36 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 9 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Hữu Thân
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần Quản trị Chiến Lược cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và các công cụ hữu ích trong quá trình hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược và kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh chiến lược. Thông qua học phần, người học sẽ nắm được các chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh, nắm được các yếu tố cơ bản trong tổ chức thực hiện và đánh giá, điều

chính chiến lược. Các kiến thức trong học phần quản trị chiến lược được cập nhật và hướng đến việc phục vụ cho năng lực học tập suốt đời của người học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần nhằm trang bị cho người học (Sinh viên) các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản trị chiến lược được áp dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm: Khái niệm và quy trình phát triển sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn của doanh nghiệp; Khái niệm và các yếu tố cấu thành môi trường bên ngoài, môi trường bên trong của doanh nghiệp; Sử dụng các công cụ ma trận EFE, IFE, CPM... trong việc đánh giá môi trường bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp

Về kỹ năng:

Xây dựng ma trận SWOT nhằm đề xuất chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp; Phân loại cơ cấu tổ chức; Các chính sách và phân bổ nguồn lực trong doanh nghiệp; Các chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh cho doanh nghiệp.

Về thái độ:

Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan khi đưa ra các quyết định trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm liên quan đến quản trị chiến lược, và các chiến lược cơ bản ở cấp công ty và cấp đơn vị kinh doanh.	2
CELO2	Vận dụng được các kiến thức của quản trị chiến lược và các công cụ hỗ trợ đề hoạch định và lựa chọn chiến lược. Các công cụ hỗ trợ chính bao gồm: các ma trận EFE, IFE, CPM, SWOT, BCG, SPACE, IE, GS, và QSPM.	3
CELO3	Xác định và giải thích được các yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong quá trình thực hiện chiến lược và đánh giá, điều chỉnh chiến lược.	2
Kỹ năng		
CELO4	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả.	3
CELO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình hoạch định và đề xuất chiến lược hiệu quả.	5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ khách quan, trung thực trong đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, bảo mật thông tin và hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm liên quan đến quản trị chiến lược, và các chiến lược cơ bản ở cấp công ty và cấp đơn vị kinh doanh.	ELO3
CELO2	Vận dụng được các kiến thức của quản trị chiến lược và các công cụ hỗ trợ để hoạch định và lựa chọn chiến lược. Các công cụ hỗ trợ chính bao gồm: các ma trận EFE, IFE, CPM, SWOT, BCG, SPACE, IE, GS, và QSPM.	ELO3, 4, 8
CELO3	Xác định và giải thích được các yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong quá trình thực hiện chiến lược và đánh giá, điều chỉnh chiến lược.	ELO3, ELO4
Kỹ năng		
CELO4	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả.	ELO5
CELO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình hoạch định và đề xuất chiến lược hiệu quả.	ELO4, 6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thái độ khách quan, trung thực trong đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, bảo mật thông tin và hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	S	S	N	H	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng; giảng dạy trực tuyến
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình/ Bài tập ứng dụng/ Tranh luận
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: tại lớp hoặc trực tuyến
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu thêm chuyên sâu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và trao đổi trực tiếp;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tham gia học trực tuyến thông qua các phần mềm hỗ trợ
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học trước, trong và sau buổi học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp. Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO 1		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7 - Cuối kỳ
CLO 2		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7

							- Cuối kỳ
CLO 3		X	X	X	X	- Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm	- Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ, - Buổi học 13, 14
CLO 4	X		X			- Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm	- Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14
CLO 5	X	X	X	X		- Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14
CLO 6	X	X	X			- Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm	- Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận, đóng góp và làm bài tập tại lớp)	10	Đánh giá thường xuyên (Rubric 1)
	Bài tập cá nhân	10	Bài tập cá nhân dạng bài trắc nghiệm cuối chương, hoặc bài tập về nhà (Rubric 2a).
	Bài tập nhóm	10	Bài tập nhóm dạng phân tích nghiên cứu và đề xuất chiến lược cho các doanh nghiệp thực tế được chọn, được đánh giá thông qua báo cáo

			bài tập nhóm và thuyết trình (Rubric 2b).
	Thi giữa kỳ	20	Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút, không tham khảo tài liệu, 40 câu, 0.25 điểm/câu (Rubric 3)
Thi kết thúc học phần	Kết hợp trắc nghiệm và tự luận	50	Thi trắc nghiệm (25 câu) + tự luận (2 câu), thời gian 75 phút, không tham khảo tài liệu (Rubric 4)
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Fred R. David, 2015. *Quản trị chiến lược: khái luận và các tình huống*, 14th edition. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Lê Tấn Bửu và cộng sự. TP. HCM: NXB Kinh tế TP. HCM.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.17 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Koji Mitani, 2020. *Quản Lý Chiến Lược*; NXB Công Thương.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
1.1 (2,5 tiết)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC Chương 1: Tổng quan về quản trị chiến lược	CLO1
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 1) 1.1 Quản trị chiến lược là gì? 1.2 Những khái niệm cơ bản trong quản trị chiến lược 1.3 Mô hình quản trị chiến lược 1.4 Lợi ích và tầm quan trọng của quản trị chiến lược 1.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị chiến lược hiệu quả	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Phần lý thuyết tự học Chương 1	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>- Tài liệu tham khảo [1], [2], [3]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4</p>	
1.2(2,5 tiết)	<p>Chương 2: Xây dựng Tâm nhìn và Sứ mệnh kinh doanh</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 2) 27.1. Tâm nhìn của doanh nghiệp 27.2. Sứ mệnh của doanh nghiệp 27.3. Tâm quan trọng của tâm nhìn và sứ mệnh 27.4. Thành phần của một tuyên bố sứ mệnh</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích về tâm nhìn và sứ mệnh của các doanh nghiệp Việt Nam và Thế giới.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tự học: + Phân lý thuyết đọc Chương 2 + Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5]</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4</p>	CLO1,2,4
3(5 tiết)	<p>Chương 3: Phân tích môi trường bên ngoài</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 3) 3.1 Bản chất và vai trò của phân tích môi trường bên ngoài 3.2 Phân tích môi trường kinh tế 3.3 Phân tích môi trường xã hội, văn hóa và môi trường 3.4 Phân tích môi trường chính trị và luật pháp 3.5 Phân tích môi trường công nghệ 3.6 Phân tích môi trường cạnh tranh ngành 3.7 Mô hình 5 áp lực Porter 3.8 Ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE) 3.9 Ma trận hình ảnh cạnh tranh (CPM)</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích, và đánh giá môi trường hoạt động bên ngoài của một doanh nghiệp thực tế (thiết lập ma trận EFE).</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích, và đánh giá môi trường hoạt động bên ngoài của một doanh nghiệp thực tế (thiết lập ma trận EFE và CPM). - Tự học: + Phân lý thuyết đọc Chương 3 + Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5]</p>	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
4(5 tiết)	Chương 4: Phân tích môi trường bên trong	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 4) 4.1 Bản chất và vai trò của phân tích môi trường bên trong 4.2 Mối quan hệ giữa chiến lược và văn hóa doanh nghiệp 4.3 Các yếu tố quản trị 4.4 Các yếu tố Marketing 4.5 Các yếu tố Tài chính/Kế Toán 4.6 Các yếu tố vận hành/sản xuất 4.7 Các yếu tố về hệ thống quản lý thông tin 4.8 Các yếu tố về nghiên cứu và phát triển (R&D) 4.9 Ma trận đánh giá các yếu tố bên trong (IFE) 4.10 Phân tích chuỗi giá trị (VCA) Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích, và đánh giá môi trường hoạt động bên ngoài của một doanh nghiệp thực tế (thiết lập ma trận IFE).	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích, và đánh giá môi trường hoạt động bên ngoài của một doanh nghiệp thực tế (thiết lập ma trận IFE và VCA). - Tự học: + Phần lý thuyết đọc Chương 4 + Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5]	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
5.1 (2,5 tiết)	Chương 5: Xây dựng chiến lược	
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 5) 5.1 Mục tiêu dài hạn 5.2 Các cấp độ của chiến lược 5.3 Các chiến lược hợp nhất 5.4 Các chiến lược phát triển và mở rộng 5.5 Các chiến lược đa dạng hóa 5.6 Năm chiến lược cạnh tranh cơ bản của Michael Porter 5.7 Các chiến lược khác Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Thuyết trình nhóm về tìm hiểu, phân tích chiến lược cấp công ty của một doanh nghiệp thực tế	CLO2, CLO4, CLO6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân lý thuyết đọc Chương 5 - Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4 	
5.2(2,5 tiết)	<p>THI GIỮA KỲ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi giữa kỳ: Trắc nghiệm, không sử dụng tài liệu (Chương 1,2, 3,4,5) - Phương pháp đánh giá: Thang điểm chấm theo Rubric 3 	
6(5 tiết)	<p>Chương 6: Phân tích và lựa chọn chiến lược</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 6)</p> <p>6.1. Tổng quan về phân tích và lựa chọn chiến lược</p> <p>6.2. Các công cụ phân tích chiến lược</p> <p>6.2.1. SWOT</p> <p>6.2.2. SPACE</p> <p>6.2.3. BCG</p> <p>6.2.4. IE Matrix</p> <p>6.3. Công cụ lựa chọn chiến lược QSPM</p> <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập SWOT, SPACE, IE, BCG, QSPM <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân lý thuyết đọc Chương 6 - Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập + Thảo luận nhóm; - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4 	CLO2, CLO4, CLO5
7(5 tiết)	<p>Chương 7: Tổ chức thực hiện chiến lược</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 7 & 8)</p> <p>7.1. Khái quát về tổ chức thực hiện chiến lược</p> <p>7.2. Các vấn đề quản trị và vận hành</p> <p>7.2.1. Xây dựng mục tiêu hằng năm</p> <p>7.2.2. Xây dựng chính sách</p> <p>7.2.3. Vấn đề phân bổ nguồn lực và nhân sự</p> <p>7.2.4. Vấn đề cơ cấu tổ chức</p> <p>7.2.5. Vấn đề tái cấu trúc, tái cơ cấu</p> <p>7.3. Các vấn đề cấp chức năng</p> <p>7.3.1. Marketing</p> <p>7.3.2. Tài chính</p>	CLO3 CLO4 CLO6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	7.3.3.R&D 7.3.4.Hệ thống quản lý thông tin Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Thảo luận nhóm về phân tích thực hiện chiến lược B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Phân lý thuyết đọc Chương 7 & 8 - Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
8.1(2,5 tiết)	Chương 8: Hệ thống kiểm soát chiến lược, đánh giá và điều chỉnh chiến lược A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (GTC – Chương 9) 8.1. Khung đánh giá chiến lược 8.2. Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard) 8.3. Hệ thống đánh giá chiến lược hiệu quả 8.4. Kế hoạch dự phòng Nội dung làm bài tập/thảo luận: - Thảo luận nhóm về tìm hiểu, phân tích khung đánh giá chiến lược B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Phân lý thuyết đọc Chương 9 - Tham khảo tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	CLO3 CLO4 CLO6
8.2(2,5 tiết)	1. Các nhóm thuyết trình và phản biện bài tập nhóm dưới sự điều phối và đánh giá của giảng viên 2. Thông qua nội dung của bài tập nhóm, giảng viên kết hợp nhấn mạnh, giải đáp thêm một số hạng mục chuyên sâu từ chương 1 đến chương 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
9(5 tiết)	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN HỌC - Hệ thống hóa các nội dung chính thuộc môn học. - Ôn tập thi theo hình thức trắc nghiệm + Tự luận (Lý thuyết/ Bài tập). - Nhắc lại hình thức thi cuối kỳ: + Trắc nghiệm + Tự luận (75 phút); + Sinh viên không được sử dụng tài liệu. + Phương pháp đánh giá: Thang điểm chấm the rubic 4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2018 - 2019
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
- Thiết kế lại nội dung cho phù hợp hơn với việc học kết hợp với phương thức trực tuyến
- Mẫu đề cương chi tiết mới ban hành.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

ĐCCT HP 33. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51088 - QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Marketing căn bản

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đo lường thương hiệu; quản trị và phát triển thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu
- Phân tích được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu

Về kỹ năng:

- Xây dựng được chiến lược phát triển thương hiệu
- Thực thi được một vài công đoạn trong chiến lược xây dựng thương hiệu

Về thái độ:

Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan khi đưa ra các quyết định trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích được tầm quan trọng của tài sản thương hiệu	4
CELO2	Định vị được thương hiệu	3
CELO3	Thiết kế được các yếu tố thương hiệu, Hoạch định được chương trình marketing để xây dựng tài sản thương hiệu	3
Kỹ năng		
CELO4	Biết cách đo lường tài sản thương hiệu, Có khả năng tham gia vào tiến trình xây dựng thương hiệu và thiết kế mở rộng chiến lược thương hiệu	2
CELO5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết trình.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có thái độ trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và tích cực trong học tập.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích được tầm quan trọng của tài sản thương hiệu	ELO3
CELO2	Định vị được thương hiệu	ELO3, 4, 8
CELO3	Thiết kế được các yếu tố thương hiệu, Hoạch định được chương trình marketing để xây dựng tài sản thương hiệu	ELO3, ELO4
Kỹ năng		

CELO4	Biết cách đo lường tài sản thương hiệu, Có khả năng tham gia vào tiến trình xây dựng thương hiệu và thiết kế mở rộng chiến lược thương hiệu	ELO3, 5, 8
CELO5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng thuyết trình.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có thái độ trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và tích cực trong học tập.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	S	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình/ Bài tập ứng dụng/ Tranh luận
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: tại lớp hoặc trực tuyến
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu thêm chuyên sâu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và trao đổi trực tiếp;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tham gia học trực tuyến thông qua các phần mềm hỗ trợ
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học trước, trong và sau buổi học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;

- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp. Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO 1		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7 - Cuối kỳ
CLO 2		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7 - Cuối kỳ
CLO 3		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ, - Buổi học 13, 14
CLO 4	X		X			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14

CLO 5	X	X	X	X		<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14
CLO 6	X	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận, đóng góp và làm bài tập tại lớp)	10	Đánh giá thường xuyên (Rubric 1)
	Bài tập cá nhân	10	Bài tập cá nhân dạng bài trắc nghiệm cuối chương, hoặc bài tập về nhà (Rubric 2a).
	Bài tập nhóm	10	Bài tập nhóm dạng phân tích nghiên cứu và đề xuất chiến lược cho các doanh nghiệp thực tế được chọn, được đánh giá thông qua báo cáo bài tập nhóm và thuyết trình (Rubric 2b).
	Thi giữa kỳ	20	Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút, không tham khảo tài liệu, 40 câu, 0.25 điểm/câu (Rubric 3)
Thi kết thúc học phần	Kết hợp trắc nghiệm và tự luận	50	Thi trắc nghiệm (25 câu) + tự luận (2 câu), thời gian 75 phút, không tham khảo tài liệu (Rubric 4)
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không,

					hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
--	--	--	--	--	------------------------------------

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Giáo trình Quản trị thương hiệu, Phạm Thị Lan Hương, NXB Tài chính, 2014

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.18 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Giáo trình Quản trị thương hiệu, Lê Đăng Lãng, NXB Đại học quốc gia TP.HCM, 2013

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
1 (5 tiết)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC Chương 1 TÀI SẢN THƯƠNG HIỆU ĐỊNH HƯỚNG KHÁCH HÀNG	CLO1
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1. Thương hiệu. 1.2. Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng. 1.3. Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng. 1.4. Tiến trình quản trị thương hiệu chiến lược	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về tầm quan trọng của thương hiệu thông qua các so sánh thực tế	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.	
2(5 tiết)	Chương 2: ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU	CLO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 27.5. Định vị thương hiệu. 27.6. Tiến trình định vị thương hiệu. 27.7. Cập nhật định vị theo thời gian	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>27.8. Giá trị thương hiệu cốt lõi</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm hiểu định vị của một thương hiệu sản phẩm cụ thể trên thị trường</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	
3(5 tiết)	<p>Chương 3: THIẾT KẾ CÁC YẾU TỐ THƯƠNG HIỆU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp 1. Các yếu tố thương hiệu 2. Thiết kế các yếu tố thương hiệu</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm hiểu về các yếu tố thương hiệu của một thương hiệu cụ thể trên thị trường</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	CLO3
4(5 tiết)	<p>Chương 4: MARKETING XÂY DỰNG TÀI SẢN THƯƠNG HIỆU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Xây dựng tài sản thương hiệu bằng chương trình marketing. 4.2. Bầy tài sản thương hiệu bằng kiến thức thứ cấp.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Hoạch định chương trình marketing để xây dựng tài sản thương hiệu</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	CLO4
5 (5 tiết)	<p>Chương 5: ĐO LƯỜNG TÀI SẢN THƯƠNG HIỆU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1. Hệ thống đo lường và quản trị tài sản thương hiệu 5.2. Phương pháp đo lường tài sản thương hiệu</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về giá trị của một số thương hiệu trên thị trường</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập.</p>	CLO1, 5
6(5 tiết)	Chương 6: CẤU TRÚC THƯƠNG HIỆU	CLO6,

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.4.Cấu trúc thương hiệu 6.5.Chiến lược gắn thương hiệu</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu các chiến lược gắn thương hiệu của một số doanh nghiệp trên thị trường</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm;</p>	
7(5 tiết)	<p>Chương 7: MỞ RỘNG THƯƠNG HIỆU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7.1. Mở rộng thương hiệu. 7.2. Tiến trình thiết kế chiến lược mở rộng thương hiệu.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về quá trình phát triển của một thương hiệu qua thời gian</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	CLO3 CLO4 CLO6
8(5 tiết)	<p>Chương 8: DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN THƯƠNG HIỆU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 8.1. Duy trì và phát triển tài sản thương hiệu theo thời gian. 8.2. Phát triển tài sản thương hiệu toàn cầu.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về các thương hiệu toàn cầu</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	CLO3 CLO4 CLO6
9(5 tiết)	<p>ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN HỌC</p> <p>- Hệ thống hóa các nội dung chính thuộc môn học. - Ôn tập thi theo hình thức trắc nghiệm + Tự luận (Lý thuyết/ Bài tập).</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2018 - 2019
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:

- Thiết kế lại nội dung cho phù hợp hơn với việc học kết hợp với phương thức trực tuyến
- Mẫu đề cương chi tiết mới ban hành.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 34. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41010- QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 36 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 9 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 6

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Hữu Thân
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Võ Ngọc Thảo Nguyễn
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 12 chương, được thể hiện trong 05 phần chính. Chương đầu tiên, giới thiệu khái quát về quản trị nguồn nhân lực, chín chương tiếp theo được chia làm 03 phần, tương ứng với ba nhóm chức năng quan trọng nhất của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức: thu hút, đào tạo – phát triển và

duy trì nguồn nhân lực. Phần thứ tư “Quản trị nguồn nhân lực trong môi trường hiện đại” gồm có hai chương “Quản trị nguồn nhân lực quốc tế” và “Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực”. Phần cuối cùng gồm có các tình huống tổng hợp nhằm kết nối toàn bộ các vấn đề chức năng trong quản trị nguồn nhân lực của các doanh nghiệp hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này nhằm trang bị cho người học: (i) Có nhận thức phù hợp về quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức/ doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh toàn cầu;

Về kỹ năng:

Nắm được kiến thức và biết cách áp dụng các kỹ năng, nghiệp vụ trong thu hút, đào tạo – phát triển, duy trì và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; (iii) Đo lường kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức/ doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Về thái độ:

Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan khi đưa ra các quyết định trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực và các mô hình quản trị nguồn nhân lực.	2
CELO2	Giải thích được khái niệm, ý nghĩa, quá trình hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc đối với hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.	2
CELO3	Phân tích và đánh giá được khái niệm, vai trò, chức năng, phương pháp và cách thức phân loại trong các hoạt động về tuyển dụng, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.	4
CELO4	Đo lường và đánh giá được kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong môi trường hiện đại.	5
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập và giao tiếp hiệu quả.	3
CELO6	Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu của tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	3

CLO8	Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực của tổ chức.	3
------	---	---

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực và các mô hình quản trị nguồn nhân lực.	ELO3, 4
CELO2	Giải thích được khái niệm, ý nghĩa, quá trình hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc đối với hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.	ELO3, 4
CELO3	Phân tích và đánh giá được khái niệm, vai trò, chức năng, phương pháp và cách thức phân loại trong các hoạt động về tuyển dụng, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.	ELO3, 4
CELO4	Đo lường và đánh giá được kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong môi trường hiện đại.	ELO3, 4
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập và giao tiếp hiệu quả.	ELO5
CELO6	Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.	ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu của tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	ELO11
CLO8	Biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực của tổ chức.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	S	N	N	H	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ, phương pháp WISE...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình;
- Trực tuyến: Chiếm 30%/ Tổng thời lượng giảng dạy

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập (tại lớp hoặc trực tuyến) bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Thuyết trình, bài tập, thảo luận... (30%)	Đánh giá giữa kỳ (20%)	Đánh giá cuối kỳ (40%)		

CLO1		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ;
CLO4		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá cuối kỳ.

					<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	
CLO5	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ.
CLO6	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ.
CLO7	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.

CLO8	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).	- Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
-------------	---	---	---	---	--	--

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm quá trình	60%	
1.1	<i>Chuyên cần/ tham gia trên lớp</i>	10%	Rubric 1
1.2	<i>Thảo luận, phát biểu ý kiến cá nhân/ nhóm</i>	10%	Rubric 2
1.3	<i>Bài tập cá nhân/ nhóm</i>	20%	Rubric 2
1.4	<i>Thi giữa học kỳ (Thuyết trình nhóm)</i>	20%	Rubric 3
2	Đánh giá cuối kỳ (Online/ Offline)	40%	Rubric 4
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>

Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu
----------	----	---	------------------------	---	---

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 8-10	Từ 5-7
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập**10.1 Giáo trình**

(1) PGS. TS. Trần Kim Dung (2018). *Quản trị Nguồn nhân lực*, NXB Tài chính, TP. HCM

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.19 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

(2) Đồng Thị Thanh Phương (2008). *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Thống kê

11. Nội dung chi tiết của học phần**- Đối với học phần thuần lý thuyết**

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP	TÀI LIỆU
1(5 tiết)	CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Khái niệm, vai trò và ý nghĩa của quản trị nguồn nhân lực 2. Quá trình phát triển của quản trị nguồn nhân lực 3. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực 4. Mô hình quản trị nguồn nhân lực 5. Lĩnh vực ưu tiên phát triển nhân lực 6. Cơ cấu tổ chức phòng nhân lực Nội dung thảo luận: Tình huống và bài tập thực hành (Trang 42 – 44)	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Giáo trình (1) - Từ trang 01 đến 44 - Slide bài giảng
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Lĩnh vực ưu tiên phát triển nhân lực		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2);		

	- Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).		
	PHẦN 1. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC		
	CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC		
2.1(2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Khái niệm 2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực 3. Phân tích môi trường kinh doanh, xác định mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp 4. Chiến lược nhân lực và mối quan hệ với chiến lược kinh doanh 5. Phân tích hiện trạng nguồn nhân lực 6. Dự báo nhu cầu nhân lực 7. Phân tích quan hệ cung cầu, khả năng điều chỉnh hệ thống quản trị nguồn nhân lực 8. Thực hiện 9. Dự toán ngân sách của phòng nhân lực 10. Tính giản biên chế 11. Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nội dung thảo luận: Tình huống và bài tập thực hành (Trang 84 – 86)	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Giáo trình (1) - Từ trang 51 đến 86 - Slide bài giảng
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Phân tích quan hệ cung cầu, khả năng điều chỉnh hệ thống quản trị nguồn nhân lực		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học tập: Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1);		

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
2.2 (2,5 tiết)	<p>PHẦN 1. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích công việc 2. Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc 3. Nội dung trình tự thực hiện phân tích công việc 4. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc 5. Nội dung chính của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc 6. Phân tích công việc ở Việt Nam 7. Viễn cảnh của phân tích công việc 8. Mô tả công việc bộ phận/ phòng ban 9. Dòng công việc và định biên nhân sự <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 108 – 123)</p>	<p>CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình (1) - Từ trang 89 đến 123 - Slide bài giảng
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích công việc ở Việt Nam - Viễn cảnh của phân tích công việc 		
<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); 			

	- Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).		
3.1 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC		
	Thực hành: Sử dụng các phương pháp thu thập thông tin để phân tích công việc. Sản phẩm: Video clips phỏng vấn, Bảng MTCV + TCCV.	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Giáo trình (1) - Từ trang 89 đến 123 - Slide bài giảng
3.2 (2,5 tiết)	PHẦN 1. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHƯƠNG 4. QUÁ TRÌNH TUYỂN DỤNG		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Nguồn ứng viên từ trong nội bộ doanh nghiệp 2. Nguồn ứng viên từ bên ngoài doanh nghiệp 3. Nội dung, trình tự của quá trình tuyển dụng 4. Các mô hình thu hút, phân công bố trí nhân lực trong doanh nghiệp 5. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng Nội dung thảo luận: Tình huống và bài tập thực hành (Trang 157 – 165)	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Giáo trình (1) - Từ trang 131 đến 165 - Slide bài giảng
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Các mô hình thu hút, phân công bố trí nhân lực trong doanh nghiệp		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2);		

	- Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).		
	PHẦN 1. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC		
	CHƯƠNG 5. TRẮC NGHIỆM VÀ PHÒNG VẤN		
4.1 (2,5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>* Kiểm tra, trắc nghiệm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm 2. Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm <p>* Phòng vấn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các hình thức phỏng vấn 2. Quá trình phỏng vấn 3. Các yếu tố tác động đến phỏng vấn 4. Nguyên tắc phỏng vấn 5. Chỉ dẫn đối với ứng viên trong phỏng vấn <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 191 – 206)</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 169 đến 206</p> <p>- Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm - Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
4.2(2,5 tiết)	PHẦN 2. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN		
	CHƯƠNG 6. ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP		

	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích của việc nghiên cứu định hướng và phát triển nghề nghiệp 2. Các giai đoạn phát triển nghề nghiệp 3. Định hướng nghề nghiệp cá nhân 4. Những động cơ trong nghề nghiệp 5. Khả năng cá nhân 6. Tìm hiểu về nghề nghiệp 7. Ảnh hưởng của môi trường đến phát triển nghề nghiệp 8. Thực hiện mục tiêu nghề nghiệp 9. Doanh nghiệp có thể giúp gì cho nhân viên phát triển nghề nghiệp? <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 231 – 233)</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 211 đến 233</p> <p>- Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Doanh nghiệp có thể giúp gì cho nhân viên phát triển nghề nghiệp?</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Trắc tuyến. 		
<p>5.1(2,5 tiết)</p>	<p>PHẦN 2. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN</p> <p>CHƯƠNG 7. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN</p>		

	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích 2. Khái niệm về đào tạo, phát triển 3. Phân loại các hình thức đào tạo 4. Phương pháp đào tạo 5. Thứ tự ưu tiên trong đào tạo và phát triển ở thế kỷ 21 6. Các nguyên tắc cơ bản trong học tập 7. Xác định nhu cầu đào tạo 8. Thực hiện quá trình đào tạo 9. Đánh giá hiệu quả đào tạo <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 272 – 277)</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 237 đến 277</p> <p>- Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ tự ưu tiên trong đào tạo và phát triển ở thế kỷ 21 - Các nguyên tắc cơ bản trong học tập 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
<p>5.2(2,5 tiết)</p>	<p>PHẦN 3. DUY TRÌ NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>CHƯƠNG 8. QUẢN LÝ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC</p>		

	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, mục đích 2. Nội dung, trình tự thực hiện quản lý đánh giá kết quả thực hiện công việc 3. Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc 4. Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả thực hiện công việc 5. Đánh giá năng lực nhân viên 6. Phòng vãn đánh giá 7. Đánh giá kết quả hoạt động của phòng ban <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 324 – 326)</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 281 đến 326</p> <p>- Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả thực hiện công việc</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
<p>6.1(2,5 tiết)</p>	<p>PHẦN 3. DUY TRÌ NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>CHƯƠNG 9. TRẢ CÔNG LAO ĐỘNG</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Cơ cấu thu nhập 3. Mục tiêu của hệ thống tiền lương 	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 331 đến 416</p>

	<p>4. Các hình thức tiền lương</p> <p>5. Tiền lương kích thích trong doanh nghiệp</p> <p>6. Tiền lương trong các thị trường lao động</p> <p>7. Các yếu tố ảnh hưởng đến trả lương</p> <p>8. Yếu tố luật pháp trong trả công lao động ở Việt Nam</p> <p>9. Hệ thống thang bảng lương</p> <p>10. Chiến lược, chính sách tiền lương trong doanh nghiệp</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 324 – 326)</p>		- Slide bài giảng
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lương kích thích trong doanh nghiệp - Tiền lương trong các thị trường lao động 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Hình thức học tập: Trực tuyến</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
6.2(2,5 tiết)	<p>PHẦN 3. DUY TRÌ NGUỒN NHÂN LỰC</p> <p>CHƯƠNG 10. QUAN HỆ LAO ĐỘNG</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công đoàn 2. Thỏa ước lao động tập thể 3. Nội quy lao động 4. Tranh chấp lao động 	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình (1) - Từ trang 423 đến 452

	<p>5. Quan hệ lao động quốc tế</p> <p>6. Tìm hiểu quan điểm, mức độ thoả mãn của nhân viên</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 449 – 452)</p>		<p>- Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Tìm hiểu quan điểm, mức độ thoả mãn của nhân viên</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Trực tuyến. 		
<p>PHẦN 4. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG HIỆN ĐẠI</p> <p>CHƯƠNG 11. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC TẾ</p>			
<p>7(5 tiết)</p>	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thế nào là quản trị nguồn nhân lực quốc tế 2. Thực tiễn quản trị nguồn nhân lực trong các môi trường văn hoá khác nhau 3. Tiến trình toàn cầu hoá của doanh nghiệp và định hướng chiến lược nhân lực 4. Điều hành quản trị nguồn nhân lực quốc tế 5. Tuyển chọn và đào tạo nhân sự đi công tác nước ngoài <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 494 – 495)</p>	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<p>- Giáo trình (1)</p> <p>- Từ trang 461 đến 495</p> <p>- Slide bài giảng</p>

	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Tuyển chọn và đào tạo nhân sự đi công tác nước ngoài</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Trực tuyến. 		
	<p>PHẦN 4. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG HIỆN ĐẠI</p> <p>CHƯƠNG 12. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC</p>		
8 (5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu đối với đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực 2. Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực 3. Các chỉ số then chốt đo lường kết quả thực hiện công việc <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Tình huống và bài tập thực hành (Trang 525 – 527)</p>	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình (1) - Từ trang 499 đến 527 - Slide bài giảng
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Các khuynh hướng trong kiểm soát chất lượng và tài chính</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Thuyết trình, bài tập, thảo luận...(Rubric 2); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		

9.1(2,5 tiết)	ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ Hình thức tổ chức: Thuyết trình nhóm Phương pháp đánh giá: Rubric 3 Thực hiện: Hàng tuần	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
9.2(2,5 tiết)	ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ Hình thức tổ chức: Online Phương pháp đánh giá: Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2018
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Võ Ngọc Thảo Nguyễn

ĐCCT HP 35. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51039- QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Nguyên lý kế toán

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 5

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Trương Văn Cường
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp bao gồm: Mục tiêu của quản trị tài chính; Thị trường tài chính, các tổ chức tài chính; Các báo cáo tài chính; Các tỷ số tài chính; Dòng tiền tự do; Giá trị thời gian của tiền tệ; Lãi suất; Rủi ro và Tỷ suất lợi nhuận; Trái phiếu, cổ phiếu; Chi phí sử dụng vốn; Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án. Trọng tâm của

học phần này là cung cấp cho người học các phương pháp được nhà quản lý doanh nghiệp sử dụng để giải quyết các vấn đề của tài chính doanh nghiệp xoay quanh nội dung chính là đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro tài sản tài chính; xác định chi phí vốn dự án, doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên (i) những kiến thức về tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính (ii) các khái niệm cơ bản của tài chính doanh nghiệp như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính và giá trị thời gian của tiền tệ ...

Về kỹ năng:

Khả năng xác định lãi suất và định giá, đánh giá rủi ro tài sản tài chính là trái phiếu và cổ phiếu (iv) khả năng xác định chi phí vốn dự án, doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn dài hạn

Về thái độ:

Từ đó sinh viên có được sự hiểu biết và kỹ năng cơ bản, hiện đại nhằm xử lý được các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp trong môi trường tài chính biến động liên tục một cách có trách nhiệm, trung thực và đạo đức.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết và giải thích được các vấn đề của tổng quan tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tổ chức tài chính; các khái niệm cơ bản về quản lý tài chính như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, lãi suất, tài sản tài chính và hiệu quả dự án vốn	2
CELO2	Vận dụng kiến thức, công thức toán học về phân tích báo cáo tài chính, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, trái phiếu, cổ phiếu để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro các tài sản tài chính; tính toán cơ cấu chi phí vốn tài trợ dự án, doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả đầu tư vốn dài hạn	3
Kỹ năng		
CELO3	Có kỹ năng công nghệ thông tin (sử dụng EXCEL) trong tính toán các chỉ tiêu và chỉ số tài chính: giá trị tiền tệ theo thời gian; giá trị trái phiếu, cổ phiếu; chi phí sử dụng vốn; NPV; IRR...	4
CELO4	Có kỹ năng phân tích tổng hợp, tư duy phản biện trong quá trình giải quyết các câu hỏi ứng dụng và bài tập về đánh giá tình hình tài chính	5

	công ty, định giá, đánh giá rủi ro tài sản tài chính và hiệu quả tài chính của dự án đầu tư.	
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thể hiện ý thức kỷ luật cao, cẩn trọng, tỉ mỉ	3

Ghi chú: (1) Nhỏ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết và giải thích được các vấn đề của tổng quan tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tổ chức tài chính; các khái niệm cơ bản về quản lý tài chính như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, lãi suất, tài sản tài chính và hiệu quả dự án vốn	ELO3
CELO2	Vận dụng kiến thức, công thức toán học về phân tích báo cáo tài chính, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, trái phiếu, cổ phiếu để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro các tài sản tài chính; tính toán cơ cấu chi phí vốn tài trợ dự án, doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả đầu tư vốn dài hạn	ELO3, ELO4
Kỹ năng		
CELO3	Có kỹ năng công nghệ thông tin (sử dụng EXCEL) trong tính toán các chỉ tiêu và chỉ số tài chính: giá trị tiền tệ theo thời gian; giá trị trái phiếu, cổ phiếu; chi phí sử dụng vốn; NPV; IRR...	ELO6
CELO4	Có kỹ năng phân tích tổng hợp, tư duy phản biện trong quá trình giải quyết các câu hỏi ứng dụng và bài tập về đánh giá tình hình tài chính công ty, định giá, đánh giá rủi ro tài sản tài chính và hiệu quả tài chính của dự án đầu tư.	ELO8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Thể hiện ý thức kỷ luật cao, cẩn trọng, tỉ mỉ	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	
N	N	H	H	N	S	N	H	N	N	H	N	

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng;
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm;
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu và tìm kiếm các tài liệu liên quan đến nội dung học tập.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng;
- Học trực tuyến: đọc tài liệu trực tuyến và hoàn thành bài tập đánh giá trực tuyến.
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia hoạt động nhóm;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia các buổi học;
- Tham gia các hoạt động được tổ chức trên trang học trực tuyến;
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục;
- Không sử dụng điện thoại trong lớp;
- Đi học đúng giờ theo quy định;
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Đánh giá quá trình (Chuyên cần, Làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm)	Thi giữa kỳ	Thi cuối kỳ		

CLO 1	x	x	x	- Bài kiểm tra thường xuyên hình thức Bài trắc nghiệm hoặc Bài tự luận - Báo cáo nhóm, Thuyết trình - Thi trắc nghiệm giữa kỳ đề đóng - Thi trắc nghiệm và tự luận cuối kỳ đề đóng	- Cuối mỗi chương hoặc mỗi buổi học - Giữa kỳ - Cuối kỳ
CLO 2	x	X	x		
CLO 3	x				
CLO 4	x	x	x		
CLO 5	x	x	x		

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp và tuân thủ nội quy: Điểm danh hoặc Bài kiểm tra nhanh cá nhân hình thức trắc nghiệm (Rubric 1)	10%	
	<ul style="list-style-type: none"> Bài tập cá nhân: Hình thức trắc nghiệm hoặc bài tự luận. Bài tập nhóm: Bài báo cáo/thuyết trình (Rubric 2a,2b) 	10%	
	Thi giữa học kỳ: - Làm bài trên giấy - Thời gian: 60 phút - Hình thức: Trắc nghiệm - Số lượng: 40 câu (25 câu lý thuyết, 15 câu tính toán) - Nội dung: Chương 1,2,3,4,5 - Không sử dụng tài liệu (Rubric 3)	20%	
Thi kết thúc học phần	Thời gian: 75 phút Hình thức: - Trắc nghiệm: 40%: 20 câu (15 câu lý thuyết, 5 câu tính toán) - Tự luận: 60%: 2-3 câu tính toán Nội dung: Chương 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11 Không sử dụng tài liệu (Rubric 4)	50%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng
----------	-------	----------------

	(%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>

Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
---------------------	--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh – TS. Nguyễn Anh Phong chủ biên dịch, (2019). *Quản trị tài chính (Fundamentals of Financial Management)*, 14th edition, Eugene F. Brigham và Joel F. Houston, Cengage Learning, USA), Nhà xuất bản Hồng Đức.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.20 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, and Jeffrey Jaffe. Tài chính doanh nghiệp, tái bản lần 10 (Corporate Finance). McGraw-Hill Education, 2017. ISBN: 987-604-922-511-6. – TS. Vũ Việt Quảng chủ biên dịch.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1(2,5 tiết)	Gới thiệu môn học và Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH	CLO1 CLO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Tài chính là gì? - Các công việc trong tài chính - Các hình thức tổ chức doanh nghiệp - Mục tiêu tài chính chính yếu - Xung đột giữa các nhà quản lý và cổ đông - Xung đột giữa cổ đông và chủ nợ - Cân bằng lợi ích cổ đông và lợi ích xã hội	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) - Đọc giáo trình chính: Trang 5-26	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Kiểm tra cá nhân - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ	
1.2(2,5 tiết)	Chương 2: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH	CLO1 CLO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Quá trình phân bổ vốn	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trường tài chính - Các tổ chức tài chính - Thị trường chứng khoán - Thị trường cổ phiếu phổ thông - Thị trường chứng khoán và tỷ suất lợi nhuận - Hiệu quả thị trường chứng khoán <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 37-76 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	
2(5 tiết)	<p>Chương 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, DÒNG TIỀN, THUẾ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo tài chính <ul style="list-style-type: none"> o Bảng cân đối kế toán o Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Báo cáo thu nhập) o Báo cáo lưu chuyển tiền tệ o Báo cáo vốn góp của cổ đông - Công dụng và hạn chế của các báo cáo tài chính - Dòng tiền tự do - Giá trị thị trường gia tăng và giá trị kinh tế gia tăng - Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp (theo Quy định hiện hành tại Việt Nam) <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 80-121 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5
3(5 tiết)	<p>Chương 4: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tỷ số <ul style="list-style-type: none"> o Các tỷ số thanh khoản o Các tỷ số quản lý tài sản o Các tỷ số quản lý nợ o Các tỷ số khả năng sinh lời o Các tỷ số giá thị trường 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp các tỷ số: Phương trình DuPont - Sử dụng các tỷ số tài chính để đánh giá hoạt động của công ty - Công dụng và hạn chế của phân tích tỷ số - Ý nghĩa đằng sau các con số <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 138-178 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	
4(5 tiết)	<p>Chương 5: GIÁ TRỊ THỜI GIAN CỦA TIỀN TỆ</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trục thời gian - Giá trị tương lai - Giá trị hiện tại - Tính lãi suất - Tính số năm - Chuỗi tiền tệ cố định <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị tương lai của chuỗi tiền tệ cố định cuối kỳ, đầu kỳ o Giá trị hiện tại của chuỗi tiền tệ cố định cuối kỳ o Chuỗi tiền tệ đều vô hạn - Các dòng tiền không đều: Giá trị tương lai, Giá trị hiện tại - Kỳ nửa năm và các kỳ gộp lãi khác - So sánh lãi suất - Các kỳ lẻ <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 196-235 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
5.1(2,5 tiết)	Thi giữa kỳ	
5.2(2,5 tiết)	<p>Chương 6: LÃI SUẤT</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí của tiền - Mức lãi suất - Những yếu tố quyết định mức lãi suất thị trường 	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc kỳ hạn của lãi suất - Điều gì quyết định hình dạng của đường cong lợi tức? - Các yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến mức lãi suất - Lãi suất và quyết định kinh doanh <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 254-290 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ 	
6.1(2,5 tiết)	<p>Chương 7: TRÁI PHIẾU VÀ ĐỊNH GIÁ TRÁI PHIẾU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ai phát hành trái phiếu - Các đặc tính quan trọng của trái phiếu - Định giá trái phiếu - Các thước đo lợi suất trái phiếu - Sự thay đổi giá trái phiếu theo thời gian - Trái phiếu trả lãi định kỳ 6 tháng - Đánh giá mức độ rủi ro của trái phiếu - Rủi ro vỡ nợ - Thị trường trái phiếu <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đọc giáo trình chính: Trang 300-344</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
6.2(2,5 tiết)	<p>Chương 8: RỦI RO VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh đổi giữa lợi nhuận và rủi ro - Rủi ro riêng lẻ - Rủi ro trong bối cảnh danh mục đầu tư (<i>Chỉ giới thiệu</i>) <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p> <p>Đọc giáo trình chính: Trang 357-372</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ 	CLO1 CLO5
7.1(2,5 tiết)	<p>Chương 9: CỔ PHIẾU VÀ ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p>	CLO1 CLO2

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền và các đặc quyền hợp pháp của cổ đông thường - Các loại cổ phiếu thường - Định giá cổ phiếu thường <ul style="list-style-type: none"> o Mô hình chiết khấu cổ tức o Cổ phiếu tăng trưởng đều o Định giá cổ phiếu tăng trưởng không đều - Cổ phiếu ưu đãi <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 418-452 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ 	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>
7.2(2,5 tiết)	<p>Chương 10: CHI PHÍ VỐN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về chi phí vốn bình quân gia quyền; Các định nghĩa cơ bản - Chi phí nợ - Chi phí vốn cổ phần ưu đãi - Chi phí lợi nhuận giữ lại Chi phí vốn cổ phần thường mới <ul style="list-style-type: none"> o Phương pháp chiết khấu dòng tiền DCF o Phương pháp CAPM (<i>Chỉ giới thiệu</i>) - Chi phí vốn bình quân gia quyền WACC <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 476-495 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ 	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>
8(5 tiết)	<p>Chương 11: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH DỰ ÁN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về đánh giá hiệu quả dự án - Giá trị hiện tại thuần (NPV) - Suất sinh lời nội bộ (IRR) - Thời gian hoàn vốn - Kết luận về các phương pháp đánh giá hiệu quả dự án <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình chính: Trang 516-529, Trang 542-546 <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	- Kiểm tra cá nhân/Bài tập nhóm - Thi cuối kỳ	
9(5 tiết)	ÔN TẬP	CLO1 CLO2
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Tổng kết điểm quá trình - Ôn tập các nội dung - Nhắc lại cấu trúc đề thi	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Sinh viên ôn lại các nội dung đã học.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Mục tiêu, tóm tắt học phần, CLO, buổi học e-learning.

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Cường

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Văn Cường

ĐCCT HP 36. KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41002- KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về giao tiếp và quy trình giao tiếp trong kinh doanh, những rào cản có thể gặp phải trong quá trình giao tiếp. Kiến thức nâng cao gồm việc nhận diện các cách thức khác nhau trong hình thức viết thư tín trong kinh doanh và trong

các bối cảnh kinh doanh, áp dụng kỹ năng viết thư kinh doanh chính xác, hoàn chỉnh, và có tính thuyết phục cao để giúp doanh nghiệp đạt được mục đích giao tiếp đề ra. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho người học kỹ năng diễn đạt và diễn dịch giao tiếp phi-ngôn-ngữ, cải thiện kỹ năng lắng nghe và thấu hiểu, sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp kinh doanh, nâng cao kỹ năng thuyết trình trong môi trường công việc, phát triển kỹ năng tạo lập và duy trì mối quan hệ bền vững.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học được thiết kế cho người học kiến thức tổng quan về kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, phạm vi và tầm quan trọng của kỹ năng này trong các hoạt động của doanh nghiệp. Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ hiểu rõ vai trò của giao tiếp trong việc tương tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp

Về kỹ năng:

Sinh viên cũng từ đó nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng viết và thuyết trình súc tích trong văn hóa giao tiếp

Về thái độ:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ tự tin khi đối mặt và xử lý tốt những tình huống khó khăn trong các hoạt động giao tiếp kinh doanh trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày các khái niệm, nguyên tắc, qui trình và vai trò của giao tiếp trong kinh doanh	1
CELO2	Nhận diện và đánh giá các hành vi phi ngôn ngữ trong giao tiếp.	2
CELO3	Giải thích sự khác biệt trong các nguyên tắc giao tiếp nội bộ và với khách hàng	2
CELO4	Giải thích sự khác biệt trong văn hóa và sự quan trọng của văn hóa trong kinh doanh	2
CELO5	Vận dụng các nguyên tắc viết thư tín trong các thể loại thư tín khác nhau như thư mời, thư đặt hàng, thư chúc mừng, thư xin việc, thư yêu cầu.	3
CELO6	Vận dụng các nguyên tắc viết dự thảo và báo cáo trong kinh doanh	3
Kỹ năng		
CELO7	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	3
CELO8	Có kỹ năng lắng nghe, hiểu và vận dụng ngôn ngữ hình thể để hoạt động giao tiếp hiệu quả hơn	3
CELO9	Có kỹ năng diễn đạt và thuyết trình tốt trong các tình huống kinh doanh và môi trường khác nhau.	3

Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO10	Có ý thức tự giác, chủ động, cầu tiến và chịu trách nhiệm trong học tập.	3
CELO11	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày các khái niệm, nguyên tắc, qui trình và vai trò của giao tiếp trong kinh doanh	ELO3, 5
CELO2	Nhận diện và đánh giá các hành vi phi ngôn ngữ trong giao tiếp.	ELO5
CELO3	Giải thích sự khác biệt trong các nguyên tắc giao tiếp nội bộ và với khách hàng	ELO5, 8
CELO4	Giải thích sự khác biệt trong văn hóa và sự quan trọng của văn hóa trong kinh doanh	ELO8
CELO5	Vận dụng các nguyên tắc viết thư tín trong các thể loại thư tín khác nhau như thư mời, thư đặt hàng, thư chúc mừng, thư xin việc, thư yêu cầu.	ELO5, 6, 7
CELO6	Vận dụng các nguyên tắc viết dự thảo và báo cáo trong kinh doanh	ELO5, 7
Kỹ năng		
CELO7	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	ELO5
CELO8	Có kỹ năng lắng nghe, hiểu và vận dụng ngôn ngữ hình thể để hoạt động giao tiếp hiệu quả hơn	ELO5
CELO9	Có kỹ năng diễn đạt và thuyết trình tốt trong các tình huống kinh doanh và môi trường khác nhau.	ELO5, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO10	Có ý thức tự giác, chủ động, cầu tiến và chịu trách nhiệm trong học tập.	ELO11
CELO11	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO0	ELO11	ELO12
N	N	H	N	H	S	H	S	N	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)

- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Sinh viên thực hành các quy tắc chuyên nghiệp trong giao tiếp qua email với giảng viên và sinh viên cùng lớp. Các quy tắc bao gồm: 1- tên địa chỉ email phù hợp; 2- không thể chủ đề email trống hoặc chỉ bao gồm 1-2 từ; 3- kiểm tra kỹ lỗi chính tả và ngữ pháp trước khi gửi; 4- suy nghĩ thấu đáo về ngôn từ và nội dung trước khi gửi đi.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Đánh giá quá trình (60%)			Thi cuối kỳ (40%)		
	Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Bài tập Nhóm (20%)			
CLO 1	X	X			- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 2	X	X			- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 3	X	X			- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 4	X	X			- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ

CLO 5	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 6	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3) - Thi cuối kỳ (Rubic 4)	- Hàng tuần - Thi cuối kỳ
CLO7	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c)	- Hàng tuần
CLO8	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO9	X		X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Hàng tuần - Tuần 15
CLO10	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Hàng tuần - Tuần 15
CLO11	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c)	- Hàng tuần - Tuần 15

					- Bài tập Nhóm (Rubic 3)	
--	--	--	--	--	-----------------------------	--

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Đánh giá quá trình	60%	
1.1	Bài tập hàng tuần trên lớp (cá nhân và/hoặc nhóm); chuyên cần	20%	- Bài tập hàng tuần - Thảo luận trên lớp - Chuyên cần
1.2	Kiểm tra giữa học kỳ	20%	Thời gian thi dự kiến là 45 phút; Hình thức thi: trắc nghiệm, và câu hỏi ngắn. Bao gồm các chương: 1,2,3,4,5,6
1.3	Bài tập Nhóm	20%	Nộp báo cáo và trình bày vào cuối kỳ Thời hạn nộp bài và trình bày: Tuần 14, 15
2	Thi Cuối kỳ	40%	Thời gian thi dự kiến là 90 phút; Hình thức thi sẽ bao gồm các câu trắc nghiệm; và phần thi viết với nội dung liên quan đến viết thư kinh doanh, dự thảo kinh doanh, hoặc báo cáo kinh doanh. Bao gồm các chương: 7,8,9,10,11,12
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 -80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>

Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu
----------	----	---	------------------------	---	---

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
---------------------	--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- TS. Thái Trí Dũng (2009), *Kỹ Năng Giao Tiếp và Thương Lượng Trong Kinh Doanh*, NXB Thống kê

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.21 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Hiraki Noriko (2016), *Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp* (Sách dịch), NXB Lao Động Xã Hội

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
1.1(2,5 tiết)	Giới thiệu môn học Chương 1: Giao tiếp trong thời đại Kỹ thuật số	Sách 1: Chương 1	CLO1, CLO7, CLO11
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về giao tiếp trong kinh doanh (Sách 2: Chương 1) - Khái niệm, bản chất và vai trò của giao tiếp trong kinh doanh - Chức năng và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh - Giao tiếp trong thời đại Kỹ thuật số (Sách 1: Chương 1) - Giao tiếp trong thế giới kỹ thuật số - Cách mạng Kỹ thuật số và bạn: Phương thức để thành công trong công sở ở thế kỷ 21 - Khuynh hướng và thách thức tại công sở trong thời đại thông tin - Dòng thông tin và các phương tiện truyền thông trong công sở - Đạo đức trong giao tiếp nơi công sở 	Sách 2: Chương 1	

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 1: làm quen với lớp và giảng viên - Hoạt động 2: chia nhóm - SV chia sẻ về kỹ năng giao tiếp và tự đánh giá kỹ năng giao tiếp của bản thân - GV chia sẻ vai trò và tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh 		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo video clip giới thiệu về cá nhân - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo - Bài tập nhóm về nhà: tạo video clip/ file power point giới thiệu về nhóm 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 		
1.2(2,5 tiết)	<p>Chương 2: Môi trường giao tiếp trong Kinh doanh Tính chuyên nghiệp và Kỹ năng giao tiếp</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quá trình giao tiếp trong kinh doanh 2. Các nhân tố tác động đến giao tiếp trong kinh doanh 3. Nhóm chuyên nghiệp 4. Lập kế hoạch và Tham gia cuộc họp trực diện (face to face) và cuộc họp ảo 5. Lắng nghe trong môi trường làm việc 6. Giao tiếp phi ngôn ngữ 7. Xây dựng tính chuyên nghiệp và kỹ năng trong các nghi thức tại môi trường làm việc 	<p>Sách 1: Chương 2</p> <p>Sách 2: Chương 2</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7, CLO10, CLO11

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <p>8. Bài tập trên lớp 1</p> <p>9. Các vấn đề giao tiếp trong làm việc cá nhân và làm việc nhóm</p> <p>10. Làm cách nào để tham gia vào một buổi họp trong tổ chức?</p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>- Chuẩn bị bài cho buổi học tiếp theo</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c)</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)</p>		
2.1(2,5 tiết)	<p>Chương 3: Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tầm quan trọng của giao tiếp đa văn hóa 2. Đạo đức trong giao tiếp kinh doanh 3. Văn hóa và Giao tiếp 4. Giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa 5. Giao tiếp trong sự khác biệt giữa nam và nữ 6. Yếu tố cản trở giao tiếp trong sự đa dạng văn hóa <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh trong giao tiếp - Làm thế nào để giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa 	<p>Sách 1: Chương 3</p> <p>Sách 2: Chương 2,4</p>	<p>CLO3, CLO4, CLO7, CLO10, CLO11</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p>		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Làm cách nào để dung hòa các sự khác biệt trong giao tiếp kinh doanh - Doanh nghiệp nước ngoài hiểu về môi trường, văn hóa kinh doanh ở Việt Nam như thế nào? - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 		
2.2(2,5 tiết)	<p>Chương 4: GIAO TIẾP BẰNG VĂN BẢN TRONG KINH DOANH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu của giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh 2. Quy trình soạn thảo văn bản 3X3 3. Phân tích và dự đoán độc giả 4. Chuẩn bị viết bản thảo 5. Thu thập dữ liệu, lập dàn ý, viết bản thảo 6. Biên tập văn bản 7. Soạn thảo văn bản viết theo nhóm <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương cách nhanh để làm bài viết ngắn gọn, súc tích và phù hợp văn hóa kinh doanh <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Soạn thảo một văn bản tự chọn trong kinh doanh cho nhóm - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo 	<p>Sách 1: Chương 4</p> <p>Sách 2: Chương 4</p>	<p>CLO1, CLO3, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11</p>

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 		
3.1(2,5 tiết)	<p>Chương 5: GIAO TIẾP QUA THƯ TÍN VÀ EMAIL, TIN NHẮN TRONG KINH DOANH</p>	Sách 1: Chương 7	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Giao tiếp qua thư tín trong kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng và phương pháp viết thư trong kinh doanh - Cấu trúc và đặc điểm của thư trong kinh doanh - Phương pháp viết thư yêu cầu, thư khiếu nại trực tiếp - Viết thư cho các đối tác quốc tế <p>2. Giao tiếp qua email và tin nhắn trong công sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết email, tin nhắn và biên bản trong thời đại kỹ thuật số - Cấu trúc và quy trình viết email, tin nhắn - Cách thức sử dụng email an toàn và thông minh - Gửi tin nhắn trong công sở - Viết Blog và mạng xã hội trong công việc <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các lỗi phổ biến khi viết thư kinh doanh - Các lỗi cần tránh khi viết email và tin nhắn - Thảo luận: Đừng vội bấm nút “Gửi đi” 	Sách 2: Chương 5,6	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành và sửa lỗi các thư không phù hợp trong kinh doanh: thư trả lời phàn nàn của khách hàng, thư thông báo hợp, thư mời phỏng vấn, thư báo giá,... - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo 		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 		
3.2(2,5 tiết)	<p>Chương 6: GIAO TIẾP BẰNG CÁC THÔNG ĐIỆP THUYẾT PHỤC, THÔNG TIN TÍCH CỰC VÀ THÔNG TIN KHÔNG VUI</p> <hr/> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Thông điệp Thuyết phục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính thuyết phục trong các thông điệp - Bốn yếu tố chính trong một thư thuyết phục thành công - Thông điệp thuyết phục trong nội bộ công ty - Thông điệp bán hàng và marketing thành công - Thuyết phục trong các nền văn hóa khác nhau <p>2. Thông tin Tích cực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình để viết một thông tin trung dung (neutral) và thông tin tích cực - Yêu cầu định kỳ, phản hồi và Thông điệp hướng dẫn <p>3. Thông tin Tiêu cực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức truyền tải thông tin không vui - Diễn đạt các thông tin không vui - Truyền tải thông tin không vui trong nội bộ công ty - Truyền tải thông tin không vui đến khách hàng - Thông báo tin tiêu cực khi khác biệt văn hóa <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <p>Thảo luận:</p>	<p>Sách 1: Chương 8,9,10</p> <p>Sách 2: Chương 7,8</p>	<p>CLO1, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11</p>

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa lỗi các thư thuyết phục. - Các phương cách từ chối lời đề nghị - Xử lý khi tiếp nhận thông tin tiêu cực <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo - Soạn thư thuyết phục đối tác/ khách hàng (mua hàng, sử dụng sản phẩm,...) - Soạn thư gửi thông tin không vui (Bài tập Cá nhân) <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 		
4.1(2,5 tiết)	<p>Chương 7: VIẾT MỘT DỰ THẢO (PROPOSAL) KINH DOANH</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Viết một dự thảo không chính thức 2. Chuẩn bị cho một dự thảo chính thức 3. Xây dựng một báo cáo kinh doanh hiệu quả 4. Báo cáo kinh doanh chính thức và các thành phần của một báo cáo 5. Kết luận và đề xuất trong báo cáo 6. Sắp xếp dữ liệu trong dự thảo báo cáo <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <p>Thảo luận: Các vấn đề khi thu thập thông tin cho báo cáo kinh doanh</p>	<p>Sách 1: Chương 13</p> <p>Tham khảo</p> <p>Sách 2: Chương 10</p>	<p>CLO1, CLO6, CLO7, CLO10, CLO11</p>

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo - Tìm các ví dụ về các tình huống cần phải viết Dự thảo kinh doanh và các yêu cầu đối với bản dự thảo trong các tình huống đó 		
4.2(2,5 tiết)	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
	Thi Giữa Kỳ		
5.1(2,5 tiết)	<p>Chương 8: PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỘT BÁO CÁO KINH DOANH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kinh doanh trong thời đại Kỹ thuật số - Vai trò, chức năng và các loại báo cáo trong kinh doanh - Viết báo cáo kinh doanh theo quy trình 3x3 - Thu thập thông tin thứ cấp và sơ cấp cho các báo cáo kinh doanh - Dẫn chứng tài liệu trong báo cáo kinh doanh - Trình bày thông tin trong báo cáo kinh doanh <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận: Viết Tóm Tắt Chung (Executive Summary) như thế nào trong Báo cáo kinh doanh 	<p>Sách 1: Chương 11</p> <p>Sách 2: Chương 9</p>	<p>CLO1, CLO6, CLO7, CLO10, CLO11</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ)</p>		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp trình bày thông tin trong báo cáo - Ôn lại các kiến thức về thống kê hỗ trợ phân tích dữ liệu - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
5.2(2,5 tiết)	<p>Chương 9: THUYẾT TRÌNH TRONG KINH DOANH</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của thuyết trình trong kinh doanh - Chuẩn bị thuyết trình trong kinh doanh - Lập dàn ý bài thuyết trình trong kinh doanh - Xây dựng mối quan hệ với người nghe - Thiết kế bài thuyết trình bằng powerpoint - Thể hiện nội dung và hoàn thiện bài thuyết trình - Thuyết trình theo nhóm trong kinh doanh - Thuyết trình trong môi trường đa văn hóa - Thuyết trình online và qua điện thoại <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận: Hạn chế của việc thuyết trình online và qua điện thoại <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - BT Nhóm: Biểu diễn dữ liệu bằng bảng biểu và đồ thị 	<p>Sách 2: Chương 12</p> <p>Sách 1: Chương 14</p>	CLO1, CLO9, CLO7, CLO10, CLO11

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
6.1(2,5 tiết)	<p>Chương 10: GIAO TIẾP TRONG TÌM VÀ ỨNG TUYỂN VIỆC LÀM</p>		CLO1, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược tìm việc - Xây dựng mạng lưới các quan hệ trong tìm việc làm - Viết hồ sơ ứng tuyển (CV) - Thư ngỏ (Cover letter) <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận: Có cần thiết tạo ra một CV trên mạng xã hội? - Thảo luận: Bình luận và đánh giá về các CV trên thực tế 	Sách 1: Chương 15	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện khả năng tìm kiếm việc làm bằng các công cụ kỹ thuật số - Bài tập cá nhân: Viết CV ứng tuyển cho một công việc bán thời gian - Hoàn thành hồ sơ trên mạng xã hội LinkedIn 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
6.2(2,5 tiết)	Chương 11: KỸ NĂNG PHÒNG VẤN TRONG ỨNG TUYỂN VIỆC LÀM		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Phòng vấn hiệu quả trong thị trường cạnh tranh - Trước phỏng vấn - Trong phỏng vấn - Sau phỏng vấn - Chuẩn bị thêm các tài liệu ứng tuyển việc làm Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành: Các nhóm chia ra đóng vai người phỏng vấn, người dự phỏng vấn và người quan sát, từ đó rút ra các nhận xét, đóng góp trong nhóm 	Sách 1: Chương 16	CLO7, CLO8, CLO9, CLO11
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Bài tập Activities (Trang 641, sách 1)		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
7(5 tiết)	Chương 12: KỸ NĂNG LẮNG NGHE HIỆU QUẢ		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Lắng nghe hiệu quả - Những trở ngại trong việc lắng nghe - Những kỹ năng lắng nghe hiệu quả 	Sách 3	CLO7, CLO8, CLO9, CLO11

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát cảm xúc <p>Bài tập/ hoạt động/ thảo luận trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành một số kỹ năng lắng nghe 		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và thực tập các kỹ năng lắng nghe hiệu quả 		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Thi cuối kỳ (Rubic 4) 		
8(5 tiết)	Thuyết trình bài tập Nhóm		CLO9 CLO11
9(5 tiết)	Thuyết trình bài tập Nhóm		CLO9 CLO11

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Mục tiêu, tóm tắt học phần, CLO, buổi học e-learning.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 37. TÂM LÝ HỌC TRONG KINH DOANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51050 – TÂM LÝ HỌC TRONG KINH DOANH]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 30
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Lê Trần Hữu
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên ngành quản trị kinh doanh những kiến thức lý luận về tâm lý trong quản trị kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp thu kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, đặc biệt là việc quản trị nhân lực, việc ra quyết định quản trị.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Nắm vững các kiến thức tổng quát về Tâm lý học trong quản trị kinh doanh như: những vấn đề tổng quan về tâm lý trong quản trị kinh doanh; những hiện tượng tâm lý cá nhân.

Phân tích và liệt kê được các vấn đề tâm lý trong hoạt động quản trị và tâm lý trong hoạt động kinh doanh.

Về kỹ năng:

Trình bày về giao tiếp đàm phán trong quản trị và trong hoạt động kinh doanh. Khả năng giải quyết hiệu quả các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của người làm công tác quản trị kinh doanh

Về thái độ:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ tự tin khi đối mặt và xử lý tốt những tình huống khó khăn trong các hoạt động giao tiếp kinh doanh trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày tổng quan về tâm lý học và tâm lý học quản trị kinh doanh. Vận dụng các phương pháp tìm hiểu tâm lý con người trong hoạt động QTKD.	1
CELO2	Trình bày về những hiện tượng tâm lý cá nhân.	1
CELO3	Trình bày về đối tượng quản trị- tập thể. Những yếu tố tâm lý tập thể cần lưu ý trong quản trị	2
CELO4	Trình bày về tâm lý trong hoạt động quản trị. Tâm lý trong quá trình ra quyết định và thực hiện quyết định quản trị	2
CELO5	Trình bày về tâm lý trong hoạt động kinh doanh. Tâm lý trong các chiến lược marketing và trong các nhóm khách hàng khác nhau.	3
CELO6	Trình bày về giao tiếp trong quản trị và kinh doanh. Nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh	3
Kỹ năng		
CELO7	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	3
CELO8	Có kỹ năng lắng nghe, hiểu và vận dụng ngôn ngữ hình thể để hoạt động giao tiếp hiệu quả hơn	3
CELO9	Có kỹ năng diễn đạt và thuyết trình tốt trong các tình huống kinh doanh và môi trường khác nhau.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO10	Có ý thức tự giác, chủ động, cầu tiến và chịu trách nhiệm trong học tập.	3
CELO11	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Trình bày tổng quan về tâm lý học và tâm lý học quản trị kinh doanh. Vận dụng các phương pháp tìm hiểu tâm lý con người trong hoạt động QTKD.	ELO1, 3
CELO2	Trình bày về những hiện tượng tâm lý cá nhân.	ELO1, 3
CELO3	Trình bày về đối tượng quản trị- tập thể. Những yếu tố tâm lý tập thể cần lưu ý trong quản trị	ELO3, 4
CELO4	Trình bày về tâm lý trong hoạt động quản trị. Tâm lý trong quá trình ra quyết định và thực hiện quyết định quản trị	ELO3, 4, 9
CELO5	Trình bày về tâm lý trong hoạt động kinh doanh. Tâm lý trong các chiến lược marketing và trong các nhóm khách hàng khác nhau.	ELO3, 4, 8
CELO6	Trình bày về giao tiếp trong quản trị và kinh doanh. Nghệ thuật đàm phán trong kinh doanh	ELO5, 8
Kỹ năng		
CELO7	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	ELO5
CELO8	Có kỹ năng lắng nghe, hiểu và vận dụng ngôn ngữ hình thể để hoạt động giao tiếp hiệu quả hơn	ELO5
CELO9	Có kỹ năng diễn đạt và thuyết trình tốt trong các tình huống kinh doanh và môi trường khác nhau.	ELO5, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO10	Có ý thức tự giác, chủ động, cầu tiến và chịu trách nhiệm trong học tập.	ELO11
CELO11	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO5	ELO6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
S	N	H	S	H	N	N	S	S	N	H	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Sinh viên thực hành các quy tắc chuyên nghiệp trong giao tiếp qua email với giảng viên và sinh viên cùng lớp. Các quy tắc bao gồm: 1- tên địa chỉ email phù hợp; 2- không thể chủ đề email trống hoặc chỉ bao gồm 1-2 từ; 3- kiểm tra kỹ lỗi chính tả và ngữ pháp trước khi gửi; 4- suy nghĩ thấu đáo về ngôn từ và nội dung trước khi gửi đi.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ		

	Đánh giá quá trình (60%)			Thi cuối kỳ (40%)	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Bài tập Nhóm (20%)			-
CLO 1	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 2	X	X		X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 3	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 4	X	X		X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ

CLO 5	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 6	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3) - Thi cuối kỳ (Rubic 4)	- Hàng tuần - Thi cuối kỳ
CLO7	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c)	- Hàng tuần
CLO8	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO9	X		X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Hàng tuần - Tuần 15
CLO10	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia	- Hàng tuần

					trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Tuần 15
CLO11	X	X	X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Hàng tuần - Tuần 15

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Đánh giá quá trình	60%	
1.1	Bài tập hàng tuần trên lớp (cá nhân và/hoặc nhóm); chuyên cần	20%	- Bài tập hàng tuần - Thảo luận trên lớp - Chuyên cần
1.2	Kiểm tra giữa học kỳ	20%	Thời gian thi dự kiến là 45 phút; Hình thức thi: trắc nghiệm, và câu hỏi ngắn. Bao gồm các chương: 1,2,3,4,5,6
1.3	Bài tập Nhóm	20%	Nộp báo cáo và trình bày vào cuối kỳ Thời hạn nộp bài và trình bày: Tuần 14, 15
2	Thi Cuối kỳ	40%	Thời gian thi dự kiến là 90 phút; Hình thức thi sẽ bao gồm các câu trắc nghiệm; và phần thi viết với nội dung liên quan đến viết thư kinh doanh, dự thảo kinh doanh, hoặc báo cáo kinh doanh. Bao gồm các chương: 7,8,9,10,11,12
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập**10.1 Giáo trình**

- Tâm lý học quản lý, Ngô Kỳ, NXB Thanh Hóa, 2021

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.22 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Nguyễn Hữu Thọ (2017), *Giáo trình tâm lý học quản lý; nxb Đại học Quốc gia Hà Nội*

11. Nội dung chi tiết của học phần**- Đối với học phần thuần lý thuyết**

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
1(5 tiết)	Giới thiệu môn học Chương 1. Mở đầu	CLO1,
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1. Sơ lược về các hiện tượng tâm lý 1.2. Tâm lý học và tâm lý học quản trị kinh doanh 1.3. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của tâm lý học QTKD 1.4. Vận dụng các phương pháp tìm hiểu tâm lý con người trong hoạt động QTKD	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) - Tạo video clip giới thiệu về cá nhân - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo - Bài tập nhóm về nhà: tạo video clip/ file power point giới thiệu về nhóm	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 	
2(5 tiết)	<p>Chương 2. Những hiện tượng tâm lý cá nhân</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO7, CLO10, CLO11
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Hoạt động nhận thức 2.2. Tình cảm – Ý chí 2.3. Ngôn ngữ 2.4. Nhân cách và các phẩm chất của nhân cách 	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài cho buổi học tiếp theo 	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 	
3(5 tiết)	<p>Chương 3. Tập thể – đối tượng quản trị</p>	CLO3, CLO4, CLO7, CLO10, CLO11
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Khái niệm về nhóm và tập thể 3.2. Cơ cấu tâm lý – xã hội của tập thể 3.3. Các giai đoạn phát triển của tập thể 3.4. Những yếu tố tâm lý tập thể cần lưu ý trong quản trị 	
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ)</p> <p>Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo</p>	
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) 	
4(5 tiết)	Chương 4. Tâm lý trong hoạt động quản trị.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Vị trí, chức năng và đặc điểm nghề nghiệp của nhà quản trị 4.2. Những phẩm chất cần thiết của nhà quản trị 4.3. Những khía cạnh tâm lý của uy tín nhà quản trị 4.4. Nhà quản trị và các kiểu lãnh đạo cơ bản 4.5. Tâm lý trong quá trình ra quyết định và thực hiện quyết định quản trị	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 	
5(5 tiết)	Chương 5. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1. Đặc điểm nghề nghiệp và những phẩm chất của kinh doanh 5.2. Tìm hiểu tâm lý thị trường 5.3. Hành vi tiêu dùng 5.4. Tâm lý trong các chiến lược marketing 5.5. Tâm lý của các nhóm khách hàng khác nhau	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo 	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 	
6(5 tiết)	Chương 6. Giao tiếp trong quản trị và kinh doanh.	CLO1, CLO5, CLO7, CLO10, CLO11
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4. Khái quát về hoạt động giao tiếp 5. Các phương tiện giao tiếp 6. Những yếu tố tâm lý cần chú ý trong giao tiếp	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 giờ) <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2) 	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Mục tiêu, tóm tắt học phần, CLO, buổi học e-learning.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA*(Ký và ghi rõ họ tên)***Nguyễn Tường Dũng****P.TRƯỞNG BỘ MÔN***(Ký và ghi rõ họ tên)***Cao Văn On****GIẢNG VIÊN***(Ký và ghi rõ họ tên)***Nguyễn Đăng Quang**

ĐCCT HP 38. QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51037- Quản trị sản xuất và dịch vụ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Trần Dương Minh Chuyên
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Trần Ngọc Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần Quản trị sản xuất và kinh doanh chứa đựng những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản về lĩnh vực quản trị sản xuất và kinh doanh, bao gồm những vấn đề tổng quan về quản trị sản xuất và kinh doanh như lịch sử phát triển của lý thuyết quản trị SX&KD, nội dung quản trị SX&KD,... Những vấn đề liên quan tới dự báo; Các quyết định về sản xuất, dịch vụ, về chiến lược hoạch định tổng hợp; Lập lịch trình sản xuất, hoạch định nhu cầu vật tư, quản trị hàng hóa tồn

kho;...Học phần cũng trang bị lý thuyết xếp hàng- một lý thuyết rất cần thiết đối với hoạt động quản trị trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm vững các kiến thức về khái niệm, định nghĩa quan trọng, các vấn đề tổng quan về quản trị sản xuất và dịch vụ, các chiến lược và quyết định về quản trị sản xuất như quyết định về địa điểm, quyết định về sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và thiết bị, các chiến lược về hoạch định tổng hợp, lập lịch trình sản xuất, hoạch định tồn kho

- Phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, xu hướng phát triển của quản trị sản xuất và dịch vụ trong môi trường kinh doanh hiện đại, sự cần thiết và qui trình tiến hành các hoạt động quản trị sản xuất và dịch vụ trong doanh nghiệp

Về kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề quản trị sản xuất và dịch vụ

- Áp dụng được các phương pháp xử lý các vấn đề về quản trị sản xuất và dịch vụ.

Về thái độ:

Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm, định nghĩa quan trọng, các vấn đề tổng quan về quản trị sản xuất và dịch vụ.	2
CELO2	Phân tích được các chiến lược và quyết định về quản trị sản xuất như quyết định về địa điểm, quyết định về sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và thiết bị, các chiến lược về hoạch định tổng hợp, lập lịch trình sản xuất, hoạch định tồn kho.	4
CELO3	Phân tích được các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, xu hướng phát triển của quản trị sản xuất và dịch vụ trong môi trường kinh doanh hiện đại	4
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề quản trị sản xuất và dịch vụ	2
CELO5	Áp dụng được các qui trình tiến hành các hoạt động quản trị sản xuất và dịch vụ trong doanh nghiệp	3
CELO6	Áp dụng được các phương pháp xử lý các vấn đề về quản trị sản xuất và dịch vụ.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm, định nghĩa quan trọng, các vấn đề tổng quan về quản trị sản xuất và dịch vụ.	ELO3
CELO2	Phân tích được các chiến lược và quyết định về quản trị sản xuất như quyết định về địa điểm, quyết định về sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và thiết bị, các chiến lược về hoạch định tổng hợp, lập lịch trình sản xuất, hoạch định tồn kho.	ELO3, 4, 8
CELO3	Phân tích được các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp, xu hướng phát triển của quản trị sản xuất và dịch vụ trong môi trường kinh doanh hiện đại	ELO3, ELO4
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề quản trị sản xuất và dịch vụ	ELO5
CELO5	Áp dụng được các qui trình tiến hành các hoạt động quản trị sản xuất và dịch vụ trong doanh nghiệp	ELO4, 8
CELO6	Áp dụng được các phương pháp xử lý các vấn đề về quản trị sản xuất và dịch vụ.	ELO4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	S	N	N	H	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng; giảng dạy trực tuyến
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ);

- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình/ Bài tập ứng dụng/ Tranh luận
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: tại lớp hoặc trực tuyến
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu thêm chuyên sâu.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và trao đổi trực tiếp;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tham gia học trực tuyến thông qua các phần mềm hỗ trợ
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học trước, trong và sau buổi học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp. Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO 1		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7 - Cuối kỳ

CLO 2		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14 - Tuần học thứ 7 - Cuối kỳ
CLO 3		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ, - Buổi học 13, 14
CLO 4	X		X			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14
CLO 5	X	X	X	X		<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14
CLO 6	X	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, phản biện, xây dựng bài trên lớp - Bài tập cá nhân - Bài tập nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương - Một/Hai tuần bất kỳ - Buổi học 13, 14

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (dự lớp, tham gia thảo luận, đóng góp và làm bài tập tại lớp)	10	Đánh giá thường xuyên (Rubric 1)

	Bài tập cá nhân	10	Bài tập cá nhân dạng bài trắc nghiệm cuối chương, hoặc bài tập về nhà (Rubric 2a).
	Bài tập nhóm	10	Bài tập nhóm dạng phân tích nghiên cứu và đề xuất chiến lược cho các doanh nghiệp thực tế được chọn, được đánh giá thông qua báo cáo bài tập nhóm và thuyết trình (Rubric 2b).
	Thi giữa kỳ	20	Thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút, không tham khảo tài liệu, 40 câu, 0.25 điểm/câu (Rubric 3)
Thi kết thúc học phần	Kết hợp trắc nghiệm và tự luận	50	Thi trắc nghiệm (25 câu) + tự luận (2 câu), thời gian 75 phút, không tham khảo tài liệu (Rubric 4)
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Quản trị sản xuất và vận hành, Nguyễn Văn Dung, NXB Lao động, 2010

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.23 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập), Đồng Thị Thanh Phương, NXB Thống kê, 2008

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
1(5 tiết)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC Chương 1: Tổng quan về quản lý sản xuất và dịch vụ	CLO1, 2, 3, 4
	C. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.6 Một số khái niệm. 1.7 Lịch sử phát triển của lý thuyết quản trị sản xuất và dịch vụ 1.8 Vấn đề năng suất trong quản trị sản xuất và dịch vụ 1.9 Vấn đề lựa chọn chiến lược trong quản trị sản xuất và dịch vụ. 1.10 Các quyết định trong quản trị sản xuất và tác nghiệp.	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: 1.6. Tìm hiểu về quy trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ của một tổ chức/ doanh nghiệp thực tế	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.	
2(5 tiết)	Chương 2: Dự báo	CLO2, 3, 4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp 27.9. Các loại dự báo 27.10. Các nhân tố tác động đến dự báo nhu cầu 27.11. Ảnh hưởng của chu kỳ sống của sản phẩm đến dự báo. 27.12. Các phương pháp dự báo nhu cầu	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giám sát và kiểm soát dự báo	
3(5 tiết)	Chương 3: Quyết định về sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và thiết bị	CLO2, 3, 4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3. Quyết định về sản phẩm, dịch vụ 4. Quyết định về công nghệ 5. Quyết định về công suất	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: 6. Quyết định về thiết bị C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
4(5 tiết)	Chương 4: Xác định địa điểm của doanh nghiệp	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Các bước tiến hành chọn địa điểm 4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn địa điểm 4.3. Các phương pháp xác định địa điểm</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Tìm hiểu điều kiện lựa chọn địa điểm của một tổ chức/ doanh nghiệp cụ thể</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4</p>	CLO2,3, 4
5 (5 tiết)	<p>Chương 5: Chiến lược hoạch định tổng hợp</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.8 Quy trình hoạch định tổng hợp 5.9 Các phương pháp hoạch định tổng hợp.</p> <p>D. Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Tìm hiểu các chiến lược hoạch định tổng hợp tại một tổ chức/ doanh nghiệp thực tế.</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4</p>	CLO2, CLO3, CLO4
6(5 tiết)	<p>Chương 6: Lập lịch trình sản xuất</p> <p>C. Nội dung giảng dạy trên lớp: - 6.1 Sắp xếp thứ tự tối ưu trong sản xuất, dịch vụ - 6.2 Phương pháp sơ đồ Gantt</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: 6.3 <i>Phương pháp sơ đồ Pert</i></p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm; - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4</p>	CLO2, CLO4, CLO5
7(5 tiết)	<p>Chương 7: Hoạch định tồn kho</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Một số khái niệm Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá - Tồn kho đúng thời điểm -</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - 7.4. Kỹ thuật phân tích ABC trong quản trị dự trữ</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm.</p>	CLO3 CLO4 CLO6

Buổi	Nội dung	KQHTMD của HP
	- Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
8(5 tiết)	Chương 7: Hoạch định tồn kho (tt)	CLO3 CLO4 CLO6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp - Các mô hình tồn kho	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà:	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập + Thảo luận nhóm. - Chấm điểm bài tập theo Rubric 1, 2, 3, 4	
9(5 tiết)	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN HỌC	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
	- Hệ thống hóa các nội dung chính thuộc môn học. - Ôn tập thi theo hình thức trắc nghiệm + Tự luận (Lý thuyết/ Bài tập). - Nhắc lại hình thức thi cuối kỳ: + Trắc nghiệm + Tự luận (75 phút); + Sinh viên không được sử dụng tài liệu. + Phương pháp đánh giá: Thang điểm chấm the rubic 4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2018 - 2019
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 3 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất:
- Thiết kế lại nội dung cho phù hợp hơn với việc học kết hợp với phương thức trực tuyến
- Mẫu đề cương chi tiết mới ban hành.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Dương Minh Chuyên

ĐCCT HP 39. QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG TỔ CHỨC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41060- QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG TỔ CHỨC]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Hữu Thân
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Bùi Nhật Vương
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học đề cập đến một vấn đề thiết thực trong đời sống, bao trùm trong mọi giai đoạn của một tổ chức đó là thay đổi. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao của sự thay đổi trong tổ chức, có thể áp dụng trong cuộc sống hàng ngày. Kiến thức nâng cao gồm

việc nhận biết và phân biệt các rào cản, các dạng phản ứng khác nhau của các thành viên trong tổ chức khi có thay đổi, áp dụng mô hình phù hợp để chuẩn bị cho sự thay đổi một cách tốt nhất. Ngoài ra, môn học còn giúp người học thấu hiểu những đòi hỏi trong sự đổi mới, kịp thời đưa ra những chiến lược, chiến thuật, công cụ hoạch định, thực hiện và quản lý việc thay đổi, phát triển tổ chức, giúp cá nhân, tổ chức có khả năng thích ứng tốt với môi trường thay đổi và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt như hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức của một môn học rất cần trong thời đại ngày nay: “thay đổi”, phải từ hiểu rõ đến áp dụng thành công trong các công việc hàng ngày của tổ chức

Về kỹ năng:

- Kỹ năng ứng xử, thích ứng và quản lý sự thay đổi trong tổ chức

Về thái độ:

- Thái độ xem như là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của quản trị sự thay đổi trong tổ chức, bao gồm: Các loại áp lực dẫn đến sự cần thiết phải thay đổi; Các nguyên tắc liên quan đến việc phát triển và truyền thông sự cần thiết phải thay đổi; Các mô hình tiêu biểu của sự thay đổi; Các ảnh hưởng đến sự thay đổi...	2
CELO2	Phát triển các chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi hiệu quả thông qua việc vận dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị, sử dụng các phương pháp chẩn đoán để nhận diện những loại hình thay đổi cần thiết trong tổ chức.	3
Kỹ năng		
CELO3	Hiệu quả trong giao tiếp, làm việc nhóm và thích ứng với sự thay đổi của tổ chức.	3
CELO4	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện trong quá trình phát triển các chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi hiệu quả.	4
CELO5	Phát triển khả năng sáng tạo và dẫn dắt sự thay đổi trong công việc, khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường quốc tế và những trải	5

	nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để thực hiện công việc có hiệu quả ở bất cứ vị trí nào trong lĩnh vực chuyên môn.	
--	---	--

Thái độ và phẩm chất đạo đức

CELO6	Thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường và hoàn cảnh dựa trên nhận thức đúng về tính tất yếu của thay đổi.	4
-------	---	---

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của quản trị sự thay đổi trong tổ chức, bao gồm: Các loại áp lực dẫn đến sự cần thiết phải thay đổi; Các nguyên tắc liên quan đến việc phát triển và truyền thông sự cần thiết phải thay đổi; Các mô hình tiêu biểu của sự thay đổi; Các ảnh hưởng đến sự thay đổi...	ELO2, 3
CELO2	Phát triển các chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi hiệu quả thông qua việc vận dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị, sử dụng các phương pháp chẩn đoán để nhận diện những loại hình thay đổi cần thiết trong tổ chức.	ELO3, 4
Kỹ năng		
CELO3	Hiệu quả trong giao tiếp, làm việc nhóm và thích ứng với sự thay đổi của tổ chức.	ELO5
CELO4	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện trong quá trình phát triển các chiến lược và kế hoạch quản lý sự thay đổi hiệu quả.	ELO7
CELO5	Phát triển khả năng sáng tạo và dẫn dắt sự thay đổi trong công việc, khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường quốc tế và những trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để thực hiện công việc có hiệu quả ở bất cứ vị trí nào trong lĩnh vực chuyên môn.	ELO2, 4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường và hoàn cảnh dựa trên nhận thức đúng về tính tất yếu của thay đổi.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
Kiến thức	Kỹ năng	

ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	S	H	H	H	N	H	S	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng, cùng thảo luận chuyên đề và case study.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH				ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (15%)	Bài tập nhóm (15%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi giữa kỳ: trắc nghiệm (45 phút) - Thi cuối kỳ: trắc nghiệm & tự luận (75 phút) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên - Giữa kỳ: - Cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cá nhân: bài thu hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.

						- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	
CLO3	X		X	X	X	- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ
CLO4	X	X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO5		X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO6	X	X	X	X	X	- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (15%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra/ Thi giữa kỳ (20%)	60%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm và tự luận	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

		Mức chất lượng

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- John P. Kotter, David A. Garvin, Michael A. Roberto, 2018, *Quản lý sự thay đổi*, NXB

Công Thương

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.24 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang, 2018, *Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức*, NXB Bách

Khoa Hà Nội

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
1.1(2,5 tiết)	GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THAY ĐỔI VÀ SỰ THAY ĐỔI TỔ CHỨC	CLO1
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. Giới thiệu môn học và đề cương chi tiết môn học 2. Thay đổi của tổ chức ▪ Khái niệm ▪ Phân loại	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Các phương diện thay đổi ▪ Đặc điểm <p>3. Quản trị sự thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khái niệm ▪ Sự cần thiết ▪ Chu trình <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề chưa được làm rõ giữa các khái niệm trên. <p>B. Các nội dung cần tự học: (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thắc mắc cho chương tiếp theo <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5) 	
1.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: BẢN CHẤT CỦA SỰ THAY ĐỔI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thay đổi là cần thiết, tất yếu, bắt buộc 2. Thay đổi là trách nhiệm, mệnh lệnh, cứu cánh 3. Thay đổi là khó khăn, để tồn tại 4. Thay đổi là qui luật, vận động của tự nhiên 5. Thay đổi là để tốt hơn, là thay đổi suy nghĩ <p>Nội dung làm bài tập/thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận ý nghĩa của những câu nói hay về thay đổi <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thắc mắc cho chương tiếp theo. <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5) 	CLO1, CLO4, CLO6
	<p>CHƯƠNG 3: NHỮNG RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ THAY ĐỔI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hiện và nghiên cứu sự thay đổi tổ chức <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát hiện thay đổi tổ chức 	CLO1, CLO3, CLO4, CLO6

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
2.1(2,5 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nghiên cứu áp lực tác động đến thay đổi <p>2. Những rào cản đối với sự thay đổi tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mục tiêu không rõ ràng ▪ Cấu trúc không phù hợp ▪ Truyền thông yếu kém ▪ Con người <p>Nội dung thảo luận</p> <p>- Rào cản nào quan trọng nhất?</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
2.2(2,5 tiết)	<p>CASE STUDY: “WHO MOVED MY CHEESE” - BỐN TÍNH CÁCH ĐẶC TRƯNG CỦA CON NGƯỜI KHI GẶP THAY ĐỔI</p> <p>A. Nội dung làm việc online:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem phim “Who moved my cheese”, An Amazing Way to Deal with Change in Your Work and in Your Life. 2. Phân tích cá nhân/ nhóm và thảo luận nhóm về bốn nhóm tính cách đặc trưng của các nhân vật trong phim. 3. Trao đổi, phản biện về những nhận xét giữa các nhóm về câu chuyện “Ai lấy miếng pho mát của tôi”. 4. Bài học rút ra từ câu chuyện. <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	<p>CHƯƠNG 4: VĂN HÓA THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
3.1(2,5 tiết)	<p>1. Các khái niệm về văn hóa của tổ chức, văn hóa thay đổi của tổ chức.</p> <p>2. Đặc điểm của văn hóa thay đổi trong tổ chức.</p> <p>5. Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức trong việc thực hiện thay đổi.</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>6. Trao đổi và nêu các ví dụ cụ thể về việc Văn hóa tổ chức thay đổi tác động đến hành vi của các cá nhân trong tổ chức.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
3.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 5: HAI MÔ HÌNH TIÊU BIỂU CỦA THAY ĐỔI TỔ CHỨC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Phân loại thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mức độ thay đổi ▪ Cách thức thực hiện thay đổi <p>2. Mô hình Kurt Lewin</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nội dung ▪ Ưu/ Nhược điểm <p>Mô hình John P. Kotter</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nội dung ▪ Ưu/ Nhược điểm <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>7. Mô hình thay đổi tổ chức của John P. Kotter.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
	CHƯƠNG 6: HOẠCH ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH THAY ĐỔI	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
4.1(2,5 tiết)	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>1. Phân tích thực trạng</p> <p>2. Hoạch định và Xây dựng kế hoạch thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các bước của quá trình hoạch định ▪ Phối hợp và truyền thông tầm nhìn <p>1. Chuẩn bị cho thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Xem xét, đánh giá lại các Phương án đã đề ra, Mục tiêu đã đặt ra ▪ Dự đoán và Phương án hành động để hạn chế sự chống đối và chống lại sự sợ hãi. ▪ Cam kết bảo đảm lợi ích ▪ Hạn chế sự nghi ngờ, sự hiểu lầm ▪ Lập Kế hoạch giám sát quá trình thay đổi. <p>8. Tiến trình thay đổi của tổ chức</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>9. Các bước trong tiến trình hoạch định thay đổi, minh họa cụ thể.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thắc mắc cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
4.2(2,5 tiết)	<p>THI GIỮA KỲ Hình thức tổ chức: tập trung hoặc online.</p>	
5.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC THỰC HIỆN THAY ĐỔI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp</p> <p>1. Trước khi tổ chức thực hiện thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chi tiết hóa các kế hoạch hành động ▪ Xác định Phương pháp thực hiện thay đổi ▪ Giám sát tiến trình thay đổi ▪ Xem xét lại các giả định ban đầu 	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Duy trì thay đổi và xem xét các lần thay đổi tiếp theo <p>2. Các cá nhân ảnh hưởng đến thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Mức độ ảnh hưởng ▪ Mức độ tham gia <p>3. Nguyên nhân dẫn đến thất bại</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>10. Nguyên nhân thất bại của tổ chức khi thực hiện thay đổi, ví dụ minh họa.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
5.2(2,5 tiết)	<p>CASE STUDY: QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG VIỆC XÂY DỰNG VĂN HÓA XANH TẠI CÔNG TY NIELSEN/ (CHUYỂN ĐỔI SỐ/TRÍ TUỆ NHÂN TẠO/ COVID 19, ...)</p> <p>A. Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu về văn hóa xanh, thực trạng và nguyên nhân văn hóa chưa xanh tại công ty Nielsen. 2. Những động lực, sự ủng hộ và những kháng cự trong tổ chức đối với chiến dịch thay đổi của Nielsen. 3. Các giải pháp và các hành động cụ thể cho chiến dịch văn hóa xanh của công ty Nielsen. 4. Phân tích, trình bày cá nhân/ nhóm và thảo luận về quá trình đổi mới và quản trị sự thay đổi tại công ty Nielsen. 5. Trao đổi, phản biện về những nhận định giữa các nhóm về các quá trình đổi mới và quản trị sự thay đổi của công ty. 6. Bài học rút ra về quản trị sự thay đổi trong chiến dịch này. <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
6.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 8: TRUYỀN THÔNG CHO SỰ THAY ĐỔI</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông điệp truyền thông cho mục đích thay đổi 2. Đối tượng truyền thông trong thay đổi 3. Quy trình truyền thông trong thay đổi 4. Phương tiện truyền thông trong thay đổi thông qua <ul style="list-style-type: none"> ▪ Diễn đàn, học tập, đào tạo ▪ Chia sẻ của lãnh đạo ▪ Các Phương tiện truyền thông <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>11. Vấn đề truyền thông hiệu quả và ví dụ minh họa</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thảo luận cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
6.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 9: THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thay đổi và sự liên quan đến phát triển tổ chức 2. Các giả định cho sự phát triển tổ chức <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giả định về con người ▪ Giả định về nhóm ▪ Giả định về tổ chức 3. Một số can thiệp nhằm phát triển tổ chức <ul style="list-style-type: none"> ▪ Can thiệp tương tác trong hoạt động ▪ Can thiệp nhóm 	CLO2, CLO3, CLO5, CLO5, CLO6

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Can thiệp giữa các nhóm ▪ Những can thiệp tổ chức để phát triển <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>12. Về sự phát triển và những can thiệp để phát triển tổ chức, minh họa cụ thể.</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thắc mắc cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
7(5 tiết)	<p>CASE STUDY: “OUR ICEBERG IS MELTING” – CHỦ ĐỘNG DẪN DẮT SỰ THAY ĐỔI</p> <p>B. Nội dung làm việc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem phim “Our Iceberg is melting”, câu chuyện về một Bộ lạc chim cánh cụt và tảng băng tan, nói về quá trình đổi mới và thành công trong mọi hoàn cảnh. 2. Phân tích, trình bày cá nhân/ nhóm và thảo luận về quá trình giải quyết vấn đề và đổi mới của một Bộ lạc chim cánh cụt khi phát hiện ra tảng băng chúng đang sống yên ổn đang bị tan ra. 3. Trao đổi, phản biện về những nhận định giữa các nhóm về câu chuyện. 4. Bài học rút ra từ câu chuyện về việc chủ động dẫn dắt, những nỗ lực để đổi mới thích ứng với hoàn cảnh. <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Ôn bài, tham khảo tài liệu và chuẩn bị nội dung, câu hỏi thắc mắc cho chương tiếp theo.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
8(5 tiết)	THUYẾT TRÌNH NHÓM VÀ NỘP BÁO CÁO	
9(5 tiết)	MỜI GUEST SPEAKER – ÔN TẬP	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hữu Thân

ĐCCT HP 40. QUAN HỆ CÔNG CHỨNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51088 – QUAN HỆ CÔNG CHỨNG]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Hành vi tổ chức

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Trịnh Hoàng Xuân Phúc
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên về những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; quy trình hoạch định chương trình PR; các công cụ thực thi

chính của PR; đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn đi tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề PR..

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Phân tích được các vấn đề liên quan đến truyền thông, PR

Thiết kế được một chương trình PR cho một doanh nghiệp

Về kỹ năng:

Lựa chọn và phối hợp được các công cụ marketing để thực hiện chương trình PR

Có khả năng thực hành được các công cụ PR trong thực tế

Về thái độ:

Thái độ xem như là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu rõ được vai trò của hoạt động PR đối với doanh nghiệp Có khả năng lập kế hoạch PR Tổ chức được phòng PR nội bộ	2
CELO2	Có khả năng sử dụng được các công cụ PR Viết được thông cáo báo chí Biết được quy trình tổ chức họp báo	4
Kỹ năng		
CELO3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề	3
CELO4	Biết cách quản lý khủng hoảng truyền thông	2
CELO5	Đánh giá được hiệu quả chương trình PR	6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu rõ được vai trò của hoạt động PR đối với doanh nghiệp Có khả năng lập kế hoạch PR Tổ chức được phòng PR nội bộ	ELO3, 7

CELO2	Có khả năng sử dụng được các công cụ PR Viết được thông cáo báo chí Biết được quy trình tổ chức họp báo	ELO3, 4, 8
Kỹ năng		
CELO3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề	ELO5
CELO4	Biết cách quản lý khủng hoảng truyền thông	ELO4, 8
CELO5	Đánh giá được hiệu quả chương trình PR	ELO 4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	H	S	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng, cùng thảo luận chuyên đề và case study.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH			ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (15%)	Bài tập nhóm (15%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)	
CLO1		X		X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Đánh giá thường xuyên - Giữa kỳ: - Cuối kỳ.

			X			- Thi giữa kỳ: trắc nghiệm (45 phút) - Thi cuối kỳ: trắc nghiệm & tự luận (75 phút)	
CLO2		X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO3	X		X	X	X	- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ
CLO4	X	X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO5		X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.

						- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	
CLO6	X	X	X	X	X	- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (15%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra/ Thi giữa kỳ (20%)	60%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm và tự luận	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Hoàng Tuấn; 2011; Hiểu và ứng dụng quan hệ công chúng cho doanh nghiệp; NXB Thanh Niên

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.25 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ công cụ chiến lược quan hệ công chúng: Sách tham khảo, Alison Theaker, Heather Yaxley; Biên dịch, h.đ.: Vũ Thanh Vân, Hà Mai Thuỳ Giang, nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2018

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
1(5 tiết)	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ PR VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGHỀ PR	CLO1
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1. Các khái niệm PR 1.2. Những yêu cầu đối với người làm nghề PR	
	B. Các nội dung cần tự học: - Tìm hiểu về nghề PR C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
2(5 tiết)	Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH PR VÀ TỔ CHỨC PHÒNG PR NỘI BỘ	CLO2, 3
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Kế hoạch PR 2.2. Tổ chức phòng PR nội bộ	
	B. Các nội dung cần tự học: - Tìm hiểu về phòng PR nội bộ của một doanh nghiệp cụ thể C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
3(5 tiết)	Chương 3: CÁC CÔNG CỤ VÀ KỸ NĂNG TRUYỀN THÔNG HIỆU QUẢ	CLO4,
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1. Công cụ PR 3.2. Kỹ năng giao tiếp	
	B. Các nội dung cần tự học: Tìm hiểu về các công cụ PR được các DN thường hay sử dụng C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
4(5 tiết)	Chương 4: THÔNG CÁO BÁO CHÍ VÀ TỔ CHỨC HỌP BÁO	CLO5, CLO6
	B. Nội dung 4.1. Thông cáo báo chí 4.2. Tổ chức họp báo	
	B. Các nội dung cần tự học: -Tìm các thông cáo báo chí của một số DM	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
5(5 tiết)	Chương 5: HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP	CLO7
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1. Tài trợ 5.2. Các bước cần thực hiện khi tài trợ	
	B. Các nội dung cần tự học: Tìm hiểu về các hoạt động tài trợ của một số doanh nghiệp	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
6(5 tiết)	Chương 6: TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PR KHÁC HỖ TRỢ	CLO8
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1. Tổ chức sự kiện 6.2. Các chương trình PR hỗ trợ cho tổ chức sự kiện	
	B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) 6.3. Tìm hiểu về một sự kiện được tổ chức bởi một doanh nghiệp cụ thể.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
7(5 tiết)	Chương 7: KHỦNG HOẢNG VÀ QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
	B. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7.1. Khủng hoảng 7.2. Quản lý khủng hoảng 7.3. Giải pháp phòng ngừa và xử lý khủng hoảng hiệu quả	
	B. Các nội dung cần tự học: 7.4. Tìm hiểu về sự khủng hoảng truyền thông của một DN cụ thể? DN đó đã xử lý khủng hoảng ra sao? Hiệu quả thế nào?	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
8(5 tiết)	Chương 8: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PR	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp 8.1. Đánh giá trong PR 8.2. Các bước đánh giá và công cụ đánh giá hiệu quả chương trình PR.	
	B. Các nội dung cần tự học:	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<p>8.3. Các doanh nghiệp có thực hiện đánh giá chương trình PR không? Họ đánh giá như thế nào.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
9(5 tiết)	<p>Chương 9: SINH VIÊN THỰC HIỆN BÁO CÁO ĐỀ TÀI</p> <p>C. Nội dung 9.1. Giới thiệu sản phẩm mới 9.2. Tổ chức sự kiện 9.3. Tổ chức họp báo 9.4. Xử lý khủng hoảng 9.5. Chương trình tài trợ 9.6. Chương trình từ thiện</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: 9.7. Chuẩn bị tốt bài báo cáo</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 41. QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51067- Quản trị rủi ro doanh nghiệp]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Đàm Trí Cường
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học Quản trị rủi ro cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về những rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nhấn mạnh các công cụ được sử dụng trong các quá trình

quản trị rủi ro bao gồm: nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, đối phó rủi ro, và giám sát rủi ro. Các nội dung bao gồm tổng quan về quản trị rủi ro, văn hoá nhận thức rủi ro, các hệ thống phân loại rủi ro, và các kỹ thuật kiểm soát rủi ro.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về những rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các công cụ hỗ trợ công tác quản trị rủi ro trong kinh doanh

Về kỹ năng:

Môn học rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về phân tích các rủi ro trong kinh doanh và các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu.

Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên có tinh thần trách nhiệm và cẩn trọng trong công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh	4
CELO2	Hiểu được quy trình quản trị rủi ro trong kinh doanh	2
CELO3	Hiểu được các công cụ quản trị rủi ro trong kinh doanh	2
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	2
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Rèn luyện cho sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong học tập và công việc	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh	ELO3, 4
CELO2	Hiểu được quy trình quản trị rủi ro trong kinh doanh	ELO2, 3, 4
CELO3	Hiểu được các công cụ quản trị rủi ro trong kinh doanh	ELO3, 4
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO5

CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	ELO8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Rèn luyện cho sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong học tập và công việc	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	H	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm
- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia hoạt động nhóm
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học. Nếu sinh viên vắng quá 3 buổi sẽ bị cấm thi.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục
- Không sử dụng điện thoại trong lớp
- Đi học đúng giờ theo quy định

- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm
- Lập các nhóm học tập, mỗi nhóm khoảng 6-8 sinh viên, cử 1 nhóm trưởng

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH			ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân/nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (30%)		
CLO1		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X			- Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
CLO5		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.

CLO6	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1) - Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
-------------	---	---	---	---	---	--------------

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10	
2	Bài tập cá nhân/nhóm	20	
3	Thi giữa học kỳ	20	Thời gian 60 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
4	Thi cuối học kỳ	50	Thời gian 90 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Quản lý rủi ro và hiệu suất công việc; Eric Verzuh; NXB Dân trí; 2020

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.26 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Quản Trị Rủi Ro Pháp Lý Trong Kinh Doanh; LS. Đỗ Đăng Khoa; nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh; 2019

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO	CLO1,2,3,4, 5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1 Tổng quan về Quản trị rủi ro 1.2 Định nghĩa rủi ro 1.3 Mô tả các loại rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 1	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
1.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)	CLO1,2,3,4, 5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.4 Các loại rủi ro 1.5 Thời gian tác động của rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 1	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
2.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)	CLO1,2,3,4, 5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.6 Quy trình quản trị rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 1	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
2.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC RỦI RO	CLO1,2,3,4, 5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1 Chính sách quản trị rủi ro Chiến lược quản trị rủi ro	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>Hướng dẫn quản trị rủi ro</p> <p>2.2 Thiết kế và sử dụng kế hoạch rủi ro</p> <p>Thiết kế kế hoạch rủi ro</p> <p>Sử dụng kế hoạch rủi ro</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 2</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	
3.1(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 3: CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ VĂN HOÁ NHẬN THỨC RỦI RO</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>3.1 Cấu trúc quản trị rủi ro và bốn mức độ trưởng thành rủi ro</p> <p>Cấu trúc quản trị rủi ro</p> <p>Bốn mức độ trưởng thành rủi ro</p> <p>3.2 Văn hoá nhận thức rủi ro</p> <p>Các phong cách quản trị rủi ro</p> <p>Định nghĩa văn hoá rủi ro</p> <p>Các thành phần của văn hóa nhận thức rủi ro</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 3</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	CLO1,2,3,4, 5,6
3.2(2,5 tiết)	<p>CHƯƠNG 4: CÁC HỆ THỐNG PHÂN LOẠI RỦI RO</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>4.1 Rủi ro ngắn hạn, trung hạn và dài hạn</p> <p>4.2 Mục đích của các hệ thống phân loại rủi ro</p> <p>4.3 Các hệ thống phân loại rủi ro</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 4</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>	CLO1,2,3,4, 5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
4.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 4: CÁC HỆ THỐNG PHÂN LOẠI RỦI RO (tiếp theo)	CLO1,2,3,4, 5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.4 Thẻ điểm rủi ro FIRM 4.5 Hệ thống phân loại rủi ro PESTLE	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 4	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
4.2(2,5 tiết)	Đánh giá giữa kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	
5.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 5: XÁC ĐỊNH RỦI RO	CLO1,2,3,5, 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1 Các phương pháp xác định rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 5	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
5.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ RỦI RO	CLO1,2,3,5, 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1 Tầm quan trọng của việc đánh giá rủi ro 6.2 Các kỹ thuật đánh giá rủi ro Bảng câu hỏi và danh sách kiểm tra Phương pháp động não Kiểm tra và đánh giá	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 6	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
	CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ RỦI RO (tiếp theo)	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
6.1(2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.3 Các kỹ thuật đánh giá rủi ro Sơ đồ và phân tích sự phụ thuộc Phân tích SWOT và PESTLE	CLO1,2,3,5, 6
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 6	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
6.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ RỦI RO (tiếp theo)	CLO1,2,3,5, 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.4 Nhận thức và ma trận rủi ro Nhận thức rủi ro Ma trận rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 6	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
7(5 tiết) Flipped - Video	CHƯƠNG 7: XỬ LÝ, CHUYỂN GIAO, VÀ LOẠI BỎ RỦI RO	CLO1,2,3,5, 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7.1 Xử lý rủi ro 7.2 Chuyển giao rủi ro 7.3 Loại bỏ rủi ro	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 7	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
8(5 tiết)	CHƯƠNG 8: CÁC KỸ THUẬT KIỂM SOÁT RỦI RO	CLO1,2,3,5, 6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 8.1 Kiểm soát phòng ngừa 8.2 Kiểm soát sửa chữa	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	8.3 Kiểm soát chỉ thị 8.4 Kiểm soát dò tìm B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến chương 8 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
9(5 tiết)	ÔN TẬP THI CUỐI KỲ A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Ôn tập thi cuối kỳ B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 giờ) Sinh viên đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến các chương C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	CLO1,2,3,5, 6
	Đánh giá cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đăng Quang

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51045- QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung căn bản về công tác Quản lý Chất Lượng; Các công cụ QLCL khi làm các công việc liên quan Quản lý Chất Lượng. Có thể hình thành được các chiến lược, phương pháp quản lý chất lượng hiệu quả Hệ thống QLCL ISO 9001 và các hệ thống phổ biến khác. Môn học bao gồm 08 chương với các nội dung: 03 chương sẽ giới thiệu “Tổng quan về Chất lượng” và “Tổng quan về Quản lý Chất lượng” và Chất lượng dịch vụ; 02 chương tiếp sẽ là “Đánh giá Chất Lượng, dịch vụ” và “ Các kỹ thuật và công cụ Kiểm soát Chất lượng” trong đó có hướng dẫn sử dụng các công cụ thống kê (07 QC tools) trong Kiểm soát chất lượng; 02 chương đề cập đến “ Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000” và các “Hệ thống HACCP, GMP, SA 8000, OHSAS 18000, ISO 14000”; 01 chương sau cùng là “Quản lý Chất lượng toàn diện TQM”, một mục tiêu phải hướng tới.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Những nội dung căn bản về công tác Quản lý Chất Lượng
- Các công cụ QLCL khi làm các công việc liên quan Quản lý Chất Lượng. Có thể hình thành được các chiến lược, phương pháp quản lý chất lượng hiệu quả
- Hệ thống QLCL ISO 9001 và các hệ thống phổ biến khác

Về kỹ năng:

- Đánh giá được chất lượng sản phẩm bài bản không theo cảm tính
- Đánh giá được chất lượng dịch vụ theo mô thức khoa học
- Sử dụng được các công cụ Kiểm soát chất lượng bằng thống kê
- Vẽ được các biểu đồ, đồ thị một cách chuyên nghiệp

Về thái độ:

- Có thái độ làm việc với sự thận trọng về Chất lượng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân biệt được ý nghĩa của Chất lượng và Quản trị chất lượng theo ý nghĩa chuyên nghiệp và theo quan niệm thông thường. Đồng thời diễn giải được ý nghĩa các hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, GMP, HACCP, OHSAS 18000, SA 8000, ISO 14000	4
CELO2	Phân tích và đánh giá chất lượng dưới 02 khía cạnh, sản phẩm và dịch vụ qua các đặc điểm khác nhau của 02 đối tượng này	4

CELO3	Vận dụng các công cụ thống kê trong việc kiểm soát các quá trình tạo ra sản phẩm hay dịch vụ	3
Kỹ năng		
CELO4	Sử dụng thành thạo phần mềm thống kê liên quan lĩnh vực quản lý chất lượng theo yêu cầu	2
CELO5	Thực hành các kỹ năng quản trị hiệu quả như các kỹ năng Làm việc nhóm, Tư duy phản biện, Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, Ra quyết định.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Làm đúng trách nhiệm khi làm công tác chất lượng tại nơi làm việc. Hành xử có đạo đức trong công việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng trước khi cung cấp sản phẩm/ dịch vụ cho người sử dụng.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân biệt được ý nghĩa của Chất lượng và Quản trị chất lượng theo ý nghĩa chuyên nghiệp và theo quan niệm thông thường. Đồng thời diễn giải được ý nghĩa các hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, GMP, HACCP, OHSAS 18000, SA 8000, ISO 14000	ELO3, 4, 8
CELO2	Phân tích và đánh giá chất lượng dưới 02 khía cạnh, sản phẩm và dịch vụ qua các đặc điểm khác nhau của 02 đối tượng này	ELO3, 8
CELO3	Vận dụng các công cụ thống kê trong việc kiểm soát các quá trình tạo ra sản phẩm hay dịch vụ	ELO4, 9
Kỹ năng		
CELO4	Sử dụng thành thạo phần mềm thống kê liên quan lĩnh vực quản lý chất lượng theo yêu cầu	ELO6
CELO5	Thực hành các kỹ năng quản trị hiệu quả như các kỹ năng Làm việc nhóm, Tư duy phản biện, Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, Ra quyết định.	ELO5, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Làm đúng trách nhiệm khi làm công tác chất lượng tại nơi làm việc. Hành xử có đạo đức trong công việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng trước khi cung cấp sản phẩm/ dịch vụ cho người sử dụng.	ELO10, 11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

		Năng lực tự chủ và trách nhiệm
--	--	---------------------------------------

Kiến thức				Kỹ năng								
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	
N	N	H	H	H	S	N	S	S	H	S	N	

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ,.....);

Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình về các tình huống thực tế

Giảng viên cung cấp

- Bài giảng, tài liệu tham khảo, đoạn video clip trước 01 tuần qua Trang Elearning
- Sinh viên làm bài tập theo sự hiểu biết khi đọc tài liệu (tính điểm theo số bài tập làm đầy đủ hàng tuần vào cuối HK)

Khi lên lớp, giảng viên cho:

- Làm trắc nghiệm theo cách Kahoot bài học tuần trước
- Bài tập tình huống liên quan bài tuần trước nếu có
- Triển khai bài học mới
- Sinh viên nhận sự giống và khác về những gì mình đã học tại nhà

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động làm bài tập, trắc nghiệm
- Xem các đoạn phim và thảo luận
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học. Sinh viên vắng 1 buổi sẽ bị trừ 1 điểm trong cột điểm chuyên cần.
- Tích cực phát biểu, chia sẻ ý kiến trong giờ học, được điểm cộng cho việc tham gia
- Làm bài tập và nộp trong 15 phút đầu của buổi học, không được chép các bài làm của bạn để nộp
- Trong những bài làm, đặc biệt các bài chuyên đề, làm việc nhóm tránh việc đạo văn
- Tích cực tham gia các hoạt động nhóm
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH				ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Thi giữa kỳ (20%)	Bài tập nhóm (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1		X	X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.

CLO2		X	X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO4		X		X		- Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương -
CLO5	X	X		X		- Bài tập (Rubric 2)	- Theo lịch báo cáo nhóm
CLO6	X	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1)	- Mỗi buổi học

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Dự lớp	10%	Quá trình 60%
2	Thảo luận, Bài tập nhà	10 %	
3	Thi giữa học kỳ (Thời gian 60 phút/ Được sử dụng tài liệu/ Trắc nghiệm và tự luận)	20 %	
4	Báo cáo, Thuyết trình nhóm	20%	

5	Thi cuối học kỳ (Thời gian 90 phút/ Được sử dụng tài liệu / Trắc nghiệm và tự luận)	40%	Thi cuối kỳ 40%
Tổng		100%	100 %

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4

Vấn đáp trên lớp	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
------------------	---	---	--	--

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Bùi Nguyên Hùng và Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, 2018, Quản lý Chất Lượng, NXB Đại học quốc Gia

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.27 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Giáo trình quản trị chất lượng; Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự; ĐH Kinh tế quốc dân; 2012

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung bài học	KQHTMD của học phần	Tài liệu
Chương 1: Tổng quan về Chất Lượng			
1.1(2,5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu đề cương môn học Nội dung 1: Các định nghĩa Chất Lượng, các thuộc tính Nội dung 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến Chất Lượng Nội dung 3: Quy tắc 03 P, quy tắc QCĐSS Nội dung 3: Chi phí Chất Lượng 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 1: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2	Phụ lục	
Chương 2: Tổng quan về Quản trị Chất Lượng			
1.2(2,5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nội dung 1: Quá trình hình thành và phát triển QLCL Nội dung 2: Các phương thức QLCL theo các thời kỳ Nội dung 3: Các hệ thống QLCL 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 2: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2	Phụ lục	
Chương 3: Chất Lượng dịch vụ			
2.1(2,5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nội dung 1: Khái niệm, đặc điểm, phân loại Nội dung 2: Chất lượng dịch vụ, các thành phần Nội dung 3: Quản lý chất lượng dịch vụ 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2		
Chương 4: Đánh giá Chất Lượng sản phẩm/ dịch vụ			
2.2(2,5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nội dung 1: Các nguyên tắc Nội dung 2: Các phương pháp 	CLO2 CLO3 CLO4	- Slide bài giảng

3.1(2,5 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung 3: Hệ số CL, Mức CL Nội dung 4: Trình độ chất lượng, Chất lượng toàn phần Nội dung 5: Hệ số hiệu quả sử dụng, hệ số hữu dụng tương đối, Hệ số phân hạng Nội dung 6: Mô hình chất lượng dịch vụ của Parasuraman Nội dung 7: Thang đo SERVQUAL và 21 biến quan sát trong đánh giá dịch vụ 	CLO5	- Tài liệu cung cấp
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo			
C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2		Phụ lục	
Chương 5: Kiểm soát Chất lượng bằng thống kê (07 công cụ)			
3.2 (2,5 tiết) 4 (5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nội dung 1: Phiếu kiểm tra Nội dung 2: Lưu đồ Nội dung 3: Biểu đồ kiểm soát Nội dung 4: Biểu đồ nhân quả Nội dung 5: Biểu đồ Pareto Nội dung 6: Biểu đồ Histogram Nội dung 7: Biểu đồ Scatter 	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo			
C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2		Phụ lục	
5.1 (2,5 tiết)	Đánh giá giữa kỳ (trắc nghiệm & tự luận)		
Chương 6: Kiểm tra và đánh giá chất lượng			

5.2 (2,5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Nội dung 1: Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá • Nội dung 2: Kiểm tra và thử nghiệm, các Phương pháp lấy mẫu 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo			
C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 6: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2		Phụ lục	
Chương 7: Hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001			
6(5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Nội dung 1: Các khái niệm • Nội dung 2: Tiêu chuẩn ISO 9001, kiến thức căn bản • Nội dung 3: Xây dựng và áp dụng • Nội dung 4: Hệ thống văn bản • Nội dung 5: Đánh giá hệ thống chất lượng 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo			
C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 6: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2		Phụ lục	
Chương 8: Các hệ thống quản lý chất lượng khác: GMP, HACCP, OHSAS, SA 8000, ISO 14000			
7(5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> • Nội dung 1: Các yêu cầu của Hệ thống GMP • Nội dung 2: Hệ thống HACCP • Nội dung 3: Hệ thống OHSAS 18000 • Nội dung 4: Hệ thống SA 8000 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng

	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung 3: Hệ thống ISO 14000 		- Tài liệu cung cấp
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 7: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2	Phụ lục	
Chương 9: Quản lý Chất Lượng toàn diện TQM			
8(5 tiết)	A/ Các nội dung chính trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> Nội dung 1: Tổng quan về TQM, các chức năng trong từng công đoạn Nội dung 2: Yếu tố cấu thành và thực hiện TQM trong tổ chức Nội dung 3: PP phối hợp TPM Nội dung 4: PP phối hợp JIT 	CLO1 CLO2 CLO3	- Slide bài giảng - Tài liệu cung cấp
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Chuẩn bị đọc và làm bài cho chương tiếp theo		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 8: Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2	Phụ lục	
9(5 tiết)	Ôn tập	CLO 6	
	THI CUỐI KỲ Hình thức tổ chức: Tập trung Phương pháp đánh giá: Rubric 4		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2013
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 4 năm học 2021-2022

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 43. NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51082 – NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Hành vi tổ chức

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 8

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Hà Kiên Tân
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Mục tiêu của học phần này nhằm giúp người học nắm vững những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những hiểu biết và kỹ năng về lãnh đạo cho bản thân mình, nhận ra các bối cảnh lãnh đạo khác nhau với các quan niệm, mô hình và lý thuyết phù hợp nhằm làm cho công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp hiệu quả.

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về phẩm chất, kỹ năng, bản chất và vai trò của nhà lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo hiệu quả, quyền lực và sự ảnh hưởng cũng như các tình huống lãnh đạo thực tế được thảo luận để trao đổi và phát triển kỹ năng lãnh đạo

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Phân tích được các vấn đề liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo

Vận dụng được các loại phong cách lãnh đạo cho một doanh nghiệp

Về kỹ năng:

Ứng dụng kiến thức trong môn học vào giải quyết các tình huống lãnh đạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp

Về thái độ:

Thái độ xem như là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm, ý nghĩa; bản chất công việc và vai trò của lãnh đạo, các cách tiếp cận nghiên cứu về lãnh đạo và phân tích được các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo	2
CELO2	Giải thích được quyền lực và sự ảnh hưởng, vận dụng các chiến lược ảnh hưởng trong thực tế, các phong cách lãnh đạo, sự giống và khác nhau giữa các mô hình lãnh đạo	3
Kỹ năng		
CELO3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề	3
CELO4	Vận dụng được cách lãnh đạo sự thay đổi trong tổ chức	3
CELO5	Ứng dụng kiến thức trong môn học vào giải quyết các tình huống lãnh đạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm, ý nghĩa; bản chất công việc và vai trò của lãnh đạo, các cách tiếp cận nghiên cứu về lãnh đạo và phân tích được các phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo	ELO3

CELO2	Giải thích được quyền lực và sự ảnh hưởng, vận dụng các chiến lược ảnh hưởng trong thực tế, các phong cách lãnh đạo, sự giống và khác nhau giữa các mô hình lãnh đạo	ELO3, 4, 8
Kỹ năng		
CELO3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải quyết vấn đề	ELO5
CELO4	Vận dụng được cách lãnh đạo sự thay đổi trong tổ chức	ELO4, 8
CELO5	Ứng dụng kiến thức trong môn học vào giải quyết các tình huống lãnh đạo trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp	ELO 4, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	H	S	N	N	N	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng, cùng thảo luận chuyên đề và case study.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH					
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (15%)	Bài tập nhóm (15%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)	

CLO1		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi giữa kỳ: trắc nghiệm (45 phút) - Thi cuối kỳ: trắc nghiệm & tự luận (75 phút) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên - Giữa kỳ: - Cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO3	X		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ

CLO4	X	X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO5		X	X	X	X	- Bài tập cá nhân: bài thu hoạch - Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.
CLO6	X	X	X	X	X	- Bài tập nhóm: Thuyết trình nhóm + báo cáo - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ	- Đánh giá thường xuyên - Cuối kỳ.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (15%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra/ Thi giữa kỳ (20%)	60%	
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm và tự luận	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>

Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
---------------------	--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Hoàng Tuấn; 2011; Hiểu và ứng dụng quan hệ công chúng cho doanh nghiệp; NXB Thanh Niên

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.28 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Bộ công cụ chiến lược quan hệ công chúng: Sách tham khảo; Alison Theaker, Heather Yaxley; Biên dịch, h.đ.: Vũ Thanh Vân, Hà Mai Thủy Giang; Chính trị Quốc gia sự thật; 2018

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1(5 tiết)	CHƯƠNG 1. Bản chất của lãnh đạo	CLO1
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1. <i>Khái niệm và vai trò của lãnh đạo</i> 2. <i>Hiệu quả lãnh đạo</i> 3. <i>Cách tiếp cận nghiên cứu về lãnh đạo.</i>	
	B. Các nội dung cần tự học: - Tìm hiểu một số hình mẫu về các nhà lãnh đạo nổi tiếng tại VN và cho vài nhận xét cơ bản về phẩm chất cần có của 1 nhà lãnh đạo	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
2(5 tiết)	CHƯƠNG 2. Quyền lực và sự ảnh hưởng	CLO2, 3
	C. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Định nghĩa 2.2. Cơ sở của quyền lực 2.3. Những nguyên tắc sử dụng quyền lực	
	B. Các nội dung cần tự học: - Tìm hiểu 1 số tình huống về cơ sở quyền lực và rút ra bài học kinh nghiệm từ các tình huống này	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:	

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	- Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
3(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 3. Hiệu quả của quyền lực và các chiến lược ảnh hưởng</p> <p>C. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>3. Nghiên cứu về quyền lực và hiệu quả</p> <p>4. Mô hình về quyền lực và sự ảnh hưởng</p> <p>5. Các chiến lược ảnh hưởng</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Xây dựng video clip để minh họa các chiến lược ảnh hưởng</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO4,
4(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 4. Phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo</p> <p>C. Nội dung</p> <p>4.1. Tổng kết các nghiên cứu theo phẩm chất cá nhân</p> <p>4.2. Các nghiên cứu khác về phẩm chất</p> <p>4.3. Nghiên cứu về động cơ quản lý</p> <p>4.4. Các kỹ năng quản trị</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Phân tích thực trạng phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo của các nhà lãnh đạo VN hiện nay</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO5, CLO6
5(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 5. Bản chất của công việc và vai trò của người lãnh đạo</p> <p>C. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>5.1. Bản chất công việc của người lãnh đạo</p> <p>5.2. Những vai trò của người lãnh đạo</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Vẽ sơ đồ tư duy để minh họa bản chất công việc của nhà lãnh đạo</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO7
6(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 6. Phong cách lãnh đạo</p> <p>C. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>6.1. Khái niệm về phong cách lãnh đạo</p> <p>6.2. Nghiên cứu của Kurt Lewin</p>	CLO8

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	<p>6.3. Mô hình của trường đại học Bang bang OHIO</p> <p>6.4. Nghiên cứu của trường Đại học MICHIGAN</p> <p>6.5. Nghiên cứu hệ thống quản lý của R. Likert</p> <p>6.6. Sơ đồ mạng lưới lãnh đạo</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: (6 giờ) Tổng kết một số hình mẫu về phong cách lãnh đạo một số nhà lãnh đạo điển hình tại VN và thế giới, rút ra kinh nghiệm</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	
7(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 7. Lãnh đạo theo tình huống</p> <p>C. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp</p> <p>6.1. Miền lựa chọn liên tục hành vi lãnh đạo</p> <p>6.2. Thuyết phục dẫn đến mục tiêu</p> <p>6.3. Thuyết phục chu kỳ mức độ trưởng thành của người lao động</p> <p>6.4. Thuyết ngẫu nhiên</p> <p>6.5. Mô hình ra quyết định của VROOM/ YETTON/JAGO</p> <p>6.6. Những thay thế cho lãnh đạo</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Sinh viên tự cho tình huống và ứng dụng từ các mô hình lý thuyết đã học</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 8. Lãnh đạo về chất</p> <p>B. Nội dung giảng dạy trên lớp</p> <p>8.1. Sự tồn tại và thích ích của tổ chức</p> <p>8.2. Lãnh đạo mới về chất</p> <p>8.3. Các thuyết về lãnh đạo hấp dẫn</p> <p>8.4. Các thuyết về lãnh đạo mới về chất</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Tổng kết một số hình mẫu về lãnh đạo về chất một số nhà lãnh đạo điển hình tại VN và thế giới, rút ra kinh nghiệm</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá:</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Buổi	Nội dung	CĐR của HP
	Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)	
9(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 9. Lãnh đạo ra quyết định nhóm</p> <p>D. Nội dung 9.19.1. Các nhân tố xác định hiệu quả của quyết định nhóm 9.2. Chức năng lãnh đạo trong quyết định nhóm 9.3. Vai trò của người lãnh đạo trong quyết định nhóm 9.4. Những bí quyết cho việc chuẩn đoán vấn đề 9.5. Bí quyết cho việc phát triển các giải pháp 9.6. Bí quyết cho việc lựa chọn giải pháp</p> <p>B. Các nội dung cần tự học: Tổng hợp sơ đồ tư duy 9 chương đã học</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Chuyên cần (Rubric 1)/ Bài tập cá nhân (Rubric 2)/ Thuyết trình nhóm (Rubric 3)/ Thi giữa kỳ (Rubric 4)/ Thi cuối kỳ (Rubric 5)</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Kiên Tân

ĐCCT HP 44. ĐỀ ÁN HỌC PHẦN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51047- Đề án học phần]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp:
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 135 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: PP nghiên cứu khoa học, quản trị nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị sản xuất và dịch vụ, Anh văn CN QTKD

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

- Đề án này có tính chất như một phần tổng hợp các kiến thức về quản trị kinh doanh vào thực tế với một mục tiêu cụ thể.

- Sinh viên sẽ được chia thành các nhóm. Các nhóm lựa chọn cho mình một doanh nghiệp có thực hoặc một doanh nghiệp ảo với các ý tưởng kinh doanh cụ thể, sau đó sử dụng các kiến thức quản trị kinh doanh đã học trong các học kỳ trước để tiến hành làm đề án về quản trị kinh doanh.
- Các ý tưởng đó có thể được hình thành bởi sinh viên nhưng cũng có thể là ý tưởng của các doanh nghiệp. Đối với các ý tưởng của các doanh nghiệp, các ý tưởng này phải chưa được thực hiện. Yếu tố khả thi của đề án sẽ được nhấn mạnh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Giúp sinh viên có thể độc lập thực hiện một đề án về quản trị kinh doanh.

Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức quản trị kinh doanh vào một công việc cụ thể.

Về kỹ năng

Có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả

Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc, rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết các quy trình thực hiện một đề án quản trị kinh doanh.	2
CELO2	Chủ động thực hiện các kế hoạch, công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong thực tế.	3
CELO3	Biết cách phối hợp các nguồn lực để thực hiện một đề án lập về quản trị kinh doanh hiệu quả.	5
Kỹ năng		
CELO4	Viết hoàn thành 1 đề án theo mẫu	3
CELO5	Có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Biết vận dụng các kiến thức đã học để tự khám phá các vấn đề mới phát sinh tại DN, thể hiện tinh thần học tập suốt đời nhằm thích ứng tốt với môi trường và linh động với hoàn cảnh từng DN.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu biết các quy trình thực hiện một đề án quản trị kinh doanh.	ELO 3, 4, 8

CELO2	Chủ động thực hiện các kế hoạch, công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong thực tế.	ELO 8, 9
CELO3	Biết cách phối hợp các nguồn lực để thực hiện một đề án lập về quản trị kinh doanh hiệu quả.	ELO 3, 4
Kỹ năng		
CELO4	Viết hoàn thành 1 đề án theo mẫu	ELO 3, 4, 8
CELO5	Có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả	ELO 5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Biết vận dụng các kiến thức đã học để tự khám phá các vấn đề mới phát sinh tại DN, thể hiện tinh thần học tập suốt đời nhằm thích ứng tốt với môi trường và linh động với hoàn cảnh từng DN.	ELO 11,12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	H	S	N	H	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Giảng viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, định hướng theo dõi, đánh giá và phản hồi cho sinh viên theo đúng quy định của mục 8.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Lắng nghe hướng dẫn từ giảng viên, từ các nhân viên trong doanh nghiệp
- Quan sát cách thức thực hiện công việc của các nhân viên trong công ty
- Thực hành các nghiệp vụ đã quan sát được
- Thực hành nghiên cứu chuyên đề

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

A. Trước khi thực hiện đề án học phần

Tham gia các buổi sinh hoạt do Khoa tổ chức để nắm rõ quy định của Khoa về việc thực hiện đề án

B. Trong quá trình thực hiện đề án

1. Thực hiện đúng yêu cầu và nội quy thực tập của Khoa và Công ty.
2. Đảm bảo công việc thực hiện đề án mà SV và công ty đã thỏa thuận.

3. Chủ động liên hệ Giảng viên hướng dẫn (GVHD) theo sự phân công của Khoa. Sinh viên làm việc với GVHD về cách chọn đề tài.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ										CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Giới thiệu đơn vị và công việc được phân công (5%)	Lý do chọn đề tài (5%)	Phương pháp nghiên cứu (10%)	Cơ sở lý luận của đề tài (15%)	Thực trạng của vấn đề tại công ty (30%)	Giải pháp, Kiến nghị (20%)	Kết luận (5%)	Tài liệu tham khảo (5%)	Hình thức trình bày (5%)		
CLO 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	Báo cáo thực hiện đề án	Kết thúc đợt thực hiện đề án
CLO 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 3	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 4	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 5	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 6	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Giới thiệu đơn vị và công việc được phân công	5%	
2	Lý do chọn đề tài	5%	

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
3	Phương pháp thu thập dữ liệu	10%	
4	Cơ sở lý thuyết đã học áp dụng vào đề tài	15%	
5	Thực trạng của vấn đề tại công ty	30%	
6	Giải pháp, Kiến nghị	20%	
7	Kết luận	5%	
8	Tài liệu tham khảo	5%	
9	Hình thức trình bày	5%	
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Kiến thức các môn đại cương và chuyên ngành đã học ở trường và trải nghiệm thực tế ở công ty.
- Tài liệu lưu hành nội bộ của Khoa QTKD: “Hướng dẫn báo cáo thực tập/ Giảng viên Khoa QTKD”.

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.29 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Website của công ty thực tập;

Website của tổng cục thống kê.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Đầu đề bài giảng	Tài liệu tham khảo
1	SV LÊN LỚP GẶP GV – PHÒNG ĐÀO TẠO BỐ TRÍ PHÒNG. Giảng viên điều phối sẽ trực tiếp hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu của đề án • Các bước thực hiện đề án • Định hướng chọn đề tài Hướng dẫn phân nhóm thực hiện đề án	
2	SV LÊN LỚP GẶP GV – PHÒNG ĐÀO TẠO BỐ TRÍ PHÒNG Giảng viên điều phối sẽ: <ul style="list-style-type: none"> • Thu nhận tên đề tài • Điều chỉnh tên đề tài hoặc hướng nghiên cứu • Giải đáp 	
3	Sinh viên lập kế hoạch và đề cương nghiên cứu GV điều phối công bố danh sách GV hướng dẫn.	
4	Sinh viên gặp GV hướng dẫn và trình bày kế hoạch nghiên cứu, và đề cương nghiên cứu	
5	Tiến hành tập hợp thông tin. Trong suốt quá trình nghiên cứu, SV phải bảo đảm việc gặp GV ít nhất 2 tuần 1 lần	
6	SV xử lý thông tin, tiếp xúc với GV	
7	Viết báo cáo	
8	Nộp báo cáo trước	
9	GV chấm báo cáo	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

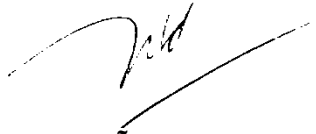
13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Cập nhật hình thức ĐCCT, cập nhật mapping chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 45. AV CHUYÊN NGÀNH QTKD

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51060-AV CHUYÊN NGÀNH QTKD]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 2 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS Lê Ngọc Thảo Nguyễn
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Trong xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế, nhất là khi Việt Nam gia nhập AFTA, WTO, TPP, và các tổ chức khác thì ngành quản trị kinh doanh đóng một vai trò rất quan trọng. Để tăng cường khả năng làm việc của sinh viên QTKD, trong giai đoạn một 2016-2017, khoa quản trị trang bị cho sinh viên có

khả năng đọc được các tài liệu cơ bản QTKD bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, để kiếm được việc làm với mức lương cao và thăng tiến nghề nghiệp tại các công ty, nhất là tại các công ty liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trong giai đoạn hai 2017-2020, khoa Quản trị nâng cao trình độ ngoại ngữ cho sinh viên không những phải có khả năng đọc tài liệu, mà quan trọng hơn, cần phải có khả năng giao dịch bằng tiếng Anh. Giao dịch hay truyền thông (communication) dưới hình thức viết bao gồm thư tín, telex, fax, memo... Truyền thông nói rất phong phú và đa dạng dưới các hình thức thuyết trình, phát biểu trong các cuộc họp, giao tiếp thương lượng, giao tế, phỏng vấn...

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Đọc và hiểu Anh Văn chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh

Có khả năng phân tích và giải thích được cú pháp văn phạm Anh ngữ kinh doanh.

Về kỹ năng:

Có kỹ năng thảo luận với khách hàng nước ngoài những câu cơ bản về Anh ngữ kinh doanh.

Có khả năng soạn thảo thư từ bằng tiếng Anh với khách hàng

Về thái độ:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ tự tin khi đối mặt và xử lý tốt những tình huống khó khăn trong các hoạt động giao tiếp kinh doanh trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Viết được các câu cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh	3
CELO2	Đọc hiểu Anh Văn chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh	2
CELO3	Phân tích được cấu trúc Anh Văn chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh	4
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	3
CELO5	Có khả năng tiếp xúc được khách hàng nước ngoài	3
CELO6	Giao dịch được thư từ với khách nước ngoài	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo(ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Viết được các câu cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh	ELO6
CELO2	Đọc hiểu Anh Văn chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh	ELO6
CELO3	Phân tích được cấu trúc Anh Văn chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh	ELO6
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng lựa chọn và điều chỉnh quá trình giao tiếp phù hợp để đạt mục tiêu đề ra.	ELO5
CELO5	Có khả năng tiếp xúc được khách hàng nước ngoài	ELO6
CELO6	Giao dịch được thư từ với khách nước ngoài	ELO6
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Có thái độ tích cực, tác phong công nghiệp, lịch sự trong giao tiếp.	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	N	N	H	H	N	N	N	N	N	H

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (suppoorted)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập**7.1 Phương pháp giảng dạy**

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng viên trình bày nội dung lý thuyết, cung cấp các tình huống thực tế hướng dẫn sinh viên cách phân tích và tìm giải pháp.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên trải nghiệm thực tế theo từng yêu cầu có tính chất đơn giản.
- Giảng viên yêu cầu sinh viên làm việc nhóm, thiết lập các tình huống trải nghiệm tại lớp và thuyết trình

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng và thảo luận.
- Tham gia hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân.

Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan nội dung môn học

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu SV vắng quá 20% (3 buổi) có thể không được tham dự kỳ thi, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục.
- Sinh viên cần thực hành sự chuyên nghiệp ngay trong môi trường học đường. Sự chuyên nghiệp này bao gồm: tôn trọng giảng viên và các bạn cùng lớp; có mặt trên lớp đúng giờ (nếu đi trễ quá 15 phút sinh viên không được vào lớp); không rời lớp học khi buổi học chưa kết thúc; không làm phiền giảng viên và các bạn trong lớp bằng cách sử dụng điện thoại và các phương tiện kỹ thuật khác; tham gia tích cực vào các chủ đề thảo luận trên lớp.
- Sinh viên thực hành các quy tắc chuyên nghiệp trong giao tiếp qua email với giảng viên và sinh viên cùng lớp. Các quy tắc bao gồm: 1- tên địa chỉ email phù hợp; 2- không thể chủ đề email trắng hoặc chỉ bao gồm 1-2 từ; 3- kiểm tra kỹ lỗi chính tả và ngữ pháp trước khi gửi; 4- suy nghĩ thấu đáo về ngôn từ và nội dung trước khi gửi đi.
- Nộp bài đúng hạn và chủ động thông báo sớm ít nhất 24 giờ cho giảng viên nếu xin gia hạn thời gian nộp.
- Không gian lận dưới bất kỳ hình thức nào. Gian lận trong bất kỳ một hoạt động nào có thể dẫn đến điểm rớt môn học

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Đánh giá quá trình (60%)			Thi cuối kỳ (40%)		
	Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp,	Thi giữa kỳ (20%)	Bài tập Nhóm (20%)			

	chuyên cần (20%)					
CLO 1	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 2	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 3	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 4	X		X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 5	X		X		- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)	- Hàng tuần - Kiểm tra giữa kỳ
CLO 6	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubic 1a,b,c) - Bài tập Nhóm (Rubic 3)	- Hàng tuần - Thi cuối kỳ

					- Thi cuối kỳ (Rubric 4)	
CLO7	X	X	X	X	- Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp (Rubric 1a,b,c)	- Hàng tuần

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Đánh giá quá trình	60%	
1.1	Bài tập hàng tuần trên lớp (cá nhân và/hoặc nhóm); chuyên cần	20%	- Bài tập hàng tuần - Thảo luận trên lớp - Chuyên cần
1.2	Kiểm tra giữa học kỳ	20%	Thời gian thi dự kiến là 45 phút; Hình thức thi: trắc nghiệm, và câu hỏi ngắn. Bao gồm các chương: 1,2,3,4,5,6
1.3	Bài tập Nhóm	20%	Nộp báo cáo và trình bày vào cuối kỳ Thời hạn nộp bài và trình bày: Tuần 14, 15
2	Thi Cuối kỳ	40%	Thời gian thi dự kiến là 90 phút; Hình thức thi sẽ bao gồm các câu trắc nghiệm; và phần thi viết với nội dung liên quan đến viết thư kinh doanh, dự thảo kinh doanh, hoặc báo cáo kinh doanh. Bao gồm các chương: 7,8,9,10,11,12
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4

Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo
---------------------	--	---	---

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Tiếng Anh Kinh Doanh – Giao Tiếp Kinh Doanh; Nhân Văn Group; Nhà Xuất Bản Thanh Niên; 2017

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.30 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMD của HP
1(5 tiết)	<p>Giới thiệu môn học</p> <p>CHƯƠNG 1: Basic Factors in Business (các yếu tố cơ bản trong kinh doanh)</p>		CLO1,2
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p><i>1.1 Tổng quan các khái niệm về kinh doanh như lợi nhuận, nợ, sáng tạo, phá sản, phân phối</i></p> <p><i>1.2 Bốn yếu tố của sản xuất: đất đai, lao động, vốn, và tinh thần doanh nhân</i></p> <p><i>1.3 Yếu tố đất đai nguyên liệu</i></p> <p><i>1.5 Yếu tố lao động</i></p> <p><i>1.5 Yếu tố vốn</i></p> <p><i>1.6 Yếu tố tinh thần doanh nhân</i></p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>- Ôn tập lại bài đã học và xem bài mới</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMĐ của HP
	Phương pháp đánh giá: - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)		
2(5 tiết)	CHƯƠNG 2: Legal Forms Of Organization (Các hình thức pháp lý của tổ chức)		CLO1, CLO2,
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1 Doanh nghiệp cá thể 2.2 Công ty hợp danh 2.3 Công ty trách nhiệm hữu hạn 2.4 Công ty cổ phần 2.5 Khái niệm cổ đông cổ phần		
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - Chuẩn bị bài cho buổi học tiếp theo		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)		
3(5 tiết) 4(5 tiết)	CHƯƠNG 3: Production (sản xuất)		CLO3
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7. 3.1 Bốn loại sản xuất 8. 3.2 Hai phương pháp sản xuất		
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu trước nội dung bài học tiếp theo C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c) - Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)		
5(5 tiết) 6(5 tiết)	CHƯƠNG 4: MARKETING		CLO1,2, 4
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1 Phân biệt thị trường (market) và marketing 4.2 Khái niệm maarketing trong quá khứ 4.3 Khái niệm marketing hiện đại 4.4 Lưu thông phân phối		
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: - ôn tập lại kiến thức đã học C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Bài tập hàng tuần, tham gia trên lớp, chuyên cần (Rubic 1a,b,c)		

Buổi	Nội dung	Tài liệu/ Bài đọc	KQHTMĐ của HP
	- Kiểm tra giữa kỳ (Rubic 2)		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: thay đổi đề cương cho phù hợp

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Ngọc Thảo Nguyễn

ĐCCT HP 46. KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [81096- KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc (nhóm môn Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp) <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn (nhóm môn Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh bán lẻ)

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Kinh học Vi mô, Marketing căn bản, Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7, 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: ThS. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm 3 phần chính:

- Phần 1: Giới thiệu các khái niệm và lý thuyết cơ bản về khởi nghiệp: thách thức trong khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; sự khác biệt giữa nhà khởi nghiệp và nhà quản, và giữa nhà khởi nghiệp mới và nhà khởi sự trong doanh nghiệp; và các cách tiếp cận trong nghiên cứu về khởi nghiệp.
- Phần 2: Khởi nghiệp tinh gọn: Tạo lập mô hình kinh doanh; Các nguyên lý của khởi nghiệp tinh gọn; sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP); 4 giai đoạn của phát hiện - khám phá khách hàng; Khẳng định – xác nhận khách hàng.
- Phần 3: Xây dựng kế hoạch kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Khóa học này nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật và kỹ năng cơ bản để khởi tạo và quản lý một doanh nghiệp

Về kỹ năng:

Các chủ đề chính của môn học bao gồm: những thử thách của việc khởi nghiệp kinh doanh, các nguyên lý của khởi nghiệp tinh gọn, phát triển và kiểm chứng mô hình kinh doanh và cuối cùng, xây dựng kế hoạch kinh doanh.

Về thái độ:

Thái độ xem như là nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi người

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản của Khởi nghiệp như thách thức trong khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, sự khác biệt giữa nhà khởi nghiệp và nhà quản trị, và các cách tiếp cận trong nghiên cứu về khởi nghiệp.	2
CELO2	Giải thích được các bước mà nhà khởi nghiệp cần phải thực hiện khi khởi động một doanh nghiệp mới.	3
CELO3	Hiểu và áp dụng mô hình kinh doanh và các nguyên lý của khởi nghiệp tinh gọn để xây dựng và kiểm chứng mô hình kinh doanh.	3
CELO4	Xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh	5
Kỹ năng		
CELO5	Làm việc nhóm và quản lý nhóm	3
CELO6	Tư duy chiến lược và xếp hạng ưu tiên	4
CELO7	Viết và trình bày mô hình kinh doanh	5

Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Cam kết cao, đúng hạn	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản của Khởi nghiệp như thách thức trong khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, sự khác biệt giữa nhà khởi nghiệp và nhà quản trị, và các cách tiếp cận trong nghiên cứu về khởi nghiệp.	ELO3, 4, 8
CELO2	Giải thích được các bước mà nhà khởi nghiệp cần phải thực hiện khi khởi động một doanh nghiệp mới.	ELO3, 4, 8 9
CELO3	Hiểu và áp dụng mô hình kinh doanh và các nguyên lý của khởi nghiệp tinh gọn để xây dựng và kiểm chứng mô hình kinh doanh.	ELO3, 4, 8, 9
CELO4	Xây dựng được bản kế hoạch kinh doanh	ELO7
Kỹ năng		
CELO5	Làm việc nhóm và quản lý nhóm	ELO5
CELO6	Tư duy chiến lược và xếp hạng ưu tiên	ELO8
CELO7	Viết và trình bày mô hình kinh doanh	ELO7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Cam kết cao, đúng hạn	ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	S	N	H	H	H	N	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Đây là môn học được giảng dạy theo dạng Project – based. Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng dạy trực tiếp tại lớp học / Giảng dạy trực tuyến qua MS TEAMS; E-Learning
- Thuyết giảng;
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm/ làm dự án.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng trên lớp / qua MS TEAMS
- Tự học qua trang E-Learning
- Đọc tài liệu và slides bài giảng và thảo luận trên lớp những vấn đề liên quan đến khái niệm lý thuyết và dự án của nhóm;
- Làm việc nhóm: Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức lý thuyết vào một dự án kinh doanh thực tế;
- Thuyết trình.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ và chuẩn bị nội dung bài mới như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy trước khi tham gia buổi học tiếp theo;
- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

Sinh viên cần phải hành xử phù hợp và tôn trọng giảng viên cũng như các sinh viên khác. Các hành vi có thể gây ảnh hưởng đến lớp học như nói chuyện riêng, để chuông điện thoại reo hoặc nói chuyện điện thoại, hoặc ăn uống trong lớp học là không được chấp nhận và sinh viên có thể bị yêu cầu rời khỏi lớp học.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ			CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Tham gia trên lớp (10%)	Dự án Nhóm (50%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2) - Thi CK (Rubric 3);	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)

					- Thi CK (thông báo sau)
CLO2	X	X	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)
CLO3	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2) - Thi CK (Rubric 3);	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13) - Thi CK (thông báo sau)
CLO4	X	X	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)
CLO5	X	X	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)
CLO6	X	X	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)
CLO7	-	X	-	- Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)
CLO8	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2)	- Hàng tuần - BT Nhóm (buổi 6,7 và 12,13)

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần và tham gia thảo luận, đóng góp trên lớp	10%	
	Bài tập nhóm: (Hướng dẫn và thời hạn nộp bài xem trong mục 6.4.2) - Phần 2.1: Ý tưởng kinh doanh và mô hình kinh doanh. Trình bày: Buổi học 6 – 7	25%	
	- Phần 2.2: Kiểm chứng mô hình kinh doanh và Xây dựng Kế hoạch kinh doanh. Trình bày: Buổi học 12 – 13. Nộp báo cáo: Tuần 14	25%	
Thi kết thúc học phần	Tự luận, đề mở - được sử dụng tài liệu. Thời gian: 75 phút Nội dung: Case analysis / trả lời câu hỏi mở (ứng dụng & phân tích)	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần - Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	<i>Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi</i>	<i>Có đặt/trả lời câu hỏi</i>	<i>Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định</i>	<i>Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu</i>

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Khởi nghiệp kinh doanh : Lý thuyết, quá trình, thực tiễn; Donald F. Kuratko; Lê Việt Hưng, Nguyễn Hoàng Kiệt, Bùi Thị Thanh (h.đ bản dịch); nxb Hồng Đức; 2019

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.31 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Tạo lập Mô hình kinh doanh; Alexander Osterwalder, Yves Pigneur; Lưu Thị Thanh Huyền (dịch); nxb Công thương; 2020

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CĐT của HP	Tài liệu
1.1 (2,5 tiết)	Bài 1: GIỚI THIỆU CÁC KHÁI NIỆM KHỞI NGHIỆP KINH DOANH (ENTREPRENEURSHIP)		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: - Các khái niệm về khởi nghiệp kinh doanh - Cuộc cách mạng về khởi nghiệp kinh doanh - Các đặc tính của người khởi nghiệp kinh doanh	CLO1	Slide bài giảng
	B. Các nội dung cần đọc và tự học ở nhà: Giáo trình chính (1) – Chương 1 & Chương 2 Giáo trình tham khảo (6)		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thi cuối kỳ (Rubric 3)		
Bài 2: KHỞI SỰ TRONG DOANH NGHIỆP (INTRAPRENEURSHIP)			
1.2(2,5 tiết)	E-LEARNING		
	A. Nội dung E-Learning: - Khái niệm & bản chất của khởi sự trong doanh nghiệp - Những trở ngại của khởi sự trong doanh nghiệp - Các hoạt động đổi mới sáng tạo - Vai trò và quy trình đổi mới sáng tạo	CLO3	Slide bài giảng Video bài giảng
	B. Các nội dung khác cần tự học ở nhà: Slide bài giảng Giáo trình chính (1) – Chương 8 Giáo trình tham khảo (6)		
C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp/ trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Thi cuối kỳ (Rubric 3)			
Bài 3: MÔ HÌNH KINH DOANH (BUSINESS MODEL CANVAS)			

2.1(2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình kinh doanh - Đánh giá mô hình kinh doanh - Khung mô hình kinh doanh - Thiết kế giải pháp giá trị 	CLO3, CLO4, CLO5, CLO8	Slide bài giảng Video clip
B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (2) p1-p57 Giáo trình tham khảo (5)			
C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần - Bài tập Nhóm (Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 3); 			
2.2(2,5 tiết)	Bài 4: KHỞI NGHIỆP TINH GỌN (LEAN START-UP)		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm & nền tảng khởi nghiệp tinh gọn - Nguyên lý của khởi nghiệp Tinh gọn - Sản phẩm khả thi tối thiểu (MVP) 	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	Slide bài giảng Video clip
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (3)		
C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trên lớp Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần - Bài tập Nhóm (Rubric 2); - Thi Cuối kỳ (Rubric 3); 			
3.1(2,5 tiết)	Bài 5: KHÁM PHÁ KHÁCH HÀNG – GD 1 (Customer discovery - Phase one)		
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Khám phá Khách hàng (GD 1) <ul style="list-style-type: none"> - Các giả thuyết về mô hình kinh doanh 	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	Slide bài giảng
B. Các nội dung cần tự học ở nhà:			

	Giáo trình chính (4) – Chương 3		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến - Chuyên cần - Bài tập Nhóm (Rubric 2);		
3.2 (2,5 tiết)	Trình bày Dự án Nhóm (Phần 1) Bài tập Nhóm (Rubric 2);	CLO3, CLO5, CLO8	Thuyết trình nhóm
4.1 (2,5 tiết)	Trình bày Dự án Nhóm (Phần 1) Bài tập Nhóm (Rubric 2);	CLO3, CLO5, CLO8	Thuyết trình nhóm
	Bài 6: KHÁM PHÁ KHÁCH HÀNG _ GD 2-3-4		
4.2 (2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Khám phá khách hàng – Giai đoạn 2 - Kiểm tra vấn đề Khám phá khách hàng – Giai đoạn 3 - Kiểm tra giải pháp sản phẩm Khám phá khách hàng – Giai đoạn 4 - Xác minh mô hình kinh doanh	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	Slide bài giảng
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (4) – Chương 4,5,6		
	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 4);		
5.1 (2,5 tiết)	Bài 7: XÁC NHẬN KHÁCH HÀNG (Customer Validation)		
	E-LEARNING		
	A. Nội dung E-Learning: Xác nhận khách hàng (Customer Validation)		Slide bài giảng

	<p>B. Các nội dung khác cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (4) – Chương 7</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7</p>	<p>Video bài giảng</p>
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần - Bài tập Nhóm (Rubric 2); - Thi cuối kỳ (Rubric 3);</p>		
<p>5.2 (2,5 tiết)</p>	<p>Bài 8: KẾ HOẠCH KINH DOANH (BUSINESS PLAN)</p>		
	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Kế hoạch kinh doanh</p>	<p>CLO5, CLO6, CLO8</p>	<p>Slide bài giảng</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (1) – Chương 16</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần - Bài tập Nhóm (Rubric 2);</p>		
<p>6.1 (2,5 tiết)</p>	<p>Bài 9: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CHO KẾ HOẠCH KINH DOANH START-UP E-LEARNING</p>		
	<p>A. Nội dung E-Learning: Chi phí thành lập (Establishment costs) Báo cáo dự toán: kết quả kinh doanh, cân đối kế toán, lưu chuyển tiền tệ Điểm hòa vốn (break-even point) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản</p>	<p>CLO5, CLO6, CLO8</p>	<p>Slide bài giảng Video bài giảng</p>
<p>B. Các nội dung khác cần tự học ở nhà: Giáo trình chính (1) – Chương 15 Giáo trình chính (4) Giáo trình tham khảo (6)</p>			

	C. Đánh giá kết quả học tập Hình thức học: Trực tiếp / Trực tuyến Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần/ Bài tập hàng tuần trên lớp (Rubric 1); - Bài tập Nhóm (Rubric 2);		
6.2 (2,5 tiết)	Trình bày dự án nhóm	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	Thuyết trình nhóm
7(5 tiết)	Trình bày dự án nhóm	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8, CLO9	Thuyết trình nhóm
8 (5 tiết)	Tổng kết học phần: Ôn tập, giải đáp thắc mắc		Nộp báo cáo nhóm
9(5 tiết)	Thi cuối kỳ		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 16 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tường Dũng**P.TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)


Cao Văn On**GIẢNG VIÊN**

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đăng Quang

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51067- Quản trị Dự án]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Lê Ngọc Thảo Nguyên
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp một cái nhìn tổng quan về quản lý dự án và các công cụ cần thiết để triển khai các dự án thành công đúng thời hạn và ngân sách. Các nguyên tắc cơ bản và các nội dung chính của quản lý dự án sẽ được trình bày bao gồm: quản lý phạm vi, tiến độ, các nguồn tài nguyên, chi phí, mua sắm, các bên liên quan, và rủi ro của các dự án; các yếu tố thành công và thông tin liên lạc trong dự án.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị dự án, lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, quản lý chi phí dự án.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm các bài tập tình huống, sử dụng các công cụ, phân tích và đánh giá dự án để quản lý dự án một cách hiệu quả nhất trong môi trường cạnh tranh khốc liệt và nguồn lực có hạn.

Về thái độ:

- Rèn luyện cho sinh viên thái độ: Tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm dự án, quản trị dự án, mô hình tổ chức dự án	2
CELO2	Biết cách quản lý thời gian và tiến độ dự án, quản lý chi phí dự án	3
CELO3	Đánh giá được các tiêu chí thành công của dự án	6
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	2
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức tôn trọng, có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm dự án, quản trị dự án, mô hình tổ chức dự án	ELO3, 4
CELO2	Biết cách quản lý thời gian và tiến độ dự án, quản lý chi phí dự án	ELO3, 4
CELO3	Đánh giá được các tiêu chí thành công của dự án	ELO4, 8
Kỹ năng		

CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO5
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	ELO8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức tôn trọng, có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	H	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm.
- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân và làm bài tập tình huống

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng trên lớp.
- Nghiên cứu lý thuyết, làm bài tập trước các buổi giảng, trong buổi giảng và sau buổi giảng.
- Làm việc nhóm.
- Thuyết trình

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng quá 30% sẽ bị cấm thi.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Sinh viên không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng.
- Phải đi học đúng giờ theo quy định.
- Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng từ 6 – 8 sinh viên), cử 1 nhóm trưởng.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp như: Làm các bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH			ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân/nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO1		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X			- Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
CLO5		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.

CLO6	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1) - Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
-------------	---	---	---	---	---	--------------

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10	
2	Bài tập cá nhân/nhóm	20	
3	Thi giữa học kỳ	20	Thời gian 60 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
4	Thi cuối học kỳ	50	Thời gian 90 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện

Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.
----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------	--

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Từ Quang Phương (c.b), 2014, *Giáo trình quản lý dự án*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.32 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đinh Bá Hùng Anh (2019). *Quản trị dự án*. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	Chương 1: Tổng quan về Quản trị dự án	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1 Định nghĩa Quản trị dự án 1.2 Vai trò của nhà quản trị dự án	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	1.3 Các kỹ năng quản trị dự án 1.4 Mùoi lĩnh vực kiến thức của quản trị dự án 1.5 Các loại dự án B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan trong chương 1 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
1.2(2,5 tiết)	Chương 2: Các yếu tố thành công dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1 Các yếu tố cần được xem xét 2.2 Khảo sát về các yếu tố thành công dự án 2.3 Các xu hướng sự thực hiện dự án 2.4 Sự thực hiện dự án theo quy mô 2.5 Ví dụ về đánh giá sự thành công dự án B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan trong chương 2 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	CLO1,2,3,4,5,6
2.1(2,5 tiết)	Chương 3: Quản lý phạm vi dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1 Xác định các đơn vị công việc của dự án 3.2 Lập kế hoạch các gói công việc 3.3 Phát triển Cấu trúc phân chia công việc B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 3 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	CLO1,2,3,4,5,6
2.2(2,5 tiết)	Chương 4a: Quản lý tiến độ dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1 Xác định các hoạt động dự án 4.2 Hoạt động trên mũi tên 4.3 Hoạt động trên nút B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 4	CLO1,2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3	
3.1(2,5 tiết)	Chương 4b: Quản lý tiến độ dự án	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.4 Thiết lập chuỗi hoạt động dự án 4.5 Phương pháp PERT 4.6 Phương pháp CPM	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 4	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3	
3.2(2,5 tiết)	Chương 4c: Hướng dẫn sử dụng Microsoft Project	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: Hướng dẫn sử dụng Microsoft Project	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà:(6 giờ) Bài tập thực hành Microsoft Project	
4.1(2,5 tiết)	Chương 5: Quản lý các nguồn tài nguyên dự án	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1 Lập kế hoạch tài nguyên 5.2 Ma trận phân công trách nhiệm 5.3 Tổ chức dự án	
	B.Các nội dung tự học ở nhà: (9 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 5	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3	
4.2 (2,5 tiết)	Đánh giá giữa kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	
5.1(2,5 tiết)	Chương 6: Thông tin liên lạc trong dự án	CLO1,2,3,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1 Các quá trình quản lý thông tin liên lạc 6.2 Lập kế hoạch thông tin liên lạc 6.3 Phân phối thông tin	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	6.4 Các mô hình thông tin liên lạc 6.5 Các kênh thông tin liên lạc B.Các nội dung tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 6 C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric2, Rubric 4	
5.2 (2,5 tiết) 6.1 (2,5 tiết)	Chương 7: Quản lý chi phí dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7.1 Các nguyên tắc cơ bản về lập kế hoạch chi phí dự án 7.2 Lập kế hoạch chi phí 7.3 Dự trữ ngân sách B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 7 C.Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	CLO1,2,3,5,6
6.2 (2,5 tiết)	Chương 8: Quản lý rủi ro dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 tiết) 8.1 Định nghĩa về rủi ro 8.2 Xác định rủi ro 8.3 Đánh giá rủi ro 8.4 Giảm thiểu rủi ro 8.5 Giám sát rủi ro B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 8 C.Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	CLO1,2,3,5,6
7(5 tiết)	Chương 9: Quản lý các bên liên quan dự án A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 9.1 Xác định các bên liên quan 9.2 Phân loại các bên liên quan 9.3 Quản lý sự tham gia của các bên liên quan B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 9 C.Đánh giá kết quả học tập	CLO1,2,3,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	
8(5 tiết)	Chương 10a: Quản lý mua sắm dự án	CLO1,2,3,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 10.1 Định nghĩa về quản lý mua sắm 10.2 Tự sản xuất hay mua ngoài 10.3 Các quá trình quản lý mua sắm 10.4 Lập kế hoạch cho mua sắm 10.5 Thực hiện mua sắm	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 10a	
	C.Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	
9(5 tiết)	Chương 10b: Quản lý mua sắm dự án	CLO1,2,3,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 10.6 Quá trình đấu thầu 10.7 Lựa chọn nhà cung cấp 10.8 Đàm phán hợp đồng 10.9 Kiểm soát quá trình cung cấp 10.10 Kết thúc mua sắm	
	B.Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 giờ) Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi liên quan của chương 10b	
	C.Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	
	Đánh giá cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021

- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học** 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Ngọc Thảo Nguyễn

ĐCCT HP 48. QUẢN TRỊ MARKETING

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51041- QUẢN TRỊ MARKETING]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Marketing căn bản

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hồng Nhung
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần này trang bị kiến thức và nâng cao khả năng vận dụng lý thuyết quản trị Marketing vào thực tiễn, bao gồm các nội dung: Những vấn đề lý luận chung về quản trị Marketing; Các nội dung cơ bản về chiến lược Marketing và công tác hoạch định chiến lược, chiến thuật Marketing (4Ps); Các vấn đề liên quan đến tổ chức, thực hiện và kiểm tra hoạt động Marketing.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Phân tích được các yếu tố môi trường tác động lên hoạt động marketing của doanh nghiệp

Giải thích được các nội dung cơ bản về chiến lược Marketing và công tác hoạch định chiến lược, chiến thuật Marketing (4Ps); Các vấn đề liên quan đến tổ chức, thực hiện và kiểm tra hoạt động Marketing.

Lập được kế hoạch marketing, tổ chức thực hiện và kiểm tra kế hoạch đó.

Về kỹ năng:

Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản trị marketing

Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên thái độ: Tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích được quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng	4
CELO2	Sử dụng ma trận SWOT phân tích cơ hội marketing, từ đó đưa ra lựa chọn chiến lược marketing	3
CELO3	Phân tích được thị trường mục tiêu, Liệt kê được các chiến lược marketing	1, 2
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	2
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức tôn trọng, có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Phân tích được quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng	ELO3, 4
CELO2	Sử dụng ma trận SWOT phân tích cơ hội marketing, từ đó đưa ra lựa chọn chiến lược marketing	ELO3, 4
CELO3	Phân tích được thị trường mục tiêu, Liệt kê được các chiến lược marketing	ELO4, 8
Kỹ năng		

CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO5
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	ELO8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có ý thức tôn trọng, có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm, trung thực trong học tập và làm việc, ý thức được việc tự học và học tập suốt đời.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
N	N	H	H	H	N	N	H	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*supported*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm.
- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân và làm bài tập tình huống

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Nghe giảng trên lớp.
- Nghiên cứu lý thuyết, làm bài tập trước các buổi giảng, trong buổi giảng và sau buổi giảng.
- Làm việc nhóm.
- Thuyết trình

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng quá 30% sẽ bị cấm thi.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Sinh viên không sử dụng điện thoại trong lớp, không được nói chuyện và làm việc riêng.
- Phải đi học đúng giờ theo quy định.
- Lập các nhóm học tập (mỗi nhóm khoảng từ 6 – 8 sinh viên), cử 1 nhóm trưởng.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp như: Làm các bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH			ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân/nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO1		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X			- Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
CLO5		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.

CLO6	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1) - Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
-------------	---	---	---	---	---	--------------

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10	
2	Bài tập cá nhân/nhóm	20	
3	Thi giữa học kỳ	20	Thời gian 60 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
4	Thi cuối học kỳ	50	Thời gian 90 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Kotler Keller, 2020, *Quản trị Marketing*, NXB Hồng Đức.

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.33 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1 (5 tiết)	Chương 1: Bản chất marketing và quản trị marketing	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp:	

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>1.1. Bản chất marketing</p> <p>1.2. Các quan điểm marketing</p> <p>1.3. Quản trị marketing</p> <p>1.4. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>1. Ôn lại các vấn đề cơ bản trong marketing đã học ở môn marketing cơ bản</p> <p>2. Tìm hiểu về chuỗi cung ứng giá trị</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	
2(5 tiết)	<p>Chương 2: Phát triển các kế hoạch và chiến lược marketing.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>2.1. Bản chất của kế hoạch hoá và các cấp lập kế hoạch của doanh nghiệp</p> <p>2.2. Quá trình lập kế hoạch chiến lược</p> <p>2.3. Lập kế hoạch marketing</p> <p>2.4. Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>2.1 Tìm hiểu và lý giải về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch.</p> <p>2.2 Bản thân sinh viên đã từng lập kế hoạch cho bất kỳ một công việc gì hay chưa? So sánh hiệu quả giữa việc lập và không lập kế hoạch</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	CLO1,2,3,4,5,6
3(5 tiết)	<p>Chương 3: Phân tích cơ hội marketing.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>3. Quản trị hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing</p> <p>4. Phân tích môi trường marketing</p> <p>5. Các khách hàng của doanh nghiệp</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>3.1 Xem lại ma trận SWOT</p>	CLO1,2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	3.2 Tìm hiểu các tác động của môi trường marketing lên hoạt động marketing của một sản phẩm cụ thể C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
4(5 tiết)	Chương 4: Chiến lược marketing mục tiêu. A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Xác định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường sản phẩm. 4.2. Xác định đối tượng khách hàng. 4.3. Phân chia thị trường theo các tiêu thức phù hợp. 4.4. Đánh giá tiềm năng của các khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu. 4.5. Lựa chọn các phương thức marketing nhằm khai thác thị trường mục tiêu. 4.6. Hoạch định chiến lược marketing-mix. 4.7. Các chiến lược khác biệt hoá. 4.8. Định vị và chiến lược định vị. B.Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu về thị trường mục tiêu của một sản phẩm cụ thể C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3	CLO1,2,3,4,5,6
5(5 tiết)	Chương 5: Chiến lược marketing cạnh tranh. A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 5.1. Phân tích đối thủ cạnh tranh 5.2. Chiến lược marketing theo vị thế của doanh nghiệp B.Các nội dung cần tự học ở nhà: 5.1 Phân tích đối thủ cạnh tranh của một sản phẩm cụ thể C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3	CLO1,2,3,4,5,6
6(5 tiết)	Chương 6: Quản trị sản phẩm và thương hiệu. A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 6.1. Các vấn đề cơ bản trong quản trị sản phẩm 6.2. Quản trị thương hiệu 6.3. Kiểm tra sản phẩm	CLO1,2,3,4,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	<p>6.4. Tổ chức quản trị sản phẩm và thương hiệu</p> <p>6.5. Chiến lược sản phẩm mới và chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm.</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà</p> <p>6.6. Xây dựng ý tưởng phát triển sản phẩm mới</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3</p>	
7(5 tiết)	<p>Chương 7: Quản trị giá.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>7.1. Xác định giá bán sản phẩm</p> <p>7.2. Chiến lược giá và phân biệt giá</p> <p>7.3. Các quyết định về thay đổi hay điều chỉnh giá</p> <p>B.Các nội dung tự học ở nhà:</p> <p>7.4. Tìm hiểu chiến lược giá của một sản phẩm cụ thể</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric3</p>	CLO1,2,3,4,5,6
8(5 tiết)	<p>Chương 8: Quản trị kênh phân phối.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>8.1. Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối</p> <p>8.2. Cấu trúc, hoạt động và hình thức tổ chức kênh phân phối</p> <p>8.3. Tổ chức hay thiết kế kênh phân phối</p> <p>8.4. Quản lý kênh phân phối</p> <p>8.5. Quyết định phân phối hàng hoá vật chất</p> <p>B.Các nội dung tự học ở nhà:</p> <p>8.1. Tìm hiểu hệ thống phân phối thực tế của một sản phẩm/doanh nghiệp cụ thể</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric2, Rubric 4</p>	CLO1,2,3,5,6
9 (5 tiết)	<p>Chương 9: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp.</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>9.1. Quản trị truyền thông marketing tích hợp.</p> <p>9.2. Quản trị bán hàng.</p> <p>9.3. Marketing trực tiếp.</p> <p>9.4. Marketing trên mạng Internet</p> <p>B.Các nội dung cần tự học ở nhà:</p>	CLO1,2,3,5,6

Tuần	Nội dung	CDR của HP
	9.5. Xây dựng kế hoạch truyền thông cho một sản phẩm/DN C.Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric4	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51100- QUẢN LÝ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 36 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 9 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Quản trị Nguồn nhân lực

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hữu Thân
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị Nguồn nhân lực trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị Kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về quản lý hiệu quả và chế độ đãi ngộ.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Hiểu được khái niệm và các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến trả công lao động.

Về kỹ năng:

Vận dụng được các kỹ năng: lập bảng lương, tính toán được lương NET theo lương GROSS của nhân viên theo luật hiện hành.

Về thái độ:

Có thái độ tích cực, hợp tác và tôn trọng các quy tắc nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm và các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến trả công lao động.	2
CELO2	Nắm rõ mục tiêu của hệ thống trả công và các thành phần cơ bản của trả công lao động.	3
CELO3	Biết cách thiết lập hệ thống trả công theo những chiến lược khác nhau: công bằng nội bộ, cạnh tranh thị trường hoặc định hướng hiệu quả.	4
Kỹ năng		
CELO4	Thiết lập được một bảng lương cơ bản.	2
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng: lập bảng lương, tính toán được lương NET theo lương GROSS của nhân viên theo luật hiện hành.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có thái độ tích cực, hợp tác và tôn trọng các quy tắc nghề nghiệp.	3
CELO7	Trau dồi và rèn luyện bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược, thái độ cầu thị, tinh thần ham học hỏi...	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Hiểu được khái niệm và các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến trả công lao động.	ELO3
CELO2	Nắm rõ mục tiêu của hệ thống trả công và các thành phần cơ bản của trả công lao động.	ELO3, 4
CELO3	Biết cách thiết lập hệ thống trả công theo những chiến lược khác nhau: công bằng nội bộ, cạnh tranh thị trường hoặc định hướng hiệu quả.	ELO3, 4, 8
Kỹ năng		

CELO4	Thiết lập được một bảng lương cơ bản.	ELO3, 4
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng: lập bảng lương, tính toán được lương NET theo lương GROSS của nhân viên theo luật hiện hành.	ELO4, 8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Có thái độ tích cực, hợp tác và tôn trọng các quy tắc nghề nghiệp.	ELO5, 12
CELO7	Trau dồi và rèn luyện bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược, thái độ cầu thị, tinh thần ham học hỏi...	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	H	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Tổ chức hoạt động cho sinh viên tham gia tại lớp liên quan đến nội dung bài giảng (phương pháp đóng vai, phương pháp tình huống, phương pháp tư duy/ phản xạ, phương pháp đóng vai (Role play)...);
- Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình;

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập (tại lớp hoặc trực tuyến) bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận;
- Tham gia các hoạt động trên lớp theo sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia các hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học (Ít nhất 80% trên tổng số giờ quy định của môn học);
- Ôn tập các nội dung bài cũ trước khi tham gia buổi học tiếp theo;

- Tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học và hoạt động nhóm/ cá nhân;
- Tác phong đến lớp/ trường nghiêm chỉnh, phù hợp.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CDR của học phần

CELOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Làm việc cá nhân/nhóm (Thuyết trình, bài tập, thảo luận...) (30%)	Kiểm tra giữa kỳ (20%)	Đánh giá cuối kỳ (40%)		
CELO1		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CELO2		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.

CELO3		X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CELO4		X		X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CELO5		X		X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
CELO6	X	X	X	X	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.

CELO7	X	X			<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối mỗi chương; - Đánh giá giữa kỳ; - Đánh giá cuối kỳ.
-------	---	---	--	--	--	--

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số	Ghi chú
1	Chuyên cần	10 %	
2	Làm việc nhóm/ cá nhân	30 %	
3	Kiểm tra giữa học kỳ	20 %	
4	Thi cuối học kỳ	40 %	
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận

		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Bí Quyết Tuyển Dụng & Đãi Ngộ Người Tài; Brian Tracy; Nhà Xuất Bản Dân Trí; 2022

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.34 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Trần Kim Dung (2018). *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà Xuất Bản Tổng hợp.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

PHẦN 2: CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ			
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG			
1 (5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1 Định nghĩa 1.2 Các hình thức trả công 1.3 Mô hình trả công 1.4 Chiến lược trả công 1.5 Mục tiêu của hệ thống trả công 1.6 Các thuật ngữ chuyên ngành Nội dung thảo luận: Xác định chiến lược trả công của Doanh nghiệp.	CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7	- Slide bài giảng (1) - Giáo trình (2); (3)
2.2 (2,5 tiết)	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm hiểu cơ bản về bảng lương, thang lương, hệ số lương, bậc lương tại một doanh nghiệp.		
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).		
CHƯƠNG 2. CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI CHI PHỐI HỆ THỐNG TRẢ CÔNG			
2.2 (2,5 tiết)	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Tiền lương nhìn từ góc nhìn của chính phủ, doanh nghiệp và người lao động	CELO3, CELO4, CELO5,	- Slide bài giảng (1)
3 (5 tiết)			

	<p>2.2 Luật pháp về tiền lương</p> <p>2.3. Yếu tố thị trường</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Lập bảng lương.</p>	<p>CELO6,</p> <p>CELO7</p>	<p>- Giáo trình (2); (3)</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>1/ Đọc và phân tích các báo cáo lương thị trường hàng năm.</p> <p>2/ Tính BHXH, BHYT, Thuế TNCN...cho công dân Việt Nam và cho công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
<p>4.1 (2,5 tiết)</p>	<p>ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ</p> <p>Hình thức tổ chức: Thuyết trình/ Đóng vai/ Video clip/Báo cáo</p> <p>Phương pháp đánh giá: Rubric 3</p>	<p>CELO1,</p> <p>CELO2,</p> <p>CELO3,</p> <p>CELO4</p>	
	<p>CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRẢ CÔNG</p>		
<p>4.2 (2,5 tiết)</p> <p>5 (5 tiết)</p>	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>3.1 Xây dựng hệ thống trả công dựa vào định giá công việc trong nội bộ</p> <p>3.2 Xây dựng hệ thống trả công cạnh tranh với thị trường</p>	<p>CELO3,</p> <p>CELO4,</p> <p>CELO5,</p> <p>CELO6,</p> <p>CELO7</p>	<p>- Slide bài giảng (1)</p> <p>- Giáo trình (2); (3)</p>

	<p>3.3 Xây dựng hệ thống trả công ghi nhận được thành tích của nhân viên</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Ưu và nhược của từng loại hệ thống.</p>		
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Tìm hiểu về hệ thống trả lương 3P trong một doanh nghiệp.</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4). 		
	CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ HỆ THỐNG TRẢ CÔNG		
<p>6(5 tiết)</p> <p>7(5 tiết)</p> <p>8(5 tiết)</p>	<p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp:</p> <p>4.1 Cấu trúc chức năng trả công và chính sách trả công của doanh nghiệp</p> <p>4.2 Kiểm soát quỹ lương</p> <p>4.3 Quản lý mức lương, tăng lương</p> <p>4.4 Truyền thông nội bộ và giao tiếp với nhân viên về vấn đề đãi ngộ.</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Thông báo giảm lương trong thời kỳ Covid.</p>	<p>CELO3,</p> <p>CELO4,</p> <p>CELO5,</p> <p>CELO6,</p> <p>CELO7</p>	<p>- Slide bài giảng (1)</p> <p>- Giáo trình (2); (3)</p>
	<p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà:</p> <p>Tìm hiểu chính sách và quy chế tiền lương tại một doanh nghiệp.</p>		
	<p>C. Đánh giá kết quả học tập</p>		

	Phương pháp đánh giá: - Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập, thảo luận cá nhân/ nhóm...(Rubric 2); - Đánh giá giữa kỳ (Rubric 3); - Đánh giá cuối kỳ (Rubric 4).		
9(5 tiết)	ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ Hình thức tổ chức: Trắc nghiệm, đề đóng, 50 câu, 60 phút Phương pháp đánh giá: Rubric 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7.	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

ĐCCT HP 50. QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51101- QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 45 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn:
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Bắt buộc
	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 10

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD

- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Nguyễn Kiều Oanh

- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: TS. Nguyễn Hồng Nhung

- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Mục đích của quản trị chuỗi cung ứng là để quản lý các dòng nguyên vật liệu, thông tin, và tài chính trong một mạng lưới sản xuất-phân phối nhiều giai đoạn. Được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh toàn cầu và được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin tiên tiến, nhiều công ty đã triển khai các chiến lược để giảm chi phí và đồng thời tăng khả năng thích nghi đối với những sự thay đổi nhanh của thị trường. Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức và các công cụ cần thiết để phát triển, thực hiện, và duy trì các chiến lược để quản lý các vấn đề của chuỗi cung ứng. Các nội dung bao gồm các yếu tố thúc đẩy chuỗi cung ứng; sự thực hiện chuỗi cung ứng; thiết kế các mạng lưới phân phối, sự phối hợp, sự không chắc chắn, và các quyết định về nguồn cung ứng trong một chuỗi cung ứng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng như: các thành phần, cấu trúc, mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng

Về kỹ năng:

- Khả năng phân tích, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật trong quản trị chuỗi cung ứng cho từng tình huống cụ thể một cách hợp lý.
- Khả năng xây dựng và đánh giá chuỗi cung ứng một cách hiệu quả
- Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu liên quan đến môn học.

Về thái độ:

- Rèn luyện cho sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong học tập và công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng: các thành phần, cấu trúc, và mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng	2
CELO2	Khả năng phân tích và ứng dụng các phương pháp và các kỹ thuật trong quản trị chuỗi cung ứng	4
CELO3	Khả năng xây dựng và đánh giá chuỗi cung ứng một cách hiệu quả	5
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	3
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	4

Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Rèn luyện cho sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong học tập và công việc.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng: các thành phần, cấu trúc, và mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng	ELO3, 4
CELO2	Khả năng phân tích và ứng dụng các phương pháp và các kỹ thuật trong quản trị chuỗi cung ứng	ELO3, 4, 8
CELO3	Khả năng xây dựng và đánh giá chuỗi cung ứng một cách hiệu quả	ELO3, 4
Kỹ năng		
CELO4	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	ELO5
CELO5	Khả năng đọc hiểu và phân tích các tài liệu liên quan đến môn học	ELO8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Rèn luyện cho sinh viên hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, trách nhiệm trong học tập và công việc.	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	H	N	N	H	H	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Giảng bài theo hướng các chủ đề cấu thành nên môn học, giải thích các vấn đề lấy ví dụ từ thực tiễn.
- Hướng dẫn cách hiểu và giải thích các thuật ngữ chuyên ngành.
- Hướng dẫn sinh viên chọn và trình bày các chủ đề nghiên cứu được giao.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập bao gồm:

- Nghe giảng và thảo luận
- Tham gia các hoạt động làm bài tập
- Tìm kiếm và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung môn học.
- Thuyết trình

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Cần tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Nếu sinh viên vắng quá 30% số buổi sẽ bị cấm thi.
- Phải đi học đúng giờ theo quy định.
- Lập các nhóm học tập, mỗi nhóm khoảng 6-8 sinh viên, cử 1 nhóm trưởng
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp: làm bài tập, đọc trước tài liệu như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ				CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	ĐIỂM QUÁ TRÌNH			ĐIỂM CUỐI KỲ		
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân/nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (50%)		
CLO1		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO2		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO3		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3) - Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X			- Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương
CLO5		X	X	X	- Bài tập (Rubric 2) - Thi giữa kỳ (Rubric 3)	- Mỗi chương - Thi giữa kỳ

					- Thi cuối kỳ (Rubric 4)	- Thi cuối kỳ.
CLO6	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1) - Bài tập (Rubric 2)	- Mỗi chương

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

TT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Chuyên cần	10	
2	Bài tập cá nhân/nhóm	20	
3	Thi giữa học kỳ	20	Thời gian 60 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
4	Thi cuối học kỳ	50	Thời gian 90 phút/Không được sử dụng tài liệu/Trắc nghiệm và tự luận.
	Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Nguyễn Lý Quân Trị Chuỗi Cung Ứng; Michael. H. Hugos; Nhà Xuất Bản Thế Giới; 2017

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.35 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Đinh Bá Hùng Anh (2017). *Quản trị chuỗi cung ứng*. Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

11. Nội dung chi tiết của học phần
- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	CDR của HP
1.1 (2,5 tiết)	CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHUỖI CUNG ỨNG	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 1.1 Chuỗi cung ứng là gì? 1.2 Mục tiêu của chuỗi cung ứng 1.3 Tầm quan trọng của các quyết định về chuỗi cung ứng 1.4 Các giai đoạn quyết định trong chuỗi cung ứng 1.5 Quan điểm quá trình của chuỗi cung ứng 1.6 Các ví dụ minh họa	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 29): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
1.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 2: SỰ THỰC HIỆN CHUỖI CUNG ỨNG: ĐẠT ĐƯỢC SỰ PHÙ HỢP GIỮA CHIẾN LƯỢC VÀ PHẠM VI	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1 Các chiến lược cạnh tranh 2.2 Đạt được sự phù hợp chiến lược 2.3 Mở rộng phạm vi chiến lược 2.4 Các thách thức đối với việc đạt được và duy trì sự phù hợp chiến lược 2.5 Các ví dụ minh họa	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 48): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
2(5 tiết)	CHƯƠNG 3: CÁC SỐ LIỆU VÀ CÁC YẾU TỐ THỨC ĐẨY CHUỖI CUNG ỨNG	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1 Các phép đo tài chính của sự thực hiện 3.2 Các yếu tố thúc đẩy của sự thực hiện chuỗi cung ứng 3.3 Mô hình về các yếu tố thúc đẩy của sự thực hiện chuỗi cung ứng 3.4 Các ví dụ minh họa	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 72): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
3.1(2,5 tiết)	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ CÁC MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1 Vai trò của phân phối trong chuỗi cung ứng 4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế mạng lưới phân phối 4.3 Các lựa chọn thiết kế cho một mạng lưới phân phối	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 114): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3	
3.2(2,5 tiết)	CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ CÁC MẠNG LƯỚI CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1(2,5 tiết) 5.1 Tác động của toàn cầu hoá lên các mạng lưới trong chuỗi cung ứng 5.2 Quản lý rủi ro trong các chuỗi cung ứng toàn cầu 5.3 Đánh giá các quyết định thiết kế mạng lưới sử dụng cây quyết định	

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<p>5.4 Đánh giá các quyết định thiết kế chuỗi cung ứng dưới sự không chắc chắn</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 181): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3</p>	
4.2(2,5 tiết)	Đánh giá giữa kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	
5(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 6: SỰ PHỐI HỢP TRONG CHUỖI CUNG ỨNG</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 tiết) 6.1 Sự phối hợp chuỗi cung ứng và hiệu ứng Bullwhip 6.2 Ảnh hưởng của sự phối hợp lên sự thực hiện 6.3 Các rào cản đối với sự phối hợp 6.4 Vai trò của quản lý đối với sự phối hợp</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 279): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4</p>	CLO1,2,3,4,5,6
6(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 7: SỰ KHÔNG CHẮC CHẮN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG: HÀNG TỒN KHO AN TOÀN</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 7.1 Vai trò của hàng tồn kho an toàn 7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hàng tồn kho an toàn 7.3 Tác động của sự không chắc chắn cung cấp lên hàng tồn kho 7.4 Vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p>	CLO1,2,3,4,5,6

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	<p>Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 361): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4</p>	
7(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 8: VẬN CHUYỂN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 8.1 Vai trò của vận chuyển 8.2 Các phương thức vận chuyển 8.3 Các phương án thiết kế cho mạng lưới vận chuyển 8.4 Sự đánh đổi trong thiết kế vận chuyển 8.5 Vai trò của công nghệ thông tin trong vận chuyển 8.6 Các ví dụ minh họa</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 441): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.</p> <p>C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4</p>	CLO1,2,3,4,5,6
8(5 tiết)	<p>CHƯƠNG 9: CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ NGUỒN CUNG ỨNG TRONG CHUỖI CUNG ỨNG</p> <p>A. Nội dung giảng dạy trên lớp: 9.1 Vai trò của nguồn cung ứng 9.2 Tự sản xuất hay thuê ngoài? 9.3 Lựa chọn nhà cung cấp 9.4 Chia sẻ rủi ro và trao thưởng 9.5 Các ví dụ minh họa</p> <p>B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 477): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.</p>	CLO1,2,3,4,5,6

Buổi	Nội dung	CDR của HP
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
9(5 tiết)	CHƯƠNG 10: SỰ BỀN VỮNG CHUỖI CUNG ỨNG	CLO1,2,3,4,5,6
	A. Nội dung giảng dạy trên lớp: (3 tiết) 10.1 Định nghĩa sự bền vững 10.2 Vai trò của sự bền vững trong chuỗi cung ứng 10.3 Các khía cạnh chính của sự bền vững 10.4 Chuỗi cung ứng khép kín	
	B. Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 giờ) Đọc và làm bài tập theo giáo trình chính (trang 520): Chopra, S., Meindl, P., & Kalra, D. V. (2016). Supply chain management: strategy, planning, and operation. Boston, MA: Pearson.	
	C. Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Rubric 1, Rubric 2, Rubric 4	
	Đánh giá cuối kỳ (trắc nghiệm và tự luận)	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học 2021-2022**
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Kiều Oanh

ĐCCT HP 51. THỰC TẬP CUỐI KHÓA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [91005- Thực tập Cuối khóa]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp:
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 135 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 7

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Đăng Quang
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Báo cáo thực tập là học phần mà qua đó, sinh viên sẽ thu thập thông tin và phân tích đề tài đã chọn trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Đây là cơ hội để sinh viên cọ xát với thực tế, vận dụng các kỹ năng cũng như kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết các vấn đề trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên sẽ có cơ hội so sánh kiến thức lý thuyết và

thực tiễn, qua đó, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn trong một lĩnh vực quản trị hoặc kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Học phần này giúp sinh viên:

- Áp dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế của các công ty trong lĩnh vực kinh doanh; Sinh viên làm quen với môi trường làm việc và tác phong công nghiệp trong công việc.
- Học hỏi phong cách làm việc cũng như các mối quan hệ trong công tác tại cơ quan, doanh nghiệp;

Về kỹ năng:

- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào một nội dung chuyên sâu đến công việc cụ thể tại đơn vị thực tập và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học bằng một báo cáo thực tập.
- Trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết (kỹ năng giao tiếp, ứng xử ...) cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường.

Về thái độ:

- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, sáng tạo trong công việc, rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh, đặc điểm ngành nghề kinh doanh)	5
CELO2	Đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	6
CELO3	Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay theo các chức năng: tài chính, sản xuất, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp	6
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được các kỹ năng ra quyết định lựa chọn các nguồn lực phục vụ cho doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh)	2

CELO5	Đọc và giải thích các chức năng vận hành trong tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	3
CELO6	Thực hiện giám sát và điều chỉnh các kế hoạch kinh doanh của DN hiện nay	3
CELO7	Thực hiện đầy đủ các kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp và đánh giá thông tin, kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình cộng tác nhóm để tìm hiểu và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng: tài chính, sản xuất, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu, hành vi cụ thể trong tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	3
CELO9	Biết vận dụng các kiến thức đã học để tự khám phá các vấn đề mới phát sinh tại DN, thể hiện tinh thần học tập suốt đời nhằm thích ứng tốt với môi trường và linh động với hoàn cảnh từng DN.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh, đặc điểm ngành nghề kinh doanh)	ELO 3, 4
CELO2	Đánh giá cơ cấu tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	ELO 3, 4
CELO3	Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay theo các chức năng: tài chính, sản xuất, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp	ELO 2, 3, 4
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được các kỹ năng ra quyết định lựa chọn các nguồn lực phục vụ cho doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh)	ELO 3, 4, 8
CELO5	Đọc và giải thích các chức năng vận hành trong tổ chức và đặc điểm công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	ELO 3, 4, 8
CELO6	Thực hiện giám sát và điều chỉnh các kế hoạch kinh doanh của DN hiện nay	ELO 4, 8
CELO7	Thực hiện đầy đủ các kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp và đánh giá thông tin, kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình cộng tác nhóm để tìm hiểu và đánh giá các hoạt động quản trị của doanh nghiệp theo các chức năng: tài chính, sản xuất, chất lượng, marketing, nhân lực và chiến lược của doanh nghiệp	ELO 8,9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO8	Có ý thức trong việc xây dựng các mục tiêu, hành vi cụ thể trong tổ chức để hài hoà các bên liên quan.	ELO 11
CELO9	Biết vận dụng các kiến thức đã học để tự khám phá các vấn đề mới phát sinh tại DN, thể hiện tinh thần học tập suốt đời	ELO 11,12

	nhằm thích ứng tốt với môi trường và linh động với hoàn cảnh từng DN.	
--	---	--

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	H	H	H	N	N	N	H	H	N	H	H

- N: Không đóng góp (*none supported*)
- S: Có đóng góp (*suppoorted*)
- H: Đóng góp quan trọng (*highly supported*)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Giảng viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, định hướng theo dõi, đánh giá và phản hồi cho sinh viên theo đúng quy định của mục 8.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Lắng nghe hướng dẫn từ giảng viên, từ các nhân viên trong doanh nghiệp
- Quan sát cách thức thực hiện công việc của các nhân viên trong công ty
- Thực hành các nghiệp vụ đã quan sát được
- Thực hành nghiên cứu chuyên đề

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

A. Trước khi đi thực tập

1. Tham gia các buổi sinh hoạt do Khoa tổ chức để nắm rõ quy định của Khoa về việc thực tập
2. Thực hiện các thủ tục cần thiết trước khi đi thực tập bao gồm:
 - Giấy giới thiệu đi thực tập
 - Phiếu tiếp nhận thực tập (Trình đơn vị thực tập xác nhận và gửi về Trung tâm phát triển năng lực sau tuần thực tập đầu tiên)
 - Bảng nhận xét đánh giá thực tập (Trình cho đơn vị thực tập sau khi kết thúc đợt thực tập)
3. Chủ động liên hệ và tìm công ty cho đợt thực tập
4. Báo cáo về Khoa tình hình ứng tuyển thực tập

B. Trong quá trình thực tập

4. Thực hiện đúng yêu cầu và nội quy thực tập của Khoa và Công ty.
5. Đảm bảo công việc thực tập mà SV và công ty đã thỏa thuận.
6. Trong quá trình thực tập cần định kỳ hàng tuần cập nhật nội dung làm việc, học tập tại đơn vị từ người hướng dẫn vào nhật ký thực tập

CLO 7	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 8	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 9	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
CLO 10	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

STT	Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Giới thiệu đơn vị và công việc được phân công	5%	
2	Lý do chọn đề tài	5%	
3	Phương pháp thu thập dữ liệu	10%	
4	Cơ sở lý thuyết đã học áp dụng vào đề tài	15%	
5	Thực trạng của vấn đề tại công ty	30%	
6	Giải pháp, Kiến nghị	20%	
7	Kết luận	5%	
8	Tài liệu tham khảo	5%	
9	Hình thức trình bày	5%	
Tổng cộng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Kiến thức các môn đại cương và chuyên ngành đã học ở trường và trải nghiệm thực tế ở công ty.
- Tài liệu lưu hành nội bộ của Khoa QTKD: “Hướng dẫn báo cáo thực tập/ Giảng viên Khoa QTKD”.

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.36 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Website của công ty thực tập;

Website của tổng cục thống kê.

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Thời gian	Nội dung công việc của Giảng viên phụ trách	Nội dung công việc của Sinh viên
Chuẩn bị	- Khảo sát tại đơn vị thực tập - Liên hệ với giảng viên hướng dẫn để sơ bộ xác định đề tài báo cáo.	Trao đổi và hướng dẫn cách thức thực hiện.
Tuần thứ 1	- Thực tập tại đơn vị thực tập - Khẳng định chủ đề nghiên cứu - Nộp đề cương cho giảng viên	- Sửa đề cương; - Trả đề cương đã có ý kiến của giảng viên.
Tuần thứ 2	- Thực tập tại đơn vị thực tập - Nghiên cứu tài liệu, trao đổi với giảng viên về tình hình thực tế của đề tài	Trao đổi về tình hình thực tế của đề tài.
Tuần thứ 3,4,5,6	- Thực tập tại đơn vị thực tập	Theo dõi, hướng dẫn cách thức thực hiện
Tuần thứ 7,8	- Thực tập tại đơn vị thực tập - Nộp bản thảo phân tích thực trạng của vấn đề nghiên cứu;	Cho ý kiến về nội dung thực trạng của chủ đề tại đơn vị thực tập
Tuần thứ 9	- Thực tập tại đơn vị thực tập - Nộp bản thảo cho giảng viên - Lấy ý kiến đơn vị thực tập về báo cáo, tổng hợp góp ý của đơn vị thực tập và sửa lại báo cáo	Đọc và cho ý kiến về toàn bộ bản thảo báo cáo của sinh viên; trả bản thảo cho SV
Tuần thứ 10	- Hoàn thiện báo cáo thực tập	Ký tên và ghi chú nhận xét của GVHD

Thời gian	Nội dung công việc của Giảng viên phụ trách	Nội dung công việc của Sinh viên
	- Nộp báo cáo thực tập cho Khoa	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Cập nhật hình thức ĐCCT, cập nhật mapping chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 52. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [91010- KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP]

1. Thông tin về học phần

27.13. Số tín chỉ: 6 (1 lý thuyết + 5 thực hành)

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 15 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 150 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 105 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Học phần học trước: Hoàn thành các học phần trong chương trình

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 11

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: TS. Nguyễn Tường Dũng
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Cao Văn On
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Khóa luận tốt nghiệp là học phần tự chọn/ thay thế tốt nghiệp, qua đó, sinh viên thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển các kỹ năng và tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu

trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những vấn đề về ứng dụng những lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực quản trị.

3. Mục tiêu học phần

- **Mục tiêu chung:** Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lựa chọn các vấn đề lý thuyết cũng như thực tế về một lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu; nêu được cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu; phân tích hiện trạng của vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp một cách cụ thể và đưa ra một số khuyến nghị/ giải pháp cụ thể để giải quyết những tồn tại của hiện trạng nghiên cứu.

- **Mục tiêu cụ thể:** Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về
 - o Tự lựa chọn các vấn đề lý thuyết cũng như thực tế về một lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu;
 - o Nêu được cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu;
 - o Phân tích hiện trạng của vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp một cách cụ thể và
 - o Đưa ra các đề xuất/ kiến nghị cụ thể để giải quyết những tồn tại của hiện trạng mà đề tài nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được những kiến thức căn bản về quản trị và lĩnh vực quản trị kinh doanh.	2
CELO2	Phân tích các vấn đề lý thuyết, so sánh với thực tế.	4
CELO3	Áp dụng các kiến thức của lĩnh vực đã học để có thể mở rộng kiến thức thêm về mặt lý luận của chủ đề nghiên cứu.	3
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được các kỹ năng: kỹ năng xác định đề tài, kỹ năng phân tích, kỹ năng lựa chọn hình thức và phương pháp nghiên cứu, kỹ năng triển khai và đánh giá và nhận xét, kỹ năng đề xuất kiến nghị cho tổ chức/ doanh nghiệp, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng ngoại ngữ.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có thái độ tích cực trong việc thực hiện đề tài trong tổ chức/ doanh nghiệp.	3
CELO6	Trao đổi và rèn luyện bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược, tinh thần ham học hỏi... trong hoạt động nghiên cứu.	4

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích được những kiến thức căn bản về quản trị và lĩnh vực quản trị kinh doanh.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4
CELO2	Phân tích các vấn đề lý thuyết, so sánh với thực tế.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4
CELO3	Áp dụng các kiến thức của lĩnh vực đã học để có thể mở rộng kiến thức thêm về mặt lý luận của chủ đề nghiên cứu.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng được các kỹ năng: kỹ năng xác định đề tài, kỹ năng phân tích, kỹ năng lựa chọn hình thức và phương pháp nghiên cứu, kỹ năng triển khai và đánh giá và nhận xét, kỹ năng đề xuất kiến nghị cho tổ chức/ doanh nghiệp, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng ngoại ngữ.	ELO6, 7, 8, 9
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO5	Có thái độ tích cực trong việc thực hiện đề tài trong tổ chức/ doanh nghiệp.	ELO11, ELO12
CELO6	Trao đổi và rèn luyện bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược, tinh thần ham học hỏi... trong hoạt động nghiên cứu.	ELO11, ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
H	H	H	H	N	S	H	H	H	N	H	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Quy định về trách nhiệm của Giảng viên hướng dẫn

- o Giảng viên hướng dẫn có thể là giảng viên cơ hữu hoặc thỉnh giảng đã hoặc đang tham gia giảng dạy tại Khoa, có kinh nghiệm hướng dẫn các khóa luận tốt nghiệp.
- o Mỗi khóa luận tốt nghiệp sẽ có 1 giảng viên hướng dẫn chính và người hướng dẫn doanh nghiệp (nếu có).
- o Giảng viên hướng dẫn giúp sinh viên lập kế hoạch và họp hướng dẫn định kỳ 1 tuần/lần. Số lần gặp tối thiểu là 10 lần. Mỗi buổi họp cần ghi lại Biên bản cuộc họp giảng viên hướng dẫn để lưu vào hồ sơ.

- Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, định hướng và động viên nhóm đạt được mục tiêu đặt ra.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Sinh viên tham gia nghe hướng dẫn, thảo luận, giải quyết các vấn đề trong các buổi họp với giảng viên hướng dẫn và người hướng dẫn tại doanh nghiệp (nếu có);
- Sinh viên tự đọc tài liệu, nghiên cứu và thực hiện khóa luận theo sự hướng dẫn;
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác và những trải nghiệm trong cuộc sống để đề xuất giải pháp cho vấn đề (giả định nào đó) đặt ra;

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Thường xuyên báo cáo tiến độ với giảng viên hướng dẫn, theo lịch báo cáo giảng viên đưa ra.
- Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, xử lý các công việc thực tế, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để tiến hành công tác một cách hợp lý, bảo đảm chất lượng và hiệu quả.
- Tích cực trao đổi với giảng viên trong các buổi gặp;
- Tích cực tham gia các hoạt động do giảng viên tổ chức;
- Tác phong nghiêm chỉnh, kỷ luật, có trách nhiệm trong công việc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ		CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Báo cáo với Hội đồng bảo vệ (80%)	Báo cáo với GV hướng dẫn (20%)		
CLO 1	X	X	- Thuyết trình trên hội đồng - Báo cáo khóa luận - Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	- Theo kế hoạch của Hội đồng
CLO 2	X	X	- Thuyết trình trên hội đồng - Báo cáo khóa luận	- Theo kế hoạch của Hội đồng

			- Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	
CLO 3	X	X	- Thuyết trình trên hội đồng - Báo cáo khóa luận - Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	- Theo kế hoạch của Hội đồng
CLO 4	X	X	- Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	- 4 tuần/ lần và cuối kỳ
CLO 5	X	X	- Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	- 4 tuần/ lần và cuối kỳ
CLO 6	X	X	- Đánh giá định kỳ và cuối kỳ	- 4 tuần/ lần và cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Thành phần	Trọng số (%)	Ghi chú
Báo cáo với Hội đồng bảo vệ	80%	
Báo cáo với GV Hướng dẫn	20%	
Tổng	100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

10.2 Tài liệu học tập

10.37 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Thời gian	Nội dung công việc
Tuần 1	Phân công GV hướng dẫn, chọn đề tài
Tuần 2	Đăng ký tên đề tài cho Khoa Lên kế hoạch thực hiện đề tài
Tuần 3	Triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch
Tuần 4	Triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch Báo cáo định kỳ 1
Tuần 5 – Tuần 7	Triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch
Tuần 8	Triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch Báo cáo định kỳ 2
Tuần 9 – Tuần 11	Triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch
Tuần 12	Nộp báo cáo khóa luận tốt nghiệp Báo cáo định kỳ 3
Tuần 14 - 15	Chấm khóa luận và Bảo vệ trước hội đồng

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 1 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Cập nhật hình thức ĐCCT, cập nhật mapping chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

ĐCCT HP 53. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51068- THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 15 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học

1.5. Học phần học trước: Marketing căn bản, Quản trị học

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ: 5 hoặc 6

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt
- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Cao Văn On
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Kiều Oanh
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về lĩnh vực kinh doanh và thực thi thương mại thông qua các phương tiện điện tử dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, thương mại điện tử (eCommerce). Thúc đẩy người học nắm bắt nền tảng kiến thức sâu sắc về thương mại điện tử để trở thành các nhà quản trị thành công trong tương lai và hiểu được Thương mại điện tử là gì, làm cách nào để có thể triển khai và quản lý, cũng như xác định các cơ hội, hạn chế và rủi ro chủ yếu khi vận hành thương mại điện tử. Ngoài những khái niệm cơ bản về Internet và thương mại điện tử, môn học còn cung cấp những kiến thức cơ bản về các mô hình kinh doanh trên mạng, cách thức thanh toán và bảo đảm an toàn trong giao dịch, các cơ sở pháp lý liên quan; đồng thời, môn học mang đến những trải nghiệm kết hợp kiến thức hàn lâm và kinh nghiệm thực tế giúp người học hiểu biết sâu về khách hàng trực tuyến và cách thức marketing trực tuyến hiệu quả đến khách hàng mục tiêu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về:
 - + Hình thức kinh doanh thương mại thông qua các thiết bị điện tử trong môi trường mạng Internet, cũng như định hướng phát triển của thương mại điện tử Việt Nam trong tương lai.
 - + Các mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến tại Việt Nam bao gồm B2C và B2B.
 - + Cấu trúc website thương mại điện tử, hosting, và cơ sở dữ liệu.
 - + Các hoạt động marketing trực tuyến (digital marketing).
 - + Các hình thức thanh toán trực tuyến và những vấn đề trong việc thanh toán trực tuyến

Về kỹ năng:

- Rèn luyện cho SV các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề sử dụng các công cụ thương mại điện tử trong marketing và ý thức được nhiệm vụ học tập và tự học suốt đời.

Về thái độ:

- Rèn luyện cho sinh viên hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn .

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		

CELO1	Giải thích các mô hình thương mại điện tử B2C, B2B phổ biến hiện nay, bao gồm: các loại mô hình kinh doanh và doanh thu; hành vi của khách hàng trực tuyến dưới tác động của yếu tố vĩ mô, và yếu tố nội tại.	2
CELO2	Phân tích cấu trúc, nội dung và phương thức vận hành của website thương mại điện tử cơ bản được sử dụng để kinh doanh trong môi trường Internet.	4
CELO3	Phân tích và đối sánh các ưu nhược điểm của các công cụ xúc tiến trong marketing kỹ thuật số tùy theo đối tượng mục tiêu, tiến tới xây dựng một bản kế hoạch marketing hoàn chỉnh.	4
CELO4	Phân tích và cung cấp giải pháp cho những rủi ro trong hoạt động thanh toán trực tuyến.	4
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả; tổ chức công việc tốt; vận dụng tốt khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và sáng tạo.	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thể hiện hiểu biết về pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh; có ý thức kỷ luật và nghiêm túc trong môi trường học tập và làm việc.	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Giải thích các mô hình thương mại điện tử B2C, B2B phổ biến hiện nay, bao gồm: các loại mô hình kinh doanh và doanh thu; hành vi của khách hàng trực tuyến dưới tác động của yếu tố vĩ mô, và yếu tố nội tại.	ELO3, 4
CELO2	Phân tích cấu trúc, nội dung và phương thức vận hành của website thương mại điện tử cơ bản được sử dụng để kinh doanh trong môi trường Internet.	ELO3, 4, 6
CELO3	Phân tích và đối sánh các ưu nhược điểm của các công cụ xúc tiến trong marketing kỹ thuật số tùy theo đối tượng mục tiêu, tiến tới xây dựng một bản kế hoạch marketing hoàn chỉnh.	ELO3, 4, 8
CELO4	Phân tích và cung cấp giải pháp cho những rủi ro trong hoạt động thanh toán trực tuyến.	ELO4, 6
Kỹ năng		
CELO5	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả; tổ chức công việc tốt; vận dụng tốt khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và sáng tạo.	ELO5, 8
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Thể hiện hiểu biết về pháp luật, các chuẩn mực về đạo đức kinh doanh; có ý thức kỷ luật và nghiêm túc trong môi trường học tập và làm việc.	ELO10, ELO11

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	H	N	H	N	H	N	S	S	N

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy:

- Thuyết giảng;
- Thảo luận theo nhóm;
- Hướng dẫn SV làm bài tập nhóm;
- E-learning/Trực tuyến thông qua các hệ thống online (nếu cần).

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập (tại lớp hoặc trực tuyến) gồm:

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

- Sinh viên phải tích cực trong học tập, đi học đầy đủ, đúng giờ.
- Chuẩn bị cho bài giảng: sinh viên phải đọc các tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp.
- SV làm các bài tập được giao.
- Tham dự thi giữa kỳ và cuối khoá là điều kiện bắt buộc.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Chuyên cần (10%)	Bài tập cá nhân (10%)	Bài tập nhóm (20%)	Thi giữa kỳ (20%)	Thi cuối kỳ (40%)		
CLO1	X	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3); - Kiểm tra giữa kỳ (Rubric 4); - Thi cuối kỳ (Rubric 5).	- Cuối mỗi chương; - Kiểm tra giữa kỳ; - Thi cuối kỳ.
CLO2	X	X	X	-	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3)	- Cuối mỗi chương; - Hình thức: Trực tuyến
CLO3	X	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3); - Kiểm tra giữa kỳ (Rubric 4); - Thi cuối kỳ (Rubric 5).	- Cuối mỗi chương; - Kiểm tra giữa kỳ; - Thi cuối kỳ.
CLO4	X	X	X	-	-	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3)	- Cuối mỗi chương; - Hình thức: Trực tuyến
CLO5	X	X	X	-	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3); - Thi cuối kỳ (Rubric 5).	- Cuối mỗi chương; - Thi cuối kỳ.
CLO6	X	X	X	X	X	- Chuyên cần (Rubric 1); - Bài tập cá nhân (Rubric 2) - Bài tập nhóm (Rubric 3); - Kiểm tra giữa kỳ (Rubric 4); - Thi cuối kỳ (Rubric 5).	- Cuối mỗi chương; - Kiểm tra giữa kỳ; - Thi cuối kỳ.

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Chuyên cần/ tham gia trên lớp (10%);	60%	

	Bài tập cá nhân (10%); Bài tập nhóm (20%); Kiểm tra giữa kỳ - Tiểu luận (20%).		
Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm - Tự luận	40%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>

Vấn đáp trên lớp	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn
------------------	---	---	--	--

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Trần Thị Thập, Nguyễn Trần Hưng. (2020). *Thương mại điện tử căn bản*. NXB Thông tin và Truyền thông

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.38 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Giáo trình Thương mại điện tử; Nguyễn Văn Hùng; nxb Tài chính, 2019

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần	TÀI LIỆU
1 (5 tiết)	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ		

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần	TÀI LIỆU
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.1 Nền kinh tế mới 1.2 Khái niệm chung về thương mại điện tử 1.3 Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống 1.4 Lợi ích và giới hạn của thương mại điện tử 1.5 Xu hướng phát triển thương mại điện tử 1.6 Các mô hình thương mại điện tử</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt thương mại điện tử và thương mại truyền thống - Phân tích lợi ích của thương mại điện tử trong việc vận hành chuỗi cung ứng. 	CLO 1 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 19 đến 48
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc Bài: Thương mại điện tử – chương 2</p>		
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 1: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm</p>		
2 (5 tiết) 3 (5 tiết)	Chương 2: MÔ HÌNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ B2C VÀ B2B		

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần	TÀI LIỆU
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1 Các yếu tố chính của một mô hình kinh doanh 2.2 Phân loại mô hình kinh doanh thương mại điện tử 2.2.1 Mô hình thương mại điện tử B2C 2.2.2 Mô hình thương mại điện tử B2B 2.2.3 Các mô hình khác 2.3 Internet và Web ảnh hưởng môi trường kinh doanh 2.3.1 Cấu trúc ngành 2.3.2 Kênh giá trị của ngành 2.3.3 Kênh giá trị của công ty 2.3.4 Chiến lược kinh doanh</p> <p>Nội dung thảo luận: - <i>Ứng dụng các mô hình TMĐT B2B và B2C trong điều kiện kinh tế hiện nay.</i></p>	CLO 1 CLO 2 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 89 đến 133
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 giờ) Đọc Bài: Thương mại điện tử – chương 3</p>		
	<p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 2: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp</p>		
	<p>Chương 3: CƠ SỞ MẠNG, WEBSITE VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU</p>		
4(5 tiết)	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.1 Các loại mạng 3.1.1 Mạng Lan 3.1.2 Mạng Wan 3.1.3 Khái niệm internet</p>	CLO 2 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 49 đến 87

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần	TÀI LIỆU
	<p>3.1.3 Khái niệm và ứng dụng Mạng nội bộ (intranet)</p> <p>3.1.4 Khái niệm và ứng dụng Mạng ngoại bộ (extranet)</p> <p>3.2 Đặc điểm của website</p> <p>3.3 Các ứng dụng được dùng trong thương mại điện tử</p> <p>3.4 Các điểm cần chú ý khi thiết kế website thương mại điện tử</p> <p>3.5 Bài tập thiết kế trang web thương mại điện tử miễn phí</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng của hệ thống mạng nội bộ và ngoại bộ trong việc vận hành và quản lý chuỗi cung ứng. - Cấu trúc trình bày chung của website thương mại điện tử. - Các điểm cần chú ý khi thiết kế website thương mại điện tử <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <p>Đọc Bài: Thương mại điện tử – chương 4</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 3:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp. 		
5.1 (2,5 tiết)	KIỂM TRA GIỮA KỲ		
5.2(2,5 tiết) 6(5 tiết)	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1 Tổng quan về marketing trực tuyến (e-marketing)</p> <p>4.2 Các hoạt động marketing trực tuyến</p>	CLO 3 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 169 đến 223

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần	TÀI LIỆU
	4.3 Dữ liệu marketing và dịch vụ khách hàng trực tuyến		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc Bài: Thương mại điện tử – chương 5		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 4: Phương pháp đánh giá: - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp		
7(5 tiết)	Chương 5: THANH TOÁN ĐIỆN TỬ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 5.1 Tổng quan về thanh toán trong thương mại điện tử 5.2 Thẻ thanh toán 5.3 Ví điện tử 5.4 Cổng thanh toán điện tử 5.5 Hóa đơn điện tử 5.6 Tiền điện tử	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 273 đến 301
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc Bài: Ôn tập các chương để thi cuối kỳ		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 5: Phương pháp đánh giá: - Làm bài tập tại lớp.		
8(5 tiết)	Chương 6: CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ AN TOÀN TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp Nội dung GD lý thuyết: 6.1 Khung pháp lý trong thương mại điện tử 6.2 Vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử 6.3 An toàn trong thương mại điện tử	CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Slide bài giảng Giáo trình (1) Từ trang 227 đến 271 và 303 đến 335

Buổi	Nội dung	KQHTMĐ của học phần	TÀI LIỆU
	6.4 Môi trường an toàn trong thương mại điện tử 6.5 Các đe dọa trong thương mại điện tử 6.6 Giải pháp bảo mật trong thương mại điện tử		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ) Đọc Bài: Ôn tập các chương để thi cuối kỳ		
	C/ Đánh giá kết quả học tập trong Chương 6: Phương pháp đánh giá: - Làm bài tập tại lớp.		
9(5 tiết)	ÔN TẬP.		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

ĐCCT HP 54. TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ SỰ KIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [51049- Tổ chức và quản trị sự kiện]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đồ án/hoạt động thực tiễn: 15 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết: Marketing căn bản

1.5. Học phần học trước: Không

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTVP
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Thị Thuý Hương
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Văn Nam
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên có góc nhìn tổng quan về việc tổ chức sự kiện thực tế của doanh nghiệp trong thị trường luôn thay đổi và biến động không ngừng. Thông qua môn học này sinh viên có thể lên kế hoạch tổng thể cho một sự kiện, biết cách điều hành và triển các các hạng

mục công việc của một sự kiện như: nhân sự, tài chính, truyền thông, khách hàng, logistics... Bên cạnh đó, sinh viên có thể học hỏi được những chiến thuật độc đáo cũng như những ý tưởng táo bạo để làm nên một sự kiện đặc sắc thông qua việc trải nghiệm thực tế với yêu cầu của môn học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về việc tổ chức và điều hành sự kiện
- Cách thức đề lên ý tưởng và chuẩn bị các hạng mục công viên liên quan đến nội dung, logistics, nhân sự, truyền thông...

Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.
- Phát triển kỹ năng chủ động, phân tích và giải quyết các vấn đề trong điều kiện thay đổi liên tục của thị trường, rèn luyện kỹ năng ra quyết định

Về thái độ:

- Rèn luyện cho sinh viên hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn .

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Sinh viên đánh giá được ý tưởng tổ chức sự kiện có thích hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và kế hoạch truyền thông chung của doanh nghiệp.	6
CELO2	Sinh viên giải thích được các yêu cầu và đặc điểm của từng khâu trong qui trình tổ chức sự kiện.	2
CELO3	Sinh viên vận dụng kiến thức vào xây dựng kế hoạch và triển khai thi công, sản xuất vật dụng cho sự kiện.	3
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng cơ bản để thực hiện và triển khai các hoạt động của doanh nghiệp	2
CELO5	Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề, thuyết trình.	4
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập	3

CELO7	Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có khả năng tự học hỏi và tự nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến việc tổ chức và quản trị sự kiện cho doanh nghiệp	4
-------	---	---

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Sinh viên đánh giá được ý tưởng tổ chức sự kiện có thích hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và kế hoạch truyền thông chung của doanh nghiệp.	ELO3, 4, 7
CELO2	Sinh viên giải thích được các yêu cầu và đặc điểm của từng khâu trong qui trình tổ chức sự kiện.	ELO4, 8
CELO3	Sinh viên vận dụng kiến thức vào xây dựng kế hoạch và triển khai thi công, sản xuất vật dụng cho sự kiện.	ELO7
Kỹ năng		
CELO4	Có kỹ năng cơ bản để thực hiện và triển khai các hoạt động của doanh nghiệp	ELO5, 8
CELO5	Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề, thuyết trình.	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập	ELO11
CELO7	Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có khả năng tự học hỏi và tự nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến việc tổ chức và quản trị sự kiện cho doanh nghiệp	ELO12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
N	N	H	S	H	N	H	S	N	N	S	S

- N: Không đóng góp (none supported)
- S: Có đóng góp (supported)
- H: Đóng góp quan trọng (highly supported)

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy (30% thời lượng sẽ học trực tuyến)

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm.
- Hướng dẫn sinh viên làm dự án, thuyết trình.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Tự đọc tài liệu liên quan theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia nghe giảng trên lớp, thảo luận nhóm.
- Tham gia thuyết trình và làm dự án

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Chuyên cần

- Sinh viên tham dự đầy đủ, đúng giờ các buổi học.
- Sinh viên học tập theo phương pháp chủ động. Ôn lại bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp. Giảng viên sẽ thường xuyên kiểm tra đột xuất việc chuẩn bị bài.
- Tích cực tham gia thảo luận tại lớp, mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng bài và đưa ra thắc mắc (nếu có) để giảng viên giải đáp.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Chuẩn bị các thiết bị để giảng dạy và học tập trước khi giảng viên đến lớp. Không làm việc riêng trong lớp (ăn uống, nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại, laptop...). Để điện thoại ở chế độ im lặng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

Làm việc nhóm

- Sinh viên tự thành lập các nhóm học tập (5-6 bạn hoặc 10-12 bạn tùy quy mô lớp học)
- Giảng viên sẽ thường xuyên đưa ra các vấn đề và các bài tập tình huống, vì vậy các sinh viên nên ngồi theo nhóm để dễ dàng trao đổi và thảo luận nhóm.
- Yêu cầu tất cả sinh viên phải có nhóm, không chấp nhận bất kỳ trường hợp nào làm việc độc lập đối với những bài tập yêu cầu phải làm nhóm.

Kiểm tra/Thi cử

- Sinh viên phải tham gia làm tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên
- Nộp bài tập theo đúng thời hạn giảng viên yêu cầu
- Tham gia báo cáo đề tài cuối khóa học là điều kiện tiên quyết.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	
------	----------------------	------------------	--

	Dự lớp	Phát biểu	Thảo luận nhóm	Thu yết trình nhóm	Dự án cuối kỳ		THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
CLO 1		x	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên - Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 2		x	x	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 3		x	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 4	x	x		x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 5			x	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 6	x	x	x	x	x	- Bài tập cuối chương	- Cuối mỗi chương

						- Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 7		X	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp, kiểm tra thường xuyên: 10% Thảo luận, thuyết trình nhóm: 30%	40%	
Thi kết thúc học phần	Thuyết trình dự án	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần

- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Hiện diện trên lớp	70	<i>Tham gia >80% buổi học</i>	<i>Tham gia 70 - 80% buổi học</i>	<i>Tham gia 40-70% buổi học</i>	<i>Tham gia <40% buổi học</i>
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>2</i>	<i>1,5</i>	<i>1</i>	<i>0đ</i>

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		<i>Từ 10-7</i>	<i>Từ 7-5</i>	<i>từ 5-4</i>	<i>Dưới 4</i>
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối liên quan	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy môn

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	<i>Từ 8-10</i>	<i>Từ 5-7</i>	<i>Dưới 4</i>
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

- Lập Kế Hoạch Tổ Chức Sự Kiện Chuyên Nghiệp; Andrea Driessen; NXB Dân Trí, 2019

10.2 Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.39 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

- Tổ chức sự kiện; Lưu Văn Nghiêm; Đại học Kinh tế quốc dân; 2009

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
1.1 (2,5 tiết)	Sinh hoạt lớp + Chương 1: Tổng quan về quản trị sự kiện	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Các khái niệm 1.2. Vai trò, mục tiêu của tổ chức sự kiện 1.3. Đặc điểm của ngành tổ chức sự kiện 1.4. Các nguyên tắc quản trị sự kiện Nội dung thảo luận: Các khái niệm căn bản	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) <ul style="list-style-type: none"> • Đề cương chi tiết môn học • Đọc thêm sách tham khảo 	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm	
1.2(2,5 tiết)	Chương 2: Quy trình tổ chức sự kiện chuyên nghiệp	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Nghiên cứu thị trường 2.2. Thiết kế sự kiện 2.3. Hoạch định và tổ chức sự kiện 2.4. Cách tối đa hóa ngân sách cho sự kiện 2.5. Cách đánh giá hiệu quả của sự kiện Nội dung thảo luận: Các tình huống cụ thể trong sách	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>Đọc thêm sách tham khảo</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp.</p>	
2.1(2,5 tiết)	<p>Chương 2: Quy trình tổ chức sự kiện chuyên nghiệp (tiếp theo)</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Nghiên cứu thị trường 2.2. Thiết kế sự kiện 2.3. Hoạch định và tổ chức sự kiện 2.4. Cách tối đa hóa ngân sách cho sự kiện 2.5. Cách đánh giá hiệu quả của sự kiện Nội dung thảo luận: Các tình huống cụ thể trong sách</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 7
2.2(2,5 tiết)	<p>Chương 3: Các khung chương trình, sự kiện độc đáo giúp tăng cường sự tương tác</p> <p>Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Cách xây dựng khung chương trình sự kiện hiệu quả</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>3.2. Các sáng kiến để tăng cường sự tương tác</p> <p>Nội dung thảo luận: Các tình huống cụ thể trong sách</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo</p> <hr/> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm</p>	CELO 6
3.1(2,5 tiết)	<p>Chương 4: Cách khiến người tham dự hòa mình vào sự kiện</p> <hr/> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Tại sao việc vận động là vô cùng quan trọng? 4.2. Thúc đẩy trí thông minh của khán giả 4.3. Lựa chọn đúng thực đơn cho sự kiện</p> <p>Nội dung thảo luận: Các tình huống trong sách</p> <hr/> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo</p> <hr/> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm</p>	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
3.2(2,5 tiết)	<p>Chương 5: Cách sử dụng thảo luận sân khấu, phiên hỏi đáp và người dẫn chương trình sự kiện</p>	CELO 1 CELO 2

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>6.1. Cách tạo ra những phiên hội thảo mạnh mẽ</p> <p>6.2. Cách cải thiện phần hỏi đáp</p> <p>6.3. Cách gia tăng tầm ảnh hưởng của người dẫn chương trình</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các tình huống trong sách</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ)</p> <p>Đề cương chi tiết môn học</p> <p>Đọc thêm sách tham khảo</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp 	<p>CELO 3</p> <p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p> <p>CELO 6</p>
4(5 tiết)	<p>Chương 6: Cách sản xuất và đạo diễn sân khấu cho sự kiện như một chuyên gia</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>6.1. Mặt lợi của việc không sử dụng slide</p> <p>6.2. Các mẹo để sản xuất sự kiện như một chuyên gia</p> <p>Nội dung thảo luận:</p> <p>Các tình huống trong sách</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 giờ)</p> <p>Đề cương chi tiết môn học</p> <p>Đọc thêm sách tham khảo</p> <p>C/ Đánh giá kết quả học tập:</p> <p>Phương pháp đánh giá:</p>	<p>CELO 1</p> <p>CELO 2</p> <p>CELO 4</p> <p>CELO 5</p>

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp 	
5(5 tiết)	Chương 7: Cách lên kế hoạch cho sự kiện với bất kỳ thời gian biểu nào	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Bốn máy hút thời gian thông thường 7.2. Cách theo dõi chi phí năng suất của sự kiện 7.3. Cách tạo kế hoạch sự kiện toàn diện Nội dung thảo luận: Các tình huống trong sách	CELO 1 CELO 2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo	CELO 4 CELO 5
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp 	
6(5 tiết)	Chương 8: Cách chấp nhận những rủi ro cần thiết	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết: 8.1. Giải thích lý do liều lĩnh 8.2. Cách tích hợp thành công rủi ro Nội dung thảo luận: Các tình huống trong sách.	CELO 1 CELO 2 CELO 4 CELO 5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 giờ) Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp	
7(5 tiết) 8(5 tiết)	Sinh viên hoàn thành proposal, thuyết trình và hoàn thiện các hạng mục tổ chức sự kiện A/ Các nội dung chính trên lớp: Các nhóm thuyết trình proposal B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Hoàn thiện các hạng mục tổ chức sự kiện C/ Đánh giá kết quả học: Phương pháp đánh giá: Thuyết trình tại lớp	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7
9(5 tiết)	Sinh viên tổ chức sự kiện cuối môn học A/ Các nội dung chính trên lớp: Tổ chức sự kiện B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Hoàn thiện và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên C/ Đánh giá kết quả học: Phương pháp đánh giá: Tổ chức sự kiện thực tế tại lớp.	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 **năm học 2021-2022**

- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Cao Văn On

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thuý Hương

ĐCCT HP 55. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ
THUẬT BÌNH DƯƠNG
KHOA QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Mã học phần - Tên HP [41019 - Thị trường chứng khoán]

1. Thông tin về học phần

1.1. Số tín chỉ: 3 TC lý thuyết

1.2. Giờ tín chỉ/tiết đối với các hoạt động học tập:

- Giờ học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ học thực hành, thảo luận.../thí nghiệm/đề án/hoạt động thực tiễn: 30 tiết
- Giờ tự học của sinh viên: 90 giờ

1.3. Học phần thuộc khối kiến thức:

<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở khối ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn

1.4. Học phần tiên quyết:

1.5. Học phần học trước: Quản trị tài chính

1.6. Học phần được giảng dạy ở học kỳ:

1.7. Ngôn ngữ và tài liệu giảng dạy:

- Ngôn ngữ: tiếng Anh Tiếng Việt

- Tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập học phần, Slide bài giảng và giáo trình chính bằng tiếng Việt.

1.8. Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn/Ngành: QTKD
- Khoa: Quản trị

1.9. Giảng viên phụ trách học phần

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Huỳnh Kim Trọng
- Giảng viên cùng tham gia giảng dạy: Ths. Trương Văn Cường
- Giảng viên thỉnh giảng:

2. Mô tả học phần

Học phần thị trường chứng khoán chứa đựng 2 nội dung lý luận về thị trường chứng khoán và các nội dung có liên quan tới kỹ thuật nghiệp vụ giao dịch trên thị trường.

Một số nội dung cụ thể là: những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như bản chất chức năng của TTCK, phân loại thị trường, các chủ thể tham gia; các loại chứng khoán trên TTCK với việc phát hành và bảo lãnh phát hành chúng; Sở giao dịch CK và kỹ thuật giao dịch tại sở giao dịch CK; những kiến thức cơ bản về kỹ thuật phân tích và giao dịch CK.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Hiểu những kiến thức nền tảng về thị trường chứng khoán như tổng quan về thị trường chứng khoán, hàng hóa giao dịch trên thị trường, và cơ chế hoạt động và giao dịch của sở giao dịch chứng khoán để giúp học viên hiểu rõ được các hoạt động trên thị trường.

Nắm được các phương pháp phân tích và các chỉ tiêu tài chính cơ bản được đề cập trong môn học để giúp học viên hiểu và thực hiện được các phân tích cơ bản trong nội dung phân tích chứng khoán.

Về kỹ năng:

Tiếp cận với những kiến thức chuyên sâu về hoạt động phân tích và đầu tư chứng khoán.

Nắm vững các kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán thế giới nói chung cũng sẽ được liên hệ trong bài giảng để giúp học viên có thể tiếp cận với hoạt động thực tế của thị trường.

Về thái độ:

Rèn luyện cho sinh viên hình thành được tinh thần trách nhiệm, sự kiên trì, sáng kiến và động lực thông qua việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của môn .

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực (thang đo Bloom)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động của thị trường chứng khoán- một bộ phận cấu thành rất quan trọng của thị trường tài chính nói chung	2
CELO2	Hiểu tổng quan về thị trường chứng khoán như: bản chất của TTCK, vai trò TTCK, phân loại TTCK, các chủ thể tham gia,... Việc phát hành chứng khoán, kỹ thuật giao dịch mua bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán tập trung (Sở GDCK) và thị trường OTC	2
CELO3	Nắm chắc các nguyên lý vận hành của thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó vận dụng vào hoạt động thực tiễn. Bản thân sau khi nghiên cứu và đã nắm chắc những quy định hiện hành trên TTCKVN có thể kết hợp tham gia giao dịch trên thị trường.	3

Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng linh hoạt vào quá trình tiếp thu những vấn đề mang tính chất kỹ thuật nghiệp vụ như quy trình tổ chức phát hành và bảo lãnh phát hành CK, kỹ thuật phân tích CK, giao dịch CK	3
CELO5	Có khả năng giao dịch mua bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán tập trung (Sở GDCK) và thị trường OTC, khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề về TTCK	4
CELO6	Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập	3

Ghi chú: (1) Nhớ; (2) Hiểu; (3) Vận dụng; (4) Phân tích; (5) Đánh giá; (6) Sáng tạo

5. Ma trận tương thích giữa CDR học phần (CELOs) với CDR Chương trình đào tạo (ELOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CELOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)
Kiến thức		
CELO1	Nắm vững những kiến thức lý luận và thực tiễn về hoạt động của thị trường chứng khoán- một bộ phận cấu thành rất quan trọng của thị trường tài chính nói chung	ELO3, 4
CELO2	Hiểu tổng quan về thị trường chứng khoán như: bản chất của TTCK, vai trò TTCK, phân loại TTCK, các chủ thể tham gia,...Việc phát hành chứng khoán, kỹ thuật giao dịch mua bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán tập trung (Sở GDCK) và thị trường OTC	ELO3, 4
CELO3	Nắm chắc các nguyên lý vận hành của thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó vận dụng vào hoạt động thực tiễn. Bản thân sau khi nghiên cứu và đã nắm chắc những quy định hiện hành trên TTCKVN có thể kết hợp tham gia giao dịch trên thị trường.	ELO3, 7, 9
Kỹ năng		
CELO4	Vận dụng linh hoạt vào quá trình tiếp thu những vấn đề mang tính chất kỹ thuật nghiệp vụ như quy trình tổ chức phát hành và bảo lãnh phát hành CK, kỹ thuật phân tích CK, giao dịch CK	ELO4, 8
CELO5	Có khả năng giao dịch mua bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán tập trung (Sở GDCK) và thị trường OTC, khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề về TTCK	ELO4
CELO6	Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ELO5
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO7	Giúp cho sinh viên có thái độ: trung thực, nghiêm túc thực hiện các quy định và thái độ tích cực trong học tập	ELO11, 12

6. Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)

Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO 10	ELO 11	ELO 12
N	N	H	S	H	N	H	S	N	N	S	S

N: Không đóng góp (none supported)

- *S: Có đóng góp (supported)*

- *H: Đóng góp quan trọng (highly supported)*

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

7.1 Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp sau được sử dụng trong quá trình giảng dạy (30% thời lượng sẽ học trực tuyến)

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn thảo luận theo nhóm.
- Hướng dẫn sinh viên làm dự án, thuyết trình.

7.2 Phương pháp học tập

Các phương pháp học tập gồm:

- Tự đọc tài liệu liên quan theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia nghe giảng trên lớp, thảo luận nhóm.
- Tham gia thuyết trình và làm dự án

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Chuyên cần

- Sinh viên tham dự đầy đủ, đúng giờ các buổi học.
- Sinh viên học tập theo phương pháp chủ động. Ôn lại bài cũ và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp. Giảng viên sẽ thường xuyên kiểm tra đột xuất việc chuẩn bị bài.
- Tích cực tham gia thảo luận tại lớp, mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng bài và đưa ra thắc mắc (nếu có) để giảng viên giải đáp.
- Sinh viên đi học phải ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. Chuẩn bị các thiết bị để giảng dạy và học tập trước khi giảng viên đến lớp. Không làm việc riêng trong lớp (ăn uống, nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại, laptop...). Để điện thoại ở chế độ im lặng. Nếu giảng viên nhắc nhở mà sinh viên vẫn tiếp tục vi phạm thì có thể bị mời ra khỏi lớp và thông báo để Khoa xử lý.

Làm việc nhóm

- Sinh viên tự thành lập các nhóm học tập (5-6 bạn hoặc 10-12 bạn tùy quy mô lớp học)

- Giảng viên sẽ thường xuyên đưa ra các vấn đề và các bài tập tình huống, vì vậy các sinh viên nên ngồi theo nhóm để dễ dàng trao đổi và thảo luận nhóm.
- Yêu cầu tất cả sinh viên phải có nhóm, không chấp nhận bất kỳ trường hợp nào làm việc độc lập đối với những bài tập yêu cầu phải làm nhóm.

Kiểm tra/Thi cử

- Sinh viên phải tham gia làm tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên
- Nộp bài tập theo đúng thời hạn giảng viên yêu cầu
- Tham gia báo cáo đề tài cuối khóa học là điều kiện tiên quyết.

9. Đánh giá và cho điểm

9.1. Thang điểm

Thang điểm 10 và quy đổi thành thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương

9.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số thành phần đánh giá

a) Ma trận phương pháp đánh giá để đạt CĐR của học phần

CLOs	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ					CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
	Dự lớp	Phát biểu	Thảo luận nhóm	Thuyết trình nhóm	Dự án cuối kỳ		
CLO 1		x	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên - Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 2		x	x	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 3		x	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần,

						Báo cáo dự án	- Cuối kỳ
CLO 4		x	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 5		X	x	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 6	x		x	x		- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ
CLO 7		X	X	x	x	- Bài tập cuối chương - Câu hỏi thảo luận thường xuyên Báo cáo dự án	- Cuối mỗi chương - Hàng tuần, - Cuối kỳ

b) Trọng số thành phần đánh giá của học phần

Điểm thành phần	Hình thức	Trọng số (%)	Ghi chú
Quá trình	Dự lớp, kiểm tra thường xuyên: 10%	40%	
	Thảo luận, thuyết trình nhóm: 30%		
Thi kết thúc học phần	Thuyết trình dự án	60%	
Tổng		100%	

9.3 Rubric đánh giá học phần
- Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Hiện diện trên lớp	70	Tham gia >80% buổi học	Tham gia 70 - 80% buổi học	Tham gia 40-70% buổi học	Tham gia <40% buổi học
Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

- Đánh giá bài tập

Trong quá trình học, sẽ có một số bài tập về nhà thực hiện, SV thực hiện bài tập và có kiểm tra ngẫu nhiên tại lớp), sẽ được cộng vào điểm giữa kỳ (tối đa là 2 đ cộng)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		2	1,5	1	0đ
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức chăm chút đẹp	Đủ số bài và đúng hạn.	Số bài nộp đủ nhưng nộp trễ	Không nộp đủ số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50-80% yêu cầu kiến thức	Đúng <50% nhưng có cố gắng thực hiện	Bài làm hoàn toàn sai yêu cầu kiến thức và nội dung không liên quan yêu cầu.

- Kiểm tra giữa kỳ (vấn đáp trên lớp)

Tiêu chí	Tỷ lệ (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Đạt yêu cầu	Dưới mức yêu cầu	Không chấp nhận
		Từ 10-7	Từ 7-5	từ 5-4	Dưới 4
Vấn đáp trên lớp		Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đó trong một số tình huống thực tế, giải thích được các mối	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, nhận diện được các vấn đề/ kiến thức trong một tình huống cho trước.	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học.	Không nhớ các kiến thức đã học. Không đủ kiến thức, cần trao đổi với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại

		liên quan			hay không, hay ngung tiến độ môn học, hủy môn
--	--	-----------	--	--	---

- Thi cuối kỳ dạng câu hỏi tự luận

Dạng câu hỏi	Rất tốt	Đạt yêu cầu	Không chấp nhận
	Từ 8-10	Từ 5-7	Dưới 4
Các câu hỏi tự luận	Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo	Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề; không có/ ít thể hiện sáng tạo	Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo

10. Giáo trình và tài liệu học tập

10.1 Giáo trình

Bùi Kim Yến (2008), Giáo trình Thị trường chứng khoán, NXB GTVT

10.2 Tài liệu học tập

Tài liệu học tập, slides bài giảng, bài đọc, bài tập (Tài liệu lưu hành nội bộ)

10.40 Giáo trình và tài liệu tham khảo khác

Thị trường chứng khoán, <https://vietstock.vn/chung-khoan.htm>, 2019

11. Nội dung chi tiết của học phần

- Đối với học phần thuần lý thuyết

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
1 (5 tiết)	CHƯƠNG 1: Tổng quan về TTCK	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	
	1.1. Bản chất và chức năng của TTCK. 1.2. Phân loại TTCK. 1.3. Các chủ thể tham gia TTCK.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	
	1.4. Vai trò của TTCK.	
	C/ Đánh giá kết quả học tập:	

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm	
2(5 tiết) 3(5 tiết)	CHƯƠNG 2: Chứng khoán và phát hành chứng khoán	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Khái quát chung về chứng khoán. 2.2. Phát hành chứng khoán. 2.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo	
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp.	
4(5 tiết) 5(5 tiết)	CHƯƠNG 3: Sở giao dịch chứng khoán và thị trường OTC	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tổng quan về sở giao dịch chứng khoán. 3.2. Nguyên tắc hoạt động của sở GDCK. 3.3. Niêm yết chứng khoán tại sở GDCK. 3.4. Những vấn đề chung về thị trường OTC.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đề cương chi tiết môn học Đọc thêm sách tham khảo	
C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm - Làm bài tập tại lớp		

Buổi	Nội dung	KQHTMD của học phần
	CHƯƠNG 4: Kỹ thuật giao dịch chứng khoán	
6(5 tiết)	Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Mô hình thị trường. 4.2. Lệnh giao dịch chứng khoán. 4.3. Các tiêu chuẩn xác định lệnh.	CELO 1 CELO 2 CELO 3
7(5 tiết)	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 4.4. Những quy định chung trong giao dịch chứng khoán tại sở GDCK	CELO 4 CELO 5
	C/ Đánh giá kết quả học tập: Phương pháp đánh giá: - Điểm danh - Thảo luận nhóm	CELO 6
8(5 tiết) 9(5 tiết)	Thực hành trên sàn chứng khoán ảo và ôn tập	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Lý thuyết, đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy tính cá nhân, micro, âm thanh, máy chiếu, bảng và bút viết bảng

13. Biên soạn và cập nhật đề cương chi tiết

- Đề cương được biên soạn vào năm học 2020-2021
- Đề cương được chỉnh sửa lần thứ 2 năm học 2021-2022
- Nội dung được chỉnh sửa, cập nhật, thay đổi ở lần gần nhất: Phương pháp, trọng số đánh giá, thời lượng giảng dạy (Online/ Offline), cập nhật theo form mẫu mới.

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tường Dũng

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thanh Vũ

GIẢNG VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Kim Trọng